

Ăn Quang Pháp Sư
Văn Sao Tinh Hoa Lục
Quyển 2

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục Quyển 2

Pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm giám định
Quy y đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm
kính cẩn biên tập

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật
Đường)

Giáo chánh: Minh Tiên, Huệ Trang, Đức Phong



NHÀ XUẤT BẢN HÒNG ĐỨC

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT

Theo như sử liệu mười ba vị Tổ sư Liên Tông Tịnh Độ, Tổ sư Ấn Quang là Tổ sư Tịnh Độ thứ mười ba. Tổ sư Ấn Quang, một đời tu pháp môn Tịnh Độ và hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ dành cho ba căn: thượng căn, trung căn và hạ căn.

Tổ sư Ấn Quang dạy rằng: *“Pháp môn quảng đại, phổ bị tam căn, nhân tu cứu giới đồng quy, thập phương cộng tán. Phật nguyện hồng thâm, bất di nhất vật, cố đắc thiên kinh tịnh xiển, vạn luận quân tuyên”*.

Nghĩa là: *“Pháp môn rộng lớn, độ khắp ba căn, do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi. Phật nguyện rộng sâu, chẳng sót một ai, nên được ngàn kinh đều xiển dương, muôn luận cùng tuyên nói”*. Do vậy, chúng sanh trong chín giới hễ lìa pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể phổ độ quần sanh.

Hơn nữa, Tổ sư Ấn Quang một đời tận lực đề sùng cội gốc để lập thân và giáo dục trong gia đình là *“dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đôn đốc luân thường, tin sâu nhân quả, luân hồi, báo ứng, dè dặt kiêng sợ nghiệp báo. Kiêng giết, ăn chay, phóng sanh, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc”*.

“Hễ nói được phải làm được, hễ làm không được bèn chẳng chịu nói. Dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi, dùng thân để dạy, người ta sẽ thuận theo. Như vậy trong hiện đời sẽ dự vào bậc Hiền Thánh, lúc lâm chung quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc. Như thế thì sẽ có thể gọi là bậc đại trượng phu, đệ tử thật sự của Đức Phật”.

Theo chúng tôi thiết nghĩ: Nếu hành giả tu pháp môn Tịnh Độ, cũng như những gia đình Phật tử muốn hiện đời này làm đệ tử chân thật của Phật, Bồ Tát và Thánh Hiền, sau khi bỏ báo thân này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, dự vào Liên Trì Hải Hội. Nếu quý vị lấy bộ sách Tinh Hoa Lục này làm tư lương hành trang để tấn tu đạo nghiệp thì không uổng phí đời người. Quý vị đọc qua cuốn sách này với tâm hời hợt giống như đọc tiểu thuyết thì không có hữu ích cho lắm. Bằng đọc với tâm chân thành, cung kính, xem đây là pháp bảo vô giá, đọc đi đọc lại nhiều lần và đọc sách này giống như người con hiếu thảo đọc “Di Chúc” trước linh cữu của Cha Mẹ mình mới mất thì lợi ích vô cùng. Nếu không đọc qua bộ sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục này thì thiệt là thiếu sót và hành giả tu pháp môn Tịnh Độ dễ bị lầm lạc.

Chúng tôi bằng tất cả tấm lòng cung kính, dâng lên cúng dường cuốn sách Pháp Bảo quý giá, một đời không thể thiếu đến với các vị Liên Hữu gần xa. Kính mong các vị dành chút thời gian quý báu đọc và suy

gẫm áp dụng lời của Tổ sư Ấn Quang, chắc chắn cuộc đời của quý vị sẽ có sự ngậm ngậm thay đổi, một đời thọ dụng không hết. Vì trong bộ sách này là Tổ sư Ấn Quang lấy những lời của Phật, Bồ Tát và các vị Tổ sư đi trước, áp dụng trong đời sống tu hành của mình, tự thân đã có sở chứng.

Tổ sư Ấn Quang dạy rằng: *“Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh và tâm này tạo được nghiệp thì tâm này chuyển được nghiệp, tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm. Đọc kỹ bộ sách Văn Sao thì tất cả những khúc mắc đều được tháo gỡ. Chỉ cần tu theo đúng những gì trong Văn Sao đã nói thì cũng là người trong Liên Trì Hải Hội”*.

Cuối cùng chúng tôi có những lời tâm huyết này là để người người, nhà nhà, đều đọc được lời của Tổ sư Ấn Quang, rồi áp dụng trong cuộc sống sẽ có lợi ích thật sự. Quý vị nên giới thiệu cho bạn bè gần xa. Đây là công đức pháp thí thật lớn lao. Cho người ta một số tiền chỉ giúp cho họ cơm no áo ấm một thời gian ngắn ngủi cũng tốt, nhưng không bằng giúp cho họ gặp được pháp bảo của Ấn Tổ thì cuộc đời của họ sẽ được an vui, hết khổ đau, biết lánh dữ làm lành, ăn chay, phát tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, không còn sanh tử luân hồi. Công đức này lớn lao vô cùng.

Trích lời của Tổ Ấn Quang Khuyên người đọc sách:

“Độc giả cần phải chú trọng cung kính, kiên thành, khiết tịnh, lắng lòng suy nghĩ lãnh hội thì vô biên lợi ích sẽ đích thân đạt được. Nếu như khinh nhờn, sẽ mắc tội chẳng cạn. Nếu chẳng muốn xem, xin hãy tặng cho người khác, đừng cất trên gác cao. Lại mong độc giả xem xong, sẽ lập đủ mọi cách để xoay vần lưu truyền, ngõ hầu hết thầy đồng bào trong hiện tại lẫn vị lai đều cùng thoát khỏi đường mê, đều cùng lên bờ giác”.

Nếu quý vị muốn thỉnh thêm sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục hoặc máy đọc Văn Sao MP3 để cúng dường cho quý thầy hoặc tặng cho bạn bè. Thì phía sau sách có số điện thoại, quý vị gọi đến, chúng tôi xin cúng dường miễn phí.

(Trân Trọng Cung Kính Pháp Bảo).

TỔ SƯẤN QUANG DẠY PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH

Pháp thể gian hay xuất thể gian đều lấy lòng Thành làm gốc. Hễ có lòng thành thì cảm được Thánh ứng; không có lòng Thành thì do không cảm, Thánh sẽ không ứng. Ví như Mặt trăng rạng rỡ giữa bầu trời, hiện bóng trong muôn sông. Nếu nước đục ngàu, xao động, bóng trăng khó thể hiện hiện được. Do nước gây nên như thế, đâu phải lỗi của trăng!

Vì thế nói: “*Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, ắt phải cầu từ nơi cung kính. Có một phần cung kính, tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ*”. Nếu không cung kính thì chỉ kết được cái duyên xa, khó được lợi ích thật sự. Nếu còn khinh nhờn sẽ mắc tội vô lượng.

TỔ SU ẨM QUANG DẠY

MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH

1) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết phải nên phát tâm cung kính như gặp được khách quý, như đối trước bậc hiền triết, ngỏ hầu luôn luôn ngộ nhập được dụng ý sâu xa của tác giả.

2) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên phát tâm chí thành, thốt lời khấn thiết, khen ngợi tác giả vận tâm cứu thế, vui mừng mình đã hữu duyên được đọc.

3) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết hãy nên rửa tay, súc miệng, đặt sách lên bàn sạch trong gian phòng sạch sẽ, rồi mới mở ra xem.

4) Lúc sắp mở sách ra đọc tụng, trước hết chỉnh đốn quần áo, ngồi ngay ngắn một lát, sám hối hết thảy những ác niệm, ác ngữ, ác hạnh như: ganh ghét, khinh mạn, kiêu cuồng v.v...

5) Lúc đọc, hễ ngộ nhập được một câu một chữ, đều nên khởi lòng hoan hỷ lớn lao và tùy thời ghi chép những điều tâm đắc, đừng bỏ mặc cho quên mất!

6) Lúc đọc, hãy nên nghĩ rộng rãi về ý nghĩa, thoát đầu dùng sách để nhiếp tâm, tiếp đó dùng tâm để chuyên

ngiệp, cuối cùng tiến tới tâm niệm không ngừng nghỉ thực hành, khuyến dạy rộng rãi để chuyển thế giới Ngũ Trược thành thế giới Cực Lạc.

7) Lúc tâm khởi vọng niệm, hãy nên cung kính đặt sách xuống, tạm ngừng đọc.

8) Đọc xong hoan hỷ, theo đúng pháp vâng làm, hãy nên thường khởi lòng hâm mộ tâm hoằng pháp, tận lực bắt chước làm theo.

9) Đọc hết bộ sách xong, hãy nên nghĩ kỹ rộng rãi xu hướng trong xã hội hiện tại để nhiếp hóa rộng lớn, ngõ hầu điều lành được lưu truyền.

10) Đọc hết bộ sách xong, thấy được những chỗ có thể tuyên thuyết phù hợp căn cơ, liền vì người không biết chữ mà phương tiện diễn nói rộng rãi để tạo lợi ích lớn.

KỆ TU TRÌ

Giữ vẹn luân thường

Trọn hết bổn phận

Ngăn dứt lòng tà

Giữ gìn lòng thành.

Đừng làm các ác

Vâng làm các thiện

Kiên giết cứu mạng

Ăn chay niệm Phật

Hồi hương vãng sanh

Thế giới Cực Lạc.

Dùng để tự hành

Lại còn dạy người

Ấy gọi Phật tử

Hành giả hãy nên

Làm như thế ấy

Công đức vô lượng.

“Niệm Phật mới hòng tiêu túc nghiệp,
Kiệt thành sẽ tự chuyển phàm tâm”.

“Đạo nghiệp chưa thành, há dám để tâm này tán loạn,

Kỳ chết sắp đến, tận lực tạ từ mọi thù tạc”.

“Hãy nên phát nguyện, nguyện vãng sanh
Núi khe nẻo khách, từ nay thôi quyến luyến.

Tự mình chẳng về, về liền được

Gió trăng quê cũ, toàn thể hãy tự vâng”.

“Đóng cửa chẳng tiếp ai, xót nghĩ thân này sắp chết,

Chuyên tâm tu tịnh nghiệp, thẹn thay đạo nghiệp chưa thành”.

NHỮNG CÂU ĐỐI DO ĐẠI SƯ VIẾT ĐỂ TỰ KHÍCH LỆ

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, tâm chẳng chuyên nhất, quyết đọa địa ngục, ngạ quỷ súc sanh còn khó mong cầu, chớ vọng tưởng quả phước trời người,

Ông sắp chết hãy mau niệm Phật, chí nếu chân thành, liền dự liên trì, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn chẳng muốn trụ, chắc chắn chứng viên thừa đẳng diệu

**KÊ VIẾT TRÊN VÁCH QUAN
PHÒNG CHÙA BÁO QUỐC
Ở TÔ CHÂU**

**Sống uổng bảy mươi năm,
Tháng ngày chẳng còn mấy,
Như tù dẫn ra chợ,
Mỗi ngày gần cái chết,
Tạ tuyệt hết thấy sự,
Để chuyên tu Tịnh Nghiệp,
Nếu hiểu lòng ngu thành,
Mới là chân Liên Hữu.**

Năm Dân Quốc thứ 24 (1935)

VI. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ

1. Giảng Rõ Lý Nhân Quả

* *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh”.*

Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch¹, thoát đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chắt chừa điều bất thiện tai ương có thừa). *“Tích thiện, tích bất thiện”* là nhân, *“dư khánh, dư ương”* là quả. Hơn nữa, đã có *“dư khánh, dư ương”* lẽ đâu chẳng có bồn khánh, bồn ương? Bồn khánh, bồn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, những quả báo ấy sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư?....

Kinh dạy: *“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả*

1. Châu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Châu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Châu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật nội dung sách ấy với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cực ở cuối thiên sách ấy đã giảng rõ nghĩa “nhân quả ba đời” cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tổng Nho cho rằng: “Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy”. Họ phán quyết: “Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?” Họ quyết đoán “chắc chắn không có nhân quả”, vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chẳng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để trừng phạt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn*

Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lãn Ngọn)

* Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rớt ráo vậy. Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xứng, đầy đều là hạng chuyên bàn suông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư?

Như Không Tử nói “*một Âm một Dương gọi là Đạo*” thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đấy chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục phiền não nên Tánh Đức chẳng thể hiển hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh thứ nhất trong câu “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ Minh Đức), tức là công phu “*triêu càn tịch dịch*², *gắng sức tu trì*”, tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là Dương. Dốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường

2. “*Triêu càn tịch dịch*” vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Châu Dịch: “*Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cửu*” (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối càn thận dè dặt, không có chút coi thường, chảnh mắng nào, nên không làm lỗi). Do vậy, “*triêu càn tịch dịch*” có thể hiểu là luôn cố gắng càn thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

được gọi là “*minh Minh Đức chỉ u chí thiện*” (làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tốt cùng).

Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến “*minh Minh Đức chỉ u chí thiện*”) là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau những điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến “*minh Minh Đức chỉ u chí thiện*”) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nhưng nếu chỉ dùng những công phu tu tập Thành và Minh hợp nhất “*minh Minh Đức, chỉ u chí thiện*” này để đạt tới “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới cần phải có những điều khiến cho chính ta chẳng thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý).

Thế nào là “những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?” Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu, quyết cũng chẳng chuộng hung, ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe “*chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa*”, người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo Thành - Minh

đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực³ nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đấy cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên*)

* **Kinh Hoa Nghiêm nói:** “*Hết thấy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Do vậy, biết trí huệ, đức tướng của chúng sanh và Phật giống nhau. Ấy chính là Tánh Đức! Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau. Đấy chính là Tu Đức vậy.

Tu Đức “có thuận, có nghịch”. Tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt để, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì! **Tu nghịch với tánh** thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng

3. “*Kế thiên lập cực*” là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là “kế thiên lập cực”. Hiểu theo nghĩa rộng, “*kế thiên lập cực*” là kế thừa đạo trời, dựa vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

mất gì. Hiểu rõ điều này thì kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yểu, kẻ chết yểu được sống thọ, phú quý, bản tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành không nơi nương tựa, không nơi nương tựa cũng có thể trở thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi, xếp đá thành bậc rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh.

Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý **“tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp”**; bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp! Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thân, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được!

Viên Liễu Phạm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thấy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn! Thế tục thường gọi “tiền nhân” là trời, **“thiên định thắng nhân” nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước!** Nhân định cũng có thể thắng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương cậy! Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước. Nếu mặc tình làm

cần thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần, bạt tụy; đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

* **Kinh dạy: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”.** Bồ Tát sợ gặp ác quả nên đoạn trừ sẵn ác nhân. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uống công nhọc nhằn rong ruổi!

Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả! Từ đó, lui hồi cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền “*báo thông ba đời, chuyển biến do tâm*”!

❖ “**Báo thông ba đời**” có nghĩa là:

+ Đời này làm thiện, làm ác; ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là **Hiện Báo**.

+ Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là **Sanh Báo**.

+ Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô

lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, đó gọi là **Hậu Báo**. Hậu Báo sớm - trễ không nhất định. Hễ gây nghiệp quyết định không thể chẳng thọ báo.

❖ **“Chuyển biến do tâm”** là ví như có người tạo ác nghiệp, sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hổ thẹn lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh, niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bần cùng đói chút, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Kinh Kim Cang dạy: *“Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”*. Đây chính là ý nghĩa **“chuyển biến do tâm”** vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Vê Cẩm Châu*)

* **“Niệm Phật diệt được túc nghiệp”**, nhưng cần phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng kính sợ lớn lao, chuyển cái tâm **“tôn người lợi mình”** của chúng

sanh thành “hành hạnh Bồ Tát lợi khắp các chúng sanh” thì dù là túc nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ Đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh.

Chẳng phải là niệm Phật uổng công, mà là vì chưa phát Bồ Đề tâm, nhưng ác nghiệp lại đặc biệt rộng lớn nên công đức niệm Phật chẳng thể che lấp ác nghiệp được! Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm thì sẽ như mặt trời rực rỡ giữa hư không, sương móc tan ngay lập tức.

Người đời phần nhiều nửa đời làm ác, rồi sau này mới cải hối. Do chưa thể hoàn toàn không có ác báo, bèn bảo: “*Phật pháp chẳng linh, tu trì vô ích!*” Cư sĩ đã chẳng coi Quang là người ngoài, nên cố nhiên Quang chẳng thể không trình bày đại lược nguyên do với cư sĩ để mong ông thoát khỏi đường mê, lên bờ giác. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao - 1*)

* Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, Ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức Ý nghiệp.

Ba nghiệp là:

1) **Một là Thân Nghiệp** gồm ba thứ, tức sát sanh,

trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống, sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp. Đòi kếp, đòi sau, ắt phải bị chúng giết lại.

b. **Hai là trộm cắp**, phạm những vật của người khác, chớ nên “không cho mà lấy”. Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình. Trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tợ hồ chiếm được tiện nghi, nhưng thật ra tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ta ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi tài sản cho người khác rồi giở thói xấu chiếm lấy đều gọi là “trộm cắp”. Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng dăng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đây chính là thiên lý nhân quả nhất định!

c. **Ba là tà dâm**. Phạm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đòi hiện tại đã thành súc sanh thì đòi kếp tiếp phải làm súc sanh. Người đòi coi chuyện con gái lén lút cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng đáng nhục giống hệt như con gái. Kẻ tà

dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết. Ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoan chánh chẳng tà!

Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dầu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì! Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt!

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2) Khẩu Nghiệp gồm có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật. Đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm dăng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đày địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm

gái ăn sương, thoát đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm. Lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao, như kiếm, khiến cho người ta khó thể chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu, kêu gọi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3) Ý Nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuể, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuể là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thịnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trợn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v... đều gọi là ngu si!

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm

ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý.

Người Thân - Khẩu - Ý ba nghiệp đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn gấp trăm ngàn lần. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh*”. Hiện nay, thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy! Xét đến nguồn gốc, đều do cái tâm tự tư tự lợi uơng thành. Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mặc tình giành nhau làm chuyện tổn người, lợi mình, thương thiên, hại lý, coi rẻ đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ” chẳng đoái hoài! Do vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh.

“Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy”, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình. Giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rỏ nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước! Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính

mình! Tôn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình.

Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dữ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiệu quả thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nổi lẫy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm càn. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh!
(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh)

* Phật và chúng sanh cùng một tâm thể, nhưng sự thọ dụng khác biệt như trời với vực là do vì dụng tâm chẳng đồng mà ra. Phật chỉ nghĩ dùng “lòng Vô Duyên Đại Từ, lòng Đồng Thể Đại Bi” để độ thoát chúng sanh, trọn không có tâm “ta - người, đây - kia”. Dẫu cho độ tận hết thấy chúng sanh, cũng chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ. Vì thế, phước huệ được trọn đủ, được thể gian tôn kính.

Chúng sanh chỉ dốc lòng tự tư tự lợi, dẫu thân thiết

như cha mẹ anh em còn chẳng thể không có tương đũa - kia, hưởng chi là người xung quanh, người trong cõi đời ư? Do vậy, cảm lấy nghiệp báo: Hoặc sanh trong nhà bần cùng hạ tiện, hoặc đọa trong tam đồ ác đạo! Dẫn cho tự tu giới thiện Thiên Định được sanh về chỗ vui trong nhân gian hay cõi trời, nhưng do không có tâm đại bi nên chẳng thể khế hợp Bồ Đề được ngay. Do vậy, vừa hết phước báo lại bị đọa lạc, chẳng đáng buồn ư? Như vậy, nếu chỉ muốn tạo lợi ích cho người khác thì lại trở thành làm lợi cho chính mình; kẻ chỉ muốn tự lợi thì chính là tự hại vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bốn Nguyên*)

*** Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chẳng đều do nhân duyên gây ra.** Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận (Nếu biết nhân trước quả sau thì cùng quẫn hay thông suốt, được - mất, đều do ta tự chuốc lấy, dẫu gặp nghịch cảnh, cũng chẳng oán, chẳng hờn, chỉ hổ thẹn chính mình đức chưa đủ, chẳng thấy trời hay người có lỗi lầm. Xin xem ý này trong lời tựa cho bức Gia Khánh Đồ nhà ông Hà Lãng Tiên trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng

Quảng Chánh Biên), thuận theo địa vị mà hành, không trong hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quán Tranh - 5*)

* Con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Văn tự là món báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho: *“phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn”*. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự.

Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thấy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng khác gì cầm thú! Văn tự đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng mến tiếc. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tôn phước, giảm thọ; đời sau trở thành vô tri vô thức ư? Thêm nữa, chẳng những không được khinh nhờn, ruồng rẫy văn tự hữu hình, mà đối với chữ nghĩa vô hình lại càng chẳng được khinh nhờn, ruồng rẫy! Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nếu chẳng tận sức thực hiện thì chính là quên mất tám

chữ đó. Đã quên mất tám chữ ấy thì sống làm hạng cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa trong tam đồ ác đạo, có đáng buồn hay chẳng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Văn hồi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận*)

* Một pháp nhân quả là bước đầu nhập môn của Phật giáo, mà cũng là kế sách trọng yếu để thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

“*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh*”. Nếu nay chẳng lấy nhân quả làm nhiệm vụ cấp bách để cứu quốc, cứu dân, dù ông có trí xảo, đạo đức cao siêu đến mấy cũng chỉ uổng công, vì chẳng giảng đạo lý cũng như không có vương pháp vậy!

Thánh hiền đời xưa không ai là chẳng dè dặt, kinh sợ để tự rèn luyện, gìn giữ mình, nên tâm họ chẳng bị cảnh phú quý, cùng - thông xoay chuyển. Cùng thì riêng thân mình thiện, đạt thì khiến cả thiên hạ cùng thiện. Người đời nay, trong những hành vi, lời lẽ thường ngày, trong vòng cha con, anh em, chồng vợ, mỗi mỗi đều chẳng thể như pháp.

Người có chút tri kiến bèn làm mong làm bậc cao nhân lỗi lạc: chưa có quyền bèn mặc tình cuồng vọng luận nghị mù quáng để mê hoặc người đời; đã có quyền vị rồi, bèn tỏ rõ cái ác niệm bạo ngược tàn nước hại

dân. Gốc bệnh là do lúc ban đầu, cha mẹ, thầy bạn chưa từng dùng đạo nhân quả báo ứng để chỉ bảo cho kẻ ấy. Nếu biết nhân quả báo ứng đôi chút thì khởi tâm động niệm ắt đều kiêng dè, chẳng dám phóng túng. Dù chẳng mong thành thánh, thành hiền, muốn chẳng kinh sợ, dè dặt như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng cũng không thể được!

Vì thế, những người thiên tư cao phải bắt đầu từ những điều thiện cận, chớ cho là điều lành nhỏ nên không làm, chớ cho là điều ác nhỏ rồi cứ làm. Cứ vun bồi từng ít một sẽ thành tánh. Ví như cây nhỏ đã mọc thẳng, đến lớn muốn uốn cong chẳng thể được!

Y gia trị bệnh, gấp thì trị ngọn, thông thả bèn trị gốc. Ví như có người yết hầu ung thũng, ăn uống khó nuốt xuống, thở ra khó khăn; trước hết phải tiêu trừ chứng thũng, sau đấy mới căn cứ trên gốc bệnh, điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng trừ trước chứng thũng ấy, người đó lăn đùng ra chết, dù có lương phương, diệu dược trị được gốc bệnh cũng chẳng làm gì được!

Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng bệnh thũng ngày nay; nhưng một pháp Nhân Quả trị được bệnh cả gốc lẫn ngọn. Kẻ sơ cơ nương vào đó sẽ cải ác tu thiện. Người thông hiểu nương theo đó có thể đoạn Hoặc chứng Chân, thông trên, suốt dưới. Dù là hàng phàm phu sát đất cho đến bậc viên mãn Phật Quả đều chẳng thể lìa pháp này, chứ nhân quả nào phải chỉ trị

được mỗi bệnh ngọn ư!

Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn để nung phàm, luyện thánh của thánh nhân thế gian, xuất thế gian. Nếu lúc ban đầu chẳng hiểu rõ nhân quả thì sau khi đã thông Tông, thông Giáo, sẽ rất có thể bị lầm lẫn nhân quả. Đã lầm nhân quả, đọa lạc ắt sẽ có phần, không cách gì siêu thăng. Đừng bảo lý này thiên cận rồi coi thường! Đức Như Lai đã thành Chánh Giác, chúng sanh đọa lạc tam đồ đều chẳng ra ngoài nhân quả.

Nhưng tâm lượng của phàm phu hẹp nhỏ, có lẽ không lãnh hội được những lẽ nhân quả lớn lao đã nói trong kinh. Hãy dùng những điều thiên cận trong thế gian để làm phương tiện lãnh hội những điều thù thắng ấy. Chẳng hạn như đối với bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, sách Thái Thượng Cảm Ứng v.v... xin hãy đọc kỹ, suy xét tường tận, làm theo, thì ai nấy đều là lương dân, người người đều có thể liễu sanh thoát tử.

Năm trước, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư, bản khắc để tại Dương Châu, các nơi phát hành kinh đều có. Cuốn sách này thật là một tác phẩm trọng yếu để làm cõi đời hiền dụ, dân chúng hiền lành vậy!

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Sào thiền sư: “Thế nào là đại ý Phật pháp?” Ngài Ô Sào đáp: “Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”. Họ Bạch bảo: “Hai câu nói ấy, đưa bé lên ba cũng nói được”. Ngài Ô Sào bảo: “Tuy đưa bé lên ba nói được, ông già tám

mười làm chẳng xong”. Phải biết lời nói này chính là lời nói thiết yếu quan trọng nhất đối với hết thầy người học Phật.

Hai câu “Đừng làm các điều ác...” chính là đại ý của hết thầy kinh giới của tam thế chư Phật, chớ nên coi thường. Ngay trong mỗi ý niệm vừa phát khởi của chính mình hãy nên suy xét kỹ, nếu có thể suy xét đến cùng cực thì còn có thể thành được Phật đạo, huống hồ là các quả vị phước huệ khác nữa!

Dạy giới thiện (ngũ giới, thập thiện) để mở ra con đường trời - người phẳng phiu. Hiền nhân quả để bày phương cách xu tỵ (xu là hướng tới, tỵ là tránh né) tốt lành. Nói đến giới thiện thì:

Ngũ Giới:

Chẳng sát là Nhân; chẳng trộm là Nghĩa; chẳng tà dâm là Lễ; chẳng nói dối là Tín; chẳng uống rượu thì tâm thường trong trẻo, chí ngưng lặng, thần chẳng hôn mê nên lý hiện, tức là Trí. Trì trọn Ngũ Giới chẳng đọa tam đồ, luôn sanh trong nhân đạo. Năm điều này nói chung tương đồng với Ngũ Thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của đạo Nho, nhưng Nho giáo chỉ dạy tận nghĩa, nhà Phật còn giảng thêm về quả báo.

Thập Thiện:

Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, gọi là ba nghiệp nơi thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lưỡi đôi chiều, chẳng ác khẩu, gọi là bốn

nghiệp nơi miệng. Chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, gọi là ba nghiệp nơi ý. Những điều này xét về đại thể, giống như Ngũ Giới, nhưng ngũ giới đa phần nói về thân, Thập Thiện đa phần nói về Tâm. Đầy đủ Thập Thiện quyết định sanh vào thiên giới.

Còn như các điều dạy về luân lý như hiếu với cha, từ với con, kính anh, nhường em... đều là muốn cho ai nấy đều tận bổn phận không khiếm khuyết, thuận theo tướng thế gian để tu pháp xuất thế. Nếu nói rộng về nhân quả báo ứng thì hào ly chẳng sai. Đọa địa ngục hay sanh thiên chỉ do tự mình chiêu cảm lấy. Đức Như Lai tâm bi chí cực, muốn cho chúng sanh vĩnh viễn lìa khổ, chỉ hưởng các điều vui; vì thế, Ngài chẳng tiếc hiện tướng lưỡi rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: *“Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả”* (Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả). Nếu chẳng muốn nhận quả khổ, phải đoạn trừ nhân ác trước đã! Nếu luôn tu thiện nhân, ắt quyết định thường hưởng quả vui! Đây chính là điều kinh Thư bảo: *“Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương”* (Làm thiện thì điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện, tai ương giáng xuống), kinh Dịch nói: *“Tích thiện tất hữu dư khánh, tích bất thiện tất hữu dư ương”* (Tích thiện sự vui có thừa, chất chứa điều chẳng lành tai ương ắt có thừa!)

Nhưng nhà Nho chỉ xét trên đời hiện tại và con cháu

mà nói, còn Phật xét trên cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai để luận. Phàm tình chẳng hiểu thấu, bèn cho là chuyện mộng lung, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù cãi lời người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm, muốn chẳng rớt hầm, sụp hố có được hay chẳng?

Đề xướng nhân quả báo ứng là kính vâng theo tâm của thiên địa và thánh nhân để thành tựu tánh đức nhân nghĩa, đạo đức của người đời. Nếu coi nhân quả báo ứng là chuyện mờ mịt, không cách nào khảo sát thì chẳng những trái nghịch với tâm của thiên địa, thánh nhân, mà thần thức của mình còn vĩnh viễn đọa trong ác thú.

Nếu bậc trí giả chẳng phấn phát ý chí ưu thời mẫn thế để tu đức mình, kẻ hạ ngu không kiêng sợ gì, dám làm điều ác thì quyền dưỡng dục của thiên địa, thánh nhân bị chèn ép chẳng được phô bày, cái lý sẵn có trong tâm tánh của chúng ta ẩn mất chẳng hiện. Họa hại ấy chẳng thể nói được!

Nhưng lời lẽ của thánh nhân thế gian giản lược, lại chỉ bàn về đời này và con cháu, còn những việc trước khi sanh ra, sau khi chết đi, từ vô thủy đến nay theo nhân duyên tội phước luân hồi lục đạo... đều chưa luận rõ. Vì thế, những kẻ thấy biết nông cạn tuy hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh hiền vẫn chẳng tin nhân quả báo ứng.

Đại giáo của đức Như Lai hiển dương cái huyền

diệu nơi tâm tánh của chúng ta, sự tinh vi của nhân quả ba đời. Tất cả những thuyết “cách trí” (trí tri cách vật), thành, chánh (chánh danh), “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, và pháp “đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử”, không pháp nào chẳng giảng đủ. Vì thế, những điều Phật dạy về cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy tận hết bốn phận có khác gì những điều thánh nhân thế gian đã dạy đâu!

Thế nhưng, với mỗi một điều, Phật lại khai thị nhân trước quả sau; đây chính là điều thánh nhân thế gian chẳng thể làm nổi! Lời dạy “tận nghĩa, dốc trọn bốn phận” chỉ để dạy hàng thượng trí, chẳng thể chế ngự kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện - ác, họa - phúc rành rành như nhìn vào lửa; ai lại không tìm tốt, tránh xấu, tránh họa đạt phúc cơ chứ?

Mạng là gì? Chính là quả báo của những điều đã làm trong đời trước. Lại nữa, điều đạt được do làm đúng theo đạo nghĩa mới gọi là Mạng. Những điều đạt được do làm chẳng đúng theo đạo nghĩa thì chẳng được gọi là Mạng. Vì sau khi đạt được như vậy, cái khổ đời sau chẳng cam nghe thấy! Như trộm cướp tiền tài của người, tạm thời dường như giàu sượng, một khi quan phủ biết ra, ắt sẽ đầu một nơi, thân một nẻo! Lẽ nào với cái tạm thời được vui, lại cho là Mạng?

Lực là gì? Chính là nói đến những cái mình làm ngay

trong đời này. Có hai thứ làm: Một là tài trí chuyên dùng mưu mẹo biến trá. Hai là chuyên dùng sự khắc kỷ, giữ lễ để tu trì.

Cái Mạng do Liệt Tử nói đó hỗn độn, chẳng phân; cái Lục của ông ta nói đó đa phần chú trọng về mưu mẹo, biến trá. Bởi thế, đến nỗi Lục bị Mạng đè ép, không cách gì đáp được câu chất vấn sau: “Khổng Tử bị khốn đốn nơi biên giới nước Trần, nước Sái; Điền Hằng lấy nước Tề làm tánh mạng, còn có thể nói là biết Mạng ư?”

Khổng Tử chẳng gặp vua hiền, chẳng thể khiến thiên hạ trị an, chính là do nghiệp lực của muôn dân tạo ra như vậy, can dự chi đến Khổng Tử! Nhan Uyên yếu thọ, nghĩa lý cũng giống như thế.

Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà có, sao gọi là Mạng được? Tuy hiện thời còn là vua Tề, nhưng khi hơi thở không hít vào được, liền thành tù nhân trong A Tỳ địa ngục. Đây mới là Mạng, vì ông ta dạy người chẳng tu đạo nghĩa, mặc tình cướp đoạt!

Bởi thế, tôi mới nói: “Liệt Tử chẳng biết Mạng. Chẳng thấy Mạnh Tử luận về Mạng đó ư? Ất phải cùng lý tận tánh đến mức như thế mới gọi là Chân Mạng. Còn những điều chẳng do đạo nghĩa mà được, chẳng do đạo nghĩa mà mất, đều chẳng được gọi là Mạng. Liệt Tử luận về Lục đa phần thuộc về tài trí mưu mẹo, biến trá, là những điều hiền thánh chẳng thêm nói tới.

Những điều hiền thánh nói đến đều là khắc kỷ, giữ lễ để tu trì”.

“Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế niệm thành thánh. Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều tốt lành giáng. Làm điều chẳng lành trăm tai ương trút xuống. Gỗ phải theo dây mực mới ngay, vua phải nghe lời can gián mới thành thánh. Làm điều nhân ái sẽ dẫn tới phước lành; dù gặp phải cảnh hung hiểm trái nghịch cũng chỉ nhẹ nhàng. Năm năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước là sai trái; muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể. Muốn mình được sống thêm năm mươi năm nữa để học Dịch hầu không mắc lỗi lớn. Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng giữ những điều chẳng nên nhìn, kính sợ những điều chẳng nên nghe, đều là Lục”. Đây là những lời của Nho gia.

Còn nhà Phật bảo hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật để họ sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, mong họ đừng làm các điều ác, vâng làm các việc lành. Dùng Giới giữ thân, chẳng làm điều phi lễ. Dùng Định nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm. Dùng Huệ đoạn Hoặc, thấy rõ bốn tánh. Đây đều là những Lục để khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo đó, còn thành được Phật đạo, hưởng hồ là những quả vị thấp hơn ư! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam

muội được tam muội. Như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là Phật Quả rõ ràng. Những điều ấy đều là do tu trì theo đúng giáo pháp mà được, Lục ấy rất lớn, chẳng thể hạn lượng.

Ông Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh bói các việc trước sau, việc nào cũng đều ứng nghiệm cả, bèn cho là nhất định phải có Mạng (số mạng). Sau ông được Vân Cốc thiền sư khai thị, tận lực tu trì. Những điều ông Khổng đã đoán, chẳng trúng một mảy. Ông Viên Liễu Phàm là bậc hiền giả, dù có nhầm lẫn làm điều gì chẳng đúng, lời đoán của họ Khổng cũng chẳng linh. Do đây, ta biết rằng hiền thánh dạy đời chỉ trọng tu trì. Đức Như Lai dạy người cũng giống như thế. Vì thế, tất cả những pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật Phật đã nói, không pháp nào chẳng khiến chúng sanh trừ khử Hoặc nghiệp huyễn vọng, triệt chủng Phật Tánh sẵn có. Vì thế, đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền đạt được đại trí huệ, đại biện tài.

Liệt Tử quy hết thầy mọi sự về Mạng (số mạng), gây trở ngại chí mong thành thánh, thành hiền của con người, cố vũ cái tâm gian ác, oán đoạt của người. Dưới là phải chịu họa hại vô cùng, trên là làm nhục khí lực quyết chí, ưu thời mẫn thế đến nỗi chung thân chẳng dự vào bậc Thánh Hiền, cứ làm một người hèn hạ, thấp kém. Thiên sách ấy hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu đâu!

Hai chữ Nhân Quả gồm trọn hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian không sót chút gì. Những thánh nhân thế gian không ai chẳng dạy nhân quả, nhưng do chuyên chú nơi đạo xử thế, muốn cho nó được kế tục, được lưu truyền, nên chỉ hạn cuộc trong đời này và thế hệ trước, thế hệ sau, chẳng nói những chuyện trước lúc sanh ra, sau khi chết đi và những điều kể từ vô thi trước đến tận đời vị lai sau.

Kẻ hậu học chẳng thể hiểu rõ ý của thánh hiền bèn cho rằng người, vật có sự sống là do khí thiên địa ngẫu nhiên thấm vào hình hài mà thôi. Còn đến lúc chết, hình hài mục nát, hồn cũng phiêu tán, không nhân, không quả, trở thành Đoạn Diệt Kiến. Đã cô phụ thánh giáo, còn mê muội tánh linh của mình đến cùng cực vậy! Khổng Tử khen ngợi sách Chu Dịch, ngay câu đầu tiên, Ngài nói: *“Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích bất thiện ắt tai ương có thừa”*...

Điều thứ hai là nếu chẳng dùng quá khứ, hiện tại, vị lai để luận thì những điều trời giáng xuống phần nhiều mâu thuẫn với những ngôn luận của thánh nhân, chánh lệnh của bậc minh quân (chẳng hạn như gian đảng vinh hoa, trung thân bị tru lục; Nhan Uyên chết yếu, Đạo Chích trường thọ...) Nếu biết tiền nhân, hậu quả thì sẽ hiểu những sự cùng, thông, được, mất đều do tự mình chuốc lấy. Dù có gặp nghịch cảnh cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ thẹn đức mình kém cõi, chẳng thấy lỗi

lầm của trời - người, vui biết mạng trời, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

Hết thấy những kẻ chẳng hiểu thấu tột cùng lý sâu và những kẻ vô tri, vô thức, nếu nghe nói đến lý tánh, phần nhiều đề cao thánh cảnh, nhưng vẫn tự làm phạm phu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức khởi đầu từ Sự. Nếu bảo cho họ biết nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân hòng được thiện quả.

Thiện - ác chẳng ngoài ba nơi thân - khẩu - ý. Đã biết nhân quả sẽ tự phòng giữ thân - miệng, rửa lòng gột ý. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn luôn như đang ở trước Thiên Đế, chẳng dám móng khởi chút bị ôi nào, kéo vương phải tội vạ! Đây chính là đại pháp “trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân” để dạy khắp hết thấy chúng sanh thượng, trung, hạ căn của đức Đại Giác Thế Tôn vậy. Tuy thế, kẻ cuồng sợ bị câu thúc, bảo đó là chấp tướng; kẻ ngu nhằm tránh khỏi bị xấu mặt, bèn bảo đó là chuyện vu vơ. Trừ hai hạng người này ra, có ai lại chẳng tin nhận?

Vì thế, ngài Mộng Đông nói: “*Người khéo luận về tâm tánh sẽ chẳng thể bỏ được nhân quả. Người tin sâu nhân quả cuối cùng ắt sẽ thấy cực rõ tâm tánh ấy*”. Lý này lẽ tất nhiên phải như thế. Phải biết rằng: Từ địa vị phạm phu cho đến khi viên chứng Phật Quả, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là

hạng tự đánh mất thiện nhân, thiện quả, luôn tạo ác nhân, luôn chịu ác quả, trải kiếp số như bụi trần, luân chuyển trong ác đạo, chưa thể xuất ly vậy. Buồn thay!

Phật pháp lưu thông lợi ích vô lượng. Người căn tánh sâu sẽ lãnh hội sâu xa, liền minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng chân. Người căn cơ cạn lãnh hội nông cạn, cũng vẫn có thể cải ác tu thiện, cầu thành Thánh, thành Hiền. Ấy là do đức Như Lai lập giáo, dù chánh yếu là vì xuất thế, nhưng Phật tùy thuận cơ nghi, khuyến dụ lần lần, nên đối với đạo xử thế, Ngài cũng phát huy trọn khắp, không bỏ sót mảy may điều thiện nào! Gặp cha nói về từ, gặp con nói về hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, phạm hết thấy những đạo luân thường hằng ngày Phật dạy trọn chẳng khác gì với những điều Nho Giáo đã nói.

Chỗ khác biệt là: đối với mỗi điều ấy, Phật đều chỉ rõ nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho người nghe đem lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, thường như đang ở trước Phật, trời. Đến cả hạng tham tàn bạo ác, trọn chẳng có tín tâm, nghe mãi chuyện nhân quả báo ứng, tâm cũng thầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi mười phần khóc liệt. Cứ xem thời Liệt Quốc, có tục giết người tuần tang²⁹, giết càng nhiều càng vinh hiển; đến khi Phật giáo truyền sang Đông mới chấm dứt được thói tục ấy. Điều ấy đủ để chứng minh vậy.

Đời này đã cách thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ cả ba bốn ngàn năm, tình đời, lòng người so với thời cổ khác xa lắm. Nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, sanh lên trời, đọa xuống địa ngục, người biến ra thú, thú sanh làm người, nên dù là hạng cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, trọn không có tín tâm cũng bị pháp này (nhân quả) chiết phục.

Dù coi rẻ mạng người, trong tâm vẫn tiềm ẩn một chút sợ hãi ảnh hưởng của nhân quả, nên chưa đến nỗi thập phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc đem bày tội, ái thiếp và bá tánh bắt giết tuần táng theo cả mấy chục, mấy trăm người, chẳng coi đó là sai; trái lại, còn cho là vẻ vang nữa. Chẳng phải là do pháp nhân quả mà thời này hiền hơn đời trước ư? Châu Văn Vương ân trạch thậm đến cả xương khô, thế mà chỉ mấy trăm năm, phong tục giết người tuần táng đã lan khắp thiên hạ. Dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời, đều chẳng thể vẫn hồi được phong tục suy đời ấy.

Từ sau khi Phật pháp truyền sang phương Đông, lý sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng sáng rực trong đời. Chẳng kể chư hầu, ngay cả kẻ hướng mặt về Nam xưng “trẫm”³⁰ cũng chẳng dám làm. Dù có kẻ dám làm, cũng chẳng dám coi giết nhiều người là vinh. Nếu không có pháp này, chỉ có cái thuyết “chánh tâm, thành ý” để đề cao lòng trung thứ, dốc lòng đùm bọc nhau hòng dứt

trừ tục tuẫn táng trong toàn dân, tôi e rằng càng nhọc nhằn khuyên lơn, thói tệ ấy càng thêm thịnh hành!

Huống nữa, Nho gia chỉ biết trị đạo, chẳng rõ tự tâm, muốn bài xích Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều nói là chết rồi là vĩnh viễn diệt, không còn đời sau nữa. Nếu không có lẽ sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng của đức Như Lai thấm nhuần khắp tâm người thì những người đời sau được chánh mạng, chết tốt lành càng hiếm hơn nữa.

Đây chỉ là pháp thiên cận nhất trong Phật pháp, còn có thể trừ khử được thói tàn sát, huống hồ là đại pháp viên đôn chí cực sâu xa. Thế trí phàm tình há thể suy lường được một phần trong vạn phần lợi ích của Phật pháp ư?

Phật pháp rộng lớn, không gì chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào lại chẳng nêu lên. Chẳng những thế, nương theo đó còn có thể đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Đây chính là đạo “cách vật trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, minh minh đức, chỉ ư chí thiện”³¹.

Nếu thấu hiểu Phật pháp thì sự chỉ một nửa, nhưng công gấp bội. Bởi lẽ, những điều thánh nhân thế gian nói chỉ nhằm dạy con người tận hết bản phận; chỉ bậc thượng trí mới có thể tuân hành triệt để. Nếu là hạng căn tánh trung, hạ, sẽ chênh mảng, coi thường. Phật pháp dạy rõ các sự lý: nhân quả báo ứng, sanh tử, luân

hồi, và hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật... Nếu là bậc thượng trí ắt sẽ chứng được Phật tánh sẵn có; kẻ hạ ngu sẽ chẳng dám phóng túng, càn rỡ vì sợ cái khổ đời vị lai; tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh, thành hiền. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn thường như đang đối trước Phật, trời.

Đức Như Lai dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp khắp chúng nam nữ tại gia. Tu Ngũ Giới, Thập Thiện sẽ thắng được thói tàn sát, bỏ thói kiêu bạc, trở thành thuần hòa, vĩnh viễn thoát khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng sự khoái lạc cõi nhân thiên. Pháp nông cạn nhất còn như thế, huống hồ là pháp sâu nhất.

Vì thế biết rằng: Như Lai là đại sư ba cõi, là cha lành của bốn loài, là thánh nhân của các thánh, là trời của các trời. Bởi thế, vua thánh tôi hiền, bậc thông đạt, không ai chẳng tuân lời Phật dạy tu tập, hộ trì, lưu thông. Trong hết thấy pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có mỗi Phật pháp là phát minh đến chỗ rốt ráo! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh*”. Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện “làm sáng tỏ Minh Đức để đạt đến chí thiện,

đoạn Phiền Hoặc, chúng Bồ Đề” nữa ư? Do vậy, những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành, lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngỏ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác.

Vì vậy, biết thánh hiền, Phật, Bồ Tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”; đây là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vững vàng hay nguy ngập và để được yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn văn hồi thế đạo, lòng người, mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng, dẫn cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí huệ ngang bằng thánh hiền, Phật, Bồ Tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cõi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ nhân quả rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến cho họ khó thấy được sự báo ứng; phạm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo “thiện ác đều rỗng không, chẳng có

nhân quả!” Do vậy, cậy vào thiên kiến của chính mình, tưởng cách nhìn ấy là đích xác, không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật, Bồ Tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo! Từ đấy, phô phang tà kiến của chính mình, làm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự lầm, lầm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch “phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn, tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau” mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ*)

* Tống Nho nói: “Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục; chẳng biết con người do bẩm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?” Họ làm lạc tưởng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo “*nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết*” (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên

4. “*Nguyên thủy phản chung*”: Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn.

hiểu được lời nói về sanh tử) và ý nghĩa “ *tinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quý thân chi tình trạng*⁵” (tinh khí là vật, du hồn biến đổi; từ đó biết được tình trạng của quý thân) của thánh nhân. Do vậy, phùng gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chùng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uổng công nhọc nhằn cả đời! Sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Bởi đây, thiện không có gì để khuyến, ác chẳng có gì để phạt, đây - kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường! Trong ý bọn Tống Nho, cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi,

Pháp sư Nguyệt Khê giảng: “*Nguyên thủy phản chung là truy ngược lại cái nguồn để biết sanh ra từ đâu, quay ngược lại xem xét chỗ kết thúc để biết vì sao chết*”. Giáo sư Cái Kiến Dân lại giảng “*nguyên thủy phản chung*” là truy xét đến tận nguồn gốc sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Tổng hợp hai cách giải thích này thì “*nguyên thủy phản chung*” là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định.

5. Theo chương Nội Nghiệp trong sách Quán Tử thì “*tinh khí*” phải hiểu là “*hồn thân*”. Trịnh Huyền giảng câu “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến*” như sau: “*Tinh khí là thân, du hồn là quý*”. Tức là: Quý thân là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: “*Thế phách tự xuống đất thành quý, bốc lên không thành thân. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cùng tể*”. Hàn Khang Bạch đời Tần còn đi xa hơn, chú giải rằng: “*Khí tự lại hiện hiện thành vật chất là Thần, phân tán, ẩn kín thì gọi là Hồn*”. Trang Tử, Liệt Tử đều cho rằng Tinh Khí phải hiểu là hình hài thể chất (do đó về sau Đạo Gia chủ trương con người gồm ba phần là Tinh - Khí - Thần), còn du hồn (linh hồn lảng đãng vô định) chính là tinh thần. Nói cách khác, đạo Nho, đạo Lão thừa nhận con người gồm hai phần là tinh thần và vật chất, vật chất (tức thể xác) có biến đổi, hư hoại, nhưng tinh thần còn tồn tại. Thế mà Tống Nho lại chủ trương con người chết đi, thể xác đã diệt mất, thần hồn cũng phiêu tán, không còn đời sau nữa!

con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho Giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là đâm ra khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Môn Tam Tự Tụng Tề Chú*)

* Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có Minh Đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế, Không Tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!*” (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được); đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà lại cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ dốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mực. Như kẻ yêu vợ thương con,

dù vợ con tội tệ đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tội tệ. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt - xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu! Tri chính là Minh Đức, còn “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân” chính là công phu để làm sáng tỏ Minh Đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì Minh Đức sẽ sáng tỏ, sau đây sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân⁶ để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đây thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ căn cơ hạng trung hạng hạ sẽ biết “*làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống*”. Đã có những điều mong mỏi, hâm mộ, có những điều sợ hãi như vậy thì chẳng muốn “thành ý chánh tâm, mong mỏi thiện báo” cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm chuyện ác.

Nay có kẻ cho rằng “sự lý nhân quả luân hồi ấy là

6. Theo Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, chữ Thân (親) trong “thân dân” đúng ra phải đọc là Tân (新) vì thời cổ không phân biệt giữa chữ Thân và Tân. Theo sách ấy, “thân dân” là làm cho dân chúng ngày một đổi mới, tiến bộ không ngừng.

do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy”. Lại còn cho rằng: “Con người chết đi thân hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch”. Do vậy, thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, đến nỗi ủa nhau phé kinh điển, phé luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú*)

* Sát kiếp và hết thảy tai nạn đều do ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm. Nếu ai nấy đều niệm Phật thì sẽ xoay chuyển được nghiệp này. Nếu chỉ có một ít người niệm Phật thì nghiệp ấy cũng có thể giảm nhẹ. Pháp môn Niệm Phật tuy là vì cầu sanh Tịnh Độ, liễu thoát sanh tử mà lập ra, nhưng sức tiêu trừ nghiệp chướng của nó quả thật cũng cực kỳ lớn lao. Người chân chánh niệm Phật trước hết ắt phải giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, ngăn dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Cần nhất là phải hiểu rõ nhân quả, tự hành, dạy người khác hành.

Hiện thời, các thứ tà thuyết không thánh, không hiểu, khinh miệt đạo, phé luân thường, giết cha, chung vợ v.v... đều do bọn Tống Nho đả phá, bài xích nhân

quả - luân hồi đến nỗi sanh ra ác quả này. Nếu như ai nấy đều hiểu rõ nhân quả thì quyết chẳng một ai dám xưng lên những thuyết sai lầm ấy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Ngữ*)

* Hiện tại, người đời sở dĩ chẳng tin nhân quả, phần lớn là vì chịu ảnh hưởng của Tống Nho. Những nhà Lý học⁷ thời Tống như Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên, Châu Hối Am v.v... do xem kinh Đại Thừa nhà Phật, chỉ lãnh hội sơ lược ý nghĩa “*toàn Sự tức Lý*” và thân cận tri thức trong Tông Môn (Thiền Tông), lại biết ý chỉ “bất cứ pháp nào, chuyện nào cũng chẳng ngoài Nhất Tâm”, chứ thực sự chưa hề xem trọn khắp các kinh luận và tham học với khắp mọi tri thức các tông, bèn trộm lấy ý nghĩa của kinh Phật để tự xưng hùng, dùng đó để phát huy sự sâu xa của Nho giáo.

Bọn họ lại sợ người đời sau xem kinh Phật sẽ biết được điều mà Tống Nho khoe khoang là do chính họ đạt được vốn là ăn trộm từ kinh Phật bèn rắp tâm mê

7. Lý Học là học thuyết giải thích Nho giáo theo quan điểm của Trình Di và Châu Hy. Học thuyết này cho Lý là nguyên khởi của vũ trụ (do nhìn từ góc độ khác nhau mà có danh xưng khác nhau như Trời, Thượng Đế, Đạo v.v...), Lý là bản tánh trời sanh của từng cá nhân. Do lòng ham muốn riêng tư mà con người quên mất Lý này. Vì thế, phải trừ khử dục vọng, trở về với Lý gọi đó là “*thiên nhân hợp nhất*” (trời - người hợp nhất). Lý biểu hiện dưới dạng vật chất hữu hình thì gọi là Khí. Như vậy, Lý của họ chỉ là vay mượn khái niệm Phật Tánh, Như Lai Tánh, Pháp Thân của Phật giáo mà thôi! Hoặc nói cách khác, Lý - Khí của họ chỉ là cách gọi tên khác của chữ Thể và Dụng trong Phật giáo.

muội báng Phật. Do chẳng dễ báng bỏ những chỗ tinh diệu, họ liền nhắm vào mặt Sự để bài bác. Họ bảo đức Phật dạy sự lý “tam thể nhân quả, lục đạo luân hồi” đều nhằm phỉnh phờ hạng ngu phu, ngu phụ phụng hành giáo pháp của Ngài, chứ thật sự chẳng có những chuyện ấy. Họ bảo: Sau khi con người chết đi, thân đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán; dù có bắm, chặt, giã, mài sẽ thi thố vào đâu? Hơn nữa, thần thức đã tan thì còn ai để thọ sanh? Do vậy, họ đã mở tung đầu mỗi phóng túng, không kiêng sợ gì cả, thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để trừng phạt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Túc Tai Pháp Ngữ*)

2. Dạy Về Tánh Chất Trọng Yếu Của Việc Kiêng Giết Chóc

*** Trong các ác nghiệp, chỉ có Sát là nặng nề nhất.** Khắp thiên hạ, không ai chẳng tạo nghiệp sát. **Dẫu cả đời chưa hề sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt thì tức là hằng ngày sát sanh;** do không giết thì chắc chắn không có thịt, bởi lẽ kẻ đồ tể, người săn bắn, kẻ bắt cá đều nhằm cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt nên mới giết thay cho họ.

Một cửa ải ăn thịt hay ăn chay quả thật là cái gốc của sự thăng - trầm của chúng ta và là cái gốc khiến thiên hạ bình yên hay loạn lạc, mối quan hệ ấy chẳng nhỏ

đâu! Những ai tự biết thương thân và yêu thương nhân dân khắp cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn thì hãy nên kiêng giết, ăn chay, đó chính là diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai nhân họa.

Do một niệm tâm tánh của hết thấy chúng sanh chẳng khác gì với Phật, mà cũng chẳng khác gì chúng ta, chỉ vì ác nghiệp đời trước mà đọa trong dị loại. Vì thế, hãy nên sanh lòng thương xót lớn lao, há nên mặc tình giết ăn? Chớ như người đời vương trong tập tục, thường lấy chuyện sát sanh ăn thịt làm vui, chẳng nghĩ những con vật bị giết hại ấy đau đớn oán hận đến mức độ nào!

Cậy mạnh hiếp yếu, xem như chuyện đương nhiên, nhưng một khi đao binh dấy lên thì tình cảnh cũng giống như những con vật bị giết. Bọn giặc cướp thiêu đốt nhà các ông, gian dâm phụ nữ nhà ông, cướp đoạt tiền tài của các ông, giết thân mạng các ông, mà các ông vẫn chẳng dám thốt lời xấu ác đối với chúng vì sức không chống lại nổi. Loài vật đang sống mà bị giết cũng là vì chúng nó không chống cự lại được. Nếu như chống lại được, ắt chúng sẽ lập tức cắn xé con người mới đành! Sao con người không trong cảnh khổ ấy, hãy thử suy nghĩ lại? Loài vật và ta đều cùng tham sống sợ chết, ta đã sẵn có khí chất đội trời đạp đất, lẽ ra phải nên hỗ trợ quyền sanh thành dưỡng dục, khiến cho chim, thú, cá,

rùa đều được sống yên, nữ nào giết thân mạng chúng để thỏa thích bụng miệng ư? Do sát nghiệp cô kết đến nỗi phát sanh đao binh là tai vạ do con người gây ra, cũng như những thiên tai lửa nước, hạn hán, lụt lội, đói kém, tật dịch, bão lốc, động đất, biển trào, sông tràn v.v... mỗi thứ liên tiếp giáng xuống.

Ví như người đời tặng quà Tết cho nhau, ta tặng quà đi, người biếu đáp lại, hoàn toàn chẳng có chuyện không tặng gì lại được biếu, hoặc tặng rồi không được biếu lại. Nếu có xảy ra như thế, ắt phải có nhân duyên khác ngăn trở, chứ thật ra chẳng thể vượt ngoài chuyện qua lại đáp đền được! Trời thưởng hay phạt cũng giống như thế, huông chi là con người báo đền! Vì vậy, **Kinh Thư chép:** “*Làm lành trăm điều lành giáng xuống; làm điều bất thiện, trăm điều tai ương giáng xuống*”. **Kinh Dịch chép:** “*Nhà tích thiện ắt sự vui sướng có thừa, nhà tích điều bất thiện ắt tai ương có thừa!*” Đạo trời khéo xoay vần, không gì qua rồi chẳng trở lại. Muốn tránh khỏi quả ác thì trước hết phải đoạn nhân ác, muốn được quả lành thì phải gieo nhân lành trước. Thiên lý, nhân tình hết sức xác đáng như vậy. Do vậy, những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm hiện thời không ai chẳng đề xướng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay niệm Phật để xiển minh sự lý sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng v.v... ngõ hầu nhân dân khắp cõi đời đều được hưởng yên vui, cùng được giải thoát. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn*

Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Phổ khuyến yêu tiếu sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp)

* Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật đời vị lai. Lập phương cách cứu giúp, che chở còn e chẳng kịp, lẽ nào chỉ nhằm sủng bưng miệng ta mà giết thân mạng chúng ư? Phải biết những loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cùng một tâm linh minh giác tri như ta, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng cho nên hình thể rất khác biệt, miệng chẳng nói được. Nhìn vào tình trạng tìm tòi cái ăn, trốn tránh cái chết sẽ tự hiểu chúng nó chẳng khác gì con người. Chúng ta nương vào sức túc phước, may mắn được sanh trong loài người, tâm có trí khôn, lẽ ra phải giữ vẹn tình cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, xem loài vật như chính mình, hòng khỏi phụ cái tiếng sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài, phụ trợ quyền sanh trưởng dưỡng dục của trời đất, khiến cho dân lẫn loài vật đều được sống yên, cùng được trời đất che chở, cùng hưởng niềm vui sống hết tuổi trời thì mới nên!

Nếu chẳng cảm nhận đức hiếu sanh của trời đất, cứ mặc tình giữ ý niệm tham ăn, tham uống, cậy ta mạnh lấn hiếp loài yếu, ăn thịt chúng nó cho thỏa bụng mình, ắt đến ngày nào đó phước xưa đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng bị đổi đầu thay

mặt, lần lượt bị chúng nó giết ăn, há có được chăng?

Huông chi thịt có chất độc do lúc chúng bị giết hại tâm oán hận cố kết lại. Vì thế, những khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít bị truyền nhiễm.

Hơn nữa, **thịt là thứ uế trước**, ăn vào khí huyết dơ, tinh thần tăm tối, phát triển nhanh nhưng chóng suy, là đầu mối dễ nảy sinh bệnh tật nhất.

Đồ chay là phẩm vật tinh khiết, ăn vào khí chất trong sạch, trí óc sáng sủa, khỏe mạnh lâu dài, lâu già, do có nhiều khả năng bồi bổ. Đây tuy là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, chứ thật ra chính là lời luận cùng tột tánh. Do tập tục quen thói đến nỗi mê muội chất chứa, không thể phản tỉnh được!

Phải biết: Nhân từ đối với dân thì phải thương yêu loài vật, tàn nhẫn đối với loài vật quyết khó thể nhân từ đối với dân, do tập tánh khiến ra như thế. Vì vậy, khi vua thánh cai trị cõi đời, chim, thú, cá, rùa đều sống yên vui. Thánh vương dùng đạo sáng để dạy dân, chất keo dính (để bẫy chim), gậy gộc, đạn, cung đều bỏ hết. Thử nghĩ xem, từ xưa đến nay, phạm những kẻ tàn nhẫn, tham tàn, dòng dõi đa phần tuyệt diệt. Người nhân từ cứu giúp con cháu ắt thịnh vượng. Kẻ cầm đầu làm ác, Khổng Tử phán đoán kẻ ấy vô hậu. Kẻ mặc tình ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói suông “*xa lánh chuyện bết nức*”, đây chính là lời nói quyền biến thuận theo thế tục. Hãy nên vĩnh viễn dứt những thứ

hôi tanh thì mới là thật nghĩa xứng lý. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm*)

* **Như có kẻ nói:** Kẻ quan quả cô độc⁸, bản cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đây chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp: Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, đem thân mình thỏa miệng bụng của chúng.

Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đòi trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dầu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh

8. Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

rất ít gặp phải.

Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiên giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, khỏi bị oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai.

Những kẻ quan quả cô độc bản cùng hoạn nạn cũng nên tùy phần tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiên giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thót để thỏa bụng miệng con người!

Lại có kẻ nói: Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng: Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng “bảo vệ sanh mạng mọi loài vật” của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ “Phóng” (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nở ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thảy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đấy chẳng phải là “*cả thiên hạ biến thành một cái ao*” ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nở ăn thịt thì

vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huông chi nào phải chỉ có một người!

Lại vì hết thấy đồng nhân trong hiện tại và vị lai đoạn trừ cái nhân của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đấy chính là làm chuyện châu cấp, cứu té sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v... hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v... Đấy chẳng phải là “*cả nước được hưởng phước*” ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khăng khăng vì con người hay là khăng khăng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Số⁹ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tâm*)

9. Số (疏): Theo từ điển Từ Hải, chữ Số có hai nghĩa:

- 1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.
- 2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.

Ngoài ra, Số còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giải bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Số. Ở đây, chữ Số được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Số trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

* Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyền thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dầu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!... Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngở hầu hết thấy mọi người biết con vật ấy là do Phật thị hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vò sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có hình ảnh đức Phật ngự trong ấy khiến tai mắt con người thấy nghe phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời. Những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú. Giết rồi mới biết là Phật!

Do vậy biết: Giết loài vật chẳng khác gì giết Phật. Dầu con vật bị giết chẳng phải do Phật thị hiện thì nó cũng là đức Phật trong vị lai. Giết để ăn, tội sẽ cao to hơn núi, hơn biển, hãy gấp nên đau đáu răn dè ngở hầu giải thoát. Cần biết rằng: Người và vật tuy khác, lành lợi hay ngu xuẩn đều tỏ lộ. Kẻ ngu xuẩn tâm thức tối tăm, con vật thông minh lại có trí sáng, Ngũ Luân Bát Đức cố nhiên chẳng thua con người! Lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh,

giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn! **Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phàm những ai lợi người lợi vật, con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người, hại vật, con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt.** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Vật Do Như Thử*)

* **Người niệm Phật nên ăn chay trường.** Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai hoặc Thập Trai (Mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), **nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, điều này quan trọng lắm! Do vậy, phải kiêng sát sanh trong nhà.** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khấp*)

* Chỉ vì con người chẳng biết đặt mình vào hoàn cảnh của loài vật để xét lại, đến nỗi đem chuyện khổ sở cùng cực, thảm thiết cùng cực giáng xuống thân loài vật mà lòng vui sướng, tự bảo mình có phước, chẳng biết phước thọ đã vun bồi từ đời trước sẽ bởi đây mà dần dần bị tiêu diệt, trong vị lai sẽ đời đời phải hứng chịu những nỗi khổ độc chẳng có lúc nào xong! Nếu trong lúc sát sanh ăn thịt mà nghĩ đến chuyện này, dầu có kẻ đem cái chết uy hiếp buộc phải sát sanh ăn thịt, vẫn chẳng dám làm! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn*)

* Đại đức của trời đất là Sanh, đại đạo của Như Lai là Từ. Người, vật tuy khác, tâm tánh là đồng. Như Lai xem khắp cả tam thừa lục phàm đều như con một. Vì sao vậy? Do họ đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Tam thừa hãy để đó. Lục phàm là trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Tuy có cao thấp khác nhau, khổ vui khác nhau, nhưng đều chưa đoạn được Hoặc nghiệp, chưa ra khỏi sanh tử. Phước trời nếu hết liền phải đọa xuống. Tội trong địa ngục nếu tiêu bèn lại sanh lên. Hết như bánh xe, hết lên cao lại xuống thấp.

Ta nay may được thân người, lẽ ra phải khéo léo bày cách để cứu giúp, thương tiếc sanh mạng loài vật, thể

hiện đức hiếu sanh của trời đất, thể hiện lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Ấy là vì các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng hưởng sự sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất. Lại cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết. Người có lòng nhân đối với xương khô còn nhặt lấy đem chôn, đối với cỏ cây còn để mọc dài chẳng chặt, nào chịu vì sưng bụng miệng mà khiến cho các loài vật trên cạn, dưới nước phải chịu nổi khổ cắt, xẻ, nung nấu ư?

Phải biết rằng các loài vật từ vô thi đến nay cũng từng ở địa vị cao sang, tôn quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết mượn oai quyền để ban bố ân đức; trái lại cậy quyền tạo nghiệp, khiến cho ác nghiệp chất chứa như rừng, đọa trong dị loại. Miệng chẳng nói được, tâm không suy nghĩ, thân không tài khéo nên mắc phải nạn này. Tuy thịt mềm bị cưỡng ăn là chuyện đã đành, nhưng oán hận đã kết, há chẳng đòi đòi kiếp kiếp lo báo thù cái oán niệm này chẳng?

Ví dụ con người chẳng nghĩ đến nổi khổ của những con vật bị giết, lẽ nào chẳng sợ oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt mất phước thọ của mình hay sao? Người nào mong cho quyền thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, rất nên phát tâm đại bi, thực hành phóng sanh, khiến cho thiên địa quỷ thần thấy đều thương xót tấm lòng

thành thương loài vật của ta sẽ khiến cho những điều mình mong mỏi được thành tựu.

Nếu cậy mình có tiền tài, mình có trí lực, bày ra đủ cách bắt lấy các con vật hòng thỏa mãn bụng miệng mình, chẳng kể đến nỗi thống khổ của chúng, há còn đáng gọi là con người đứng cùng với trời đất thành tam tài chăng? Nhưng ta với chúng cùng trong sanh tử từ vô thủy đến nay, cố nhiên chúng đều là cha, mẹ, anh, em, thê thiếp, con cái của mình, mình cũng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của chúng. Mỗi con vật ấy trong khi làm người hoặc lúc trong dị loại, từng bị ta giết; ta cũng trong lúc làm người, hoặc trong lúc làm dị loại, từng bị chúng giết. Làm kẻ oán, người thân, sanh ra nhau, giết hại nhau.

Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Hãy gấp rút sửa đổi, hối hận, vẫn còn là chậm, hưởng hồ cứ quen thói cũ, vẫn chấp mê tình, cho rằng trời sanh ra dị loại vốn là để làm thức ăn cho con người ư? Ta vẫn còn đầy đủ Hoặc nghiệp nên không cách nào thoát ra ngoài luân hồi được. Vạn nhất, chúng nó tội đã diệt, lại sanh làm người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong chúng sẽ rủ lòng từ cứu viện ngõ hầu lìa khổ được vui, chúng được Phật tánh. Há nên cậy vào sức mạnh một thời để đạt cái khổ bao kiếp dài lâu không được cứu vớt chăng?

Phải biết: Người cùng loài vật cùng mang cái thân huyết nhục này, cùng có tánh linh tri, cùng sanh trong vòng trời đất. Chỉ do đây kia tội phước bất đồng, đến nỗi đời này hình chất thông linh hay ngu xuẩn sai khác. Cây ta mạnh hiệp loài yếu, dùng thịt chúng nó no đầy bụng mình, khoái lòng thích chí, cho đó là phước báo. Chẳng biết rằng một khi phước lực đã tận, nghiệp báo hiện tiền, lúc bị người giết chóc, thân chẳng kháng cự lại được, miệng chẳng nói nổi, trong lòng buồn sợ, đau đớn, khổ sở, mới biết chuyện ăn thịt là một tội vạ lớn vậy.

Người ăn thịt đúng là La Sát, dù chẳng giết người để ăn thịt cũng không được. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười loại sanh vật. Chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh đến cùng tội đời vị lai”*.

Lại còn nhiều kiếp đến nay sanh ra lẫn nhau. Đã không có đạo lực để cứu tế, nữ nào để chúng nó bị dao xả cực khổ, hòng miệng lưỡi mình hưởng vị ngon chẳng? Trong kinh Nhập Lăng Già, đức Thế Tôn bao lần quở trách chuyện ăn thịt. Có đoạn chép: *“Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, quyến thuộc nam nữ cho đến bằng hữu thân ái, kẻ hầu. Qua đời khác, phải thọ các thân chim, thú... sao lại*

dùng chúng nó để ăn?” Phàm những ai sát sanh ăn thịt, nếu nghĩ đến điều này, ắt sẽ giật mình kinh sợ, tỉnh ngộ, thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thủy loài vật nữa!

Ta cùng hết thủy chúng sanh đều trong luân hồi; từ vô thủy đến nay thay phiên sanh ra nhau, lần lượt giết nhau. Cố nhiên ai nấy đều từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của chúng ta, ta cũng từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của mỗi kẻ đó. Cố nhiên, bọn họ do sức ác nghiệp trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị ta giết hại, ta cũng do sức ác nghiệp trùng trùng ở trong loài người hoặc trong dị loại bị chúng giết hại. Trải kiếp dài lâu, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn chẳng ngừng nghỉ. Phàm phu chẳng biết, Như Lai thấy thấu triệt. Chẳng nghĩ thì thôi, hễ nghĩ đến, hổ thẹn, đau xót khôn ngăn!

Ta nay may nhờ phước thiện đời trước sanh trong loài người, tất nhiên nên giải trừ oán hận, tháo mối trói buộc, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thủy những loài có sanh mạng ấy đều được yên ổn. Lại còn vì chúng nó niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ khiến chúng được độ thoát. Nếu như chúng nó nghiệp nặng chẳng được sanh ngay, nương vào công đức từ thiện này, chắc chắn khi lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi, liền được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chúng được Phật Quả.

Vả nữa, thương yêu loài vật, phóng sanh, cở thánh tiên hiền đều làm chuyện ấy. Vì thế, kinh Thư chép chim, thú, cá, ba ba đều cảm mến Văn Vương. Văn Vương thương xót cả xương khô, hướng hồ gì loài vật có tri giác! Còn như Giản Tử thả chim bồ câu, Tử Sản nuôi cá, Tỳ Hưu cứu rắn, Dương Bảo thả chim sẻ. Đây là do tấm lòng nhân bình đẳng của Thánh Hiền, chứ họ nào biết đến nghĩa lý: mỗi loài hàm linh xuẩn động đều có Phật tánh, lần lượt thăng trầm, làm kẻ oán, người thân lẫn nhau, tương lai quyết định thành Phật.

Mãi đến khi đại giáo truyền sang Đông, lý nhân quả ba đời, chúng sanh - Phật - tâm bình đẳng vô nhị mới được sáng rực trong đời. Phạm là bậc đại thánh, đại hiền, không ai là chẳng kiêng giết, phóng sanh, hòng vãn hồi sát kiếp, hòng bồi đắp phước quả, dứt đao binh hầu làm nền tảng cho ngày tháng an vui. Cổ nhân nói: *“Dục tri thế thượng đao binh kiếp; tu thính đồ môn bán dạ thanh”* (Muốn biết binh đao trên cõi thế, lò mổ nên nghe tiếng giữa đêm). Lại nói: *“Dục đắc thế gian vô binh kiếp, trừ phi chúng sanh bất thực nhục”* (muốn cho thế giới thái bình, trừ phi nhân loại đồng tình ăn chay). Do vậy, biết rằng kiêng giết, phóng sanh chính là kế sách tốt lành nhỏ sạch rẫy, lập tận nguồn để cứu đời vậy.

- Một niệm tâm tánh của hết thầy chúng sanh và một niệm tâm tánh của tam thế chư Phật trọn chẳng phải

hai. Nhưng do mê chưa ngộ nên bao kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, mãi không ngừng nghỉ. Tuy đường lành trời người so với tam đồ ác đạo khổ vui khác xa nhau, nhưng đều là thuận theo nghiệp lực thiện ác cứ luân hồi mãi! Thiện đạo chẳng đáng tin cậy, ác đạo thật đáng sợ. Há chẳng nên vun bồi nhân lành, cứ tạo càn ác nghiệp, cứ cậy mình mạnh, hiếp đáp kẻ yếu, bắt lấy hết thầy chúng sanh trên cạn, dưới nước giết ăn chẳng?

Trước kia, khi Phật giáo chưa truyền sang, thánh nhân Nho giáo đều dùng luân thường thế gian để giảng dạy. Đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và sự chuyển biến, thăng trầm, luân hồi lục đạo, cũng như chuyện đoạn Hoặc, chứng Chân, siêu phàm, nhập thánh, dù là Lý hay Sự đều chưa giảng ra. Vì thế chẳng cấm giết, nhưng cái tâm bất nhẫn đã nêu tỏ lăm ròi trong các lời dạy để lại cho đời.

Chẳng hạn như, kinh Thư nói chim, thú, cá, ba ba đều quyền luyến, sách Luận Ngữ nói thả câu nhưng chẳng vãi chài, chẳng bán ban đêm. Mạnh Tử thấy sống, không nỡ thấy chết; nghe tiếng chẳng nỡ ăn thịt. Kinh Lễ chép: Chư hầu chẳng vô cớ mổ trâu; đại phu chẳng vô cớ giết dê, kẻ sĩ chẳng vô cớ giết chó, lợn; thứ dân chẳng vô cớ ăn món ngon. “Món ngon” chính là thịt vậy.

Đủ thấy rằng: đối với việc sát sanh, Nho Giáo cũng chẳng phải không hạn chế vậy, chỉ là quyền biến để dạy

đỗ, chứ chưa thể vĩnh viễn cấm hẳn được. Có duyên có mới giết, cố nhiên kẻ giết cũng ít. Vô có chẳng ăn thịt thì trong một năm ăn thịt được mấy ngày? Hậu thế, sự giáo hóa suy đồi, quen thói tàn nhẫn, bèn coi chuyện ăn thịt như chuyện cơm bữa trong nhà, chỉ cốt sao khoái khẩu, chẳng biết đến nỗi khổ của loài vật.

Đến khi Phật giáo truyền sang Đông thì chân lý, sự thật thường trụ vĩnh viễn “hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh” và “mê thì luân hồi sanh tử, trọn không lúc nào xong”, “ngộ thì triệt chứng Niết Bàn” mới được xiển minh rõ ràng. Mới biết rằng các dị loại này nọ đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Chẳng những chẳng dám giết ăn, lại còn mong cho chúng nó đều được sống yên ổn. Do vậy, vua thánh, tôi hiền, bậc triết sĩ, bậc hồng nho, đa phần đều kính tuân lời Phật giáo huấn, tài bồi lòng nhân của chính mình. Hoặc là ăn chay, bỏ hẳn ăn mặn, hoặc là kiêng giết, phóng sanh. Những lời lẽ tốt lành, hành vi hay đẹp ấy được chép trong các sử sách cũng chỉ là để mong người đời sau cùng tu tâm từ, thương xót loài vật, cùng thấy Phật tánh.

Do ác nghiệp nhân duyên, đọa trong đường súc sanh. Ta nay may được sanh trong loài người, nếu chẳng tăng thêm lòng lân tuất, cứ mặc tình sát hại, khó tránh đời sau oan oan tương báo. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trái vi trần kiếp*

ăn lẫn nhau, giết lẫn nhau giống như bánh xe lăn, hét lên cao lại xuống thấp, chẳng có lúc ngừng. Trừ xa-ma-tha và lúc Phật xuất thế, chẳng thế ngưng nghỉ được”.

Nhưng đạo xa-ma-tha thật chẳng dễ dãi, Như Lai xuất thế cũng khó gặp gỡ, dám đâu chẳng học theo gương tiên hiền, chẳng tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của mình mà cứu vớt loài đời bị nấu nướng kia để mong tiêu trừ tức nghiệp, vun bồi căn lành, dứt vĩnh viễn cái nhân sát hại, cùng chứng quả trường thọ vậy!

- Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai. Lập cách cứu giúp còn e chưa kịp, há nên để thỏa miệng bụng mình, bèn giết hại thân xác chúng nó ư? Phải biết rằng các loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cái tâm linh minh giác tri, nhưng vì tức nghiệp sâu nặng đến nỗi hình thể khác xa, miệng chẳng nói được. Xem tình cảnh chúng đi tìm cái ăn, tránh né cái chết, sẽ nhận ra chúng có khác gì con người đâu!

Chúng ta nhờ sức tức phước, may được làm người, tâm có trí lự, phải nên luôn nghĩ đến dân chúng và loài vật cùng sanh từ một bọc cha trời, mẹ đất, mới chẳng phụ bạc cái lẽ con người đứng cùng trời đất thành tam tài vậy! Do cùng được trời đất sanh thành, nuôi nấng, phải mong cho mọi người cùng loài vật đều được sống yên ổn, cùng được trời che, đất chở, cùng vui ngày

tháng mới phải. Nếu như chẳng hiểu thấu cái đức hiếu sanh của trời đất, bụng lung ý niệm tham ăn tục uống của chính mình, cậy mình khỏe, hiếp kẻ yếu, ăn thịt nó để no đầy bụng mình, ắt đến ngày nào đó, túc phước đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng thay đầu, đổi mặt, bị chúng nó ăn, giết trở lại, há có được chăng?

- Tâm tánh chúng sanh giống hệt như Phật. Do nghiệp thiện - ác, báo phân ra người, thú. Người có trí huệ, thú không tài khéo. Cậy mạnh hiếp yếu, giết để ăn thịt. Làm con trong nhà người ta chẳng ngoài lý do đã thiếu nợ nặng. Huống hồ giết thân mạng chúng chỉ cốt sừng miệng, oán hận cố kết, trải bao kiếp đòi nợ lẫn nhau. Thử nghĩ đến điều ấy, trong tâm đau thương.

Nguyên hết thủy chúng sanh trên cạn, dưới nước, không một loài nào chẳng biết đờn đau, khổ, vui, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, nhưng không con vật nào chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, bạn bè, thân quyến trong vô lượng kiếp của ta. Lại không có một loài nào chẳng thể trong đời vị lai, gieo sâu thiện căn, tu trì Tịnh nghiệp, đoạn Hoặc chứng Chân, viên thành Phật đạo. Chỉ vì túc thế ác nghiệp, phải đọa trong dị loại.

Vì thế phải nên sanh lòng thương xót sâu xa, hộ trì chúng, khiến mỗi con vật đều được sống yên vui, há nên cậy mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí đoạt lấy, hoặc

dùng tiền của đoạt lấy, khiến hết thầy bọn chúng bị dồn vào miệng bụng mình? Tuy chúng nó sức chẳng chống chọi được, tâm đã kết mối hận đắng dặc; cho nên đời đời, kiếp kiếp xoay vần giết nhau. Sướng miệng bụng một lúc, giết thân mạng nhiều kiếp. Sánh với chuyện tự giết mình còn khốc liệt gấp bội! Sao lại khổ sở làm chuyện chuốc lấy ương họa này, há có phải là ngu mê đến cùng cực chẳng?

Xưa nước Lỗ có hai gã dưng sĩ, chỉ nghe tên nhau chứ chưa gặp mặt. Một bữa gặp nhau, mua rượu cùng uống. Một gã bảo: “Không có thịt chẳng vui, hãy đi mua thịt!” Gã kia bảo: “Thịt của tôi với anh đây, còn tìm đâu nữa!” Gã thứ nhất bảo ý kiến ấy rất hay, bèn trần áo xẻo thịt mình, hai bên cùng ăn. Kẻ kia lại cắt thịt mình, đưa cho bạn ăn. Dương dương tự đắc, bảo là tình bạn chúng ta tình ý chân thật tốt bậc. Vừa cắt vừa ăn mãi cho đến chết. Những người trông thấy đều than: “Hai gã ngu!”

Do vì ăn thịt, người đời tạo các sát nghiệp đến nỗi bao kiếp xoay vần giết hại lẫn nhau. So với hai gã dưng sĩ kia càng khốc liệt hơn! Do không mắt huệ, chẳng biết hậu báo, lại coi là chuyện đắc ý để khoe khoang, kiêu hãnh, chê kẻ ăn chay là mê tín cùng là bạc phước. Thế tục tán thành, nào biết là sai!

Vì thế, trong các kinh Đại Thừa Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v... đức Như Lai đã cực lực phơi

bày cái họa sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhỏ rể lấp nguồn vậy. Gần đây, sát kiếp thảm khốc, thiên cổ chưa từng nghe, lại còn các tai vạ: nước, lửa, tật dịch, gió lốc, động đất, hạn hán, lụt lội... thành linh xảy ra. Nói chung đều là do sát nghiệp duyên khởi đến nỗi thế đạo, nhân tâm càng ngày càng thấp. Do vậy, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, như đứng trước tấm gương, chẳng thể tránh khỏi bị soi bóng.

- Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, coi tạo nghiệp là tu phước, kẻ như vậy rất nhiều. Điều mắt nhìn thấy thảm, lòng thấy xót xa nhất không gì bằng chuyện cúng tế quỷ thần. Phú quý đại gia luôn giết con vật lớn để tế: một mặt để cầu được nhiều phước, một mặt để phô phang mình giàu có. Còn những nhà nghèo khó cũng phải giết gà, giết vịt để cầu thần thường bảo hộ, khiến cho phước thọ tăng thêm, lâu dài hơn, mọi việc đều như ý.

Chẳng biết thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, quỷ thần lấy thiên địa làm chủ tế các sự, há chẳng phải là tâm ấy trái thiên nghịch địa ư? Vì hưởng một kỳ tế lễ của ta khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu nỗi khổ cắt xẻ, ông thần ấy còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh, chánh trực, thương thiện, phạt ác nữa chăng? Nguyên do là bọn ngu phu tham ăn, chỉ mượn danh quỷ thần, giết thú lớn, vật nhỏ, cốt sao thỏa thích bụng

miệng, quen dần thành thói, chẳng biết là đã tạo đại ác nghiệp!

Bảo là cúng quý thần, thần có ăn đâu? Huống hồ đã gọi là thần, ắt phải vâng giữ đức thông minh, chánh trực, ắt phải chuẩn theo việc thiện hay ác mà giáng phước hay gieo vạ. Há phải đâu ai sát sanh cúng bái mình, dù nó làm ác vẫn cứ giáng phước; kẻ nào chẳng sát sanh cúng tế mình, dù có làm thiện cũng cứ gieo vạ ư? Nếu vậy, tâm hạnh của ông thần ấy có khác gì tâm hạnh của bọn tiểu nhân vô lại nơi chợ búa đâu? Làm sao xưng là ông thần thông minh, chánh trực được nữa? Đã là một vị thần thông minh, chánh trực, chắc chắn chẳng vì thói yêu tà, quý quái này mà chẳng tuân thủ đạo đức, nhân nghĩa!

- Người đời chỉ biết ăn thịt là ngon, bèn vì ý niệm tham cầu thứ hôi thối, tanh tươi ấy, cho rằng thần thánh cũng giống như vậy. Từ đấy kẻ nọ người kia bắt chước nhau, chẳng biết là trái. Ví như giò tửu ăn phân, nghĩ thiên tiên cũng phải tham ưa vị ngon này, bèn thường muốn dâng lên để cầu được ban thưởng phước khánh!

Những con vật bị giết kia phần nhiều đều là những kẻ trong đời trước sát sanh cúng tế quý thần ngỗ hầu chính mình có dịp ăn thịt, nay phải đền trả quả báo sát sanh khi ấy. Thế nhưng hết thấy kẻ ngu nghe nói đến chuyện sát sanh tế thần bèn vui mừng, hớn hờ, coi đây

là chuyện làm phước, chẳng biết tương lai sẽ phải biến thành những giống vật ấy. Lúc bị người giết, có miệng chẳng nói được, không cách nào thoát khỏi.

Huống những ai đã thâm nhập Phật pháp, đã thọ đại giới nhà Phật, là bậc cao nhân lỗi lạc suốt đời ăn chay, do ham muốn ăn thịt bèn vô cớ bịa chuyện, giết vô số sanh mạng để cúng tế. Cái tội nghịch trời, trái lý, dối thánh, khinh hiền ấy khiến cho đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi làm các loài vật bị giết chóc ấy, há chẳng đáng buồn bã lắm sao?

Người đời mắc bệnh cùng bị những tai nạn nguy hiểm, chẳng biết niệm Phật tu thiện, lại lầm lạc cầu đảo quỷ thần, đến nỗi sát hại sanh mạng. Nghiệp tăng thêm nghiệp, thật đáng thương xót! Người sống trong đời có những cảnh duyên gì, đa phần là do túc nghiệp.

Đã mắc bệnh khổ, nên niệm Phật tu thiện, sám hối túc nghiệp, nghiệp tiêu bệnh sẽ lành. Hạng quỷ thần kia chính họ còn đang trong biển nghiệp, sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dù là vị chánh thần có đại oai lực đi nữa thì oai lực của vị ấy so với oai lực của Phật, Bồ Tát khác chi lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo, lại hướng về quỷ thần cầu đảo, chính là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy. Không thể không biết điều này!

Thêm nữa, hét thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá

khứ, là chư Phật vị lai, lẽ ra nên kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc mạng sống loài vật, chớ nên theo tri kiến thế tục, cho rằng dâng thức ngon lành lên cha mẹ mới là hiếu. Kẻ chưa nghe Phật pháp chẳng biết sự lý luân hồi lục đạo, lầm tưởng đây là hiếu, còn tha thứ được. Chứ nếu là người đã nghe Phật pháp, giết phụ mẫu, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại và dùng trong tang tế v.v... chẳng những chẳng phải là hiếu đạo, mà còn thành ngỗ nghịch nữa!

Bởi vậy, do nghe nghĩa đế chân thật của Phật pháp những người thông đạt đều chẳng chịu làm theo những pháp tạm của thế tục. Bởi những pháp tạm bợ ấy chỉ thuận theo mê tình thế tục mà lập, chẳng phải là đạo thấy thấu suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai vậy!
(Trích dẫn *Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Càn là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt của ta, loài vật giống như ta¹⁰. Đây chính là chí hướng thường hằng coi con người và loài vật bình đẳng như nhau của nhà Nho vậy. Nghiêm cấm đọa thai phá trứng để chim, thú, cá, ba ba đều được sống yên vui (“*Điều thú ngư miết hàm nhược*”: “*Nhược*” nghĩa là thuận. “*Hàm nhược*” là đều được sống thuận lợi vậy).

10. “*Vật ngô dữ dã*”. Trong nguyên bản, sau chữ Dữ có chú thích “與,友也” (Dữ, hữu dã: Dữ là bạn bè). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách *Tứ Thư Giảng Yếu*. Trộm nghĩ, “vật ngô dữ dã” là “loài vật là bạn bè của ta” và “loài vật giống như ta” theo cách giải thích của *Tứ Thư Giảng Yếu* ý nghĩa không khác nhau cho lắm. Chúng tôi vẫn giữ theo cách giải thích của *Tứ Thư Giảng Yếu* cho nhất quán.

Đấy chính là sự cai trị bằng đức để thắng tàn bạo, trừ giết chóc của bậc thánh vương. Ấy là vì đức lớn của trời đất là Sanh, nỗi khổ lớn lao của con người lẫn loài vật chính là Sát. Thắng bạo tàn, trừ giết chóc phải từ nhỏ đến lớn. Nhân từ với con người, yêu thương loài vật ắt phải từ dễ đến khó. Nếu chẳng hàm dưỡng lòng nhân từ, khoan dung từ cội gốc, ắt sẽ trở thành bỏ nhỏ lấy lớn, bỏ dễ lấy khó vậy! Hằng ngày làm chuyện tàn sát, mà lầm lạc mong mỗi nhân từ với con người, yêu thương loài vật sẽ trở thành nói suông, chắc chắn khó thể thật hành được chuyện ấy! Vì sao nói vậy? Trẻ nhỏ, kẻ bình thường đều có thể thật hành chuyện yêu thương loài vật, hành lâu ngày, bụng dạ đầy áp nhân từ, mai kia có địa vị, nắm quyền cai trị, sẽ có thể che chở dân đen lớn lao. Dầu ẩn cư trong một làng vẫn có thể lấy thân mình đốc thúc mọi người thay đổi phong tục! Như vậy, đạo nhân từ với người khác phải được bồi đắp từ lòng yêu thương loài vật thì mới có thể viên mãn trọn khắp, không có điều tệ vậy! Nếu chẳng do lòng yêu thương loài vật thì tuy trong đời này chưa có gì đáng tiếc, nhưng trong tương lai ắt sẽ phải lo lắng lớn lao, vì đã gieo cái nhân tàn hại loài vật sẽ khó tránh được cái quả luân phiên báo đền lẫn nhau! Nguyện người có lòng nhân với kẻ khác thường suy nghĩ cẩn thận vậy.

Chuyện phóng sanh vốn nhằm khơi dậy thiện tâm của con người trong hiện tại, vị lai, cốt sao họ kiêng

giết, ăn chay, khiến cho khắp mọi hàm thức đều được sống yên ổn, đều hưởng hết tuổi thọ. Gần là dứt được cái nhân giết chóc, xa là diệt được quả báo do giết chóc, nhỏ là khiến cho tâm chúng ta toàn thuần là lòng nhân, lớn là chấm dứt sát kiếp cho toàn thế giới. Chớ nghĩ đây là chuyện chẳng cấp bách, rồi coi thường bỏ qua!
(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bí kỹ thuật công đức của phân hội Tô Châu Hội Cứu Giúp Loài Vật Trung Quốc quyên tặng vĩnh viễn khu vườn ao phóng sinh cho Linh Nham Sơn Tự để làm hạ viện)

* Chuyện ăn thịt là chuyện kỳ quái nhất, nhưng do quen làm đã lâu, chẳng biết là sai, ngược ngạo coi đó là lẽ. Vì thế, té trời đất, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa đều dùng thịt làm vật biểu thị tấm lòng cung kính. Thánh nhân thế gian chẳng nói đến sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, cũng tùy thuận tâm tình của thế tục mà làm theo, nhưng vẫn ra rả về đạo “thương dân, yêu vật”. Suy từ lòng nhân yêu thương loài vật của thánh nhân, đủ biết sự vô nghĩa của việc dùng thịt nhằm biểu lộ lòng thành, lòng hiếu thảo, hay lòng cung kính! Để biểu thị tấm lòng thành, hiếu thảo, cung kính của ta, hãy nên dùng những món hết sức nhân từ, tươi tắn, thanh tịnh thì mới nên, sao lại dùng những con vật hết sức ô uế như heo, dê, gà, vịt, cá, tôm v.v... Chúng đang sống sờ sờ lại đem giết chết. Lúc

những con vật ấy chết, nổi đau đớn, thảm khóc, lòng oán hận khó thể tuyên nói được. Người có lòng nhân sao nỡ giết những con vật ấy để biểu thị tấm lòng của chính mình ư? Hãy thử suy nghĩ xem: Lòng thành kính ấy có phải là lòng thành kính thuận lý hay không? Hay là lòng thành kính trái đức vậy? Người nhân cúng giỗ tổ tiên còn tìm thóc từ nơi người có lòng nhân. Nay cầu món thịt bị giết, bị chặt mà là thành kính hay sao?

Do vậy, nói: Sát sanh để tế trời đất chính là trái nghịch đức hiếu sanh của trời đất, thiên thần địa kỳ¹¹ há coi những con vật ô uế ấy là thơm sạch mà hâm hưởng¹² hay sao? Phàm những kẻ cúng tế chỉ là muốn mượn cơ đó để ăn những thứ đồ cúng đầy thôi! Đối với chuyện cúng tế tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, hãy nên nghĩ cách có ích cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa thì mới hợp lý. Nay dùng sát nghiệp cực thảm khóc để biểu thị tấm lòng hết sức thành kính của ta, khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa đều phải mang lấy cái họa do sự giết chóc thì tấm lòng thành kính ấy chính là họa hại, chứ chẳng phải là thành kính!

Huống chi hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, chẳng càng ra sức cứu vớt, lại ngược ngạo biểu thị lòng thành kính của ta bằng cách

11. Thiên thần địa kỳ: Thần trên cõi trời gọi là “thiên thần”, thần cai quản cõi đất được gọi chung là “địa kỳ”.

12. Hâm hưởng: Quý thần hưởng thụ vật cúng bằng cách ngửi mùi thì gọi là “hâm hưởng”.

ra tay sát hại ư?

Kinh Phạm Võng dạy: “*Nếu là Phật tử thì do lòng Từ hãy nên thực hiện chuyện phóng sanh. Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta. Ta đời đời không lúc nào chẳng được họ sanh ra. Vì thế, chúng sanh trong lục đạo đều là cha mẹ ta, giết để ăn thịt tức là giết cha mẹ ta vậy*”.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Do con người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê, chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, do ác nghiệp cùng sanh đến hết đời vị lai. Người thiếu mạng ta, ta trả nợ người. Do nhân duyên ấy, trải trăm ngàn kiếp thường ở trong sanh tử!*”

Phẩm Đoạn Thực Nhục (bỏ ăn thịt) của kinh Nhật Lăng Già dạy: “*Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi chẳng ngơi trong sanh tử, không ai chẳng từng là cha mẹ, anh em, con cái, quyến thuộc cho đến bạn bè, người thân ái, tôi tớ, đổi sang kiếp khác lại mang những thân cảm thú v.v... Sao lại giết chúng để ăn thịt?*”

Người đời chỉ biết đời hiện tại, chẳng biết đến quá khứ, vị lai. Vì thế, giết thân chúng nó để no ứ bụng ta, coi đó là lẽ đương nhiên. Nếu biết đời đời kiếp kiếp phải đền trả lẫn nhau, cũng như ta và những con vật ấy là cha mẹ, anh em, quyến thuộc của nhau, sanh ra nhau, là oán gia đối đầu của nhau, giết lẫn nhau, đừng nói

chẳng dám tự ăn, dù té lễ trời đất, tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa cũng chẳng dám dùng thịt! Bởi lẽ, thịt là vật do tinh huyết tạo thành, nói trời đất thần thánh hưởng những thứ ấy, khác gì vu báng các ngài ăn thịt người! Cúng giỗ tổ tiên, phụng dưỡng cha mẹ, đãi đằng khách khứa, nào khác giết tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong quá khứ để cung phụng tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại, lại còn khiến cho tổ tông, cha mẹ, khách khứa trong hiện tại bao kiếp phải thường chịu quả báo giết hại ư?

Chớ nói con người luân hồi thành súc vật là chuyện mờ mịt khó thể tra cứu, sử sách đã ghi chép nhiều không thể kể xiết! Ngay cả những chuyện thấy nghe gần đây cũng chẳng ít gì! Vì thế, đương nhiên phải tin tưởng sâu xa, đừng tạo sát nghiệp, do đã tạo sát nghiệp ắt sẽ phải chịu sát báo! Kinh dạy: *“Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”*. Sợ nhân thì chẳng gây nhân giết chóc, sẽ tự chẳng có sát báo. Sợ quả chỉ là uổng công kinh sợ, trọn chẳng có ích gì! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa giải bày ý nghĩa việc Cúng Tế Tổ Tiên Bằng Cỗ Chay*)

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Phật xem hết thấy chúng sanh đều là Phật, nên kinh Phạm Võng nói: *“Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy, giới phẩm*

đã đầy đủ”, bởi lẽ, tin chính mình là Phật chưa thành thì chắc chắn muốn cải ác tu thiện, phát tâm Đại Bồ Đề tự lợi, lợi tha, ngỗ hầu đoạn sạch Phiền Hoặc, đích thân chúng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi cái tâm này. Tin hết thấy chúng sanh trong sáu đường đều là Phật chưa thành, chắc chắn sẽ tận lực khuyến lơn, chỉ bảo, duy trì đồng loại, chắc chắn chẳng làm chuyện tranh giành, tàn sát lẫn nhau, chắc chắn sẽ muốn kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tạo sự thuận lợi lớn lao cho dị loại, chắc chắn sẽ không có cái tâm tham độc ăn thịt kẻ khác để bồi bổ cho ta.

Do con người chẳng biết chính mình và hết thấy chúng sanh đều là Phật chưa thành nên mới tranh chấp, giết người ngậm thành, ngậm đồng chẳng tiếc nuôi, cũng như giết thân chúng nó hòng thỏa thích bụng miệng ta. Người đời sát sanh quen thói nên coi thường, sự thể lớn - nhỏ gì cũng đều phải giết chóc. Té thần, cúng giỗ tổ tông, phụng dưỡng cha mẹ, đãi khách, không có thịt sẽ chẳng thể thành lễ được! Dem chuyện cực khổ, cực thảm giáng xuống thân loài vật, nhằm biểu thị tấm lòng thành khẩn, hiếu kính của ta.

Nếu luận trên phương diện mê muội thì còn chấp nhận được, chứ luận trên thực tế thì đáng thương quá đỗi! Bởi lẽ, hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyền thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia

đổi đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dầu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!

Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngở hầu hết thấy mọi người biết là do Phật hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có hình ảnh đức Phật ngự trong ấy khiến cho tai mắt con người thấy nghe phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời, những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú, đã giết rồi, mới biết là Phật. Do vậy biết sát sanh chẳng khác gì giết Phật! Dầu không phải do đức Phật hiện ra, cũng vẫn là Phật đời vị lai. Giết ăn thì tội quá biển cả, núi non, hãy gấp đầu đầu răn chừng, ngở hầu được giải thoát.

Phải biết: Con người và loài vật tuy khác, mang hình dạng có linh tánh hay ngu xuẩn, kẻ ngốc tâm thức tối tăm, loài vật có linh tánh thì trí lại sáng rõ: Ngũ Luân, Bát Đức¹³ cố nhiên chẳng nhường con người, lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người.

13. Ngũ Luân: Năm mối quan hệ trọng yếu giữa người với người: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.

Bát đức: Hiếu, đê, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si.

Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn!

Lần xem sử sách, từ xưa đến nay, phạm những ai lợi người lợi vật, con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người hại vật, con cháu nhất định tâm thường, kém cõi, diệt tuyệt. Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch rằng: *“Tích thiện chi gia tất hữu dư khánh, tích bất thiện chi gia tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện sự vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). “Dư khánh, dư ương” chính là những thứ thừa sót lại của “chánh khánh, chánh ương”. Chánh khánh, chánh ương là những gì bản thân người ấy phải thọ trong đời kế tiếp hay trong những đời sau nữa do tích thiện hay tích bất thiện, so với dư khánh, dư ương sẽ còn hơn gấp trăm ngàn vạn ức lần! Nếu con người biết được điều này, chắc chắn chẳng chịu vì sung sướng nhỏ nhất một lúc để rồi vĩnh viễn chịu đựng mọi họa hại lớn lao đến vô cùng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Vật Do Như Thử*)

* Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều. Dẫu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra! Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người

chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng! Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điền, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau. Chẳng nhỡ bỏ cái gốc ấy, khó chuyển được sát kiếp! Huông chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý “nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo”, bèn coi chuyện “tự lập, lập người, tự đạt, làm cho người khác đạt” là viển vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải người khác về tay ta. Do vậy, tranh thành, giành đất, dẫu giết người ngập thành, ngập đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn! Họ chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt tài sản trong đời trước nay đến sanh vào nhà ta thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trung Tín Lục của chùa Pháp Vân*)

* Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác. Đã

có tri giác, ắt tham sống sợ chết, hướng lành, lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rắn, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường, bắt giết, thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được! Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả, khiến cho chúng nó được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được! Dầu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân, báo oán, nhưng cái duyên thiện - ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai, ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được! Dầu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi!

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm; chẳng biết những tai ương thê thảm như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v... phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra! Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh*)

* Chuyện phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm

kiêng giết, bảo vệ sanh mạng của đồng nhân, thực hành ý niệm “bất nhân, trắc ần” của chính mình mà thôi. Người đời đông đúc, tâm hạnh mỗi người mỗi khác. Tuy chẳng thể cảm động toàn bộ mọi người, dầu chỉ cảm động được một người thì suốt một đời kẻ ấy đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, huông chi chẳng phải chỉ có một người bị cảm động mà thôi!

Nếu nói “cá nhỏ bị cá lớn ăn, dẫu có thả trong sông to cũng khó khỏi sa lưới rập” thì kiểu suy tính này tự hồ có lý, nhưng thật ra đã ngăn trở thiện niệm của người khác, giúp người ta tạo sát nghiệp. Kẻ ấy may mắn được làm người, bản thân có lẽ chẳng đến nỗi bị giết chóc nên mới nêu ra lý lẽ vô lý đó để tỏ ra mình có trí hòng khuất phục kẻ phóng sanh. Nếu kẻ ấy là cá và là các sanh mạng lúc sắp bị giết, chắc chắn sẽ chẳng chịu khởi lên thứ ý tưởng ấy, chỉ mong có người cứu mạng cho mình, chẳng hề có ý tưởng “dù có được loài khác cứu, vẫn sợ sau này lại bị loài vật khác ăn thịt hay bị người khác bắt được”, chỉ nguyện cam tâm bị giết để sau này khỏi gặp tai ương nữa!

Nếu trong lúc ấy mà khởi lên được ý niệm ấy thì vẫn chưa đủ để tranh cãi! Huông chi muôn vàn phần là trong lúc ấy chẳng thể nào khởi lên được ý niệm ấy! Trong lúc không bị dính dáng đau đớn, lại thốt ra lời ấy ngăn trở thiện niệm của người ta, đây động cơ duyên giết chóc của người ta! Nếu kẻ ấy trong đời sau

chẳng tự thọ lấy quả báo ấy thì mặt trời, mặt trăng sẽ từ phương Tây xoay sang phương Đông, trời đất sẽ đổi ngôi vậy! Há nên thốt lời xằng bậy ư?

Cá lớn nuốt cá nhỏ cố nhiên có chuyện ấy, đã thả ra rồi bị bắt lại cũng chẳng thể không có chuyện ấy. Nếu nói cá nhỏ bị cá lớn ăn sạch không còn sót gì thì chẳng hề có sự lý ấy! Những con vật được thả đều bị người ta bắt lại hết, cũng chẳng hề có sự lý ấy! Sao lại lo lắng quá đáng như thế?

Ví như cứu giúp dân chúng bị nạn thì cho người ta một manh áo hoặc một bữa ăn, họ cũng chẳng đến nỗi phải bị chết ngay. Trong lúc ấy bèn nói: “Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể no ấm suốt đời được? Cho họ có ích lợi chi đâu, chẳng thà để họ chết rét, chết đói thì sẽ chẳng bị chết đói, chết rét lâu dài ư?” Lại như cường đạo cướp bóc người ta, nếu được kẻ có sức mạnh chống cự, kẻ ấy (tức nạn nhân) sẽ nói: “Nếu ông có thể chống cự suốt cả đời thì tốt lắm, chứ chỉ chống cự được một chốc, có ích gì đâu? Đâm ra chẳng bằng cứ mặc kệ cho nó cướp sạch hết đi, sau này sẽ chẳng lại bị cướp đoạt nữa thì hay hơn!” hay sao? Cha mẹ thường nuôi nấng vỗ về con cái, nhưng mẹ hiền chẳng thể nuôi nấng, vỗ về thân đời sau của đứa con, nó sẽ nói: “Chẳng thể nuôi nấng, vỗ về, chẳng thà giết đi thì hơn!” hay sao?

Quân tử tu đức, chẳng vì điều thiện nhỏ mà không

làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Những kẻ cứ mong muôn điều chẳng sai sót một điều nào rồi mới chịu thực hành phóng sanh sẽ làm cho người trong cả cõi đời dẫu sống hết tuổi thọ đều chẳng thực hiện chuyện kiêng giết, phóng sanh, trong tương lai ắt họ sẽ lâm vào cảnh “muôn người không một ai có thể cứu cho mình khỏi chết được!” Buồn thay, đau đớn thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng*)

* Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa. Vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là Tam Tài. Từ đây, sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đây chẳng phải là “kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất” đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, như vậy thì muôn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên

gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v... Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra! Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt! Không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụt đến nhiều kiếp.

Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất, vậy thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Vệ Sinh Tập*)

* Nhận được thư đầy đủ, khoản tiền phóng sanh ông đã gửi sẽ dùng vào các món chi phí lặt vặt cho lễ phóng sanh, miễn sao chính mình không đem khoản tiền ấy dùng vào việc khác thì sẽ không trở ngại gì; cũng không ngại nói rõ với mọi người khi họ tụ tập tham dự lễ phóng sanh thì mình lẫn người đều không phải lo nghĩ gì! Quang một mực chẳng chủ trương phóng sanh vào những ngày khánh đản Phật, Bồ Tát và trong những ngày tốt như mùng Một, ngày Rằm. Chuyện này đã thành lệ nhất định không thay đổi được, do có nhiều người phóng sanh trong những ngày ấy mà những kẻ

đánh bắt loài vật sẽ đặc biệt sẵn bắt nhiều hơn; cũng lắm khi vì có người phóng sanh mà họ mới đi bắt! Thói đời phần nhiều háo danh, người ta ưa phóng sanh trong những hôm ấy để được tiếng! Lòng người phần nhiều lại hay quen thói làm gì cũng chấp chặt theo lệ: Nếu chẳng phóng sanh trong những bữa ấy sẽ không chịu mua loài vật để phóng sanh trong các hôm khác. Tuy Quang thường nói với người khác như thế, rốt cuộc cũng chỉ trở thành nói uổng công!

Thêm nữa, cũng chớ nên phóng sanh loạn xạ. Đem thả xuống sông lớn thì không sao; chứ đem thả trong ao, phàm là cá dữ mà cũng thả lẫn vào đó, tức là thả giặc vào chỗ nhân dân tụ tập, lũ cá đều trở thành thức ăn cho nó! Muốn mỗi một việc đều đúng như pháp thì quả thật khó thể làm được. Do vậy, hãy nên cực lực đề xướng “*kiêng giết, ăn chay*” để làm cách giải quyết từ căn bản; chứ phóng sanh chỉ là chuyện thực hiện hành vi cứu vớt phần nào nhằm mong sao ai nấy đều cùng thấu hiểu ý nghĩa phóng sanh mà thôi! Nếu tận sức phóng sanh mà chưa thể lập cách phù hợp thì cũng chỉ là công vẫn chưa bù được tội.

Hành động phóng sanh về mặt Sự tuy vì loài vật, nhưng về mặt Ý thì thật sự vì con người. Nếu con người ngưng giết chóc, cố nhiên chẳng cần dùng đến hành động ấy. Nhưng con người tâm ăn thịt càng thịnh, nếu không lập ra hành động ấy; lâu ngày chầy tháng, hành

vi dã man ở Phi Châu¹⁴ sẽ lưu hành khắp cõi đời! Há chẳng nên không lập sẵn cách để những kẻ ham giết chóc, ưa ăn thịt kia sẽ cùng sanh lòng răn dè tự phản tỉnh ư? Người phóng sanh chỉ nên mang ý niệm chẳng nỡ sát sanh, chứ đừng so đo con vật sẽ được thả ấy có ăn những sanh vật khác hay không! Loài cá phần nhiều ăn cá nhỏ hơn và những loài trùng nhỏ sống trong nước (tiểu thủy trùng). Nếu biện luận như thế thì thả một con cá to ắt hằng ngày nó sẽ giết vô số cá nhỏ và thủy trùng, tức là “*thả một, giết nhiều*”, vậy là “*công ít, tội nhiều!*” Nhưng trút¹⁵, rắn, rái cá, xét đến cùng chẳng có mấy; đã chẳng thể mua hết các sanh vật để thả thì có lẽ cũng nên làm từ từ để khỏi bị kẻ rỗi hơi bàn ra tán vào!

Phóng sanh thì hãy nên lấy việc “chí thành niệm Phật, trì chú cho những con vật ấy” làm gốc. Bất quá, tất cả nghi thức cũng chẳng qua nhằm biểu thị pháp

14. Tức tục lệ ăn thịt người của những bộ lạc cổ sơ ở châu Phi.

15. Xuyên Sơn (gọi đủ là Xuyên Sơn Giáp) thường được biết dưới tên Trút (Pangolin) hay Tê Tê, là một loại thú ăn kiến, thân dài, đuôi dài, mũi nhọn dài, toàn thân phủ đầy những tấm vảy cứng trông như bộ giáp, thường thấy ở Á Châu. Theo Wikipedia, cái tên Pangolin xuất phát từ chữ Pengguling (vật cuộn tròn) trong tiếng Mã Lai. Trút thường hoạt động kiếm ăn vào ban đêm, ngày cuộn tròn lại ngủ. Khi gặp nguy hiểm, chúng cũng cuộn tròn mình lại, dựng những tấm vảy cứng sắc lên để tự vệ. Trút có bốn chân ngắn nhưng rất sắc và mạnh, có thể đào tung những ụ mối, tổ kiến kiên cố để kiếm mồi, nên người Hoa mới gọi nó là Xuyên Sơn (xuyên qua núi). Trút thường có lưỡi dài giúp chúng có thể quét lưỡi vào những ngõ ngách trong tổ kiến, ổ mối để ăn những con mối non, kiến non. Người Hoa thường tin thịt Trút rất bổ dưỡng và nhiều dược tính. Họ tin vảy Trút có tác dụng chữa sưng phồng, luân lưu huyết khí và giúp phụ nữ mới sanh có nhiều sữa nên Trút bị săn bắt tàn nhẫn, gần như bị tuyệt chủng ở Trung Hoa.

tướng mà thôi! Nếu như có ai khác hiện diện trong khi phóng sanh, cố nhiên nên dựa theo nghi thức mà làm. Nếu không, chỉ dốc hết lòng Thành niệm Phật là được rồi! Hơn nữa, đối với những con vật sắp được thả, nếu nhằm ngày Hè hãy nên thả cho mau. Nếu câu nệ lễ lới, cứ chiếu theo nghi thức để thực hiện, chắc sẽ phải tốn thời gian, bất lợi cho mạng sống của con vật. Cư sĩ phóng sanh hãy nên theo cách thức đơn giản. Nếu tâm chân thành, không giả dối, tiếm việt, thì chiếu theo nghi thức để phóng sanh cũng không phải là hoàn toàn không được! Nếu làm lạc bắt chước theo nghi thức của Tăng sĩ, sẽ trở thành Ngã Mạn! Pháp cố nhiên viên dung, nhưng phải khéo dụng tâm. Tại gia cư sĩ có thể làm lễ phóng Mông Sơn thì cố nhiên thực hiện nghi thức Phóng Sanh cũng không trở ngại gì! Nhưng cần phải trọn chẳng mang tâm tiếm việt, ôm ý niệm độ sanh sâu xa thì mới được!

Xét ra, trong năm Dân Quốc 22 (1933), tức năm Quý Dậu, chùa Dũng Tuyên ở Cổ Sơn khánh thành vườn phóng sanh vừa mới được xây dựng, Đại Sư soạn bài văn bia, cho khắc vào đá đặt trước Bạch Vân Đường, đã nêu tỏ lý phóng sanh không còn sót. Nay chùa Trường Khánh là sơn môn bậc nhất ở Di Sơn, Phước Châu, xây thêm tường vây quanh ao phóng sanh. Xây cất xong xuôi, Đại Sư đã tám mươi tuổi, sức yếu, mắt lòa, chẳng dám phiền Đại Sư viết lách, chỉ kính cẩn sao chép bút

tích chân thật từ sáu bài chỉ bày ý nghĩa trọng yếu của việc phóng sanh do Đại Sư đã gửi đến dạy dỗ trước kia, khắc vào đá, đặt bên trái ao. Nguyên những người theo đuổi việc phóng sanh trong hiện tại và vị lai đều cùng cố gắng! (Ngày lành tiết Trọng Xuân năm Canh Thìn - Trung Hoa Dân quốc 29 (1940), đệ tử quy y La Trí Thanh kính cẩn viết). (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh-1)

* Người ăn chay đừng nên ăn trứng gà do nó có mầm sống. Dầu không có mầm sống, cũng chớ nên ăn vì nó có chất độc. Có người bảo “ở nơi không có gà trống thì trứng sẽ không có mầm sống”, ở nơi đây rất ít [có loại trứng ấy]. Xưa kia, có một người thích ăn trứng gà, lâu ngày chất độc tích lại trong bụng, sanh ra rất nhiều trứng gà và gà con. Các thầy lang chẳng hiểu căn bệnh ấy. Trương Trọng Cảnh¹⁶ bảo nấu tỏi ăn, liền

16. Trương Trọng Cảnh tên thật là Cơ, tự là Trọng Cảnh, là một y sư nổi tiếng thời Đông Hán, không rõ sanh và mất vào năm nào. Căn cứ theo những dữ kiện được ghi chép về cuộc đời ông, người ta chỉ có thể phỏng đoán ông sanh vào năm 150 và mất vào khoảng năm 219. Ông đỗ Hiếu Liêm, làm Thái Thú quận Trường Sa. Do vậy, thường được gọi là Trương Trường Sa. Trong thời gian ấy, chánh quyền Đông Hán suy yếu, giặc giã nổi lên, tật dịch lưu hành, gia đình Trương Trọng Cảnh cũng bị bệnh dịch chết gần hết. Do vậy, ông phát phần quyết chí nghiên cứu y dược. Bộ Thương Hàn Tạp Bệnh Luận của ông được coi là một bộ sách y học đầu tiên được biên soạn đầy đủ theo phương pháp khoa học và được sắp xếp một cách hệ thống, hợp lý nhất của Trung Hoa (gồm bệnh án, triệu chứng, nguyên nhân, cách điều trị và lý luận điều trị). Bộ sách này được rất nhiều y sư đời sau ra sức chú giải. Tác phẩm Kim Quỹ Yếu Lược của ông cũng được đánh giá rất cao nhưng không nổi tiếng bằng.

ói ra rất nhiều gà con cùng những con gà đã có lông hoặc không lông. [Ông Trương] bảo bệnh nhân suốt đời đừng ăn [trứng gà] nữa, hễ ăn sẽ không có cách gì trị được. Đủ biết trứng gà gây họa lớn thay!

Xét ra, những đệ tử nhà Phật ăn chay ở Phước Châu thường sợ thiếu chất bổ, viện có “trứng gà không có cò, chẳng có mầm sống thì đều có thể ăn được”, quen nét tạo thành phong tục, khiến cho người chẳng hiểu chuyện bị làm lẫn, gàn như phá giới. Vì thế, đệ tử đặc biệt khẩn cầu đại sư khai thị bài này. Hãy nên ẩn hành, đừng tải rộng rãi để cảnh tỉnh người khác. Đệ tử La Trí Thanh kính cẩn ghi chú. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ La Trí Thanh -2)

*** Trứng gà có ăn được hay không?** Tranh luận đủ mọi lẽ đã lâu! Nhưng người hiểu lý quyết chẳng nghĩ ăn [trứng gà] là đúng. Kẻ thích ăn liền khéo léo biện luận, chứ thật sự đã chường ra cái ngu! Vì sao vậy? Có người nói trứng có cò, [tức là] có mầm sống thì không được ăn, còn trứng không có cò chẳng thể nở thành gà con thì ăn được! Nếu nói như vậy thì con vật còn sống chẳng được ăn, chứ con vật chết rồi thì ăn được, có lẽ ấy hay chẳng? Người thông minh thường hay dấy lên thứ tà kiến ấy, chẳng biết là nhằm thỏa thích bụng

miệng mà phô phang cái trí của chính mình, đến nỗi bị người hiểu lý thương xót! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh*)

3. Giảng Nhân Quả Về Mặt Sự - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Thế nhân gặp chút tai ương nếu chẳng oán trời, cũng sẽ trách người, tuyệt chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh tâm sám hối tội lỗi. Phải biết rằng: trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, trồng cỏ dại chẳng thể được thóc tốt, gieo gai góc chớ mong lúa nếp.

Kẻ làm ác được phước thì phước đó là do đời trước đã vun trồng sâu dày. Nếu chẳng làm ác thì phước càng thêm lớn. Ví như con em nhà giàu, ăn xài phung phí, xem vàng như đất, chẳng bị đói lạnh ngay là do vàng nhiều. Nhưng nếu ngày ngày cứ như thế, dù giàu đến trăm vạn, chẳng được mấy năm cũng nhà tan, người chết, mất sạch sành sanh cả!

Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu nặng. Nếu chẳng làm lành thì tai ương càng lớn. Ví như người phạm trọng tội, chưa bị hành hình, lập được công nhỏ; do công nhỏ nên chẳng thể xá tội hoàn toàn, nhưng đã đổi nặng thành nhẹ. Nếu có thể ngày ngày lập công, do công càng nhiều, càng lớn nên tội hết, được xá miễn; lại được phong hầu bá tướng, tước vị thế tập dài lâu cùng vận nước.

* Phải biết rằng: điều trái nghịch xảy đến cứ thuận theo, mới gọi là “lạc thiên” (vui theo mệnh trời). Tu thân, gieo đức mới gọi là “tận tánh”. Đời có kẻ ngu chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ thấy việc tốt xấu trước mắt, thấy làm thiện mắc họa bèn bảo “thiện chẳng đáng làm”; thấy làm ác được phước bèn bảo “ác chẳng đáng kiêng”.

Chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải là chuyện một sớm, một chiều, phải xảy ra dần dần. Ví như ba thước băng, nào có phải là trời lạnh một buổi đã kết thành được đâu! Trăm sông đầy ắp nước nào có phải là trời nóng một ngày mà tan được băng đâu! Chớ nên oán trời, trách người, cũng đừng do dự, hối hận, lui sụt; hãy nên học theo cách tu thân của ông Du Tịnh Ý, cách lập mạng của ông Viên Liễu Phàm!

*** Như Lai giảng kinh: báo thông tam thế. Phàm người sanh con, đại lược có bốn nhân.**

Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời này hưởng phước, mắc họa. Như sĩ tử rèn luyện văn chương khoa cử, thân đời này được công danh. Điều này mắt phàm thấy được.

Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời sau hưởng phước, mắc tội. Như tổ phụ có trọng học vấn thì con cháu mới hiển đạt. Điều này mắt phàm chẳng thấy được, nhưng thiên nhãn còn thấy được (đời

này, đời sau đều là ước theo người đó mà nói. Đối với việc cách đời, dùng thí dụ để giảng cho dễ hiểu, nên tạm dùng tổ phụ và con cháu. Đừng chấp vào văn mà đánh mất ý nghĩa. Mong lắm thay!)

Thứ ba là hậu báo, tức là đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc là đến vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp mới hưởng báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Châu xưa kia, thật sự bắt nguồn từ việc ông Tắc giúp vua Thuấn, ông Khiết phò vua Vũ.

Nếu là chuyện trong ba bốn đời, thiên nhãn còn thấy được. Như trong trăm ngàn vạn kiếp, thiên nhãn chẳng thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh Văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp, chỉ ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai mới thấy được nổi. Đây còn chưa phải là cảnh giới thuộc đạo nhãn của Thanh Văn, huống hồ là thiên nhãn, nhục nhãn ư!

Hiểu ý nghĩa của ba thứ báo này thì chuyện làm thiện được phước, làm ác tai họa giáng xuống, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Phú quý, bần tiện, thọ, yếu, cùng, thông, mạng trời chưa từng thiên vị. Cảnh duyên xảy đến như hình ảnh hiện trong gương. Kẻ trí chỉ quan tâm đến vẻ mặt ở ngoài gương, người ngu uông công ghét hình ảnh hiện trong gương. Chuyện trái nghịch xảy đến, vui chịu mới gọi là “lạc thiên”. Chẳng oán,

chẳng trách mới gọi là “lập mạng”.

Con có 4 nhân là: một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

Báo ân nghĩa là trong đời trước cha mẹ có ân với con, nên nó sanh vào làm con để hầu hạ, phụng dưỡng, sống thờ, chết chôn. Cho nên cha mẹ còn sống ắt chăm sóc, chết thì cúng giỗ. Thậm chí tận tụy với vua, lợi dân, tên lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế kính người ấy bèn kính luôn cả cha mẹ, như các ông: Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (Ba ông Tăng, Trần, Vương đều là bậc danh thần đời Tống. Ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh. Bốn ông cùng tin Phật, nhưng chỉ mình Trung Tú ngộ nhập rất sâu. Do ông đời trước là cao tăng nên tuy hưởng phú quý vẫn không quên mất bốn nhân). Con hiếu, cháu hiền trong đời này đều thuộc về loại này.

Báo oán là đời trước cha mẹ từng phụ ân con, nên sanh vào làm con để báo oán. Lúc nhỏ ngộ nghịch khiến cha mẹ buồn lòng, lớn lên gây họa khiến cha mẹ mắc vạ lây. Lúc sống, ngọt bùi chẳng đoái, chết đi phải mang nhục dưới chín suối. Lại còn những trường hợp quá đáng, con có quyền vị trọng yếu, mưu chuyện phi pháp, diệt môn tàn tộc, quật mồ cuốc mả, khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy, chửi lây cả cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tàn Cối

v.v... chính là loại này.

Trả nợ là đòi trước mắc nợ cha mẹ tiền tài. Nay để đền trả bèn sanh làm con. Nếu nợ nhiều sẽ làm con suốt đời. Nếu nợ ít, chẳng thể tránh khỏi giữa chừng chết trước cha mẹ, như: học sắp thành tài bèn mất mạng, buôn bán vừa có lời bèn chôn thân.

Đòi nợ là đòi trước cha mẹ nợ tiền tài của con, nó bèn sanh vào làm con để đòi nợ. Nợ nhỏ sẽ uống công biểu xén mời thầy, dạm vàng hỏi vợ, dạy răn các thứ, những mong con được thành người, nhưng đại hạn chợt xảy đến, hốt nhiên chết mất. Nợ lớn thì chẳng chỉ có thể, ắt còn phải mất nghiệp phá sản, nhà bại, người mất mới thôi!

* Với chuyện vun bồi đức hãy nên thường xem các sách Thái Thượng Cảm Ứng, Âm Chất Văn. Với điều thiện sẽ tùy phận, tùy lực mà hành. Với điều ác bỏ đi như oán, như thù. Ông Viên Liễu Phàm hành pháp Công Quá Cách, nhận chân được bản thể, chẳng mấy may buông lung. Vì thế, mạng vốn chẳng thọ bèn được thọ, không có đại công danh bèn được đại công danh, không con bèn có con.

* Phàm những người hiển đạt nhờ khoa cử, tổ phụ họ đều có đại âm đức. Nếu không âm đức, cây sức người để hiển đạt, sau này ắt gặp đại họa; chẳng thà

không hiển đạt còn hơn. Xem khắp cuộc đời của các bậc đại thánh, đại hiền xưa nay, đều là do tổ phụ họ tích đức mà nên. Đại phú, đại quý cũng thế. Con cháu họ sanh ra phú quý, chỉ biết hưởng phước tạo nghiệp, quên mất công tổ phụ một phen vun bồi. Do đây, chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, cam chịu bần tiện. Đây chính là bệnh chung của kẻ phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ cho đức tổ tiên vĩnh cửu chẳng bị chìm lấp chỉ có mỗi nhà họ Phạm ở Tô Châu là bậc nhất từ xưa đến nay. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) đời Tống đến nay, đến mãi cuối đời Thanh, hơn tám trăm năm, gia phong chẳng suy sụp, con cháu nối tiếp nhau đỗ đạt, đáng gọi là nhà thư hương đời đời. Nhà họ Bành ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay, khoa bảng đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy có bốn năm người đỗ trạng nguyên, có lúc cả mấy anh em cùng làm quan cực phẩm. Nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dù là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng, Âm Chất Văn để noi gương thành ý, chánh tâm, tận tụy thờ vua, giúp dân.

Gã cuồng sanh kia bảo những sách ấy là để hạng ông già, bà cả quê mùa tin theo, chẳng những chẳng biết vì sao thánh hiền là thánh hiền, mà còn chẳng biết vì sao người là người nữa kia! Sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Lại còn ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân trong ác đạo. Gã ấy cứ vênh váo tự

coi mình là hạng học rộng thông suốt, đến nỗi đời sau, những danh từ “thiên, địa, phụ mẫu” còn chẳng được nghe đến, còn đáng gọi là hay ư?

* Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỗi bình trị. Đạo để đạt tới bình trị vốn thật gần, thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian thường muốn lập dị để mong lấn lướt cổ nhân. Vì thế, họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn, nhằm tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ trở thành rôi ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Họ chẳng biết thánh nhân vốn lập pháp từ thiên lý, luân thường, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bản phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu để, nên mới nói: *“Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu - để mà thôi. Dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay”*. Nếu ai nấy đều giữ được tấm lòng trung hậu, khoan dung, cùng thấu hiểu sâu xa “mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta” thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thẳng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện,

thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế, kinh Thư chép: Thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy¹⁷. Lại chép: Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa. Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước, lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng từ ngũ “phước, cực” nữa. Vì thế, khó thể nào giải thích không khập khiễng cho được!

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì: “*Yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta*”. Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai. Cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự

17. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giảng của Khổng An Quốc, trích dẫn bởi Hà Yên và Hình Bình trong cuốn Luận Ngữ Chú Sớ. Câu nói này lấy từ thiên Đại Vũ Mô trong sách Thượng Thư.

trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phạm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì bản thân ta sẽ gặp phải lại chẳng giống như vậy.

Còn đối với nhân quả tự tu thì nói: *“Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh”*. Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi! Như câu nói: *“Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cẩn thận dè dặt như sợ cả bóng áo của chính mình sẽ biết được tội lỗi của chính mình. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy”*.

Mạnh Tử nói: *“Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yếm tỵ nhi quá chi”* (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). *“Tuy hữu ác nhân (ác ở đây là xấu xa, “ác nhân” là người diện mạo xấu xí), trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế”* (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đây đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy!

Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào

những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi - hại, được - mất do tuân thủ hay chống trái những phương cách ấy. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phé bỏ được. Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường, nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy.

Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi! Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa Ngũ Phước, Lục Cự, chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế, biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời!

Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, nêu rạn rõ lý “tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt” và sự “nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi”, nhân dân được hưởng ngậm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Châu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm, tục lệ giết người tuần táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ, đều tùy sức giết người

để tuần táng. Những kẻ có thể lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang! Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết một trăm bảy mươi bảy người. Ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tần, vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi cái chết. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuần táng theo. Từ khi Phật giáo xiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết! Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tổng Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoàng dương, xiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho Giáo bị lạnh lẽo, điêu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài. Hơn nữa, con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch cả rồi, dẫu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa, tận phận, thành ý,

chánh tâm sông, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa, tận phận, thành ý, chánh tâm. Sai lầm của kẻ sách ấy chẳng thể kể xiết! Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng “hễ có làm gì để làm lành thì đấy chính là ác”, tức là dạy con người tự tư tự lợi vậy! “Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực”, đấy chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy điều ấy cho người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành! Tuy “thánh nhân không làm gì là làm lành” nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết! Ông Cừ Bá Ngọc¹⁸ tuổi tròn hai mươi biết mười chín năm trước sai trái. Đến khi năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được. Đấy chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng Tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: Kinh Thi chép: “Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi”. Đấy là từ đầu đến cuối

18. Cừ Bá Ngọc: Tên thật là Cừ Viện, Bá Ngọc là tên tự, vốn giao du thân thiết với Khổng Tử. Ông là người nước Vệ, nổi tiếng là người hiền, giữ lễ, làm đại phu dưới thời Vệ Linh Công, ông thường được coi như học trò của Khổng Tử. Một buổi nọ,

“có làm” vậy.

Nhan Uyên hỏi về lòng Nhân, Khổng Tử bảo “*dùng đánh đố điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa*”. Hỏi đến chi tiết, Ngài dạy: “Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm”. Cả hai câu đáp đều là “có làm”, chứ không phải là không làm gì! Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là “có làm” sâu xa!

Tổng Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao minh, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo “khéo léo khuyển dụ dần dần” của thánh nhân. Họ tự làm, gây làm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm! Kể từ sau khi Tổng Nho bài xích nhân quả luân hồi, phạm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì đã được nói trong Ngũ Kinh để luận định mà cứ coi những thuyết của Tổng Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng “trái nghịch tiên Nho”, hoặc nếu có thành tựu đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy, chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hòng được dự vào Văn Miếu trong mai sau! Vì thế, mấy trăm năm qua,

phương tiện lớn lao để khuyên lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít!

Vệ Linh Công và phu nhân tên Nam Tử đang ngồi trong cung bỗng nghe tiếng xe lăn bánh đến gần cửa cung, đột nhiên tiếng xe im bật. Bà Nam Tử nói: “Người ngồi xe đến đây chắc chắn là Cừ Bá Ngọc!” Vệ Linh Công ngạc nhiên: “Sao bà biết?” Nam Tử trả lời: “Phàm người hiền giữ lễ, đến trước cửa nhà vua ắt phải xuống xe đi bộ vào, đang cưỡi ngựa thấy người hiền phải xuống ngựa chào hỏi”. Cừ Bá Ngọc là một người trong số Thất Thập Nhị Hiền được thờ phối hưởng với Khổng Tử ở Văn Miếu.

Gần đây, do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc càng nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện “vì nước, vì lễ công” họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phé kinh điển, phé luân thường, phé bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v... chẳng nữa thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thầy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dầu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ

thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy! Do vậy, biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cầm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho ươm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây lầm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia, có người hỏi tôi: “Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?” Tôi nói: “Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị”. Ông Châu An Sĩ nói: *Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đây là con đường dẫn đến đại loạn vậy*”. Do nhà Nho kỵ nói đến nhân quả khiến cho thế đạo, nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rớt cuộc có kẻ dám đề xướng phé kinh điển, phé luân thường v.v... Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám đề lọt vào tai! Bởi đây là những tiếng xấu xa, bạc ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe! Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được!

Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể nào thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy “giữ vẹn luân thường,

trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc. Lại phải thường bàn về sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài hiền thiện xuất hiện thì thiếu số chẳng hiền thiện trong xã hội cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: *“Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách”* (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đây là lời bàn luận xác định: “Do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên” vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đây là điều những người có tâm lo cho thế đạo, nhân tâm đều cùng lo nghĩ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên*)

* Kiếp vận hiện tại của thế giới, những tai nạn chúng ta phải chịu đựng đều là do ác nghiệp trong quá khứ chiêu cảm đến nỗi cảm nhận khổ quả hiện thời. Do đó, biết rằng: Những ác nghiệp này là do ác nhân trong quá khứ tạo thành; muốn tránh khổ quả phải dứt khổ nhân. Quá khứ đã gieo khổ nhân thì niệm Phật, sám hối mới có thể tiêu trừ được! Hiện tại nếu chẳng gieo khổ nhân nữa thì tương lai sẽ khỏi phải chịu khổ quả. Khổ nhân là gì? Là ba độc tham, sân, si. Thiệt nhân

là gì? Giúp vật, lợi người. Nếu ai nấy hiểu rõ lẽ nhân quả sẽ chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tai họa sẽ chẳng từ đâu mà khởi lên được nữa! Chỉ vì người đời nay chẳng hiểu lý nhân quả, tư dục đầy ắp dạ, không điều ác nào chẳng làm, chỉ biết có chính mình, chẳng biết có ai khác. Nào biết lợi người chính là lợi mình, hại người còn tệ hơn hại mình! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ*)

* Hiện thời, người đời chẳng hiểu nguyên lý nhân quả, cho đó là chuyện bàn xằng, tà thuyết, lúc nào cũng tính chiếm tiện nghi, chẳng chịu thua thiệt; đâu biết tiện nghi chính là chịu thua thiệt, chịu thua thiệt chính là tiện nghi. Như người làm cha mẹ hiện nay phần nhiều nuông chiều con cái, chẳng kèm cặp nghiêm ngặt đến nỗi tạo thành thói quen ham tiền tài, tham chuộng tiện nghi. Cứ cho là có như vậy mới giữ gìn được gia sản, chẳng đến nỗi bị tổn thất; nào ngờ kết quả trái ngược: Gây vạ suốt đời, lại còn gián tiếp tạo ảnh hưởng vô hạn tới quốc gia, xã hội. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ*)

* Nhận được thư ông và thư thầy Minh Đạo, biết đứa con thứ ba mới 20 tuổi chợt bị chết yểu, khôn ngăn than

thờ. Huống chi ông nuôi dạy bấy nhiêu năm, phí ngàn ấy tinh thần, tiền của, trong lòng sao khỏi cảm thương! Tuy nhiên, chớ nghĩ chính mình một lòng sốt sắng làm chuyện công ích, quy y Phật pháp, sao chẳng được Phật che chở, rồi đâm ra oán hận! Phải biết: Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, hoặc ta thiếu nợ người, hoặc người thiếu nợ ta, hoặc ta thiếu mạng người, hoặc người thiếu mạng ta. Do đôi bên thiếu nợ nhau nên sanh ra đủ loại con cái khác nhau. Có đứa trả nợ, có đứa đòi nợ, có đứa báo đức, có đứa báo oán.

Trong đời này, tuy ông khởi tâm xử sự mọi chuyện rất tốt, há lẽ nào nhiều đời nhiều kiếp đều hoàn toàn không gây tạo tội nghiệp gì ư? Vì thế, gặp cảnh ngộ bất như ý, con người chỉ nên phát tâm sám hối tội nghiệp, chẳng nên sanh ý tưởng oán trời trách người. Nếu có thể phát tâm sám hối, chẳng sanh oán hận, đó là “*gặp nghịch cảnh vâng chịu, phước về sau khó thể suy lường được*”. Đứa con này của ông đại khái là do đòi nợ mà đến. Đòi đủ nợ rồi bèn lìa đời. Chủ nợ đã đi rồi, sao ông không sanh ý tưởng giải thoát nghiệp lụy, lại nảy sanh lòng oán trời trách Phật, trở thành điên đảo vậy?

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Vương Chi Tường ở Bắc Thông Châu, tên tự là Thiết San, có một đứa con rất thông minh, rất hiếu thuận. Đứa lớn mắc bệnh thần kinh, tâm ông Thiết San mong mỗi đứa nhỏ

này sẽ kế thừa tiếng tăm gia đình. Năm nó hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi, đã cưới vợ, sanh được một gái, một ngày nọ bệnh nặng sắp chết. Thiết San đau khổ cùng cực, gào lên: “X... ời! Người đã đến làm con ta, sao lại muốn bỏ đi trong khoảnh khắc này?” Đứa con trờng mắt, nói giọng Quảng Tây: “Tao nào phải là con nhà mày, tao là người thứ mười bốn!” Nói xong, chết liền.

Trước kia, lúc ông Thiết San giữ việc binh bị ở Quảng Tây, lập kế giết mười ba tên đầu lĩnh giặc cướp ra hàng: Trước hết dùng cách đối đãi thật chiều chuộng, nòng hậu để xoa dịu, mời chúng ăn cơm. Lại còn mời những người có danh vọng lớn đến bồi tiếp, thưởng cho mỗi tên hai mươi bốn đồng, bảo chúng: “Ban ngày bận lắm, nếu các người tới, ta không thể chuyện trò cặn kẽ cùng các người được, đến tối hãy tới, sẽ xếp đặt chức vụ cho mỗi người trong bọn người!” Mười ba người đó chẳng biết ông muốn giết họ, lại kéo một người bạn thân cùng đi, cho rằng ông Thiết San sẽ nể tình, cũng xin cho người ấy được một chức vụ tốt. Tối hôm ấy họ đến, cứ qua một cửa liền khóa ngay cửa ấy lại, đặt phục binh trong hoa sảnh. Bọn họ đến nơi, Thiết San rút đao đang đeo ra chém, phục binh cùng ùa ra giết, chặt được mười bốn cái đầu lâu, cũng chẳng biết tên họ là gì. Nào biết người ấy chính là đứa con này. Uổng công hơn hai mươi năm nuôi dạy nhọc nhằn, đến lúc chết lại trờng

mắt quát tháo, chẳng nhận Thiết San là cha!

Nói chung, cái nhân trở thành con cái trong cõi đời chẳng ngoài bốn nghĩa “đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán”. Đứa con này do đời trước ông đã thiếu nợ nó, sạch nợ liền đi. Nếu là trả nợ và báo ân thì sẽ được nó hiếu dưỡng. Hơn nữa, ông đã quy y Phật pháp, phải hiểu thế gian mọi sự vô thường. Nếu chẳng cực lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ theo nghiệp mà luân hồi trong tam đồ lục đạo làm sao ngưng ngớt cho được! Qua cái chết của đứa con này, ông càng phải biết hết thấy mọi sự đều không nương cậy được, chỉ có Tây Phương A Di Đà Phật chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hết thấy chúng sanh bọn ta. Từ đấy phát tâm cảm kích, phát tâm tinh tấn, đem những công đức ta đã làm và công đức niệm Phật đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Ông làm được như thế thì cái chết của đứa con này chính là lời nhắc nhở, thúc đẩy ông, tránh cho ông khỏi bị mê muội bởi phước báo quyền thuộc thế gian đến nỗi chẳng sanh lòng nhàm lìa Sa Bà, cũng như không sanh lòng ưa muốn Cực Lạc. Vì thế, giáng cho ông một gậy vào đầu đau buốt, hóa ra ông chẳng quán sát nhận hiểu nơi bản thân, lại sanh khởi đủ mọi ngu kiến oán trời oán Phật, trở thành “mê gốc chạy theo ngọn”, chẳng biết tự phản tỉnh!

Người đời thường hay khoe khoang, kiêu căng bởi những công đức chính mình đã tạo, dễ dãi đối với

những tội lỗi chính mình đã gây. Con người ai không tội? Đừng nói chi quá khứ, nếu chỉ nói trong đời này thì đã giết đủ loại chúng sanh cho sướng miệng bụng! Chúng nó nào phải gỗ, đá, chẳng biết đau khổ, chẳng muốn sống, chỉ mong người ta giết ăn ư? Ông đã giết ăn nó, tương lai nó nhất định cũng muốn giết ăn ông. Suốt một đời, con người không biết đã ăn bao nhiêu sanh linh, có nên lớn lối bảo “ta vô tội, bị trời phạt lắm” hay chăng?

Do vậy, nói chung, thường nhân chẳng thấy được bản thân có lỗi, nói chung thánh nhân chẳng thấy chính mình có đức. Chẳng thấy có lỗi thì tội chất như núi. Chẳng thấy có đức thì đức cao tày trời. Ông chớ có nói như kẻ ngu si, hãy cực lực làm lành, nỗ lực niệm Phật, tất cả hết thảy công đức thiện sự lợi người đều nên hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì tâm hạnh trong đời hiện tại sẽ khế hợp với tâm hạnh của thánh hiền, đến khi lâm chung, chắc chắn được A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đây chính là lúc gặt hái công lao, kết quả vậy. Nếu chẳng sanh về Tây Phương thì chuyện lành đã làm sớm hay muộn đều hưởng quả báo, nhưng quả báo do giết ăn chúng sanh cũng khó khỏi phải trả, đáng sợ lắm thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đức Sưống*)

* Đọc thư gửi đến, biết ông thông minh nhưng chưa triệt để! Vì thế mới coi nhân quả của Nho - Phật giống

như cách thưởng phạt trong phép vua trong thế gian, tợ hồ có lý, nhưng thật ra vô lý! Sự thưởng phạt trong thế gian ước theo tình người mà định, còn nhân quả chính là do tâm thức chiêu cảm. Nho và Thích không hai đạo! Ông cho rằng đạo Nho có những điều chưa nêu tỏ tức là đạo Nho chỉ dừng lại ở đó, đây cũng là một chứng cứ cho thấy ông thông minh nhưng chưa triệt để.

Phàm nhân quả thiện hay ác đều do tự tâm chiêu cảm, người đời không biết, đức Phật giảng cặn kẽ, ông cho là đức Phật bày đặt ra, há có phải là thông minh thật sự hay chăng? Quả báo xảy đến có khi là tức khắc, ngay trong đời này, có khi là trong đời kế tiếp, đời sau, và nhiều đời, nhiều kiếp. Ông hiềm quả báo xa xôi, muốn quả báo xảy đến cho nhanh, là đã trở thành tà kiến rồi!

Phải biết: Quả báo từ siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật đều phải là nhiều kiếp. Tuy nói: *“Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật”* (Buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi đó), nhưng thật sự chứng Phật Quả cũng phải mất nhiều kiếp! Đừng cho rằng *“hễ ngộ được Phật Tánh liền thật sự chứng được Phật Quả!”* Nếu nói như ông, trong cõi đời không một ai có thể liễu sanh thoát tử, huống chi là thành Phật ư? Nếu ông biết điều này, sẽ chẳng đến nổi trách Phật tàn ác, sẽ cảm được lòng từ bi của đức Phật, đau lòng tuân lệ bảo với những kẻ cùng hàng. Ông hiềm rằng

chẳng đạt được quả báo nhanh chóng, nhưng chẳng biết đến cái lợi lớn lao của việc đạt quả báo không nhanh chóng, chính là loài trùng mùa Hạ chẳng biết có băng, con phù du¹⁹ chẳng thấy được ngày hôm sau, chẳng đáng thương ư? Quả báo chậm hay mau đều do nghiệp thức của chính mình cảm thành, há nên đùn đẩy cho đức Phật?

Do ông thông minh, nên trong ý ông vẫn mắc lỗi “có biết nhưng vẫn có phạm”. Đủ thấy, chuyện “giảm bớt lỗi” đâu là thánh nhân vẫn phải nỗ lực! Do vậy, Khổng Tử tuổi đã bảy mươi, vẫn muốn trời cho sống thêm năm hay mười năm nữa để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Nhà Nho thấy biết nông cạn, cho là thánh nhân quá khiêm tốn, chẳng biết thánh đạo sâu xa, chẳng phải là “hễ ngộ liền có thể thấu hiểu tột cùng được”!

Những chuyện khác hãy khoan nói tới, chỉ lấy Viên Giáo để luận, thì: Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Thập Tín hậu tâm lại phá một phần vô minh liền chứng Sơ Trụ, trở thành Pháp Thân đại sĩ. Từ Sơ Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh,

19. Phù du (đôi khi còn được gọi là “con vờ”) là tên gọi chung của hơn hai trăm loài côn trùng nhỏ thuộc họ Ephemeroptera. Chuồn chuồn cũng thuộc họ này, nhưng tuổi thọ không quá ngắn ngủi như những con phù du. Đa phần những con phù du khá giống chuồn chuồn, nhưng nhỏ hơn. Loài ấu trùng của chúng (naiad) sống trong những vũng nước ngọt cả năm trời, đến khi lột xác bay lên thành phù du chỉ sống được vài giờ. Có loài như chuồn chuồn thì sống được vài ngày.

Thập Hội Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, trải qua bốn mươi một địa vị vẫn chưa đạt đến địa vị “hết sạch vô minh”. Bậc Đẳng Giác lại phá một phần vô minh, tức là “Chân cùng, Hoặc tận”, thành Phật quả, viên mãn Bồ Đề. Sự xa xôi giữa thiện báo và ác báo cũng gần ngang nhau, hưởng hồ tu nhân chứng quả cho đến lúc thành Phật ư? Nếu mọi chuyện đều xong ngay trong một chốc thì sẽ trở thành hằm sâu đoạn diệt “không nhân không quả”.

Ông chẳng thấy đạo trời vận hành hay sao? Tiết Hạ Chí, Nhất Âm sanh bèn nắng gắt, tiết Đông Chí, Nhất Dương sanh bèn lạnh buốt¹⁰⁰.

Chú thích: Thập Tín hậu tâm: Sau khi đã chứng nhập viên mãn mười địa vị thuộc Thập Tín. **Hạ Chí** là một trong hai mươi bốn tiết khí của Âm lịch. Nhằm hôm đó, ngày dài nhất, đêm ngắn nhất tại Bắc Bán Cầu. Ngày này được coi như ngày mở đầu cho mùa Hạ. Hạ Chí thường rơi vào ngày 21 hoặc 22 tháng Sáu Dương lịch. Theo cách giải thích trong Dịch Học, Chí là cực điểm, Nhất Âm khởi đầu từ mùa Hạ (“*Hạ chí, nhất âm sanh; Đông chí, nhất dương sanh*”), hàm nghĩa: “Đến lúc này, khí Dương đã đạt đến cực điểm, bắt đầu suy vi, nên khí Âm lán lên, Âm trưởng, Dương hao vậy!” Tương tự, Đông Chí bắt đầu vào ngày 21, 22 tháng 12, tượng trưng cho khí Âm đã đến cực điểm, bắt đầu suy vi, Âm hao, Dương trưởng!

Lập Xuân có khi trước Tết, có khi sau Tết²⁰, mỗi mỗi đều chẳng thể cùng xong hết trong một lúc được, nên mới thành năm tháng. Nếu cùng một lúc xong hết thì chẳng trở thành vận hành, mà thành đoạn diệt! Đối với việc thưởng phạt tội - phước, trong cõi Âm quả thật có người chủ trì, nhưng chẳng phức tạp như trong Dương gian, bởi án tù, sổ sách đều tự hiện, tự tiêu, và cũng không có người ghi chép, khóa sổ. Vì thế, cõi Âm không sai lầm!

Có chuyện người tên X... ở tỉnh kia bị quỷ sứ bắt vì làm với người cùng tên X... ở tỉnh này; ấy chính là mượn chuyện người không đáng chết ấy để tỏ rõ thật sự có những chuyện địa ngục, hình phạt trong cõi Âm v.v... ngỏ hầu người đời sanh lòng tin. Do vậy, thường có chuyện bậc sĩ phu chánh trực trong thế gian tạm thời xử đoán chuyện của vua Diêm La, người bình thường trong thế gian làm sai nha cho cõi Âm, do bắt lộn người nên bị đánh đòn, cách chức, đều là “*nhân cùng thố đại*” (nghĩa là do nhờ vào hoàn cảnh ép ngặt để thực hiện sự giáo hóa vậy - “thố đại” là “thực hiện đại sự tu tề trị bình”), bởi lẽ mắt chẳng thấy sẽ không tin, lại còn mượn có bóng Phật, cho nên đặc biệt hiện ra chuyện ấy để tỏ bày đại sự hòng mở rộng tầm mắt. Chuyện

20. Tiết Lập Xuân dao động từ mùng Ba đến mùng Năm tháng Hai Dương lịch, ngày Tết thường rơi vào từ cuối tháng Giêng cho đến cuối tháng Hai Tây, tùy theo cách tính năm nhuận.

như vậy rất nhiều, tôi nêu lên một chuyện để hồng biết trọn. Trong Kiến Văn Lục của Ngẫu Ích đại sư có chép chuyện một Sinh Viên²¹ ở Hồ Bắc nắm quyền xử lý dưới tay Ngũ Điện Diêm La Vương²². Một đêm đến cõi Âm, thấy một cuốn sổ chép vợ mình giết trộm gà hàng xóm, kê cả lông thì nặng một cân mười hai lượng, nhân đó bèn xé một góc trang sổ để đánh dấu. Tỉnh dậy, ông ta hỏi vợ sao lại giết trộm gà hàng xóm, bà vợ chẳng thừa nhận. Ông ta nói: “Bà vẫn cứ lừa dối tôi. Sổ sách trong cõi Âm đã chép bà giết trộm gà hàng xóm, kê cả lông thì nặng một cân mười hai lượng”. Bà vợ kê: “Phơi thóc gạo trong sân, gà hàng xóm đến ăn, dùng đồ vật quăng nó, nó chết lăn quay, còn chưa động đến!” Bảo đem gà cân lên, quả thật nặng một cân mười hai lượng. Ông sai vợ đem gà và một số tiền bằng giá một con gà

21. Vào thời Minh - Thanh, Sinh Viên chính là người đỗ cuộc thi khảo hạch tại phủ huyện, tức tương ứng với danh hiệu Tú Tài trong các đời trước.

22. Diêm La Vương (Yama-rāja) chính là vị chủ tể cõi Âm. Theo Du Già Sư Địa Luận, Diêm La Vương do những vị Bồ Tát hóa hiện để giáo huấn tội nhân. Theo Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh, Địa Tạng Bồ Tát cũng hóa hiện thân Diêm Vương để độ chúng sanh. Người Trung Quốc tin rằng: Diêm Vương giữ sổ sanh tử, người chết sẽ đến trước mặt Diêm Vương để bị xét xử tội lỗi. Có mười vị Diêm Vương cai quản địa ngục, tức Tàn Quang Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương, Diêm La Vương, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Đô Thị Vương, Bình Đẳng Vương và Chuyển Luân Vương. Phật môn Trung Hoa cho rằng Đệ Ngũ Điện Diêm La Vương chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Theo đó, người chết đến ngày thứ ba mươi lăm sẽ đến Ngũ Điện thuộc Khiếu Hoán địa ngục. Khi vong hồn những kẻ tích cóp tài sản, tham lam, bạc ác đến trước Ngũ Điện Diêm La Vương, sẽ được đưa lên Nghiệt Kính Đài (Vọng Hương Đài) cho thấy rõ tình hình của người thân còn sống đang phung phí, phá tán tài sản của người đã mất.

đem trả, thừa rõ đầu đuôi với người ta, xin đừng quở trách. Đêm ấy, ông ta lại vào cũi Âm xem sổ, góc trang sổ bị xé vẫn còn đó, nhưng không thấy một chữ nào cả! Ông cho rằng hình phạt trong cũi Âm là do đức Phật đặt chuyện, có thể nói là đã cô phụ ơn Phật quá lắm!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

4. Giải Thích Về Nguyên Do Của Kiếp Vận - (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

* Sự khổ trong Ta Bà chẳng thể nói hết nổi. Dù trong thời thanh bình, hằng ngày vẫn gặp cảnh khổ não. Vì chúng sanh quá quen với những cảnh khổ ấy đã lâu nên chẳng biết đó thôi! Gần đây, Trung Quốc trải mấy phen binh lửa, đã là khổ chẳng thể nói. Ngoài thế giới, các nước đại chiến đã ba năm, người chết gần cả ngàn vạn, khai mào nạn binh kiếp bậc nhất. Tình hình chiến tranh vẫn còn mạnh mẽ, chẳng biết mức độ khốc liệt sẽ đến đâu, lặng im suy nghĩ, thật đáng kinh sợ vậy.

Nguyên nhân là do nước nọ tận lực muốn chiếm đoạt, tàn diệt nước kia, nhưng cũng do ác nghiệp xưa kia của chúng sanh chiêu cảm ác báo nên mới đến nỗi cực kỳ tàn khốc như thế. Nay nghe lời này, phải nên mạnh mẽ phát khởi đại tâm cầu mau được vãng sanh. Sau đây sẽ trở vào Sa Bà phổ độ hết thảy.

Kinh dạy: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Bồ Tát sợ chiêu lấy ác quả nên đoạn ác nhân. Ác nhân đoạn rồi, ác quả không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau tạo nhân ác, ắt phải lãnh quả ác. Đến lúc lãnh quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp trước, lại còn tạo thêm ác pháp để chống chọi lại. Thế nên oan oan tương báo trả bao kiếp không ngừng. Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng sợ sao? Biết vậy rồi, chẳng lẽ nào lại chẳng cầu sanh Tây Phương!

* Cõi đời đang lúc Kiếp Trược, cướp bóc, giết hại lẫn nhau. Chẳng có lá bùa hộ thân, sẽ khó tránh khỏi họa hại được mãi! Lá bùa hộ thân vừa nói đó cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Quán Âm Đại Sĩ thệ nguyện rộng sâu, nghe tiếng cứu khổ, có cảm ắt ứng. Ngoài việc sáng chiều lễ Phật ra, hãy nên lễ niệm thêm Đại Sĩ sẽ ngầm được gia hộ, tự có thể chuyển họa thành phước, biến tai nạn thành điều tốt lành mà mình chẳng biết.

* Thiên hạ loạn lạc, kẻ thất phu phải có trách nhiệm. Người người ai nấy dốc tâm lòng thành, ai nấy tận lực hiếu đễ, ai nấy làm điều từ thiện: giúp đỡ kẻ cô quả, cứu kẻ hoạn nạn, thương xót kẻ nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật. Người có thiện cảm, trời ắt ứng phước, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật mạnh, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng các tai nạn: lụt, hạn, ôn dịch, châu chấu, gió lốc, động đất... Thời tiết điều hòa, được mùa, nhân dân lạc nghiệp.

Lại thêm từ hòa, nhân nhượng tập quen thành thói. Dù có một hai kẻ ngu độn cũng sẽ biến thành hiền lành. Nếu thương xót kẻ quân tử trên xà nhà³², hẳn sẽ dứt tuyệt vĩnh viễn thói trộm cắp; chu cấp cho đũa rình rập nhà kín, từ đấy về sau nó sẽ trở thành người lành. Cổ nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, nên còn cảm hóa được cả dị loại. Các điếm lành như: hồ chẳng vào nơi trấn nhậm, cá sấu bỏ đi nơi khác... chép trong sử sách, nào phải chỉ có một chuyện! Nếu ai nấy thật sự có thể dùng lòng từ thiện cảm động nhau, quyết chẳng đến nỗi thường có các tai họa: thổ phi, đao binh, giày xéo, cướp bóc!

* Nên biết rằng: Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo nguyên thủy trọng yếu để hạ học thượng đạt. Nay kẻ trên không giữ đạo, kẻ dưới chẳng tuân phép tắc, tàn hại lẫn nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ cốt sao

thỏa thích ý mình, chẳng đoái quốc gia còn mất, dân tình thống khổ. Đấy đều là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà nên nổi. Tôi thường nói: *“Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh”*. Trong lúc này chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dù Phật, Tổ, thánh hiền cùng ra đời cũng chẳng biết làm sao được!

* Thế đạo suy sụp, lòng người bạc bẽo là do Nho Gia chẳng biết đạo là ở chỗ cung kính thực hành, cứ một bề đuổi theo cái ngọn. Phàm đối với những nghĩa lý như khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, họ chẳng cần biết đến, cứ lo thuộc lòng từ chương hòe làm cái vốn để tán thủ trong đời, khiến cho cái đạo khen ngợi, giáo hóa, dưỡng dục của thánh nhân trở thành ngón nghề để thâm đoạt danh lợi. Đấy thật là báng nhục thánh hiền, trái nghịch thiên địa đến cùng cực!

Do vậy, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo lý dạy trong sách. Người làm văn cứ phô diễn đạo lý hiểu đẽ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ chẳng sót mảy may, nhưng xét đến ý nghĩ, việc làm, tuyệt chẳng có chút mảy may nào liên quan đến những điều ấy cả. Khác nào con hát diễn tuồng, khổ, sướng, vui, buồn, cố làm giống như thật, chứ thật sự ra những

tâm trạng ấy chẳng mấy may liên quan gì đến chính mình cả! Thói tệ ấy đã nảy, dần dà biến thành quá mức.

Người có thiên tư quen thói cuồng vọng, thẹn phải theo vết Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, bèn muốn tiến lên, rớt cuộc phé bỏ kinh điển thánh hiền, sùng thượng Âu hóa. Một người đề xướng, trăm kẻ hòa theo, trở thành phong trào đến nỗi những kẻ tiểu nhân hèn kém tầm thường muốn thỏa ý niệm mặc sức phóng túng không kiêng kỵ của mình bèn vội vã đề xướng dẹp bỏ cương thường đạo lý gây trở ngại cho họ, muốn gấp rút thực hành chủ trương tệ hại gây hại lớn lao cho quần chúng, khiến dân không có pháp gì để an, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ví như đi đêm bỏ đuốc, vượt biển bỏ thuyền, lại mong chẳng bị té ngã, chìm đắm, há có được chẳng?

* Gần đây thế đạo nhân tâm suy sụp, chìm đắm đến cùng cực. Thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Người biết lo cho đời, biết các nghiệp quả ấy đều do sát hại khởi lên. Nếu đã biết vật còn chẳng nên giết, quyết chẳng lẽ nào giết người. Do vậy, ai nấy ôm lòng từ thiện, nâng đỡ lẫn nhau, tự thay đổi được phong tục, chiêu cảm được thiên hòa vậy.

* Phải biết rằng phóng sanh chính là để ngăn ngừa giết chóc. Muốn tránh giết chóc thì phải bắt đầu bằng ăn chay. Nếu như ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tu tập từ thiện, người người tuân hành đề cao lễ nghĩa, phong tục thuần mỹ, khí hậu điều hòa, mùa màng sung túc, có đâu đến nỗi kiếp đao binh khởi, kẻ này người kia tàn hại lẫn nhau! Đây chính là nhiệm vụ căn bản trọng yếu, thanh tịnh đúng đắn để văn hồi thiên tai, nhân họa. Phàm những ai muốn cửa nhà yên vui, thân tâm Khang Ninh, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy cầu nơi việc phóng sanh kiêng giết, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì lại chẳng được!

* Gần đây thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra quá đỗi, số người tử vong quá nhiều càng thảm. Há nào phải đạo trời bất nhân đâu, thật ra là do ác nghiệp trong bao kiếp và trong đời này chiêu cảm đó thôi. Tuyệt đối chẳng có chuyện không nhân lại được quả, cũng tuyệt đối chẳng có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị quả ác! Chỉ vì tri kiến phàm phu chẳng thể biết rõ nhân duyên túc thế, nên tựa hồ có trường hợp lẽ ra chẳng đáng được nhưng lại được. Nếu có thể xem trọn nhiều kiếp, nhiều đời, sẽ thấy mỗi một quả báo thiện hay ác ta phải nhận đều như tiếng vọng đi theo âm thanh, như bóng theo hình, trọn chẳng sai khác!

* Nay thế đạo nhân tâm suy sụp, khuyết hãm đã đến cực điểm. Nếu chẳng dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi và “hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật” để dạy dỗ, quyết khó lòng đạt được hiệu quả! Do một niệm tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, hễ gặp tịnh duyên bèn chứng Tam Thừa và Phật pháp giới; gặp duyên mê nhiễm sẽ thành nhân thiên và tứ ác thú pháp giới. Dù mười pháp giới thăng trầm, khổ vui khác xa nhau như trời với đất, nhưng tâm tánh vốn sẵn có ấy tại phàm chẳng giảm, tại tánh chẳng tăng.

Nếu hiểu kỹ nghĩa này, dù có táng thân mất mạng, quyết chẳng chịu bỏ đi tịnh duyên đã ngộ để theo đuổi nhiễm duyên đến nỗi luân hồi mãi mãi, chẳng thể thoát khỏi! Vì thế, biết rằng các pháp: nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v... chính là đại đạo trị cả gốc lẫn ngọn, là nguyên do của cả phàm lẫn thánh, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian, xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong lúc này, nếu bỏ đi pháp này, dù Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Châu, Khổng cùng ra đời, cũng chẳng làm gì được!

* Ba cõi chẳng yên hệt như nhà lửa, các khổ đầy dẫy thật đáng kinh sợ! Chúng sanh ngu si dù chịu khổ lớn chẳng cầu xuất ly. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng vì mê muội, trái nghịch, lại khởi Hoặc tạo nghiệp đến

nổi trải kiếp số như trần sa không cách nào giải thoát. Chẳng đáng buồn ư? Huống nay thế đạo, lòng người nguy hiểm, chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thâm trầm từ xưa chưa từng nghe.

Lại thêm trào lưu tân học bác không nhân quả, chê những lời nghị luận đạo đức của thánh hiền là hủ bại, vu vơ, mặc tình đề xướng những ý kiến mình ức đoán. Kẻ quáng dẫn lũ mù, lôi nhau vào lửa, đến nổi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Lũ dân ngây ngô thật đáng thương xót. Bởi thế, những người có tâm lo cho đời bền mạnh mẽ phát đại chí muốn cứu giúp dân. Những nghiệp quả ấy đều do chỉ biết tự tư, tự lợi, chẳng biết nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, tưởng là người chết đi, thần thức liền diệt, chẳng có linh hồn tùy theo nhân duyên tội phước thọ sanh trong trời người hay đọa vào tam đồ, ác đạo!

Nếu thiện hay ác cũng đều bị diệt mất như nhau, lẽ nào chẳng tùy ý làm bất cứ chuyện gì cốt sao thân tâm khoái lạc ư? Do vậy, đối với những việc nghịch thiên trái lý, tổn người lợi mình, cùng với giết hại sanh mạng cốt sao thỏa thích miệng bụng, bèn đua nhau tung bừa làm, chẳng e dè chi!

Nếu như biết đến nhân quả ba đời sẽ liền sợ phải thọ báo, chẳng dám móng khởi chút ý niệm, huống hồ là thực hành những việc ấy ư? Vì vậy, biết rằng: sự lý nhân quả ba đời, sanh tử, luân hồi do đức Phật ta giảng

chính là huệ nhật trong đêm dài vô minh. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vắn, bỏ qua pháp này, không còn cách chi!

* Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh. Chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vầy. Vì thế, kinh Thư nói: *“Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vầy”*. Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyền, khác gì chấp rằng “mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra” ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng!

Rất lạ là nhà Nho đọc sách thánh hiền, chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn! Một người xướng, mọi người hòa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhờn nhờn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý

làm được gì, nay ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc, tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả! Cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả uơng thành!

Nếu lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt lý, rồi luân thường, hiện dáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kẻ tiểu Nho dấu biết là sai mười mươi đi nữa, cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chửi miêng chê bai, khích bác! Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú! Mỗi họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai nữa đây? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu*)

* Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đổ đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp

mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn, nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó, Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi, đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đứng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, Hoàn rút dao nói: “Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết mày!” Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy vào một am tranh, một vị lão tăng ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hổ thẹn đau xót.

Lão tăng nói: “Doanh là tiên thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!” Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ Tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay người đời coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trung Tín Lục của chùa Pháp Vân*)

*** Biết nhân quả sẽ xử sự thuận theo thiên lý, ăn**

nói thuận theo lòng người, do đâu mà có chuyện chiến tranh cho được? Nếu khinh rẻ các thứ hàng hóa của nước nhà, quý trọng các món hàng nhập cảng, tiền tài trong cả nước đều bị chở hết ra ngoại quốc, đấy chính là “chẳng noi theo thiên lý, chẳng thuận theo lòng người” rất lớn, khiến cho kẻ khác dùng tiền tài của chính ta để chế tạo súng ống đánh ta! Do vậy, biết rằng: Những kẻ ưa dùng hàng hóa ngoại quốc đều chẳng thể không gánh lấy cái tội vờ người khác đến đánh ta! Từ nay trở đi, hãy thống thiết sửa đổi lỗi trước, học theo Cam Địa²³ (Gandhi) chẳng dùng hàng ngoại quốc, thì tiền của ít bị thất thoát, đất nước giàu mạnh. Lời lẽ này tựa hồ viễn vông, nhưng thật ra quan trọng tột bậc!

Phải biết: Kẻ hiểu nhân quả khi khởi tâm, làm việc, chỉ sợ mắc phải tội khiên, ắt sẽ sốt sắng hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, suy xét cùng tột

23. Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948) là một chính trị gia và lãnh đạo tinh thần của Ấn Độ, có công hướng dẫn dân Ấn đấu tranh bất bạo động giành độc lập cho Ấn Độ từ tay Anh quốc. Ông thường được gọi là Mahatma Gandhi. Từng tốt nghiệp Luật Sư, ông đã áp dụng sự đối kháng hòa bình vào cuộc đấu tranh tại Nam Phi. Trong vai trò lãnh đạo đảng Quốc Đại Ấn Độ (Indian National Congress), với chủ thuyết bất bạo động, ông đã liên kết được mọi phần tử khác biệt chính kiến, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Ấn Độ để chung sức tranh đấu cho nền độc lập nước nhà. Tuy thế, khi Ấn Độ giành được độc lập, do sự bất đồng chính kiến và tranh giành quyền lực giữa những phe phái tín đồ Ấn giáo và Hồi giáo, Pakistan đòi tách khỏi Ấn Độ. Một tín đồ Ấn Giáo cuồng nhiệt thuộc nhóm quá khích Ấn giáo Mahsabha là Nathuram Godse đã ám sát Gandhi vì cho rằng chính ông ta đã nhu nhược nhượng bộ trước sự đòi hỏi phân ly của Pakistan. Gandhi từng chống đối hàng nhập cảng của Anh, nên đã hướng dẫn một đoàn người đi bộ ra tận biển khơi lấy nước biển làm muối khi thực dân Anh đánh thuế muối, cũng như tự quay xa, kéo sợi dệt vải lấy để khỏi phải dùng vải nhập cảng từ Anh.

tám việc “cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, đều là trùng, kiến cũng chẳng dám giết. Kẻ không biết nhân quả tự giết cha mẹ, còn tự khoe công, cực lực đề xướng chuyện biến con người thành loài thú, tính làm cho người trong cả thiên hạ trọn chẳng khác gì cầm thú thì tâm họ mới yên vui, sung sướng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Chiến Đức Khắc - 2*)

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế, đức Phật coi hết thấy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trái kiếp số nhiều như mây trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy, tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về với chân, tiêu trừ Hoặc nghiệp vốn chẳng có, chúng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn vào hành vi của Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyền vọng chẳng thật, chỉ nhằm gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng đạo Phật phế bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gàn lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoát đầu chẳng hay biết nên làm lẫn

bài xích, tiếp đó, do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đây do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái nghịch pháp thế gian mà còn hữu ích lớn lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mảy trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí hướng đặc biệt, không một ai chẳng hướng lòng sùng phụng, để mong tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha. Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bản ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn!

Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung - hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục. Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v... họ chê bai là tự tư, tự lợi, do

tưởng rằng hề có điều gì để làm lành thì đây chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, như vậy là đã trái nghịch ý chỉ “đánh đồ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt” của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo “*hướng theo thiên lý thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm*” của kinh Dịch, kinh Thư, chỉ vận dụng suông thuật “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm” nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp!

Đôi với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, thành ý, chánh tâm, họ lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành, đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vỡ tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bái xích nhân quả, báo ứng, sanh tử luân hồi và quan niệm “có làm gì để làm lành thì đó chính là ác” và “tự lợi, lợi tha, liễu sanh thoát tử” là tự tư tự lợi mà ra! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lương Phong*)

* Ngạn ngữ có câu: “*Thiên hạ vốn thái bình, chỉ có con người tự khuấy rối*”. Người trí dùng trí để khuấy, kẻ ngu dùng dục để khuấy. Mọi họa do lòng dục khuấy nhiễu tuy khốc liệt, nhưng người ta còn biết được. Sự khuấy nhiễu của kẻ trí nếu chẳng phải là bậc tri kiến vượt trội sẽ chẳng thể biết được! Đã chẳng biết là khuấy nhiễu, lại ngược ngạo coi đó là đức. Đấy chính là cội nguồn gây nên đại loạn cho nước ta từ thuở mới có trời đất đến nay! Học thuyết gây lầm lạc cho con người thật đáng sợ sâu xa. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh - 1*)

* Thánh nhân rũ áo khoanh tay trị thiên hạ, điều cốt yếu chỉ là “vô dục”. Vô dục thì không phải chiến đấu, có dục thì phải chiến đấu dài dài cho đến khi ta lẫn người đều chết hết, tâm lòng mới chịu nguội lạnh. Nếu không, ắt sẽ mong người khác chết để riêng ta còn sống, quyết chẳng nghĩ đến sự thảm khốc của chiến tranh để tạm ngừng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh - 1*)

* Hôm qua nhận được thư, biết nỗi thảm do thổ phỉ gây ra tại Xuyên Trung, khôn ngăn người ta phải than dài sừng sọt. Tôi thường nói: “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh*”. Từ đời Tống, họ Trình, họ Châu do đọc

kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận bậc thiện tri thức Thiên Tông, biết đại khái nghĩa lý “*toàn Sự chính là Lý, hết thấy duy tâm*”, liền chấp bừa vào ý kiến của chính mình, chấp Lý bỏ Sự để làm ra vẻ chính mình kiến thức cao siêu, quá sợ người đời sau biết được do đâu họ có được kiến giải ấy nên đem lòng đen tối báng Phật, nói nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi do đức Phật đã dạy chính là căn cứ để lừa dối bọn ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy! Con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán; dầu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để làm? Lại nữa, thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh? Từ đây trở đi, phàm là nhà Nho, hễ kẻ nào hiểu biết cao xa thì ai nấy đều lén lút xem kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật; kẻ hiểu biết thấp kém bèn hòa theo người khác dấy lên kiến giải điên đảo, từ sống đến chết chẳng được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, từ sống đến chết thường tạo nghiệp báng Phật.

Học thuyết của họ Trình, họ Châu vừa được lưu hành thì Nho gia vẫn giữ như khuôn vàng thước ngọc, còn chuyện họ Trình, họ Châu trái nghịch tiên thánh (thánh nhân Nho giáo) thì cả cõi đời không ai chịu nói đến! Sau này, nhà Nho nào nói ngược với Trình, Châu sẽ không thể đứng vững được trong khoảng trời đất. Do vậy, nhà Nho chẳng dám nói nhân quả luân hồi, nói ra sẽ bị người ta công kích. Lại muốn sau này lỗ ra có

thành tựu, muốn được dự vào Hương Hiền Từ (miếu thờ bậc hiền tài trong làng) hay trong Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả luân hồi thì hai đấng đều tuyệt vọng! Từ đây, hoàn toàn thủ tiêu căn bản trị quốc bình thiên hạ, cấy sông vào “chánh tâm thành ý” để trị thiên hạ. Phải biết: Nếu có nhân quả luân hồi thì kẻ chưa thể chánh tâm thành ý vẫn gắng sức làm. Không có nhân quả luân hồi thì chỉ có bậc đại hiền mới có thể chánh tâm thành ý; còn những kẻ khác do không có gì để sợ hãi, không có gì để mong mỏi, lẽ đâu lại khăng khăng chánh tâm thành ý hay sao?

Trình - Châu đề xướng chánh tâm thành ý là do học được diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng để phô trương cái trí của chính mình, bèn ngược ngạo cực lực chê trách Phật. Như vậy là họ đã chánh tâm thành ý nơi chỗ không quan trọng, khẩn yếu, hoàn toàn chẳng mảy may nào chánh tâm thành ý nơi chỗ quan trọng, khẩn yếu lớn lao! Dùng cách ấy để tạo thành cái danh cho chính mình, nhưng di hại cho thiên hạ đời sau. Gần đây tai họa liên tục xảy ra, dân không lẽ sống, đều là do chất độc của học thuyết Tống Nho bộc phát, ông có biết hay chẳng? (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Đường Năng Thành*)

* Chất độc của họ Âu, họ Hàn còn nhỏ, chất độc của họ Châu, họ Trình mới lớn, vì những nhà Lý Học sau thời Trình - Châu, không một ai chẳng xem trộm

kinh Phật, nhưng không một ai chẳng cực lực báng bổ Phật pháp đến nỗi biến thành mối đại loạn này, đều là vì cái nhìn hạn cuộc nơi môn hộ của các vị tiên sinh ấy mà ra! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ - 1*)

* Thánh nhân thế gian lẫn thánh nhân xuất thế gian dùng sự lý nhân quả để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Người đời nay đa số chẳng cho như vậy là đúng, cứ làm riêng theo cách mới, đến nỗi chuyên chú trọng cạnh tranh, xâm đoạt để mong tăng lớn thế lực, mở rộng lãnh thổ của ta, tàn sát lẫn nhau, trọn không ngưng dứt. Nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều vì chẳng coi nhân quả báo ứng là đúng mà ra! Cái gốc họa này vẫn vít kết lại đã lâu, nay đã dần dần bộc phát. Nào phải do một hai người tuyên truyền mà có thể vãn hồi được ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoàng dương nhân quả*)

* Dứt lo, quên duyên, nhất tâm lễ tụng, cầu Tam Bảo ngầm rủ lòng gia bị khiến cho những kẻ có quyền lực trong các nước diệt dứt ác niệm, phát khởi từ tâm. Nếu được cảm ứng, lợi ích ấy lớn lắm. Nếu chẳng thể cảm ứng nơi các nước thì cũng sẽ ngầm kết pháp duyên với người các nước, lợi ích ấy cũng chẳng nông cạn

đâu! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả*)

* Đòi loạn tốt bậc chẳng kham nói nổi! Xét đến nguồn cội, nguyên nhân gần là trong vòng 110 năm gần đây, hết thấy những kẻ đọc sách làm quan chỉ biết tập luyện cử nghiệp²⁴, cầu công danh, chẳng biết đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình. Nếu luận đến cái nhân xa thì quả thật là do họ Trình, họ Châu đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi mà ra! Do trọn chẳng được gia đình khéo dạy, lại chẳng biết con người vì sao làm người, lại quen nghe nói “chết là diệt mất, trọn chẳng có đời trước, đời sau!” nên vừa gặp gió Âu thổi tới, cảm thấy thuyết “phế bỏ lòng hiếu, phế trừ luân thường, không hổ thẹn” ấy tự tại vô ngại lắm, bèn nhất trí tiến hành. Tạo ra căn bản gây làm lạc cho con người không thể không quy tội về các vị bên Lý Học. Quang nói lời này đích xác tốt bậc, biện định tốt cùng, chứ chẳng phải nói bừa đâu!

Phương kế lúc này là phải sót sáng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng đến nhân quả báo ứng! Hai pháp này duy trì

24. Cử nghiệp là lối học chỉ nhằm mục đích thi đậu ra làm quan, chú trọng luyện tập văn chương sao cho phù hợp với yêu cầu làm bài thi như văn sách, chiếu, biểu, thơ, phú v.v..., chứ không chú trọng hiểu biết ý nghĩa giáo dục của thánh hiền đề tu dưỡng bản thân.

lẫn nhau, mới có thể làm cho con cháu sau này chẳng đến nỗi mây chốc sống như loài thú! Nếu không, dù có giáo dục cũng khó thể giữ cho chúng nó chẳng bị xoay chuyển bởi thói tà! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ba vị cư sĩ Tổng Lục Trám, Trữ Liên Tịnh, và Trương Tử Tịnh*)

* Hiện nay thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, nói chung là vì chẳng nói đến đạo “trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận” và lý “phước thiện, họa dâm”. Đối với chuyện luân hồi lục đạo và pháp Niệm Phật vãng sanh thì càng không có cách gì nghe tới được! Do tâm chẳng chú trọng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả báo ứng, dẫu có nghe cũng chẳng thể sanh lòng tin. Bởi những lẽ đó, uơng thành đại kiếp, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, cơ duyên giết chóc ngập tràn, dân không lẽ sống. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Tịnh Nghiệp Xã chùa Tiên Khánh tại Tam Giang Khẩu, Hàm Giang*)

* Văn Sao, nhất là đối với người mới phát tâm, là một quyển sách chẳng thể không đọc, bởi lẽ ngôn từ nông cạn, gàn gỏi, tường tận, lại còn có nhiều chỗ phát huy sự - lý “sống trong cõi trần học đạo, tu chân trong cõi tục”. Do học Phật cho nên căn bản của chí thành, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên

hạ đều nắm được! Phật pháp thật tích cực, bác ái, kẻ không biết lại ngược ngạo cho là tiêu cực, tự tư, tự lợi, coi pháp rốt ráo độ người thoát khổ của Phật là pháp ngu xuẩn, mê hoặc kẻ ngu tục. Do đó, dần dần tích tập đến nay, trở thành những thảm kịch như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường v.v... chẳng nữa thấy nghe! Nếu như ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, biết chết đi thần thức bất diệt, tùy theo tội phước mà thăng - trầm, lẽ nào đến nỗi có tình trạng như vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên*)

* “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh*”. Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (Thuận theo lẽ phải sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực) đây chính là nghĩa “nhân đời trước, quả đời này” vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân quả, quy hết mọi chuyện về sự cai trị của vua. Thế nhưng, tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tâm thân bệnh tật, nỗi lòng lo sầu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo

xấu xí, thân thể yếu đuối đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo “sửa mình trị người” của thánh nhân lấy “sáng tỏ Minh Đức” (minh Minh Đức) làm gốc. Công phu bước đầu của việc làm sáng tỏ Minh Đức chính là cách vật. “*Vật*” chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học.

Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục (lòng ham muốn của con người) để thành ý, chánh tâm, tu thân thì hãy dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng “*bốn điều dừng*” của Nhan Tử và “*ba điều phản tỉnh*” của Tăng Tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ Minh Đức.

Những nhà Nho đời sau kỵ nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân! Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng đề tự khoe bản lãnh cao minh, cho “có gì để làm lành thì đấy chính là ác”. Con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dầu bị

chém - chặt - xay - giã, sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, dầu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản!

Vì thế, đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tấn tuồng xấu xa như phế kinh điển, phế luân thường, phế hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư*)

* Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn; vì thế, phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tâm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Ta Bà, Ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết, cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được; bởi lẽ, thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực! Ngay như

đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân! Người dân sống trong cõi đời này chẳng đáng thương ư?

Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì Tịnh nghiệp để cầu thoát lìa đời ác Ngũ Trược này, mau được dự vào Liên Trì Hải Hội, ngỏ hầu vĩnh viễn lìa mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui. Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ Tát đặc biệt dấy lên lòng đại từ Vô Duyên, vận lòng đại bi Đồng Thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ, che chở. Xung hồng danh của Ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục*)

* Địa Tạng Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tột pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch Quang, chẳng chứng Phật quả; do lòng đại từ bi tùy loại hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ Tát xưa kia từng phát đại nguyện: “*Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ Đề, địa ngục vị không thế bất thành Phật*” (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ Đề; địa ngục chưa trống không, thế

chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai; do mê muội nên đối với chân thường lầm sanh mê hoặc, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm đến nỗi luân hồi trong lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều!

Bồ Tát riêng rủ lòng từ mẫn, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê, được ngộ, để khôi phục lại Chân Như Phật Tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu Ma Ni²⁵ vô giá, rớt trong nhà xí, kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thèm mến tiếc! Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu.

Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng Chân Như Phật Tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tổn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu,

25. Ma Ni (Mani) gọi đủ là Chân Đà Ma Ni (Cintāmani), còn được phiên âm là Chân Đà Mật Ni, dịch nghĩa là Như Ý Bảo Châu, Như Ý Châu, hoặc Như Ý Ma Ni, Vô Giá Bảo, đều có nghĩa là một viên ngọc quý có thể thỏa mãn mọi ước vọng. Kinh luận chép có nhiều loại Ma Ni, chẳng hạn như Đại Tỳ Bà Sa Luận nói có 102 loại Ma Ni như Quang Minh Ma Ni, Thanh Thủy Ma Ni, Phương Đăng Ma Ni, Nguyệt Tràng Ma Ni, Diệu Tạng Ma Ni, Đại Đăng Ma Ni v.v... Đại Phương Đăng Đại Tập Kinh nêu tên của bốn mươi bảy loại Ma Ni như Tỳ Lăng Già Ma Ni, Phạm Thiên Quang Tràng Ma Ni v.v... Pháp tướng Thiên Thủ Thiên Nhân của đức Quán Âm cũng cầm hai viên Ma Ni: Nhật Tinh Ma Ni và Nguyệt Tinh Ma Ni.

tâm Bồ Tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Địa Tạng Bồ Tát Bốn Tích Linh Cảm Lục*)

VII. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

* Thiền và Tịnh Độ lý vốn không hai. Nếu luận trên mặt Sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời, một vực.

+ **Thiền** nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: *“Nơi chánh nhân thì có thể đón ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoái thì thành Phật quyết định có kỳ”*. Lại nói: *“Sơ tâm do duyên đón ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thủy bao kiếp chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy người trừ cho hết hiện nghiệp còn đang tồn tại trong tâm thức”*.

Ngài Hoằng Biện²⁶ nói: *“Đón ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí từ vô thủy. Cần phải nhờ vào đối trị mới hòng khởi công dụng thuận theo Tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!”* Ngài Trường Sa Sầm²⁷ nói: *“Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết Bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy”*.

Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công. Cổ kim tông sư

26. Hoằng Biện là người nổi pháp (pháp tự) của ngài Chương Kính Huy thiền sư, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

27. Trường Sa Cảnh Sầm là người nổi pháp của ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.

triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng cầu Phật gia bị, Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

+ **Tịnh Độ hễ có đủ ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh liên có thể “đói nghiệp vãng sanh”**. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bồ Xứ, kẻ chưa ngộ cũng chứng A Bệ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển). Vì thế, Hoa Tạng Hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khẩn thiết. Vì thế, được cảm ứng đạo giao; do vậy, mau thành Chánh Giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiên Lục, chuyên tu Tịnh nghiệp. Dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm **trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phỉến, đích thân chứng Niệm Phật tam-muội**, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là đem cái công phu “xoay trở lại nghe nơi tự tánh” của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “**niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối**” của ngài Thế Chí thì tu Tịnh mà là Thiên, còn gì diệu bằng ! (*Án Quang Pháp*

Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi Từ phu nhân ở Hải Diêm)

* **Người tu Thiên Định** (chỉ Tứ Thiên, Bát Định) và người tham Thiên chỉ cậy vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyền hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới! Nếu lầm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được!

Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vàng mặt trời sáng rỡ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những ly my võng lượng²⁸ mất bật tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được. Xét đến cùng cực chẳng qua là: *“Niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm và Phật không hai, tâm - Phật như một”* mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết,

28. Ly my võng lượng: Ly my (chữ Ly 魘 đúng ra phải đọc là Si) là loài quỷ trong núi sâu, võng lượng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, ly my võng lượng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết màu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đấy chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Ngay như Thiên Tông, nếu chỉ đề khởi hương thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Ấy là Chân Đế: Một đã không, hết thấy đều không. Như câu nói: “*Thật Tế Lý địa chẳng nhiễm mây trần*”, hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận đích xác về mặt tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, huống chi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đấy tức là nơi Tục Đế, một đã lập thì hết thấy đều lập. Như câu nói: “*Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp*”, hiển thị tánh vốn đầy đủ.

Muốn vứt bỏ Tục Đế để bàn Chân Đế, sẽ không có Chân Đế. Nếu muốn bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để sáng tỏ Chân Đế thì thật có Chân Đế. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đấy chính là ý chỉ lớn lao “ngâm tu Tịnh Độ” của chư Tổ từ trước. (*Ấn Quang*

*Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1,
Thư gửi Hòa Thượng Thế An chùa Đại Hưng Thiện)*

* Phải biết: **Pháp môn Tịnh Độ lấy “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” làm tông chỉ.** Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng nơi khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh Song Tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh Độ! Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến “đại triệt đại ngộ” thì chẳng gọi là “có Thiền”. Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị “đại triệt đại ngộ”? Do chú trọng tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mảy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật! Hoặc nói ra vẻ cao xa là “niệm Thật Tướng Phật”. Tuy Thật Tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ “quy Tông” (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn!

Cậy vào tự lực, dẫu đạt đến địa vị “đại triệt đại ngộ”, nhưng vì chưa đoạn Hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được! Chưa ngộ đến mức “đại triệt đại

ngộ” thì khỏi cần bàn chi nữa!

Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới được. Do người cậy vào tự lực một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp suông cái danh, chưa chứng được cái thật, cho nên đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức!

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thảy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được! Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng đa số vẫn phải luân hồi trong lục đạo từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác.

Nếu thật sự hiểu được sự lợi - hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh Độ, mới biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu

khi kết thúc! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất*)

* “Chỉ có đường tắt tu hành”. Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. “Y theo như cũ đi nhiều”, đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiên, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên²⁹ tự cho là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thầy tri kiến thừa thừa, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dầu người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được! Ví như đã đến điện Hàm Nguyên³⁰, mọi thứ trong điện ấy đều biết hết. Nếu vì người chưa đến đấy mà nói thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ!

29. Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đôi ba phen cất vấn, cho là Tổ phế bỏ Tam Tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiền cận, lên án Tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di Đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh Độ chèn ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di Đà v.v...

30. Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) của nhà Đường. Căn cứ trên phế tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Tử Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

Những câu nói trong nhà Thiên đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu những câu nói ấy theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi “hiểu lầm” là ngộ, tội ấy cực lớn. Dầu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, Hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được!

Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực đỏi nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu làm lẫn bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần! Vì sao vậy? Do “chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng”; do vậy, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 2*)

* Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiên “*người niệm Phật là ai?*” thì chính là tham Thiên cầu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh Tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất! Con người thường hay mạo danh Thiên Tịnh Song Tu, nhưng tận lực chú

trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dẫu có đích thân thấy được “người niệm Phật là ai” cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh! Lại chưa đoạn Phiền Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này.

Pháp môn Tịnh Độ vượt trội hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực; những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực để luận ư? Đây chính là một mấu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân*)

* **Thiền** chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là “*bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra*”; nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, nhằm làm cho người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây

Phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến “Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà”.

“**Có Thiên**” là tận lực tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh”.

“**Có Tịnh Độ**” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. **Thiên và Tịnh Độ** chỉ là ước theo giáo, ước theo lý.

“**Có Thiên**” và “**có Tịnh Độ**” là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. **Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tột cùng lý, sao cho thật sự có mới thôi!**

Điều thứ hai là xét về văn từ, tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiên nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiên. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mên luyến trần cảnh, hoặc cầu đời sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoàng dương pháp đạo, phổ lợi chúng

sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

*** “Có Thiên, có Tịnh Độ.**

Như cọp mọc thêm sừng.

Hiện tại làm thầy người,

Đời sau làm Phật, Tổ”.

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiên tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng.

Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: “*Thấy nên dùng Thiên Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiên Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ*”. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được đội ơn, há chẳng phải là “bậc đạo sư của trời, người” hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong

khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chúng Vô Sanh Nhân; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, hưởng hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi mốt! Vì vậy Tổ mới nói: “Đời sau làm Phật Tổ”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

*** “Không Thiên, có Tịnh Độ.**

Vạn người tu, vạn đố.

Nếu gặp Phật Di Đà,

Lo gì chẳng khai ngộ”.

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể nhớ Phật như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng

sanh. Đấy há chẳng phải là “*vạn người tu, vạn đở*” hay sao?

Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít.

Đã sanh về Tây Phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiêm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: “*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

*** “CÓ THIÊN, KHÔNG TỊNH ĐỘ,
MƯỜI TU, CHÍN LẦN CHÂN,
ÂM CẢNH NẾU HIỆN TIỀN,
CHỚP MẮT ĐI THEO NÓ”.**

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiên tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử³¹.

31. Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm

Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến nữa! Dầu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn khó thoát y như cũ. Biên sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: “*Mười người, chín lần chần*”. Lần chần (tha đà) người đời thường nói là “chần chờ”. “*Ám cảnh*” là cảnh của Trung Âm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy.

Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: “*Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*”. Chữ Âm (陰): âm và nghĩa đồng với chữ Âm (蔭), nghĩa là che đậy; tức là: Do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người

quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

hiểu chữ Tha (蹉) nghĩa là “làm lẩn”, Âm Cảnh là Ngũ Âm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiên và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triết đại ngộ mười người tu chín người lạc đường, đi theo Ngũ Âm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng hiểu tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bậc đại triết đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

*** “Không Thiên không Tịnh Độ.**

Giường sắt và cột đồng.

Vạn kiếp cùng ngàn đời.

Không một ai nương dựa”.

Có kẻ bảo “*không Thiên, không Tịnh*” tức là vùi đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đởi nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời

này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển, mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: *“Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba”*, chính là nói đến ý này.

Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ý phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kế mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu tan thì lại chuyển sanh làm ngựa quý, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là điều khó nhất trong những điều khó.

Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: *“Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?”* A Nan bạch Phật: *“Đất trong đại địa nhiều”*. Phật nói: *“Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa”*. Xét theo lời Phật thì *“muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa”* vẫn là lời luận định rất nông cạn.

Ôi! Hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thầy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đời nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ cõi đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phạm nên xui khiến như thế chẳng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* **“Quyền”** có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo.

“Thật” có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm Ngài đã chứng mà nói.

“Đốn” là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hễ vượt khỏi liền chứng nhập ngay.

“Tiệm” nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được Thật Tướng.

Những kẻ tham Thiền nói pháp Tham Thiền chính là pháp *“chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật; do vậy, Thiền là Thật, là Đốn”*; nhưng chẳng biết Tham

Thiền dù có “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” thì mới chỉ là thấy được vị Phật Lý Tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì hễ ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đây, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn huệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người “đại triệt đại ngộ” thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai! Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng Kiến Tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới chịu sống, chịu chết. Đã bị sống - chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiểm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là Thật, là Đốn, nhưng nếu không đúng người (tức không phải là hạng căn cơ phù hợp với pháp Thiền) cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Thật, nơi Đốn, vẫn trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi! Vì có sao? Do cậy vào tự lực! Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn! Hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được Lý Tánh, chẳng thể đích thân chứng được Lý Tánh. **Ngày nay, kẻ “đại triệt đại ngộ” còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ!**

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng tánh A Tỳ đều nên tu tập (Đây

gọi là “thông trên thấu dưới” vậy!) Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thảy chúng sanh liễu sanh thoát tử. Các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được! Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vãng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được ư?

Tuy pháp môn Tịnh Độ có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như Tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích. Lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. **Phàm những kẻ giảng Thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh Tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh Độ là thiên cận.** Nếu nghiên cứu Tịnh Tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự làm, làm người nữa ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 2*)

* Nếu ước theo Thật Nghĩa rốt ráo để nạn (“nạn” nghĩa là cật vấn) chuyện “lấy - bỏ” thì tức là chẳng biết “rốt ráo không lấy không bỏ” chính là chuyện sau khi đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy,

đoạn Hoặc chứng Chân đều thuộc về lấy - bỏ. Đã chấp nhận đoạn Hoặc chứng Chân là lấy - bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy - bỏ trong việc bỏ Đông, lấy Tây, lia câu lấy tịnh? Nếu trong pháp Tham Thiền, lấy - bỏ đều sai, thì trong pháp Niệm Phật lấy - bỏ lại đều là đúng. Bởi một đảng chuyên suy xét Tự Tâm, một đảng kiêm nhờ Phật lực.

Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp Tham Thiền để phá pháp Niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa. Chuyện không lấy - bỏ vốn là Đề Hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy - bỏ thì lại thành độc dược! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừ, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 2*)

* Hòa Thượng Pháp Tràng sẵn đủ linh căn từ trước, thoát đầu là bậc chân nho, sau thành bậc chân tăng; có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đòi có bậc chân nho thì mới có bậc chân tăng. Những hạng vô lại xuất gia thấy đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp vậy! Ngữ lục của Ngài (Pháp Tràng) thật là thông khoái, thẳng chổng, mở toang tự tâm con người, rất nên khắc in lưu thông để làm pháp bảo nhà

Thiền. Thế nhưng, Ngài chỉ phát huy đạo lý “chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật”; chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đừng nên so đo, đoán mò lời Ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên vậy. Chẳng thế chẳng biết điều này.

Tông gia (Thiền tông) chỉ đề xướng bốn phận, những thứ khác đều chẳng thêm xiển dương. Việc tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng chân của nhà Thiền đều là ngậm tự tu trì. Những kẻ đứng ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy, bèn cho rằng Tông gia hoàn toàn chẳng dùng đến những pháp đó. Đây là bóng Tông, lẫn bóng Phật, bóng Pháp vậy!

Nên biết rằng: trong hết thầy pháp môn đức Phật đã nói, đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử, tuyệt đối chẳng có chuyện chưa đoạn sạch Hoặc mà liễu thoát được! Với pháp môn Niệm Phật, nếu người vãng sanh đã đoạn Hoặc nghiệp thì sẽ mau chứng Pháp Thân, người tuy còn đủ Hoặc nghiệp mà vãng sanh thì cũng đã vượt lên địa vị thánh nhân. Một đặng hoàn toàn cậy vào tự lực, một đặng hoàn toàn nhờ vào Phật lực kiêm thêm tự lực.

Điều thứ hai, sự tu trì khó dễ thật là một trời một vực. Thường có kẻ thông minh, đọc sách Thiền qua quít, hiểu chút vị Thiền, bèn toan lấy Thiền làm mạng, học đòi làm bậc cao nhân thông suốt, nhưng toàn là hạng chẳng biết Thiền lẫn Tịnh đến nơi đến chốn, cứ

lầm tưởng mình là hạng tôn quý, đại căn. Tuyệt đối chớ nên bắt chước theo thứ tri kiến như thế. Bắt chước theo đó, chỉ e trái kiếp số như vi trần vẫn chẳng mong gì được liễu sanh thoát tử cả!

Coi “bỏ Đông lấy Tây” là sanh diệt tức là chẳng biết rằng “chấp Đông phê Tây” chính là đoạn diệt! Chưa chứng Diệu Giác, có ai là không lấy - bỏ? Tam kỳ³⁶ luyện hạnh, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc chứng Chân, không sự nào chẳng phải là lấy - bỏ đó sao? Phải biết rằng: đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang cho nên Ngài mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

Một chuyện Tham Thiên nói dễ dàng sao! Cổ nhân như ngài Triệu Châu Thâm thiền sư, xuất gia từ nhỏ, đến hơn tám mươi tuổi vẫn hành cước, nên mới có bài tụng rằng:

***“Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi cõi lòng chưa lặng không”!***

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ. Ngài Dũng Tuyên phải nhọc nhằn hết bốn mươi năm. Ngài Tuyết Phong ba lượt lên gặp ngài Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn. Họ là bậc đại Tổ sư đại triệt, đại ngộ mà còn phải gian nan đến thế. Lũ ma con kia mới nghe qua ma thuyết đều được khai ngộ ngay, vậy thì những vị Tổ sư vừa nói trên đây có xách giày

cho chúng cũng không đáng sao?

Những lời “chẳng chấp trước”... về Lý thì đúng, nhưng về Sự thì chẳng phải là điều hạng phàm phu sát đất có thể làm nổi! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, rồi vênh váo mình bất chấp đói lạnh, bảo kẻ suốt ngày bụng rỗng tuếch, chẳng được chén nước, hạt cơm, đói lả gân chết rằng: “Tôi coi gan rỗng tủy phượng hết như uế vật, nghĩ đến là muôn ói, huống hồ là nuốt xuống!” Toàn là nói suông như nhau thôi!

Nay kẻ tham Thiền nếu chẳng hiểu giáo lý thì cái Không giải thoát đó phần nhiều trở thành bệnh cho họ. Còn như không cảnh hiện tiền khi tịnh tọa, lắng ý, thì bất quá là do ý niệm lặng trong, chế ngự được vọng nên ngẫu nhiên huyền cảnh phát hiện đó thôi! Nếu tưởng làm đây chính là dấu hiệu chứng tỏ mình chứng đắc, bèn sanh lòng mừng rỡ lớn lao thì sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó cứu được!

Nếu may mắn suy xét kỹ, chẳng chấp trước, buông bỏ huyền vọng, chợt quán thông các pháp môn thì đây mới là: đi trong chôn gai góc đã lâu, chợt đến chỗ khoảng khoáng. Người đời mạt căn cơ hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng nhờ vào Phật từ lực chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực tham cứu Thiền tông thì minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng chân thành công hiếm có mấy ai, còn hạng tưởng huyền là chân, lầy mê làm ngộ, ma dựa phát cuồng thật nhiều lắm! Vì

thế, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v... quán sát căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ.

Đạt Ma từ Tây qua, truyền Phật tâm ấn, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật. Nhưng cái để thấy, để thành ấy chính là thiên chân Phật tánh có sẵn ngay nơi tâm chúng ta, Ngài dạy như thế để con người trước hết biết được cái gốc rồi tự dựa vào đó mà tấn tu hết thảy các pháp tu chứng cho đến khi nào tu được cái không thể tu, chứng được cái không thể chứng mới thôi! Chứ chẳng có nghĩa là vừa ngộ liền đầy đủ cả phước lẫn huê, viên mãn rốt ráo Phật đạo Bồ Đề! Giống như vẽ rồng điểm nhãn để người nghe tự mình được thọ dụng.

Do vậy, Thiên tông phát triển rực rỡ, chói ngời nơi Chấn Đán (Trung Hoa), đạo “tâm này chính là Phật”, pháp “phi tâm phi Phật” lan khắp hoàn vũ. Người thiên cơ sâu đối với mỗi cơ, mỗi cảnh liền biết đầu mối, liền phun châu nhả ngọc, chẳng vướng lối sáo mòn, vào sống ra chết trọn chẳng ngăn ngại, sợ hãi, được đại giải thoát, đắc đại tự tại. Nếu căn cơ hơi kém hơn, dù đại triệt, đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể trừ sạch thì vẫn là người trong sanh tử y như cũ. Xuất thai cách ám³⁷ đa phần bị mê. Bậc đại ngộ còn như thế, huống kẻ chưa ngộ ư? Vì thế phải chuyên tâm dốc chí vào pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực mới là kế sách ngàn phần ôn hòa, vạn phần thích đáng vậy!

Trong Luật, Giáo, Thiên Tông, trước hết phải hiểu

sâu giáo lý rồi mới y giáo tu hành. Tu hành công sâu, đoạn Hoặc chứng Chân mới thoát khỏi sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý, bèn là tu mù luyện quán. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ bèn bị ma dựa phát cuồng. Dù cho hiểu giáo lý, công tu hành sâu xa, vẫn phải đoạn Hoặc, nếu còn chút mảy may nào chưa đoạn sạch sẽ vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi cảnh khổ được! Mãi đến khi Hoặc nghiệp hết sạch mới có thể thoát ly sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa, phải trải bao kiếp tán tu mới viên mãn được Phật quả.

Ví như dân hèn sanh ra đã thông minh, đọc sách, học văn nhiều năm khó nhọc, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, từ chức quan nhỏ được thăng cấp dần đến khi làm Tể Tướng, quan vị cực phẩm nhưng không thể nào lên cao hơn được nữa! Địa vị bậc nhất trong đám quần thần, nhưng so với thái tử, sang hèn khác nhau một trời, một vực, huống hồ so với hoàng đế? Suốt đời làm bầy tôi, tuân hành lệnh vua, cúc cung tận tụy giúp vua cai trị quốc gia. Nhưng cái địa vị tể tướng ấy thật chẳng dễ dàng gì! Cả nửa đời siêng năng, vất vả, ra sức nhẫn nại. Cho đến cuối cùng cũng chẳng hơn được thế. Còn kẻ học vấn, tài năng sút kém đôi chút chẳng đạt được như thế thì có đến trăm, ngàn, vạn, ức người! Đây là tự lực.

Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến bậc tể tướng ví như công tu hành sâu,

đoạn Hoặc chứng Chân. “Chỉ có thể xưng là Thần (bày tôi), chẳng dám xưng là vua” ví như tuy ra khỏi sanh tử, vẫn chưa thành Phật. “Những kẻ học vẫn chẳng đủ, chẳng thể đạt được như thế rất nhiều” ví như rất nhiều kẻ chưa đoạn hết Hoặc, chẳng thể thoát khỏi biên khổ sanh tử.

Trong pháp môn Niệm Phật dù chẳng hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoặc nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung, quyết định được Phật đích thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, liền ngay trong một đời ấy, quyết định bỏ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực, nghĩa là: tín nguyện trì danh là tự lực, tự lực ấy có thể cảm được đức Phật. Do thế nguyện nhiếp thọ, Phật rủ lòng từ tiếp dẫn, đây là Phật lực có thể ứng đến ta. Do cảm ứng đạo giao bèn được như thế.

Nếu như hiểu sâu giáo lý, đoạn Hoặc chứng Chân thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng nhanh. Bởi thế, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, Tổ sư các tông đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh vào hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ đã quý hiển át cả quần thần. Đây là do thế lực của vua. Chờ đến khi khôn lớn, học vấn tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ cả sẽ có thể tiếp nối ngôi báu, bình trị thiên hạ.

Hết thầy quần thần phải nghe theo chiếu dụ. Đây chính là vương lực, tự lực cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như thế: chưa đoạn Hoặc nghiệp, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liền thoát sanh tử, giống như thái tử mới sanh đã quý hiển át cả quần thần. Khi đã vãng sanh, Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bỏ vào địa vị Phật, giống như thái tử khôn lớn kế thừa ngôi báu, bình trị thiên hạ.

Thêm nữa, bậc đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, Tổ sư các tông, bậc đã chứng địa vị Bồ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng đều nguyện vãng sanh, giống như trước kia trấn giữ chôn biên thùy hẻo lánh, chẳng thể nối ngôi, nay sống trong Đông Cung, chẳng bao lâu sẽ lên ngôi báu. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Suốt một đời đức Như Lai đã nói vô lượng vô biên pháp môn, tìm lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất thì không gì hơn được tham Thiền. Nếu là bậc thượng căn, nghe một, ngộ được cả ngàn, sẽ đắc Đại Tổng Trì³², nhưng đây vẫn còn là ngộ chứ chưa phải

32. Tổng Trì còn dịch là Đà Ra Ni, Năng Trì, Năng Giá (có khả năng ngăn che), đều có nghĩa là huệ lực có khả năng gìn giữ, ghi nhớ hết thầy vô lượng Phật pháp chẳng quên mất. Hiểu theo nghĩa rộng, Tổng Trì có nghĩa là khả năng ghi nhớ không quên mất. Từ một nghĩa, một pháp có thể liên tưởng, nhớ được hết thầy pháp, hết thầy nghĩa, không quên mất, không sai sót. Theo Đại Trí Độ Luận, Tổng Trì gồm có bốn loại là Văn Trì Đà Ra Ni (năng lực nghe không quên mất), Phân Biệt Trì Đà Ra Ni (năng lực phân biệt biết hết thầy tà -

là chúng! Người có thể thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì trong đời Mạt quả thật chẳng thấy được mấy ai! Những kẻ khác phần nhiều đều là nhận làm tin tức. Cái được gọi là Ngộ đó, phần nhiều đều là “thác ngộ” (lầm lẫn), ít có kẻ giải ngộ thật sự! Dầu thật sự ngộ thì vẫn còn cách xa chuyện liễu sanh tử nhiều lắm! Vì tuy được khai ngộ, vẫn cần phải dùng đủ mọi phương tiện để đối trị phiền não tập khí từ bao kiếp đến nay khiến cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu phiền não đã đoạn được chừng bao nhiêu đó, nhưng vẫn còn mảy may chưa đoạn hết thì vẫn cứ sanh tử y như cũ, không thoát ra được!

Nếu chỉ nghĩ “hiểu được tự tâm chính là đạo”, ngoài ra không tu trì gì cả thì sự hiểu lầm ấy chẳng nhỏ đâu! Nếu hiểu biết, nhưng không thấy có phiền não nào để được cả, thì có thể gọi là “đắc đạo”, người như vậy đã có thể chém đứt căn bản sanh tử cho nên có thể liễu sanh thoát tử. Nếu tuy hiểu biết, nhưng phiền não chưa đoạn thì làm sao có thể liễu sanh thoát tử cho được? So với kẻ chẳng nhận biết, tuy người ấy cao trội hơn nhiều

chánh, tốt - xấu), Nhập Âm Thanh Đà Ra Ni (khả năng nghe hiểu hết thảy mọi ngôn ngữ âm thanh, nhưng không đắm trước, sân hận), Tự Nhập Môn Đà Ra Ni (nghe những chú ngữ bí mật liền có thể thông đạt Thật Tướng hết thảy các pháp). Du Già Sư Địa Luận lại nêu lên bốn loại khác là Ngữ Đà Ra Ni, Chú Đà Ra Ni, Nhẫn Đà Ra Ni và Nghĩa Đà Ra Ni. Do có nhiều loại Tổng Trì nên kinh luận thường nói là “vô lượng tổng trì môn”. Đại Tổng Trì là thông đạt bốn môn Tổng Trì nói trên.

lắm, nhưng sanh tử chẳng liễu thì lại phải thọ sanh, hoặc đâm ra mê muội, đáng sợ vô cùng! Đó là nói về người thật sự khai ngộ đấy nhé, chứ những kẻ tưởng làm là ngộ, càng khỏi cần phải nói đến nữa! Ấy là vì pháp Tham Thiền chính là pháp môn cậy vào Tự Lực, cho nên đem so với pháp môn Niệm Phật về mặt lợi ích thì thật chẳng khác nào một trời, một vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Nguyễn Hòa Khanh*)

VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG NGỜ VỰC THÔNG THƯỜNG

1. Luận Về Sự Lý

* Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng vượt ngoài hai chữ “tâm tánh”, chuyện thế gian hay xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả” (Trộn chẳng hề có không nhân mà lại được quả, cũng trộn chẳng hề có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị ác quả. Xem bài Khuyên Mến Tiếc Sanh Mạng Loài Vật trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng - giảm mảy may. Sở dĩ thăng - trầm thật khác, khổ - vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng nơi quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ: Chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích. Chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thường chán nghe đến. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: “*Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả; nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thế tất nhiên phải như vậy*”.

Nhưng chúng sanh Mạt Pháp căn cơ hèn tẻ, các

pháp Thiên, Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, huống hồ liễu thoát? Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dầu là Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tôi thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này nên bàn cả Lý lẫn Sự, khuyên răn ăn chay, bố thí, rền tiếng hải triều, tưới mưa đại pháp, phá tà chấp của bọn Lỗ Xuyên, nối tiếp pháp mạch của các vị như Liên Trì v.v... ngỗ hầu thiên hạ đều cùng được lợi ích nơi Phật pháp, khiến cho đại địa cùng cảm đức của các vị, pháp tràn ngập hoàn vũ. Cõi đời lại trở về thời đại Đường Ngu, đạo thông đến cả những loài vô hình trong trời đất; ân thâu tới những dị loại bay, lặn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi tòa soạn báo Phật Học*)

* Ước theo mặt Sự, quả thật Tịnh Độ có cảnh tượng trang nghiêm đến cùng cực. Ước về mặt Lý thì duy tâm sở hiện, do tâm thanh tịnh nên các cảnh giới ấy đều thanh tịnh. Cố nhiên, Lý và Sự chẳng thể tách rời, chẳng qua nhấn mạnh nơi nghĩa nào mà chia ra thành Sự hay thành Lý.

Ông chỉ nên đọc kỹ bài Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạ Luận trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, sẽ tự biết rõ văn và lý của Chân Đế và Tục Đế, cũng như

nghĩa lý ước theo cảnh để thí dụ vậy.... Hai pháp Sự và Lý chẳng tách rời nhau, bởi có tịnh tâm thì mới có tịnh cảnh. Nếu không có tịnh cảnh, làm sao hiển được tịnh tâm? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đấy gọi là “tâm có đủ”. Nếu tâm không có đủ thì nhân chẳng cảm được quả! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo*)

* Do đại ngộ lý thể “một pháp chẳng lập”, tận lực tu hành công phu “vạn pháp viên tu” nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung! Kẻ chấp vào Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là “một pháp chẳng lập” được chư Phật gọi là “kẻ đáng thương xót”.

Liên Trì Đại Sư dạy: “*Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị vãng sanh. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kèm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập*”, lý do là như vậy đó.

Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói ‘ta chính là Phật’, chấp Lý phê Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dẫn hiển Lý

vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Túc Tai Pháp Ngữ*)

* **Sự Trì** là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, tuy chưa đạt *“tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*, nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt Sự.

Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo. *“Tâm có đủ”* nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy. *“Tâm tạo”* là nương vào lý *“tâm có đủ”* ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện. Do vậy, gọi là *“tạo”*. *“Tâm có đủ”* chính là Lý Thể, *“tâm tạo”* chính là Sự Tu. *“Tâm có đủ”* chính là *“tâm này là Phật”*; *“tâm tạo”* chính là *“tâm này làm Phật”*. *“Tâm này làm Phật”* bèn xứng tánh khởi tu; *“tâm này là Phật”* bèn toàn tu nơi tánh.

Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển. Tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phé sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phé sự! Do vậy, mới nói: *“Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất”*. Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp Thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này? Vì Sự Trì

dầu chưa ngộ Lý nhưng há có thể ra ngoài Lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm. Hễ đã ngộ thì Sự chính là Lý, há nào phải cái Lý được ngộ chẳng nằm trong Sự? Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý, Lý - Sự vô nhị! Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được! Còn tri kiến cuồng vọng chấp Lý phé Sự thì chẳng thể dung hợp được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 9*)

* Tâm này trọn khắp thường hằng, hết như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước; ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vào sự biến hiện của vọng, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng! Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau. Có sai khác là vì phàm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi!

Tịnh Độ của Phật Di Đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di Đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm. Đã

có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai; do vậy, nói: *“Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật”*. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 9)

* Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”*. Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”*; không phải như kẻ chấp Lý phé Sự chỉ có cái danh sông, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương!

Ấy chính là *“quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh”*, sanh mà vô sanh vậy. Lấy tín nguyện niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương *“tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”* của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy vô sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đây chính là ý chỉ tổng quát của Sanh

Vô Sanh Luận. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tan Biên, quyển 3, Lời tựa ấn hành sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa*)

* Nghĩa “*Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung*” thì phân kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, ông hiểu rõ rồi thì sẽ tự như thể chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ. Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là *Tịch - Chiếu không hai, Chân - Tục viên dung*.

Thế nào là Tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là Tịch.

Thế nào là Chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là Chiếu.

Thế nào Chân? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập.

Thế nào là Tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói “một pháp chẳng lập”, nhưng “vạn pháp lại đều có đủ”, vạn đức phô bày trọn vẹn (Vạn pháp vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là Tục). Tịch chính là Thể, Chiếu là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa

này nên gọi là “Tịch - Chiếu bất nhị”. Chân chính là Lý Tánh, Tục chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh (đấy gọi là “*toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh*”). Vì thế nói là “Chân - Tục viên dung” vậy.

Tiếp đó, kinh văn nói “*ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt*” nghĩa là “*thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt*”. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có ngày nhìn vào mà bật cười. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sinh Thân*)

* Tam Quán, Tam Đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là Đế, Đế tức là Lý. Nói theo mặt tu trì thì gọi là Tam Quán, Quán tức là Tu. Chân Đế: Một pháp chẳng lập, Tục Đế: Vạn pháp trọn đủ! Quán cái lý nơi Chân Đế thì gọi là Không Quán. Quán cái lý nơi Tục Đế thì gọi là Giả Quán. Không Quán chính là quán Chân Như Pháp Tánh “một pháp chẳng lập”, điều này chính là cái Không “chẳng có cả Không lẫn Hữu”. Đấy chính là tướng Không trong

“*chư pháp Không tướng*” của Tâm Kinh.

Chẳng những Sắc Không, Không Không, mà Bồ Đề, Niết Bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là Chân Không! Cái không này của Không Quán trong Tam Quán sao có thể hiểu là “muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm” cho được? Tục của Tục Đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhả tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là Tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong Chân - Giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày. Phép quán nhằm quán lý của Tục Đế được gọi là Giả Quán vì tánh thể của Chân Đế là “chẳng lập một pháp” nhưng có công đức trọn đủ sáu độ, vạn hạnh, các pháp toàn vẹn. Đây chính là “*chư pháp*” trong câu “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phạm phu cho được? Phạm phu thuộc về hai đế Khổ và Tập, còn Không và Giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị Thừa còn chẳng có phần, huống gì phạm phu? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4*)

* *Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của

Sắc chẳng thể đạt được, há Không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự, ngay cả Không lẫn Sắc đều chẳng thể đạt được, Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng giống như thế; đây chính là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Ngũ Uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là Thật Tướng của Chân Không. Vì thế, gọi là “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp).

Do “*chư pháp Không tướng*” này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ và Trí Huệ cùng với Niết Bàn! (Niết Bàn là thật tế của chữ Đắc). Chỉ vì trong Thật Tướng, chẳng có các pháp: thánh, phàm v.v... ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trồng, người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trồng, làm sao con người ở được? Do Không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, coi Lý là Sự, đây gọi là “tà kiến”, chẳng gọi là “biết pháp”, hãy nên suy nghĩ cẩn kỹ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bát Nhã sâu xa để soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Ngũ Uẩn là danh xưng

đại lược của trăm pháp. Đã thấy chúng đều là không thì Ngũ Uẩn đều trở thành Bát Nhã sâu xa. Như Phật quang vừa chiếu đến thì mọi tối tăm đều tiêu, không một tí tẹo đen tối nào còn lưu lại được! Người học đạo hiểu được chỗ quan yếu này thì Tánh hay Tướng, Hiền hay Mật đều hết như nhau. Nếu không, sẽ chấp vào lời lẽ, trọn chẳng có chỗ chỉ quy; vào biển đếm cát, uổng công nhọc nhằn! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa*)

* Kinh Đại Bát Nhã nói rộng, ước theo Phật pháp, chúng sanh pháp để chỉ rõ tâm pháp nên nhiều đến 600 quyển. Còn kinh này nói giản lược, ước trên tâm pháp để dạy rõ Phật pháp và chúng sanh pháp nên văn từ chỉ có 260 chữ; nhưng sự - lý, nhân - quả của mười pháp giới không gì chẳng đầy đủ. Dùng đại lược để nhiếp sự rộng rãi, không sót một nghĩa nào. Nếu nói giản ước thì hai câu “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách) lại chính là mấu chốt của toàn bộ bản kinh. Nếu nói giản lược hơn nữa thì một chữ “*Chiếu*” pháp nào cũng phô bày trọn vẹn, pháp gì cũng hoàn toàn mất, phô bày lần diệt mất đều vắng lặng, Nhất Chân tỏ lộ rõ ràng. Thật có thể gọi là “*tâm ấn của Như Lai, cương tông của Đại Tạng, kim chỉ nam cho chín pháp*”

giới, máu chốt của Đại Bát Nhã”, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Tâm Kinh Thiển Giải)

* Lý thể gian hay xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “tâm tánh”. Sự thể gian và xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “nhân quả”. Chúng sanh trầm luân cửu giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng hay giảm mảy may nào! Sở dĩ thăng - trầm khác xa nhau, khổ vui cách biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa chẳng giống hết nhau nên thọ dụng quả địa khác biệt.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ luận về lý tánh thì trung căn, hạ căn chẳng hưởng lợi ích; chuyên nói nhân quả thì người căn cơ bậc thượng thường hay chán nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời ra, cả hai đều tồn; hợp lại, cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: “*Người khéo luận tâm tánh ắt chẳng bỏ lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả ắt rốt cuộc hiểu rõ ràng tâm tánh*”. Lý này lẽ tất nhiên là như thế.

Nhưng chúng sanh thời Mạt Pháp căn cơ hèn kém, các pháp Thiên - Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, hưởng hồ liễu thoát! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành,

nguyện thiết tha, dù là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này, hãy nên giảng về cả Lý lẫn Sự, thành thật khuyên ai nấy hãy nên thí pháp này đều khắp.

Nên biết rằng pháp môn Tịnh Độ có đủ cả tất cả sự tướng của bốn pháp giới, đều là pháp giới sự sự vô ngại. Đọc đến rồi tu, chớ nên chấp Lý bỏ Sự. Nếu chấp vào một bên, cả Lý lẫn Sự cùng mất. Như người biết ý căn nhạy bén nhất bèn bỏ cả ngũ căn thì ý căn cũng chẳng thể do đâu tồn tại được. Chỉ nên dùng Sự để hiển Lý, dùng Lý dung hội Sự mới chẳng sai lầm. Vì vậy, mới nói yếu chỉ của Tịnh Độ là “toàn Sự tức Lý”. Lý - Sự viên dung bèn khế hợp bốn thể. Tôi biết sư đã ăn no com vua từ lâu³⁸, nhưng vẫn cứ miệt mài hiển lời hèn mọn, chẳng qua để giải bày tác lòng thành của đứa con túng quẫn mong được trở về nhà, cũng như mong rửa sạch cái tội báng pháp trước đây đó thôi!³⁹

Người thông minh đời nay tuy học Phật pháp, nhưng chưa thân cận khắp các thiện tri thức, đa phần chuyên trọng lý tánh, bài bác, vứt bỏ nhân quả và những chuyện tu hành về mặt Sự. Đã bác Sự Tu, nhân quả thì lý tánh cũng mất. Bởi thế, thường có hạng tài cao, ngôn từ kinh động cả quỷ thần, nhưng xét đến hành vi lại chẳng khác gì bọn vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều

là do bác Sự Tu và nhân quả gây ra cả, khiến cho bậc thượng trí uổng công nảy lòng thương xót, kẻ hạ ngu bắt chước làm càn theo. Ấy là dùng thân mình báng pháp, tội lỗi vô lượng.

Biết chẳng khó, làm được mới khó. Đòi có hạng người rộng tuếch, nghe được lý “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, hoặc do duyệt kinh sách bên Giáo, tham thiền, ngộ được lý này, liền cho rằng mình giống như Phật, cần gì phải tu phải chứng, bèn phóng túng tâm ý, đối với hết thầy cảnh duyên làm lạc bảo: “Sáu trần chính là Giác, tham - sân - si chính là Giới - Định - Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây mà tự trói mình?” Thứ kiến giải này hèn kém nhất; nghĩa là chấp Lý phê Sự, bác không nhân quả có khác gì dùng bánh vẽ để khỏi đói, cất nhà trên không, tự mình làm, khiến người lầm, há chẳng phải là tội lỗi cực điểm hay sao? Dùng thiện nhân chuốc lấy quả ác, tam thế chư Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót vậy!

Người đời nay phần nhiều ưa bàn suông, chẳng chuộng thực sự tu tập. Khuyên tu Tịnh nghiệp, hiển nhiên là nên tu cả Sự lẫn Lý, nhưng phải đặt nặng việc tu về mặt Sự làm phương cách tu trì. Vì sao vậy? Do đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự tức Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa thể hiểu thật rõ về Sự và Lý, vừa nghe nói đến Lý Trì liền biết nghĩa

ấy thâm diệu, rất hợp với cái tính lười nhác, biếng trễ, sợ phải trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phế Sự. Sự đã phế thì Lý cũng chỉ thành bàn suông mà thôi!

Những điều Tông môn dạy chuyên chỉ về lý tánh, chẳng luận về Sự Tu. Vì sao vậy? Muốn cho con người trước hết biết đến cái lý “nhân quả, tu chứng, phạm thánh, chúng sanh - Phật chẳng phân biệt”, để rồi y theo cái lý ấy mà bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phạm nhập thánh, đây chính là sự “chúng sanh thành tựu Phật đạo” vậy!

Luận rạch ròi thì Phật pháp chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Trong Chân Đế, một pháp chẳng lập, như thường nói: *“Thật Tế lý địa chẳng dính mây trần”*. Trong Tục Đế, không pháp nào chẳng đủ, như thường nói: *“Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”*. Trong Giáo, xiển dương cả Tục lẫn Chân, nhưng đa phần nói về Tục Đế. Bên Tông thì chính ngay nơi Tục nói về Chân, nhưng quét sạch tướng Tục.

Phải biết rằng: Chân và Tục đồng thể, hoàn toàn chẳng phải là hai vật. Ví như tám gương báu tròn lớn, rỗng sáng chiếu soi cùng tốt, trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, nhưng nếu người Hồ đến, gương hiện bóng người Hồ, người Hán đến, hiện bóng người Hán, sâm la vạn tượng cùng đến đều cùng hiện. Dù bao tướng cùng hiện, vẫn trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, chẳng trở ngại các tướng

cùng hiện. Nơi “các tướng cùng hiện” đó, nhà Thiền chuyên nói “trọn chẳng có một vật”. Nơi “trọn chẳng có một vật” ấy, Giáo dạy rõ “các tướng cùng hiện”. Như vậy, nơi Sự Tu nhà Thiền hiển rõ lý tánh, chẳng bỏ Sự Tu. Nơi lý tánh, Giáo giảng Sự Tu quy về lý tánh. Đây gọi là “*xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng đạt, Tông - Giáo bất nhị*” vậy!

Cái gọi là Niệm Phật Tam Muội nói tướng dễ dàng, nhưng chứng đạt thật khó. Hãy nên nhiếp tâm niệm thiết tha, lâu ngày sẽ tự đạt. Dù chẳng thể tự đạt, nhưng do công đức tin chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngấm được Phật tiếp dẫn, đời nghiệp vãng sanh. Sự Nhất Tâm theo cách phán định của đại sư Ngẫu Ích người tu hành đời nay còn chưa thực hiện nổi, huống chi Lý Nhất Tâm? Phải đoạn được Kiến Tư Hoặc mới gọi là Sự Nhất Tâm. Phá vô minh, chứng pháp tánh gọi là Lý Nhất Tâm.

Nếu là bậc “trong ngấm hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm phàm phu” thì đối với hai loại Nhất Tâm này chẳng khó khăn gì. Nếu thật sự là phàm phu đầy dẫy triền phược thì Sự Nhất Tâm còn chưa dễ được, huống hồ là Lý Nhất Tâm ư? Hãy xem kỹ lá thư trao đổi rất dài giữa Quang tôi và vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết rõ. Đến chừng nào ngộ Vô Sanh rồi, gìn giữ chắc chắn, tiêu sạch các tập khí dư thừa, sẽ tự hiểu rõ điều ấy, cần

gì phải hỏi trước? Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nếu không dù người uống có nói đích xác mùi vị phân, người chưa uống rót cuộc vẫn chẳng biết được mùi vị ra sao!

Có lẽ cư sĩ thấy ngộ được Vô Sanh Nhẫn là chuyện dễ dàng, e tự mình ngộ rồi nhưng chưa biết cách gìn giữ chắc chắn cái ngộ ấy ắt sẽ bị các tập khí thừa sót khiến cho sở ngộ lại bị mất đi nên mới hỏi như vậy chẳng? Chân Vô Sanh Nhẫn thật chẳng phải là chuyện nhỏ đâu, đấy chính là “phá vô minh - chứng pháp tánh”; tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo mới chứng được, nói sao dễ dàng thế?

Mong ông hãy hành theo những điều Quang đã nói trong Văn Sao, ắt sẽ hiểu duyên do của pháp môn Tịnh Độ, ắt tín - nguyện - hạnh sẽ chẳng bị những dị thuyết của hết thầy thiện tri thức đoạt mất. Sau đấy, nếu còn sức thì chẳng ngại nghiên cứu thêm các kinh luận Đại Thừa để mở mang trí thức, hòng làm căn cứ hoằng truyền Tịnh Độ. Như vậy, dù là phàm phu vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng làm mong cao xa, chỉ e Sự - Lý chẳng rành, khó tránh khỏi bị ma dựa. Lá thư dài gửi vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia chuyên trị chứng bệnh này. Bệnh cư sĩ ấy với bệnh của ông tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất giống hệt, nên Quang chẳng muốn nói nhiều.

Chỉ mong ông nhờ lá thư ấy mà lãnh hội. Phải biết

người sau khi đã ngộ dù tu trì giống hệt như người chưa ngộ, nhưng tâm niệm khác biệt. Người chưa ngộ Vô Sanh, cảnh chưa xảy đến đã mong sẵn, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh đã qua rồi vẫn nghĩ nhớ. Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt, hệt như gương sáng, đến không dính, đi không tăm tích. Tâm ứng theo cảnh như gương hiện bóng, trọn chẳng có mảy may ý niệm nào chấp trước, quuyến luyến. Dù đôi cảnh vô tâm, vẫn sóng trào biển hạnh, mây bủa cửa từ. Đối với luân lý, cương thường thế gian và việc thượng hoằng hạ hóa đều mỗi mỗi nhận hiểu đúng, thật sự thực hành, dù táng thân mất mạng chẳng chịu vượt phạm.

Đừng tưởng là đôi cảnh vô tâm rồi phé hết các sự tu trì tự lợi lợi tha, thượng hoằng hạ hóa. Nếu hiểu như vậy sẽ vướng sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do đấy, bác không nhân quả, buông lung làm cản trở thành đem phàm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh, tạo thành chủng tử A Tỳ địa ngục. Điều này quan hệ hết sức sâu xa, bất đắc dĩ Quang tôi phải vì ông trình bày sơ lược lợi hại.

Nếu ước trên Thật Tế lý thể để luận thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật, nhân - quả, tu - chứng đều chẳng thể được. Nếu luận trên phương diện pháp môn tu trì thì trên từ Như Lai đã thành Phật đạo, dưới đến chúng sanh trong A Tỳ đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hiểu rõ

lý tánh nhưng chẳng phê Sự Tu bèn là Chánh Tri, chấp lý tánh phê Sự Tu bèn thành tà kiến. Sai chỉ hào ly, lập thành địa ngục và Phật quả khác biệt. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

2. Luận Về Tâm Tánh

*Tâm vừa tịch, vừa chiếu, bất sanh, bất diệt, rộng rãi, thấu triệt, linh thông, viên dung sống động, là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Dù ở địa vị phàm phu hôn mê điên đảo đầy dẫy phiền hoặc, tâm vẫn cùng một thể giống hết như tam thế chư Phật, trọn chẳng khác gì. Vì thế, nói: “*Tâm, chúng sanh, Phật, ba thứ không sai biệt*”.

Nhưng do chư Phật rất ráo chứng đắc, nên công đức lực dụng được phô bày trọn vẹn triệt để, còn phàm phu toàn thể là mê trái nên đâm ra dùng sức công đức lực dụng ấy khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba món Hoặc - Nghiệp - Khổ dẫn khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tục không ngừng, trải trần diêm kiếp luân hồi dài lâu. Dù muốn thoát lìa cũng không có cách gì! Ví như trong nhà tối chạm phải vật báu, chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn bị thương tổn! Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần cũng giống như thế.

Như Lai thương xót giảng cho diệu pháp, khiến cho

bỏ vọng về chân, khôi phục tâm tánh. Thoạt đầu thì từ nơi vọng liền thấu hiểu tột cùng chân, kể đến thì toàn bộ vọng chính là chân, như gió lộng ắt sóng êm, trời nóng băng phải tan, sóng lẫn băng trở thành nước, nhưng sóng - băng và nước vốn chẳng phải là hai vật! So lúc sóng chưa êm, khi băng chưa tan với lúc sóng đã êm, băng đã tan thì thể tánh trọn chẳng hai, nhưng Tướng - Dụng thật sự khác biệt rất lớn. Do vậy, có câu: *“Tu đức hữu công, tánh đức mới tỏ”*.

Nếu chỉ cậy vào Tánh Đức chẳng chú trọng Tu Đức thì đến tột cùng đời vị lai vĩnh viễn vẫn là chúng sanh uổng có Phật tánh, nhưng không nơi nương tựa! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh chép: *“Quán Tự Tại Bồ Tát khi thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu thấy năm Uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách”*.

Toàn thể của Ngũ Uẩn chính là Chân Như Diệu Tâm, nhưng do cứ một bề mê trái nên trở thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành lập thì Nhất Chân liền bị mê. Nhất Chân đã bị mê thì các khổ đều nhóm họp. Giống như gió dậy thì toàn thể nước biến thành sóng, trời lạnh thì nước đang mềm biến thành cứng. *“Chiếu”* là dùng Bát Nhã rất sâu bèn hiểu rõ *“do mê chân nên biến thành vọng, toàn thể vọng chính là chân”*, như gió lộng, trời ấm lại khôi phục bản thể của nước vậy!

Do vậy, biết hết thấy pháp đều do vọng tình biến hiện. Nếu lìa được vọng tình thì bản thể hoàn toàn là

không; do vậy Tứ Đại đều mất bản tánh, sáu căn có thể dùng lẫn cho nhau. Vì thế, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định mà hiện các oai nghi, nhãn căn có thể làm được Phật sự của nhĩ căn, nhĩ căn làm được Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đang đi trên đất, nước - lửa chẳng thể thiêu đốt, cuốn trôi được, tùy ý đi đứng trên hư không. Cảnh không tự tánh, đều tùy tâm chuyển.

Do vậy, kinh Lăng Nghiêm chép: *“Nếu có một người nhận ra lẽ thật, trở về nguồn, thì mười phương hư không đều bị tiêu tan”*, đây chính là hiệu quả thật sự của việc *“chiếu thấy Ngũ Uẩn đều không”*.

Quy là *“quy đầu”* (gieo trở vào), *“quy hoàn”* (trở về), có nghĩa là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có vậy. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có, mà nếu trước hết chẳng quy tâm nơi Tam Bảo, y giáo phụng hành sẽ không thể được! Đã có thể quy tâm Tam Bảo y giáo phụng hành thì sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm triệt chứng Phật tánh rồi thì mới biết tự tâm quý báu nhất, nơi mê chẳng giảm, nơi ngộ chẳng tăng. Chỉ là thuận theo pháp tánh bèn thọ dụng được, hễ trái nghịch pháp tánh bèn bị thương tổn, lợi - hại khác biệt như trời với vực. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Lời bạt cho Quy Tâm Đường*)

* **Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ.** Bản thể tâm tánh bình đẳng như một, không hai, không khác, nhưng khô - vui, thọ dụng cách biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà ra! Lý ấy rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Muốn chẳng tôn lời nên bèn dùng thí dụ để giảng.

Chư Phật tu đức đến cùng cực, triệt chứng Tánh Đức, ví như tấm gương báu tròn lớn, thể chất bằng đồng³³, biết nó có quang minh, hằng ngày chuyên chú chùi, mài, đổ công chẳng ngừng thì khi bụi hết, ánh sáng sẽ hiện, dựng trên đài cao, hễ có hình soi vào gương, thì trong gương ắt sẽ có bóng: Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi nơi đầu sợi lông, sâu la vạn tượng đều hiện rành rành. Trong lúc vạn tượng cùng hiện ấy, gương vẫn trông rỗng, thông suốt, trọn chẳng có một vật gì. Tâm chư Phật cũng giống như thế: Đoạn hết phiền não hoặc nghiệp, đức tướng trí huệ sẽ phơi bày trọn vẹn, đến tận cùng đời vị lai an trụ trong Tịch Quang, thường hưởng pháp lạc, độ chín giới thoát lìa sanh tử, cùng chứng Niết Bàn.

Chúng sanh hoàn toàn mê Tánh Đức, không có mảy may Tu Đức, ví như gương báu phủ bụi, chẳng những không có mảy may quang minh nào, mà ngay cả chất đồng cũng bị phủ lấp chẳng còn hiện ra. Tâm chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tâm gương bị bỏ phế

33. Thuở xưa, cổ nhân dùng những tấm đồng tròn mài bóng làm gương soi.

chẳng hiện chất đồng ấy sẵn có quang minh chiếu trời soi đất, từ đáy chẳng chịu buông bỏ, ngày ngày chăm chú lau chùi, mài giũa. Thoạt đầu hơi lộ chất đồng, tiếp đó, gương dần dần tỏa quang minh. Nếu vẫn cực lực mài sạch thì một mai hết sạch trần cấu, tự nhiên gặp hình bèn hiện bóng, chiếu trời soi đất.

Nhưng quang minh ấy gương vốn sẵn có, chẳng phải đến từ bên ngoài, chẳng phải do mài mà được; nhưng không mài thì cũng không có cách nào đạt được! Chúng sanh trái trần hiệp giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế! Dần dần đoạn Phiền Hoặc, dần dần tăng trưởng trí huệ. Đến khi nào công hạnh viên mãn sẽ đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo, hoàn toàn chẳng khác gì với mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Tuy vậy chỉ là khôi phục cái sẵn có, hoàn toàn chẳng có gì là mới đạt được! Nếu chỉ ý vào Tánh Đức, chẳng khởi Tu Đức thì đến hết đời vị lai sẽ thường chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc hoàn lại cái nguồn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - bài 4*)

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh, thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt chẳng

giống nhau, vì sao thế? Do Phật thì trái trần hiệp giác, còn chúng sanh thì trái giác hiệp trần. Phật tánh tuy đồng, nhưng mê - ngộ thật khác, cho nên sướng - khổ, thăng - trầm khác biệt một trời một vực. Nếu có thể suy xét kỹ nghĩa lý “*tam nhân Phật tánh*” thì không mỗi nghi nào chẳng phá, không ai chẳng muốn tu tập. **Tam nhân chính là: chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.**

1) **Chánh nhân Phật tánh** chính là diệu tánh sẵn có ngay nơi cái tâm của chúng ta, là Pháp Thân chân thường được chứng bởi chư Phật. Đây chính là cái “*tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong sanh tử chẳng nhiễm, ngộ Niết Bàn chẳng tịnh*”. Chúng sanh triệt để mê trái, nhưng chư Phật rốt ráo viên chứng. Mê - chứng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

2) **Liễu nhân Phật tánh** chính là Chánh Trí được phát sanh bởi chánh nhân Phật tánh; do từ tri thức hoặc từ kinh giáo được nghe đến nghĩa lý chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ. Biết do nhất niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, cho nên chẳng biết bản thể của cảnh giới lục trần vốn không, tưởng là thật có, bèn khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, dâm ra làm cho chánh nhân Phật tánh biến thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đây liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng theo chân, ngõ hầu khôi phục bản tánh.

3) Duyên nhân Phật tánh: Duyên là trợ duyên. Đã liễu ngộ thì cần phải tu tập đủ mọi thiện pháp hòng tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, khiến cho đích thân chúng được rớt ráo cái lý sẵn có mà mình đã ngộ mới thôi!

Xin dùng thí dụ để làm sáng tỏ. **Chánh nhân Phật tánh** giống như vàng trong quặng, như lửa ẩn trong gỗ, như ánh sáng từ nơi gương, như mầm nằm trong hạt ngũ cốc, tuy sẵn có, nhưng nếu chẳng hiểu rõ và trải qua những duyên như: chung luyện, xoi dùi, giồi mài, vun trồng, mưa thấm ướt v.v... thì chất vàng, lửa, ánh sáng, mầm... sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày phát sanh. Vì thế, biết: Tuy có chánh nhân nhưng nếu không có duyên để hoàn thành thì chẳng thể thọ dụng được.

Do vậy, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, muốn làm cho họ được giải thoát. Chúng sanh do chẳng liễu ngộ nên chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi luân hồi sanh tử bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát ra được! Bởi đó, đức Như Lai rộng bày phương tiện, tùy cơ chỉ dạy, dắt dìu ngõ hầu chúng sanh bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của u-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Trước khi chưa chứng, chân tánh thuận theo ác

duyên mà thành phiền não, nhưng vẫn bất biến. Thuận theo thiện duyên, tịnh duyên sẽ trở thành Bồ Đề, vẫn bất biến. Ví như vàng ròng tuy gò thành cái bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm, tuy hằng ngày đựng phân, tánh vàng vẫn bất biến. Nếu đúc thành tượng Phật, tượng Bồ Tát, tuy cực kỳ quý trọng, nhưng tánh vàng vẫn bất biến. Người trong thế gian ai nấy sẵn đủ Phật tánh, nhưng thường tạo ác nghiệp như đem vàng gò thành cái bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, thật chẳng biết tự trọng quá sức! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh*)

* Phật Quang là Trí Thể sẵn có ngay trong tự tâm của phàm - thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Thể ấy linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủy, vô chung, dọc thì suốt khắp ba đời nhưng ba đời do đây dứt bật, ngang thì trọn khắp mười phương nhưng mười phương do đây tiêu mất. Được gọi là Không, nhưng vạn đức trọn bày. Gọi là Có, nhưng mảy trần chẳng lập. Chính là hết thấy pháp, nhưng lìa hết thấy tướng, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Tuy Ngũ Nhãn chẳng thể thấy được, Tứ Biện³⁴ chẳng thể tuyên thuyết, nhưng pháp gì cũng phải nhờ vào sức nó, đâu đâu cũng gặp gỡ. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng những không thể thọ

dụng được, trái lại còn nương theo sức chẳng thể nghĩ bàn này để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp chuốc khổ, khiến phải sanh tử luân hồi trọn chẳng khi nào hết.

Dem chân tâm thường trụ thọ lấy huyễn báo sanh diệt, ví như người say thấy nhà xoay, nhà thật sự chẳng xoay. Kẻ mê cho là phương hướng chuyển dời, phương hướng quả thật chẳng động. Hoàn toàn do vọng nghiệp biến hiện, trọn chẳng có thật pháp nào để đạt được!

Do vậy, khi đức Thích Ca Thế Tôn ta thị hiện thành Phật đạo, triệt chứng Phật quang, bèn than: *“Lạ thay! Lại thay! Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu là vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Diệu tánh viên minh là các danh tướng, vốn chẳng có thể giới, chúng sanh. Do vọng nên có sanh, do sanh nên có diệt. Sanh - diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đây gọi là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Như Lai”*. Hai thứ danh hiệu này được dùng thay cho nhau.

Ngài Bàn Sơn³⁵ nói: *“Tâm nguyệt riêng tròn, ánh*

34. Biện Tài là biện luận khéo léo, tức tài năng thuyết pháp khéo léo. Tứ Biện tức là Tứ Biện Tài, còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài, chính là Pháp Vô Ngại Biện Tài, Nghĩa Vô Ngại Biện Tài, Từ Vô Ngại Biện Tài, Biện Vô Ngại Biện Tài. Bốn thứ này còn được gọi là Tứ Vô Ngại Giải, Tứ Vô Ngại Trí.

35. Bàn Sơn Bảo Tích là đệ tử nổi pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, sanh vào thời Đường, sống tại Bàn Sơn thuộc U Châu (Hà Bắc), tuyên dương Tông phong,

sáng phủ trùm muôn hình tượng. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm lẫn cảnh đều mất, nào còn có vật gì?”.

Ngài Quy Sơn nói: *“Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi Căn Trần. Thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ là vọng niệm chính là Như Như Phật”.*

Do vậy, biết: Mọi thứ ngôn giáo của Phật, Tổ, không gì chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê về ngộ, khôi phục cái nguồn, hoàn lại cái cội mà thôi!

Nhưng chúng sanh căn cơ có sâu cạn, mê có dày, mỏng, nếu chẳng nhọc nhằn dùng mọi thứ ngôn giáo để khai thị, chỉ dẫn, dùng các thứ pháp môn để đối trị thì mỗi người nhờ đâu mới nhìn xuyên được mây mê che lấp tánh không, thấy được vàng tâm nguyệt?

Bởi thế, lúc Như Lai mới thành đạo, trước hết ngài diễn giảng Đại Hoa Nghiêm, luận thẳng vào đại pháp vượt ngoài cửu giới, chẳng xen lẫn với pháp Quyền - Tiểu, hòng những hàng đại cơ tức căn thành thực đều chứng Chân Thường, vượt lên bốn Giác. Lại do độn căn chúng sanh chưa được hưởng lợi ích, Phật liền khéo dẫn dụ dần dần, tùy cơ diễn thuyết: hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp phục hai thừa nhân -

nên có hiệu là Bàn Sơn Bảo Tích. Không rõ năm sanh và năm mất, thụy hiệu là Ngưng Tích Đại Sư.

thiên khiến họ gieo nhân Phật đạo thù thắng; hoặc là dùng Tứ Đê, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Vạn Hạnh nhiếp phục ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khiến họ chứng được cận duyên của Phật đạo.

Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không kinh nào là chẳng tuyên thuyết thuận theo căn tánh của chúng sanh, khiến họ lần lượt tiến dần trên đường về nhà. Bồn hoài của Phật vẫn giữ kín chưa nói. Mãi đến thời Pháp Hoa, Phật mới khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bồn¹⁰, nhân - thiên - quyền - tiểu đều là Nhất Thừa, khách làm thuê thật là con ông trưởng giả! Ba căn đều được thọ ký, diễn bày trọn vẹn bồn hoài xuất thế, cùng hội Hoa Nghiêm ban sơ, đầu cuối chiếu rọi lẫn nhau. Có thể nói là một đại sự nhân duyên đem giao phó trọn vẹn, không còn giấu diếm chút gì.

Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, thật chẳng ai có thể đoạn Hoặc chứng chân. Vì thế, Phật đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ hồng thượng, trung, hạ căn, dù phàm hay thánh cùng lìa khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc ngay trong đời này, chứng dần dần vô lượng quang - thọ. Lòng thâm từ đại bi ấy thật là chí cực không còn gì hơn được nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tãng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo*)

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh thường

quang, tắt cả những gì sáng - tối, thông - tắc, xa - gần thấy đều chiếu thấu suốt không sót. Vì vậy, chẳng cần nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc mới thấy được. Hiềm rằng chúng sanh mê muội bản tánh, trái giác hiệp trần, đến nỗi Phật tánh thường quang ấy biến thành phiền não vô minh, chẳng những chỗ tối tăm, ngăn lấp, xa xôi không thấy được, ngay cả những thứ ở gần ngay trước mắt nếu không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, dù là Thái Sơn vẫn không thể thấy được, huống gì những thứ khác! Do vậy, luân hồi trong biển khổ sanh tử như người mù không ai dẫn đường, trọn chẳng thể có thuở thoát ra được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thấp đèn soi sáng biển*)

* Cổ nhân nói: “*Sanh tử cũng lớn, há chẳng đau đớn ư?*” Trộm bàn: Đã chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng cũng chẳng ích gì! Nên biết rằng: Hết thấy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường, sanh chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu! Do nhân duyên tội hay phước sẽ thăng hay giáng, xoay vần luân hồi, chẳng lúc nào xong. Như Lai thương xót, dạy nhân duyên “do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ” và bản thể “thường, lạc, ngã, tịnh, tịch chiếu viên dung” khiến chúng sanh hiểu rõ: Do vô

minh nên mới có thân này. Vì thế, thân này hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, chẳng những không có tứ đại, ngay cả ngũ uẩn cũng đều không. Đã biết ngũ uẩn là không thì Chân Như pháp tánh, Thật Tướng diệu lý sẽ triệt để phô bày trọn vẹn.

Do tùy duyên nên có tứ thánh, lục phàm, khổ - sướng, thăng - trầm khác xa nhau; nhưng duyên có tịnh - nhiễm, nên phải tùy thuộc vào một trong hai duyên ấy. Tùy thuộc nhiễm duyên sẽ khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu đường. Tùy thuộc tịnh duyên sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng và nhẹ nên có đường lành người - trời, đường thiện ác chen lẫn là A-tu-la, và ba ác đạo: súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.

Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp hoặc thiện hoặc ác, trọn chẳng có tướng nhất định, cho nên chỗ phải sanh về sẽ lần lượt thay đổi như bánh xe xoay tít chẳng có đầu mối, chọt lên, chọt xuống. Đã có đủ phiền hoặc, sẽ đều bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ sanh, chẳng thể tự làm chủ được!

Do đoạn chứng (đoạn Hoặc chứng chân) có sâu hay cạn nên người đoạn Kiến Tư Hoặc sẽ chứng quả Thanh Văn, người trừ tập khí sẽ chứng quả Duyên Giác, bậc phá vô minh sẽ chứng quả Bồ Tát. Nếu trừ sạch vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, tánh đức phô bày trọn vẹn sẽ chứng Phật Quả. Chúng

Phật Quả bất quá chỉ là chứng rớt ráo triệt để những công đức, lực dụng sẵn có trong tâm tánh ngay khi còn thuộc địa vị phàm phu, nay thọ dụng toàn thể những công đức, lực dụng ấy mà thôi, chứ chẳng thêm mảy may gì vào cái tâm tánh ban đầu ấy cả!

Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tuy sở chứng cao thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thọ dụng trọn vẹn những công đức sẵn có nơi tánh. Thế nhưng hết thảy phàm phu lại hướng sức lực chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nổi đọa vào ba ác đạo, trầm luân bao kiếp, so ra ai nấy đều như thế, chẳng đáng buồn ư?

Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, dù chứa đựng cả thái hư vẫn chẳng thể lọt ra ngoài, dù nằm lọt trong vi trần cũng chẳng thể lọt vào trong, thanh tịnh sáng sạch, trạm tịch thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, lìa tướng, lìa danh, là có nhưng chẳng phải có, là không nhưng chẳng phải không. Đây là Chân Tánh.

Xét ra cái thân địa - thủy - hỏa - phong chỉ là gân, xương, máu, thịt chứa nhóm, mới sanh liền diệt, vừa tươi tốt đã tàn úa. Các xương, đốt chổng đỡ như kết gỗ làm nhà, một tấm da phủ ra ngoài như tô bùn trát vách. Bên trong toàn là phân tiểu, máu mủ, mặt ngoài cáu ghét, mồ hôi, lông, tóc; giòi từa lúc nhúc, chấy rận

như sao trời, giả gọi là Người, nào tồn tại cái Ngã! Lại dùng những thứ mình sẵn có là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để bươn bả trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do đó, khởi vô minh tham - sân - si, diệt mất chánh trí Giới - Định - Huệ.

Ngũ Uẩn vốn không, nào ai chịu một phen quán chiếu. Sáu trần vô tánh, người người cho là thật, đến nỗi vạn khổ cùng tụ tập, cứ lầm mãi tánh linh với vọng tâm và huyền thân. Đúng như kinh Viên Giác nói: *“Hết thấy chúng sanh bao thứ điên đảo, nhận lầm tứ đại là thân tướng của mình, nhận lầm duyên ảnh của sáu trần là tâm tướng của mình”*. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

3. Luận Về Ngộ Chứng

* Cái lý Nhị Không chỉ nói về ngộ thì phàm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh Tự trong Viên Giáo, tuy Ngũ Trụ Phiền Não chưa phục đoạn³⁶ được mảy may nào, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (Ngũ Trụ: Kiến Hoặc là một Trụ, Tư Hoặc gồm ba Trụ. Hai loại này thuộc về giới nội. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một Trụ. Hai loại này thuộc về giới ngoại). Nếu nói theo nhà Thiên thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn

36. Phục đoạn: Khuất phục, đè nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.

nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải.

Đại triết đại ngộ và đại khai viên giải không phải là lờ mờ, phảng phất hình như hiểu rõ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ³⁷ nghe Mã Tổ nói: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”, ngay khi đó, Bàng cư sĩ bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói: “*Gió Nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ*” cũng thế. Ngài Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa đến câu “*là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật*” trong phẩm Dược Vương Bốn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triết đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp Thật Tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được.

37. Bàng cư sĩ tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chí cầu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: “Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?” Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, về sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”, ngay khi đó Bàng cư sĩ bèn đốn ngộ huyền chỉ. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: “Huyền hóa không thật, tùy con duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đứng Ngộ bảo cha!” Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: “Mặt trời đứng bóng rồi lại chênh, hãy ra xem thử!” Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn leo lên tòa của cha, chấp tay qua đời. Cư sĩ cười: “Con ta lanh lẹ quá!” Bèn dờn ngày chết lại bảy hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đốn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: “Chỉ nguyện không vô sở hữu, chớ đừng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang”. Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

Nam Nhạc Tư đại thiên sư, là thầy đặc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: *“Thoạt đầu ta mong được Đồng Luân (tức địa vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng Thật Tướng, vừa dự vào Thật Báo, phân chứng Tịch Quang. Bạc Sơ Trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bạc Nhị Trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam Trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). Nhưng vì lãnh chứng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi! (Thiết Luân là địa vị Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc. Bát, Cửu, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập Tín, còn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ Trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp Thật Tướng).*

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca, lâm chung có người hỏi: *“Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?”* Bèn đáp: *“Nếu ta không lãnh chứng ắt tịnh được sáu căn”* (tức là thuộc địa vị Thập Tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), *do tổn mình lợi người nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm”*. (Ngũ Phẩm là Quán Hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn

trừ được Kiến Hoặc).

Ngẫu Ích đại sư lúc lâm chung để lại bài kệ:

Danh tự vị trung tâm Phật nhãn,

Vị trí tất cánh phó hà nhân?

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh Tự còn chưa biết rõ ráo, giao phó cho ai đây?)

Người thuộc địa vị Danh Tự đã viên ngộ Tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng Kiến Tự còn chưa khuất phục được, huông chi là đoạn! Những người đại triệt đại ngộ trong đời Mạt đa phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bậc thượng. Kế đến là như Hải Ấn Tín làm con gái của Châu Phòng Ngự. Kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạn Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Côi. Rõ ràng là vì Lý tuy đã đốn ngộ, nhưng Hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, tức là tên gọi khác của Thật Tướng.

Ngẫu Ích đại sư thị hiện thuộc địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập Tín, tuy bốn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các Ngài thị hiện ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, cho thấy Thật Tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các Ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã

chúng, nên bèn hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Ân thị hiện sau cùng của ba vị đại sư chúng ta đều nát xương tan thân cũng không thể báo đáp được! Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chẳng?

Nếu nói Niệm Phật, duyệt kinh hồng vun bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường hầu Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng Thật Tướng sớm hay muộn thì đây là lời quyết định không nghi, hết thầy người vãng sanh cùng được chứng đắc. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Lại nữa, Nhị Không chính là Ngã Không và Pháp không.

+ **Ngã Không** có nghĩa là đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hiểu rõ dù Sắc hay Tâm (Sắc là sắc pháp, bốn thứ sau (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ thể thật ngã.

+ **Pháp Không** là đối với pháp Ngũ Âm, hiểu rõ Thể của chúng hoàn toàn là không. Tâm Kinh nói “*soi thấy năm Uẩn đều không*” chính là nghĩa này. Lý Pháp Không này chính là Thật Tướng. Do phá vô minh, chứng Thật Tướng, nên nói “*độ hết thầy khổ ách*”.

Thật Tướng là Pháp Thân Lý Thể, bỏ lìa trọn vẹn các tướng: sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v... là gốc của hết thảy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là Thật Tướng. Thật Tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị Thừa do mê trái nên chẳng thể thọ dụng được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo nàn lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, dừng bước, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chư Phật, còn về chứng thì Sơ Địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị Địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi Tăng Thượng Mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dầu vạn con trâu cũng khó kéo lại được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như

vậy. Nhà Thiền lấy một câu thoại đầu không có ý nghĩa gì đặt vào trong tâm, coi như bôn mạng nguyên thân, chẳng kể ngày giờ thường luôn tham cứu câu ấy. Đến khi nào thân tâm, thế giới thấy đều chẳng biết, mới có thể đại triệt đại ngộ, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: “*Chỉ xem Kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh*”, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Ngu tôi cho rằng: Một chữ Khởi nên hiểu nghĩa là Cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực, đâu có quán niệm vẫn là có Năng, có Sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến Năng Sở mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô, về sau đạo phong của vị ấy chói lợi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ Cực mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông -1*)

*** Niệm Phật chú trọng tại Vãng Sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải Niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại.** Xưa kia, Minh Giáo Tung thiền sư công khóa mỗi ngày niệm mười vạn Thánh hiệu Quán Âm; về sau, đối

với mọi Kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. Nên xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mới biết được sự hay khéo của việc niệm Phật, trong bộ Văn Sao dở tệ của Quang từng nhắc đến nhiều lần. Cư sĩ bảo niệm Phật là vô ích cho đời hiện tại tức là không những ông chưa thấu hiểu sâu xa các Kinh luận Tịnh tông mà đối với bộ Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem đèn, chưa bỏ công đọc kỹ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Q.2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* Từ xưa, cao tăng hoặc cô Phật tái sanh, hoặc Bồ Tát thị hiện đều thường hiện thân làm phàm phu, trọn chẳng hề nói ta là Phật, ta là Bồ Tát. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Sau khi ta diệt độ, ta truyền các Bồ Tát và các A La Hán, ứng thân sanh trong thời mạt pháp, hiện các thứ thân để độ những kẻ đang luân chuyển, nhưng trọn chẳng tự bảo mình thật sự là Bồ Tát hay A La Hán, tiết lộ nhân duyên bí mật của Phật, chỉ thường nhún nhường nói mình là kẻ mạt học”*. Chỉ trừ lúc lâm chung, bèn ngậm để lại lời phó chúc.

Trí Giả đại sư được người đời xưng tụng là hóa thân của Phật Thích Ca. Chẳng ai biết được sở chứng của Ngài, nhưng Phật hiện thân tạo pháp tắc cho chúng sanh. Vì thế, đại sư thị hiện vẫn thuộc địa vị phàm phu,

bảo: “*Nếu ta chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh được sáu căn*”. Ngài dùng chính thân mình để răn người, hiện thân thuyết pháp. Thoạt đầu, đại sư mong đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thẳng lên Thập Địa hay Đẳng Giác. Do phải hoằng pháp lợi sanh, bỏ lỡ công phu thiền định của chính mình nên chỉ chứng được địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi! Vì thế ngài nói: “*Do tổn mình lợi người nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm*”.

Ngũ Phẩm là năm thứ: tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành Lục Độ và chánh hành Lục Độ. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng Tánh (Tạng tánh là Thật Tướng diệu lý, khi còn triền phược (“tại triền”) gọi là Như Lai Tạng Tánh. Lúc thoát được triền phược gọi là Tịnh Pháp Thân. Nói chung là vì vô minh chưa đoạn nên gọi là Triền) giống hết sở ngộ của Phật, trọn chẳng khác gì. Đã chế phục trọn vẹn Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, Phiền Não nhưng chưa đoạn được Kiến Hoặc. Nếu đoạn được Kiến Hoặc liền chứng Sơ Tín. Đến địa vị Thất Tín mới đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự chứng được “lục căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần”. Vì thế gọi là địa vị “lục căn thanh tịnh”.

Đã thế, trong mỗi một căn lại có đủ công đức của sáu căn, làm Phật sự của sáu căn. Do vậy, còn gọi là “lục căn hỗ dụng” (sáu căn dùng lẫn nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức của kinh Pháp Hoa đã nói. Ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc

vào địa vị này chẳng những có đại trí huệ, lại còn có đại thần thông, thần thông của Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sanh tiền cũng như sau khi tịch luôn có những sự chẳng thể nghĩ bàn khiến kẻ thấy hoặc nghe phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc, Trí Giả đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, địa vị thực chứng của các Ngài nào ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua các ngài muốn cổ vũ hậu thế chuyên tinh học đạo nên mới chịu khuất lấp như thế, nào phải đâu các ngài thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh! Lũ phàm phu sát đất chúng ta há kham học đòi các ngài được ư? Hãy nên ưa thô tri trọng giới⁴⁴, nhất tâm niệm Phật, kiên tu các điều lành thế gian để làm trợ hạnh, noi theo pháp hạnh các vị Vĩnh Minh, Liên Trì thì không ai là chẳng được lợi cả!

Người khéo đạt lợi ích thì không gì là chẳng hữu ích, người cam chịu tổn mình sẽ chẳng bị tổn hại gì cả. Người đời nay hay dùng thế trí biện thông để làm vốn nghiên cứu Phật học; vừa biết được chút nghĩa lý đã bảo mình chứng đắc. Từ đây, tự nghĩ mình cao quý, miệt thị cổ kim. Đừng nói là người hiện đại chẳng đáng để vào mắt, ngay cả những bậc cao tăng từ một ngàn mấy trăm năm trước (đa phần là cổ Phật tái lai, hoặc Pháp Thân Bồ Tát thị hiện) đều bị họ coi tuốt là hạng tầm thường,

chẳng đáng noi theo! Chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng khoe đã chứng. Nghe lời họ nói cao chót vót chín tầng trời, xét tâm họ thấp trệt dưới chín tầng đất! Tập nhiễm như thế hãy nên quyết liệt trừ khử. Nếu không, khác nào Đề Hồ đựng trong chén độc, giết người chết tươi!

Nếu có thể niệm niệm quay lại xem xét tự tâm thì chẳng những sẽ được lợi ích nơi các pháp Như Lai đã giảng, ngay cả phiến đá, hòn sỏi tầm thường, chiếc đèn lồng, cây cột ngoài đường, tất cả những hình sắc, thanh âm trong đại địa, không thứ gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế! Bởi thế mới nói: *“Xưa nay chưa có ai, sao từng mộng thấy được?”* Xin hãy tin chắc, gắng sức thực hành.

Những điều lệnh thân được thấy thật là hy hữu, lạ lùng, có thể nói là có thiện căn từ xưa, nhưng phải ra sức gắng công tu trì thì giấc mộng ấy mới chẳng bị uổng phí. Nếu như vì tri kiến phàm phu, lầm tưởng mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dựa vào dòng thánh, rồi sanh đại ngã mạn, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, sẽ thành ra do nhân lành chuốc lấy quả ác. Người đời mặt tâm trí hèn kém thường mắc phải căn bệnh ấy. Câu kinh Lăng Nghiêm: *“Chẳng nghĩ là thánh tâm thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là thánh giải sẽ vương quần tà”* chính là nói về tình trạng này. Xin hãy lấy việc tận lực tu trì pháp môn Tịnh Độ để

tự khích lệ mình, ngỏ hầu tương lai quyết định được hưởng đại lợi ích!

Tuy Tịch Quang Tịnh Độ là “đương xứ tức thị” (có thể tạm hiểu là “ngay nơi đây chính là cõi Thường Tịch Quang”, hoặc “hiện hữu ngay tại nơi đây”, hoặc “có thể ngộ nhập ngay nơi đây chẳng cần tìm nơi khác”), nhưng nếu chẳng là bậc trí đoạn rốt ráo, viên chứng Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na sẽ chẳng thể triệt để chứng ngộ, đích thân thọ dụng được! Bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác trong Viên Giáo vẫn còn là “phần chứng” (chứng nhập được ít phần). Nếu ông đã viên chứng được Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na, nói “đương xứ tức thị Tịch Quang” cũng chẳng ngại gì. Nếu không thì chỉ là kẻ tên món ăn, đếm của báu, chẳng khỏi bị đói rét đến chết mà thôi! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

4. Luận Về Tông Giáo

* Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài Chân - Tục nhị đế.

+ **Chân Đế** thì một pháp chẳng lập, đó gọi là “*Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mảy trần*”.

+ **Tục Đế** thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là “*Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp*” (trong cửa Phật

sự, chẳng bỏ pháp nào).

Giáo thì Chân - Tục cùng xiên dương, nhưng đa phần luận về Tục. Tông thì ngay từ Tục bèn nói Chân, nhưng quét sạch Tục tướng.

Phải biết: Chân và Tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì. Tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể “người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán”. Sâm la vạn tượng thấy đều hiện. Dẫu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào. Dẫu trọn không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện!

Đối với chỗ “mọi tướng cùng hiện”, nhà Thiền chuyên nói “trọn không có một vật”; còn Giáo đối với chỗ “trọn không có một vật” lại nói cặn kẽ “mọi tướng đều hiện”. Ấy là đối với Sự Tu, Tông bèn chỉ rõ Lý Tánh; chứ không vứt bỏ Sự Tu. Còn Giáo thì bèn luận Sự Tu nơi Lý Tánh, nhưng vẫn quy về Lý Tánh. Đây gọi là “*xưng tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng được, Tông - Giáo bất nhị*” vậy!

Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gởi lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có

thể đại triệt; do đó phải ước theo căn cơ vậy!

Giáo thì thể gian pháp, Phật pháp, sự - lý, tánh - tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (tức là “*đại triệt đại ngộ*” trong nhà Thiền) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người.

Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu, đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong Trục Chỉ. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu. Ví như ông Tăng Dao³⁸ vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém, hãy nên y theo Giáo tu trì. Ví như thợ vụng làm đồ vật, nếu bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạm Luận*)

* Những giảng sư đời mạt thường thích giảng Thiền, đến nổi thính chúng đa phần chấp vào những câu công án. Trộm nghĩ: Những câu cơ phong chuyển ngữ (thoại

38. Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là Họa Gia Tứ Tổ (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

đầu, công án) trong nhà Thiền tuyệt đối chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhằm đáp ứng căn cơ người đến hỏi hòng chỉ nẻo hướng thượng. Những câu chuyện ngữ ấy chỉ nên để tham cứu, sao lại giảng nói? Giảng kinh như vậy chỉ những bậc đại sĩ siêu phàm mới hưởng lợi ích, còn những hạng trung - hạ khác đều mắc bệnh hết. Đối với Tông, chẳng biết tận lực tham cứu những câu cơ phong chuyện ngữ, chỉ lo phỏng đoán ý nghĩa. Với Giáo, do thật lý, thật sự nào phải là cảnh giới của mình, bèn lầm tưởng Phật, Tổ nói thí dụ để giảng pháp. Dem Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, cái tệ nạn lưu hành này không còn gì tệ hơn được nữa!

Từ ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) về sau, đạo Thiền lưu truyền rộng rãi; mỗi văn tự “chẳng lập văn tự” phổ biến khắp hoàn vũ. Đường giải thuyết ngày càng mở rộng, cửa chứng ngộ ngày càng bế tắc! Vì thế, các tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ phong chuyện ngữ để độ người, khiến cho Phật, Tổ trở thành ngôn ngữ suông, không cách nào đáp được lời các ngài hỏi. Nếu chẳng phải thật sự là căn cơ tương xứng sẽ chẳng thể hiểu được lời ấy. Dùng cách ấy để xét nghiệm khiến vàng - thau rạch ròi, ngọc - đá rành rành, không còn cách nào giả trá, ngăn trở đạo pháp. Đây chính là duyên do của cơ phong chuyện ngữ.

Từ đây về sau, pháp này ngày càng thịnh hành, được các tri thức đề cao, chỉ e lạc vào lối mòn của người khác,

trở thành khuôn sáo cũ kỹ, khiến người học nghi ngờ, lầm lạc, hoại loạn Tông phong, nên cơ phong chuyên ngữ ngày càng cao tột, vô phương chuyển biến, để người khác (người căn cơ không phù hợp) chẳng biết đâu mà mò. Bởi thế mới có những câu nói trách Phật, quở Tổ, bài xích kinh giáo, bác bỏ Tịnh Độ! Những lời lẽ ấy nhằm cưỡng đoạt tình kiến, bít chặt sự biện giải của người nghe. Người căn thuần sẽ nhờ ngay đó biết đường trở về, triệt ngộ hướng thượng; người căn cơ chưa thuần sẽ chân thành, tận lực tham cứu, quyết đạt đến đại triệt, đại ngộ mới thôi. Ấy là vì tri thức còn nhiều, căn tánh con người vẫn còn thông lợi, hiểu rành rõ giáo lý, tâm sanh tử khẩn thiết, dù chưa thể liễu ngộ ngay cũng chẳng nẩy lòng hèn kém, cho đó là pháp bảo vậy!

Hiện tại, lắm kẻ mới đọc vài cuốn sách Nho, chẳng hiểu đạo lý thế gian, chưa hiểu cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm bèn gia nhập Tông môn. Hàng tri thức chỉ vì duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân xiển dương, chẳng quản đạo pháp lợi hại thế nào. Người theo học chẳng phát khởi mỗi nghi tình chân thật, đối với bất cứ điều nào cũng tưởng là chân pháp cả!

Đối với những câu khai thị của người hiện tại hoặc những câu chép trong sách của cổ nhân, có kẻ bèn tự ý suy diễn nêu ra nghĩa lý, dù trọn chẳng ra khỏi việc giải

thích ý nghĩa theo mặt văn tự, nhưng cứ tự hào là triết ngộ hướng thượng, việc tham học đã hoàn tất rồi, liền dự ngay vào địa vị tri thức để dạy dỗ đàn hậu học, lập riêng một môn đình. Cứ sợ người khác chê mình chẳng phải là bậc thông gia bèn ra sức giảng Thiền, muốn được xưng tụng là “tông thuyết kiêm thông”.

Giảng về Tông thì khi giảng những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức rốt cuộc chỉ giảng nghĩa câu văn theo mặt văn tự. Khi giảng Giáo, cái đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ biến thành những thuyết “mượn ví dụ để biểu thị pháp”. Dùng Giáo phá Tông, đem Tông phá Giáo, kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa, đến nỗi bọn hậu bối chẳng được nghe gương sáng của tiền bối, láo nháo bắt chước thầy khinh Phật, lờn Tổ, bài nhân, bác quả mà thôi!

Giáo độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độn, ví như chiếu chỉ sáng suốt của vua thánh, vạn quốc tôn sùng, trí - ngu, hiền - tệ đều cùng hiểu rõ, đều phải tuân hành. Nếu kẻ nào chẳng tuân sẽ bị xử cực hình. Nếu kẻ nào chẳng tuân lời Phật dạy ắt sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ được thượng căn, chẳng nhiếp trung căn, hạ căn; giống như tướng quân nhận mật lệnh, người thân cận trong doanh mới biết, kẻ ngoài doanh dù có trí huệ cũng chẳng hiểu được. Vì thế mới có thể dùng toàn quân diệt giặc, thiên hạ thái bình. Quân lệnh bị tiết lộ, ba quân sẽ

tan vỡ; Tổ án bị tiết lộ, năm tông⁴⁶ chết tiêu. Kẻ chưa ngộ chỉ được phép tham cứu thoại đầu, chẳng được xem đọc sách Thiền, thật ra chỉ là vì sợ kẻ ấy hiểu làm ý Tổ, chấp mê là ngộ, lấy giả rối chân. Đấy gọi là Tổ án bị tiết lộ, tai hại cực lớn.

Về nguồn không hai, phương tiện nhiều cửa. Phương tiện của nhà Thiền vượt ngoài khuôn khổ, tựa hồ quét sạch hết thảy ngôn ngữ. Kẻ không lãnh hội được ý ấy, chẳng hiểu ý chỉ rời lìa ngôn ngữ, chuyên nhai bã hèm, nên đối với Tông chỉ lo suy diễn ý Tổ chẳng chịu tận lực tham cứu, đối với Giáo bèn lầm lạc học đòi viên dung, phá hoại sự tương! Chỉ có bậc đại đạt là được lợi ích cả nơi Tông lẫn nơi Giáo; nếu không, đề-hồ, cam lộ bị chứa trong bình độc bèn thành tỳ sương, trầm độc!

Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì nhà Thiền dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu trì quán hạnh, chẳng lạm bàn thiền ngữ. Ấy là vì tâm thông diệu đế, hễ gặp duyên liền thành Tông. “Cây bách, que phân khô, quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, hoa trôi, ho khạc, phẩy tay, cười khẩy, giận chửi”, pháp nào pháp nấy đều là Tông cả. Lẽ nào diệu pháp viên đốn do chính kim khẩu đức Như Lai nói ra chẳng đáng kể là Tông ư? Cần gì phải mượn cái thanh chống cửa nhà người để chống

đỡ cửa nẻo nhà mình! Trong nhà vốn sẵn gỗ Tiên, gỗ Nam, có sao vớt bỏ chẳng dùng? Hãy nên biết rằng: pháp không cao, hèn, chỉ là nhất đạo thường nhiên, do căn cơ có sống hay chín nên nơi mỗi pháp được lợi ích khác biệt! (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

5. Luận Về Trì Chú

* Trì chú chẳng cần biết đến nghĩa lý, chỉ chí thành khẩn thiết trì tụng, cạn kiệt lòng thành đến cùng cực sẽ tự có thể: nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, lợi ích ấy chẳng thể nào nghĩ bàn được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* **Pháp trì chú chỉ có thể dùng làm Trợ Hạnh**, chẳng được coi pháp Niệm Phật là hạnh tu kèm, coi Trì Chú là Chánh Hạnh. Tuy pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành, khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hồng thệ đại nguyện của A Di Đà Phật, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì do pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, sẽ ngỡ rằng không cần bận tâm đến căn tánh tùy ý tu pháp nào cũng được, bèn thành “*không Thiên, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không một ai nương tựa!*”.

Nếu tự biết mình là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoàng thệ nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời đức Phật đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh Độ.

Trì chú, tụng kinh để trông phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được! Nếu sanh tâm lầm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông hiểu Lý, giới lực không vững, tâm Bồ Đề chẳng sanh, tâm ta - người càng thạnh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng.

Phạm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo; hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dầu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư Tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học theo vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh nghiệp, đừng bộp chộp tác pháp, khinh nhờn Phật, thánh. Nếu đường đột tác pháp nhưng thân tâm chẳng cung kính, chẳng chí thành, rất có thể ma sự sẽ khởi. Chỉ có một việc là nên tác pháp, nhưng đây lại chẳng phải là phận sự của các ông. Đó là: nếu ai phát tâm xuất gia, nhưng thầy thế độ

chưa chứng đạo, chẳng thể quán xét căn cơ, bèn cầu xin Phật từ ngàm dạy cho biết người ấy xuất gia được hay không, hòng tránh khỏi tệ nạn hạng đầu trộm đuôi cướp lộn sòng Tăng chúng.

Nhưng ngày nay Tăng chúng thâm nạp đồ đệ, cứ sợ chẳng thâm được nhiều, dù biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ vội vã thâm nạp, chỉ sợ nó bỏ đi mất, mấy ai chịu quyết trách như thế nữa! Tham danh lợi, ưa quyền thuộc đến nỗi Phật pháp ngập chìm sát đất, không cách nào hưng khởi được nữa!

Người niệm Phật chẳng phải là không được trì chú, nhưng phải phân định rõ đâu là Chánh, đâu là Trợ thì Trợ cũng quy về Chánh. Nếu cứ lằng nhằng chẳng thể phân biệt, đến ngày nào đó nhìn lại, Chánh cũng chẳng phải là Chánh nữa! Chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi, chẳng có chú nào hơn kém cả! Nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm chẳng chí thành, pháp nào cũng chẳng linh!

Học chú Vãng Sanh bằng chánh âm tiếng Phạn cũng là rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, cho chú văn lược dịch là sai. Hễ khởi tâm niệm ấy sẽ sanh tâm ngờ vực đối với hết thảy các chú chép trong Đại Tạng, cho là những chú ấy chẳng hợp Phật ý. Phải biết rằng những vị dịch kinh đều chẳng phải tầm thường, sao lại vì những bản dịch của họ không giống nhau bèn

sanh lòng miệt thị? Hơn một ngàn năm, những người trì chú này được lợi ích chẳng kể nổi số; chẳng lẽ mọi người trì chú trong hơn một ngàn năm ấy đều chẳng biết tiếng Phạn hay sao? Học thì đương nhiên phải học, tuyệt đối đừng khởi ý niệm ưu liệt, hơn kém thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, một pháp trì chú rất giống như pháp khán thoại đầu. Pháp khán thoại đầu dùng một câu vô nghĩa để dứt trừ phân biệt phàm tình hồng chứng Chân Trí sẵn có. Pháp trì chú chẳng cần hiểu nghĩa lý câu chú, cứ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc lòng thành đến cùng cực, tự sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước cao, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được! (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

6. Luận Về Xuất Gia

* Phàm Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người khiến cho pháp đạo được hưng thịnh, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm Tăng hồng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ Đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, hoằng dương

Tam Học³⁹ nhưng riêng khen ngợi Tịnh Độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy cũng chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm Tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dẫu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, khiến Phật pháp nhục lây, dẫu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân, cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được, hưởng chi là nhiều!

Cổ nhân nói: “*Xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được*”⁴⁰ đây là chân ngữ, thật ngữ, chứ không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả đề cao Tăng Già đâu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật, không phải là kẻ phá vô minh hồng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hồng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được....

Từ rày về sau người cầu xuất gia: thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ Đề lợi mình, lợi người. Thứ

39. Tam Học: tức Giới, Định, Huệ.

40. Nguyên văn: “*Xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi*”. Trong bài giảng Sa Di Luật Nghi Yêu Lục, Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ Tướng thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng thứ hai là tể tướng. Ngài nói Tướng Tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tột bậc.

hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xảy đến nỗi ô uế, bại hoại Phật môn chẳng nhẹ vậy! Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phòng tri thức, y chỉ từng lâm. Nữ dẫu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thế độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời Mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát - 2*)

*** Chỉ có hàng Thích Tử chúng ta lấy chuyện “thành đạo lợi sanh” làm cách báo ân tối thượng.** Không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thầy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Vì vậy, mới nói: “*Đạo Hiếu của họ Thích ân kín, khó thể hiểu rõ vậy!*”

Tuy vậy, đạo Hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu. Nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chẳng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bảm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bảm thừa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia. Nếu không, chẳng cho xuống tóc. Có người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện, cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp đỡ cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thom phụng dưỡng mẹ (Thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, Sư thông thạo bác lãm kinh điển thế tục. Năm 29 tuổi xuất gia, hiểu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

Ngài Đạo Phi có chuyện lạ “chôn cha” (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sinh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm 7 tuổi. Đến năm 19, đời loạn, gạo mắc, bèn công mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn,

thâu thập xương trắng, kiên thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đồng xương trời lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong Tổng Cao Tăng Truyện).

Vì thế kinh nói: “Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát”.

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chứng Vô Sanh Nhân, đạt địa vị Bất Thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. **Như vậy là chẳng giống với đại hiệu của thế gian.** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bốn Luận*)

7. Luận Về Báng Phật

* Phật nghĩ thương chúng sanh từ vô thủy trước đến tận vị lai sau, trên lên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc vào đại bi thế nguyện minh mông. Ví như hư không bao

hàm hết thấy, sâm la vạn tượng cho đến trời đất thấy đều chứa đựng hết. Cũng như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dầu kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được ánh sáng chiếu đến mà được làm người. Nếu không có ánh mặt trời chiếu rọi, ắt chẳng có duyên sống còn, nào phải chỉ những người tự thấy được ánh sáng mới được nhờ ơn ư?

Những kẻ Thế Trí Biện Thông cậy vào kiến giải câu nệ, hẹp hòi, chê bai Phật pháp, cho là có hại cho thánh đạo, bịp đời, dối dân, trọn chẳng khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng chửi mặt trời, cho là mặt trời không có ánh sáng vậy! Hết thấy ngoại đạo đều trộm lấy ý nghĩa trong kinh Phật cho là chính mình có, lại còn trộm lấy những danh từ của Phật pháp để hành tà pháp. Do vậy biết Phật pháp chính là gốc đạo của hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian vậy.

Ví như biển cả chảy ngầm dưới đất, những chỗ nó tưới tắm, chảy lộ ra ngoài chính là vạn con sông; nhưng vạn con sông, không con nào chẳng đổ vào biển cả.

Những kẻ báng Phật kia đâu phải là báng Phật mà chính là tự báng mình đấy chứ! Bởi lẽ một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật nên Phật mới thuyết pháp giáo hóa đủ cách như thế, mong cho họ bỏ mê quy ngộ, tự chứng được Phật tánh sẵn có mới thôi.

Do Phật tánh quan trọng nhất, đáng mến tiếc nhất, nên Phật chẳng tiếc công sức như thế. Dù kẻ ấy chẳng

tin nhận thì cũng chẳng nở buông bỏ. Nếu chúng sanh chẳng sẵn đủ Phật tánh, chẳng kham làm Phật, Phật cứ uổng công lập bày như thế, hóa ra nếu chẳng phải là gã khờ bậc nhất trong thế gian thì cũng là gã đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian ư? Thiên long bát bộ, tam thừa thánh hiền há chịu hộ trì, y chỉ Phật hay sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải*)

* Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm “đề cao điều chánh, quở trách thói tà”, người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật.

Lý luận về đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiên sư Đại Diên khơi gợi, hướng dẫn, Hàn Dũ mới không báng Phật nữa.

Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là “do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập”. Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức

Phật tùy thuận cơ nghi mà lập như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xưng như thế, kẻ học đạo Nho coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy.

Đại sư Minh Giáo⁴¹ muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế Tống Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công⁴² xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: “Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!” Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy họ Âu chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ của

41. Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đẳng Châu (nay là huyện Đẳng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba tuổi được thế phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đắc pháp nơi thiền sư Hiếu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết “Nho - Phật nhất trí”. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tồ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v... Những trước tác của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thâu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

42. Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lĩnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

Âu Dương Tu tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiên Tông, biết được những nghĩa “toàn sự chính là lý” trong kinh và “pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm” của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phê sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy.

Lại còn nói: “Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, đâu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?” Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức làm lành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* Hễ ai đời trước quả thật có gieo căn lành, chẳng cần biết là vì học hỏi hay vì cầu đạo, thì đều có thể tạo thành mầm mống đại sự xuất thế. Tham, sân, si, hoặc nghiệp phiền não, các thứ ác báo như tật bệnh liên miên đều là nhân duyên xuất ly sanh tử nhập Phật pháp, miễn sao người ấy tự có thể phản tỉnh hay không.

Nếu chẳng thể tự phản tỉnh, đừng kể chi hạng người tầm thường thấp thỏi bị thế giáo buộc ràng, ngay cả những người như Hôi Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... dù học vấn, trình độ, mức tu dưỡng đều kỳ đặc, trác tuyệt, rốt cục vẫn chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Cái học vấn, tu dưỡng, sự hiểu biết của họ có thể làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng vì chẳng thể tự phản tỉnh nên rốt cuộc lại thành chướng đạo. Đủ thấy nhập đạo thật khó, khó còn hơn lên trời nữa!

Phật thấy chúng sanh đều là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Do Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi mà thuyết pháp, mong họ tiêu trừ được vọng nghiệp, tự chứng được cái mình vốn sẵn có. Dù hết thấy chúng sanh đều chứng được Niết Bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là người được độ bởi họ vốn dĩ là Phật.

Do chúng sanh thấy Phật là chúng sanh nên chín mươi lăm phái ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) cùng bọn nho sĩ câu nệ, rỗng tuếch xứ này không ai là chẳng dốc sạch tâm lực hủy báng đủ cách mong sao Phật pháp diệt sạch hoàn toàn chẳng còn tung tích gì thì lòng mới khoái. Nhưng mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che kín, càng khiến quang minh của Phật pháp càng thêm tỏ rõ, càng bộc lộ cái nông cạn, hèn kém của chính mình mà thôi!

Người có túc căn do nhân duyên bóng Phật, bài Phật bèn lại được quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Người không túc căn sẽ vì nghiệp lực ấy vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đợi đến lúc nghiệp báo hết rồi, thiện căn được nghe danh hiệu Phật trong kiếp xưa sẽ phát hiện, nhờ đó mới được nhập Phật pháp, sẽ tạm gieo thiện căn. Đến khi nghiệp tận tình không, khôi phục lại cái mình vốn sẵn có mới thôi.

Phật ân thật là rộng lớn sâu xa cùng cực, chẳng thể hình dung nổi! Một câu gieo vào tâm, mãi mãi là hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc, xa gần đều chết tươi; ăn chút kim cương, quyết định chẳng tiêu được. Tin được như vậy mới gọi là chánh tín.

Bản thể của Nho và Phật đương nhiên chẳng hai. Về mặt công phu của Nho và Phật, nếu chỉ bàn hời hợt sẽ thấy rất tương đồng, nếu bàn sâu sẽ thấy khác nhau như trời với đất. Vì sao như vậy? Nho lấy Thành (chân thành) làm gốc, Phật lấy Giác làm tông.

Thành chính là “minh đức” (cái đức sáng tỏ), do Thành khởi Minh, do Minh nên có Thành. Hễ Thành và Minh hợp nhất sẽ “minh minh đức” (làm sáng tỏ cái đức sáng ngời). Giác có Bồn Giác và Thi Giác. Do Bồn Giác mà Thi Giác phát khởi, dùng Thi Giác để chứng Bồn Giác. Thi và Bồn hợp nhất tức là thành Phật. Bồn

Giác tức là Thành, Thi Giác là Minh. Nếu thuyết pháp như thế thì Nho và Phật trọn chẳng khác gì nhau.

Các hạ bảo mình “học Phật, học Khổng, thấy Lý chẳng ngoài một chương sách Đại Học là điều quyết định chẳng còn ngờ vực gì nữa”; đây chỉ là bàn luận một cách nông cạn. Nếu luận về mặt thứ lớp sâu cạn của công phu tu chứng thì đại để tương đồng, nhưng sở chứng, sở đạt bất đồng rất lớn. Nho chỉ có thể “minh minh đức”, há có thể đoạn trọn Tam Hoặc, đầy đủ cả phước lẫn huệ như Phật chăng? Há có thể như Bồ Tát chứng Pháp Thân, phá một phần vô minh, thấy một phần Phật Tánh hay chăng? Há có thể như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Hoặc lẫn Tư Hoặc hay chăng?

Điều thứ ba, dù Thanh Văn chỉ đoạn được Kiến Tư Hoặc là hạng thấp kém nhất, nhưng các ngài đã đắc lục thông tự tại. Bởi thế, ngài Tử Bách nói: *“Nếu buông vọng tình xuống được thì dù là vách núi vẫn có thể đi xuyên qua được”*. Sơ Quả còn phải bảy lượt sanh lên trời, bảy lần sanh xuống nhân gian, nhưng đạo lực của các ngài đã đạt tới mức tùy ý chẳng phạm sát giới. Vì thế, các ngài đi đến đâu, loài trùng giạt ra cả. Do đó, mới nói: *“Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc”*, hưởng hồ là Nhị, Tam, Tứ Quả ư!

Hãy khoan nói tới những người học theo Nho Giáo cái đã, hãy bàn về thánh nhân thôi. Cố nhiên, đa phần

thánh nhân là bậc đại quyền thị hiện. Không nói tới bốn địa của các ngài, nếu chỉ căn cứ trên mặt Tích, e rằng các ngài còn chưa thể đoạn sạch được Kiến Hoặc, Tư Hoặc như thế được, huống hồ là sánh với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị phá vô minh, chứng pháp tánh ư? Cho dù bảo “minh minh đức” tạm ngang ngửa với “phá vô minh” đi nữa, phải nhớ rằng phá vô minh có bốn mươi một địa vị, “minh minh đức” có ngang bằng được với địa vị đầu tiên là Sơ Trụ hay chẳng? Có ngang bằng được với địa vị cuối cùng là Đẳng Giác hay chẳng? Dù “minh minh đức” có ngang ngửa với địa vị Đẳng Giác đi nữa, đối với minh đức vẫn chưa thể minh đến cùng cực được! Phải đến khi phá được một phần vô minh mới đáng gọi là “Thành - Minh hợp nhất, Thi - Bốn vô nhị” vậy!

Do lẽ đó, tôi nói: “Xét về Thể thì đồng, nhưng phát huy công phu chứng đạt chẳng đồng!” Người đời vừa nghe nói “đồng” bèn tưởng Nho Giáo bao gồm trọn Phật giáo, nghe nói “khác” bèn tưởng Phật giáo hoàn toàn khác với Nho giáo. Họ chẳng biết đến nguyên ủy “đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng”; bởi thế, cứ tranh luận tung bưng, ai nấy lo bảo vệ môn đình của mình, ai nấy đều đánh mất tấm lòng trị thế độ nhân của Phật, Bồ Tát cả!

Kể từ khi đại pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng Phật giáo;

chỉ có Tam Võ hủy diệt Phật giáo, nhưng người kế vị lại hưng thịnh Phật giáo. Ví như tiết Đông, đông cứng lại chắc nịch để thành tỵ vể tươi tốt, sum suê cho tiết Xuân, tiết Hạ. Mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che lấp; ngựa mặt khạc nhổ trời, chính mình bị giầy bần.

Tam Võ là Ngụy Thái Võ, Châu Võ Đế, Đường Võ Tông. Thoạt đầu họ đều thâm tín Phật pháp, dốc ý tu tập. Ngụy Thái Võ tin lời sàm hoặc của Hoắc Hạo, Châu Võ Đế tin lời sàm tấu của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Tông tin lời vu báng của Lý Đức Dự và đạo sĩ Triệu Quy Chân.

Hủy diệt Phật pháp chưa lâu la gì, cả người chủ xướng lẫn kẻ tán trợ đều mắc phải ương họa cùng cực. Ngụy Võ Đế phê Phật rồi, chưa đầy năm sáu năm, Hoắc Hạo bị diệt tộc, bản thân Ngụy Võ Đế cũng bị ám sát. Con lên nối ngôi lại ra sức phục hưng Phật giáo.

Sau khi Châu Võ Đế phê Phật, Nguyên Tung bị biếm truất và xử tội chết, khoảng năm sáu năm sau, vua thân mắc ác tật, khắp mình lở loét, chết chưa đầy ba năm, Tùy Văn Đế lên ngôi lại phục hưng Phật giáo.

Đường Võ Đế phê Phật rồi, chưa đầy một năm sau, Quy Chân bị tru lục, Đức Dự chết trên đường bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ dâng, lưng nổi nhọt loét mà chết. Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo.

Tống Huy Tông lúc đầu cũng thâm tín Phật pháp,

sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bắt đổi tượng Phật thành hình tượng Đạo giáo, xưng Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là “đức sĩ”, bắt Tăng mặc áo đạo sĩ, mỗi khi làm lễ Tăng phải ngồi phía sau đạo sĩ. Hạ chiếu chưa lâu, kinh thành bị lụt lớn khác gì hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, sai Linh Tố trị thủy, càng phù phép nước càng dâng tràn. Chợt có bậc đại thánh Tăng Già xuất hiện trong cung cấm, vua đốt hương van nài, Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành, nước liền rút sạch. Vua liền hạ chiếu phục hồi quy chế Phật giáo như cũ. Chưa đầy sáu bảy năm sau, cha con cùng bị giặc Kim bắt đi. Người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu, cha con cùng chết tại thành Ngũ Quốc.

Phật là đại sư ba cõi, cha lành cả bốn loài, bậc thánh của các thánh, là trời trong trời, dạy người bỏ vọng về chân, nghịch trần hợp giác, dứt trừ hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có. Cảm ân, báo đức, hộ trì lưu thông Phật pháp còn chưa đủ, hưởng hồ là cậy vào thế lực nhất thời, đoạn diệt huệ nhãn của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hố sâu địa ngục, ắt chuốc quả báo nhãn tiền, luân hồi muôn kiếp, để tiếng xấu cho đời, thật đúng là tấm gương đàn rành vậy!

Cái rộng, dày, cao, sáng nhất trong thế gian không gì bằng trời, đất, nhật, nguyệt; nhưng mặt trời chính

ngộ rồi phải xé bóng, trăng tròn rồi phải khuyết, bờ cao sụp thành hang, hang sâu đùn thành gò, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay, bậc đạo cao đức trọng không ai bằng Khổng Tử, vẫn bị tuyệt lương ở đất Trần, bị hãm nơi đất Khuông, chu du các nước, chẳng gặp được vua hiền; chỉ có một đứa con, tuổi vừa năm mươi đã chết mất, may còn một cháu để duy trì dòng dõi. Từ đây tính xuống, Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm Bá Ngưu cũng đoản mạng, Tử Hạ bị mù, Tả Khâu Minh cũng bị mù, Khuất Nguyên trầm mình dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gian thần sàm tấu. Về sau vì Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, ông khôn ngăn phần uất, nhưng chẳng làm gì được bèn tự trầm nơi sông Mịch La vào ngày mồng Năm tháng Năm), Tử Lộ bị bầm nát như tương (Tử Lộ làm quan ở nước Vệ. Vệ Khoái Công hồ đồ bị con giành ngôi, Tử Lộ tử nạn, bị địch quân bầm nát như).

Trời, đất, nhật, nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến; đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể chỉ gặp toàn thuận lợi chẳng có nghịch cảnh; chỉ những ai biết vui theo mạng trời, dù gặp cảnh ngộ nào cũng đều an vui cả; thế nhưng mấy trăm ngàn năm sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai là chẳng kính ngưỡng những vị ấy. Nếu cứ dựa trên tình cảnh khi ấy mà luận, tựa hồ họ chẳng có phước báo gì; nhưng nếu dựa trên đạo hạnh lưu truyền hậu thế để luận, ai có phước hơn nổi

những vị ấy chẳng?

Người sanh trong cõi đời ngàn tính vạn toán làm đủ mọi chuyện xét đến cùng cực chẳng qua chỉ để thân mình no ấm, con cháu quý hiển mà thôi! Thế nhưng, vãi thô cũng che đậy thân, cần gì phải lượt, là, the, vóc; miệng dùng rau dưa cho qua bữa, cần gì phải cá, thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc đọc sách, hoặc cấy cày, hoặc buôn bán để tự nuôi thân, cần gì phải giàu đến trăm vạn?

Vả những kẻ mưu tính sao cho con cháu được giàu sang đến vạn đời, chắc không ai hơn được Tần Thủy Hoàng! Vua Tần thôn tính sáu nước, đốt sách, chôn Nho sĩ, thân binh khí trong thiên hạ đúc thành chuông lớn, không điều nào chẳng nhằm mục đích khiến dân ngu yếu chẳng thể làm loạn được. Nào ngờ Trần Thiệp vừa đứng lên, quần hùng đua nhau nổi dậy. Họ Tần nhất thống sơn hà chưa quá mười hai, mười ba năm, thân đã diệt, nước đã mất, con cháu bị tru lục hết sạch; khác nào cắt cỏ nhổ tận rễ, không còn chút gì nữa! Muốn cho con cháu được an lạc, hóa ra lại khiến chúng mau bị chết sạch hết cả.

Tào Tháo làm Thừa Tướng thời Hán Hiến Đế, chuyên quyền, bất cứ điều gì hắn làm không ngoài mục đích giảm thế lực của vua, tăng oai quyền cho mình, mong sau khi mình chết đi, con mình sẽ xưng đế. Vừa chết đi, Tào Phi liền soán ngôi, thay cha chưa liệm,

Phi đã chuyển hết các phi tần của cha sang cung mình. Tào Tháo chết đi, đọa mãi trong ác đạo hơn một ngàn bốn trăm năm. Đến đời vua Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có kẻ mổ heo, thấy trên gan phổi heo có hai chữ Tào Tháo. Có kẻ láng giềng trông thấy, sanh lòng hoảng sợ lớn, liền xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Tào Tháo phí sạch tâm cơ mưu tính cho con cháu. Tuy con hắn được làm hoàng đế, nhưng chỉ ở ngôi được bốn mươi lăm năm liền bị diệt quốc. Hằng ngày lại còn phải đánh nhau với Đông Ngô và Tây Thục, có bao giờ được hưởng một ngày an vui đâu?

Tiếp đó, hai nhà Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và các nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng trường cửu, tựu trung nhà Đông Tấn tồn tại lâu dài nhất, nhưng chỉ được một trăm lẻ ba năm. Các triều khác thì hoặc là hai, ba năm, hoặc tám chín năm, mười năm, hai mươi năm, bốn mươi năm, năm mươi năm rồi liền diệt vong. Đây mới chỉ kể những triều đại chánh thống, còn như những kẻ chiếm càn lãnh thổ, ngụy xưng vương triều, số ấy nhiều lắm, tồn tại còn ngắn ngủi hơn nữa.

Xét cái tâm thưở đầu của họ, không ai là chẳng muốn cho con cháu được an lạc, phú quý, tôn vinh; xét đến kết quả thực sự: lại khiến cho con cháu càng mau

gặp phải kiếp nạn, bị tru lục, diệt môn tuyệt tộc. Dù quý như thiên tử giàu có như bốn biển, vẫn chẳng thể giữ cho con cháu đời đời hưởng phước, hưởng chi kẻ phàm phu trụi trụi? Từ vô lượng kiếp đến nay, những ác nghiệp đã tạo còn dày hơn đại địa, sâu hơn biển cả, có đảm bảo gia đạo thường hưng thịnh, chỉ có phước không tai ương chăng?

Phải biết rằng: muôn pháp trong thế gian thay đổi như giả, trọn chẳng chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc, như ánh chớp, như bóng trăng in trong nước, như hoa đóm trên không, như ánh nước đọng lúc trời nóng, như thành Càn Thát Bà (Càn Thát Bà là tiếng Phạn, Hán dịch là Tầm Hương, là nhạc thần của Thiên Đế. Thành trì của họ huyễn hiện chẳng thật, như ta thường nói “thần lâu hải thị”⁴⁹ vậy!).

Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của chính mình hằng cố hằng kim (xưa nay luôn thường hằng), chẳng biến, chẳng hoại, tuy chẳng biến hoại nhưng thường tùy duyên. Do ngộ tịnh duyên liền thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức sâu hay cạn mà quả vị cao hay thấp. Do mê nhiễm duyên thì sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục. Do tội phước nặng hay nhẹ mà có khổ hay vui, thời gian thọ quả có dài hay ngắn. Nếu là kẻ chẳng biết Phật pháp,

chẳng biết làm cách nào được!

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh ấy nhìn thấu tướng trạng thế gian, bỏ mê nhiễm duyên, theo ngộ tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nhờ đó, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao đẳng quả vị Tứ Thánh, há chẳng phải là nhờ cái họa nhỏ này mà thường hưởng phước lớn ư?

Phật ân thật là rộng lớn, trọn khắp, chẳng có cùng tận. Vì sao nói thế? Do hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì mê chẳng ngộ, đến nỗi lại đem sức công đức Phật tánh ấy dùng làm vào sáu trần cảnh, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải kiếp dài lâu luân hồi lục đạo, trọn chẳng có ngày ra. Trong những kiếp xưa, Phật đã biết rõ điều này, bèn phát đại nguyện muốn cho hết thấy chúng sanh trong khắp các pháp giới tận cõi hư không cùng ngộ được Phật tánh sẵn có, cùng thoát luân hồi sanh tử, cùng thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn.

Từ đấy, vì chúng sanh trong khắp pháp giới Ngài trải kiếp dài lâu hành đạo Bồ Tát, không việc gì có lợi ích mà Phật chẳng đề cao, tu trọn lục độ, chẳng chấp trước một pháp nào, hành hạnh khó làm, nhẫn được chuyện khó nhẫn. Phật bố thí quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não... không tiếc nuôi gì. Vì thế, kinh Pháp Hoa nói: *“Ta thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng*

kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức cầu Bồ Tát đạo chưa từng dừng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh cả! Sau đấy mới được thành Bồ Đề đạo”.

Chỉ một hạnh bố thí dù thọ cả kiếp còn chẳng thể nói hết, huống hồ là các hạnh khác như Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ và Tứ Nhiếp, vạn hạnh ư? Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Vô Thượng, Phật bèn vì khắp các chúng sanh giảng pháp mình đã chứng, chỉ vì để ai nấy đều chứng được pháp Ngài đã chứng. Thế nhưng thượng căn ít ỏi, trung căn, hạ căn lại nhiều; cho nên Phật lại tùy cơ lập giáo, khiến ai nấy tùy phận được lợi.

Đến khi việc một đời đã xong, Phật bèn nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ tâm lòng đại bi, lại thị hiện thành Chánh Giác trong thế giới khác để tiếp tục tế độ. Phật thị hiện sanh trong cõi này hay cõi khác như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để tính được nổi. Ví như vàng mặt trời chói lợi vì chiếu thế gian nên mọc lặn chẳng ngừng, cũng như người đưa thuyền vì đưa người qua sông nên qua lại chẳng ngừng!

Phật xem hết thấy chúng sanh giống như con một, yêu thương không thiên vị ai, luôn muốn cho chúng sanh được độ thoát, vì hết thấy chúng sanh đều có Phật

tánh, đều kham làm Phật. Bởi thế, dù là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật không hề có một niệm buông bỏ. Nếu đúng cơ duyên, họ sẽ tự sanh lòng tin, quy y, y giáo tu trì ngỏ hầu đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Mười phương Như Lai thương xót chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ dù nhớ cũng chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, từ đời này sang đời khác mẹ con chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa như người nhiễm hương, thân có mùi thơm”*.

Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe đến Bồ Tát Quán Thế Âm này, nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến họ đều được giải thoát”*.

Kinh còn chép: *“Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này hay ban cho sự không sợ hãi cho những chỗ hoảng sợ, nạn gặp nên thế giới Sa Bà này đặt tên cho Ngài là Thí Vô Úy”*.

Ấy là vì xét về thể thì tâm của chúng sanh và tâm của Phật, Bồ Tát chẳng khác gì nhau, chỉ vì chúng sanh mê muội, trái giác theo trần, đến nỗi đây kia ngăn cách, chẳng được chở che. Nếu như trái trần xuôi giác, một

dạ xung danh, sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát rửa lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng thành yên vui!

Điều trọng yếu trong việc học đạo là đối trị tập khí. Thường có kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng thịnh. Ấy là vì coi học đạo giống như học nghề, cho nên càng học nhiều, càng nghịch đạo. Đó chính là cội nguồn khiến cho cả Nho lẫn Thích trong nước ta cùng suy cả! *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

8. Luận Về Giới Luật

*** Nói đến việc trì giới, trước hết phải giữ được hai câu giới luật khái lược của Phật. Giới ấy như thế nào? Chính là “*đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành*”. Hai câu ấy bao trùm hết thấy giới pháp, trọn chẳng sót chút nào! Đây chính là câu trích từ Giới kinh của Như Lai; trong Âm Chất Văn, Văn Xương Đế Quân dẫn câu này; đừng bảo “câu này vốn phát xuất từ Âm Chất Văn!”**

Hai câu này nếu nhìn hời hợt dường như chẳng đặc biệt, lạ lùng gì, nhưng nếu kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, giữ được hoàn toàn không phạm thì người ấy đã thâm nhập cảnh giới thánh hiền rồi! *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3)*

*** Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt**

thô mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của Luật. Nếu ai không biết nhân quả và làm lẫn nhân quả thì đều là phạm Luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiên, Tịnh đều cùng hành cả. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* Tam Quy, Ngũ Giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, huông chi pháp môn Tịnh Độ giản dị, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng soi xét tam nghiệp, chẳng trì Ngũ Giới sẽ không có phần được thân người lần nữa, huông gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 3*)

* Đối với việc thọ giới, nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm sẽ không có cách nào ở được!

Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ

thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xưng rằng: “Đệ tử là Phước Hiền, thọ giữ năm giới, làm mãn phận Ưu Bà Di (Ưu Bà Di, Hán dịch là Cận Sự Nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật. Mãn Phận nghĩa là cả năm giới đều trì). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu có vợ chồng thì nói là “không tà dâm”). Suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu”.

Nói 3 lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng phải tự chí tâm thọ trì, hễ chí tâm thọ trì thì so với chuyện đến chùa thọ giới công đức trọn chẳng hơn - kém. Chớ bảo kẻ tự thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này chính là thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Pháp môn dù nhiều, nhưng tất cả gồm trọn chẳng sót trong ba môn Giới - Định - Huệ. Vì thế kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Do vậy gọi là Tam Vô Lậu Học*”. Nhưng trong ba môn này, chỉ có Giới là trọng yếu nhất. Bởi lẽ, trì giới chính là chẳng làm các điều ác, vâng làm

các điều thiện. Hạnh ấy gần với Phật, tâm ấy chẳng đến nỗi trái nghịch với Phật.

Vì thế, trong kinh Phạm Võng, đức Như Lai vì chúng sanh nói lời bảo chứng rằng: “*Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phàm đã đầy đủ*”. Ngài còn nói: “*Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật là nhập vào địa vị Phật; địa vị đã giống như Đại Giác rồi, thật sự là các con của Phật*”. Vì vậy, một pháp Trì Giới chính là đạo trọng yếu đệ nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử vậy. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

9. Luận Về Trung Âm

* Trung Âm⁴³ là thức thần, không phải là thức thần biến thành Trung Âm, thế tục thường gọi thức thần là “linh hồn” vậy. Còn như nói Trung Âm “cứ 7 ngày lại sống chết 1 lần, 49 ngày bèn đầu thai” v.v... chớ nên câu nệ, chấp trước những thuyết ấy. Nói đến sự sống chết của Trung Âm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của Trung Âm;

43. Còn gọi là Trung Hữu, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá Tông cho nhất định là có Trung Âm, Thành Thật Tông bác quan điểm này. Còn Đại Thừa cho rằng Trung Âm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân Trung Âm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân Trung Âm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Khi mạng báo đã hết, thì gọi là Vô Hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là Bản Hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi Âm gọi là Trung Hữu*”.

chẳng thể ngờ nghịch đem những tướng sanh tử của người đời để luận sự sống chết của Trung Âm. Trung Âm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì 49 ngày hoặc hơn 49 ngày v.v...

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ Trung Âm mới như vậy. Dầu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết hay thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngó hầu tỏ rõ con người chết đi thần minh bất diệt và quả báo thiện - ác chẳng dối vậy.

Nếu không, người dương gian chẳng biết chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng “con người chết đi thân hình đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán” ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hầm sâu tà kiến “không nhân, không quả, không đời kế tiếp, đời sau”, khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng thêm dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác!

Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết rõ điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án chốn U Minh v.v... đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi

đạo bình trị. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy là do đâu mà có, cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy.

Trung Âm tuy đã lìa thân xác, nhưng vẫn còn mang tình kiến thân xác như cũ. Đã có tình kiến thân xác, cố nhiên cần phải có cơm áo để đáp đối. Do phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn không, không khác gì người thế gian. Nếu là bậc có đại trí huệ sẽ ngay trong lúc thoát xác không nơi nương dựa, Ngũ Uẩn trống không, các khổ bèn tiêu diệt, Nhất Chân hiển hiện, nên vạn đức trọn bày.

Tuy cảnh giới ấy không nhất định phải giống nhau, nhưng chẳng ngại tùy tình kiến của mỗi người mà giúp đỡ cho. Như đốt áo giấy cho người chết, trong tâm người sống chỉ có ý nghĩ ban cho áo, tuy lớn, nhỏ, dài, ngắn làm sao vừa vặn, thích hợp cho được, nhưng do tình kiến của người sống và tình kiến của kẻ mất kia tương ứng, nên những áo ấy đều vừa khít, thích hợp. Từ điều này có thể thấy được cái nghĩa lớn lao “*hết thấy pháp chuyển biến theo tâm*”. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2)

* Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong 6 đường thì gọi là Trung Âm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo

thì chẳng gọi là Trung Âm. Những hồn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui, đều là tác dụng của thần thức.

Đầu thai ắt phải do Thần Thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, Thần Thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở, đã từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có Thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, Bản Thức (tức Thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái Thức thay thế mới ra đi. Bà mẹ của sư Viên Trạch⁴⁴ mang thai ba năm chính là vì lẽ này.

44. Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Tứ Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Ấn Quang đã kể chuyện thiền sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đây. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái núi Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiêm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thì nước chảy xiết, chưa đến tới đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt úa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta”. Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đưa bé liền cười. Sau đó, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin Sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tối đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy

Đây là luận theo lẽ thông thường.

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người Tịnh nghiệp đã thành, dầu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ; kẻ ác nghiệp sâu nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, Thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có Thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện. Chúng sanh tuy mê, nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2*)

bên sông có đứa bé trai chẵn trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

*Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thương trăng lộ phải bàn
Thẹn thấy cổ nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.*

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyên xong xuôi, đứa bé lại đọc: *Thân trước, thân sau sự vẫn vương*

*Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô Việt giang sơn chơi khắp cả.
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.
Rồi ruồi trâu đi mất.*

10. Luận Về Bốn Cõi Tịnh Độ

* Hai cõi Phạm Thánh Đồng Cư độ và Phương Tiện Hữu Dư độ là ước theo phạm phu đời nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật để luận. Nếu ước theo Phật để luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương đều là Tịch Quang; mà ngay cả ngũ trược ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch Quang. Vì thế nói: *“Tỳ Lô Giá Na trọn hết thấy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch Quang”*. Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch Quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến Chiếu Tỳ Lô Giá Na bèn đích thân được thọ dụng. Ngoài ra đều là phần chứng!

Nếu xét từ bậc Thập Tín trở xuống phạm phu, về Lý thì có, nhưng về Sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di Đà Yêu Giải, mà sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, là hiệu chung của Pháp Thân thanh tịnh được chứng bởi hết thấy chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Còn Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc v.v... là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do Hoặc nghiệp đã hết sạch, phước huệ viên mãn.

Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật Báo và Tịch Quang vốn cùng là một cõi. Nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật Báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ vừa dự vào Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được một phần của hai cõi ấy. Đến Diệu Giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cõi ấy. Đối với cõi Thật Báo, những vị giảng sư chỉ coi nó là Phần Chứng, chỉ coi cõi Tịch Quang là rốt ráo.

Tịch Quang vô tướng, Thật Báo trọn đủ những Hoa Tạng thế giới hải vi trần số trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Ví như hư không, thể của nó chẳng phải là các tướng, nhưng hết thấy các tướng đều do hư không tỏ lộ. Lại như gương báu, rỗng rang, sáng ngời, xuyên suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ người Hồ đến liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến liền hiện bóng người Hán. Thật Báo và Tịch Quang là một nhưng lại là hai, tuy hai nhưng là một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cõi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Trong bốn cõi Tịnh Độ: người đời nghiệp vãng sanh sống trong Đồng Cư, người đoạn Kiến Hoặc sống trong Phương Tiện, người phá vô minh sống trong Thật Báo, người hết sạch Vô Minh trụ trong cõi Tịch Quang.

Thêm nữa, Thật Báo là ước theo quả báo cảm thành mà nói, Tịch Quang là ước theo lý tánh được chứng mà nói; chúng vốn thuộc một cõi, nhưng giảng như vậy cho người ta dễ hiểu. Vì thế, người phần chứng thuộc vào Thật Báo, người mãn chứng thuộc về Tịch Quang. Chứ thật sự trong cả hai cõi đều có đủ cả phần chứng lẫn mãn chứng. Trong Văn Sao, tôi đã từng trình bày tường tận.

Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ thọ dụng được cảnh Đồng Cư. Dù là cảnh của người đời nghiệp vãng sanh nhưng chẳng thể gọi cõi đó là cõi phàm phu vì họ đều đạt được ba thứ Bất Thoái. (Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

11. Luận Về Xá-Lợi

* Như nói đến Xá Lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), hoặc Linh Cốt (xương thiêng), do Giới - Định - Huệ của người tu hành đạt được, chứ không phải do luyện Tinh - Khí - Thần hợp thành. Đây chỉ là tướng biểu thị tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải riêng gì sau khi chết đi, đem

thiêu, thịt, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi.

Xưa có vị cao tăng tẩm gội bèn được xá-lợi. Lại còn Tuyết Nham Khâm thiên sư⁴⁵ cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi.

Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ trong ván in hiện ra xá-lợi. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim đâm xuống bèn được xá-lợi. Lại có người chết rồi đem thiêu, xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái, đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng.

Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhân thiên sư trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm. Chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch⁴⁶. Hãy nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do Tinh - Khí - Thần luyện thành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ân Tấu*)

45. Tuyết Nham Khâm thiên sư là một vị cao Tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: “*Son tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền... Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm*”.

46. Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là Thung). Ngoài ra, Thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

* *Người biên tập kính cẩn nhận định: Đêm hôm sau lễ trà-tỳ (hỏa thiêu) đại sư Ấn Quang, kiếm được hơn trăm hạt xá-lợi ngũ sắc, tròn trịa, chói ngời, tỏa sáng lấp lánh. Lại còn có những đóa hoa xá-lợi to hay bé, và xá-lợi máu, răng v.v... (ba mươi hai hạt), tổng cộng hơn một ngàn viên. Tăng, tục trong núi không ai chẳng kinh ngạc, bảo là chuyện hiếm có. Cư sĩ Viên Đức Thường ở Vô Tích lại nhặt lấy linh cốt (vụn xương) của đại sư đem về, cả nhà xúm lại chiêm ngưỡng, chợt thấy trong xương có vô số xá-lợi, sáng ngời lóa mắt. Tôi chép thêm vào đây để trần thuật lòng ngưỡng mộ.*

* Xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngần. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên) chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn năm mươi tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A Dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy xá-lợi chuyển biến lớn, nhỏ, cao, thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phạm tình để suy lường được. Người đời dùng phạm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn*)

12. Luận Về Chuyện Đốt Hương Trên Cánh Tay

* Tý hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai kinh: Lăng Nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết thầy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn giữ thân mình. Đối với kẻ khác bèn giết chóc để ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, hễ muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng... đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu Ba La Mật, cách này thuộc về Bố Thí Độ. Bố thí có nội -ngoại bất đồng. Ngoại là quốc thành, vợ con; nội là đầu, mắt, tủy, não.

Thắp hương đốt thân đều gọi là Xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huê rạn, tội diệt, phước tăng (Nói “mình lẫn người” nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh, nên nói là “mình lẫn người”). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là “*tam luân thể không, tứ*

hoàng phổ nhiếp”⁴⁷.

Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước thực hiện cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tỳ hương, dầu có đốt sạch toàn thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích!

Do tâm chấp trước, ý niệm cầu danh dự nên đã không hiểu nổi ý chỉ tam luân thể không, mà cũng chẳng có cái tâm tứ hoàng phổ nhiếp. Biến pháp phá trừ Thân Kiến của Như Lai thành tăng Thân Kiến thêm kiên cố. Tội phước do tâm phân định. Quả báo do tâm mà khác! **Vì thế, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc. Trí học chứng Niết Bàn, ngu học thêm sanh tử”.** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tỳ hương*)

47. **Tam Luân Thể Không** (Trích AQĐSGNL): Bản thể của ba luân đều không tức là: không thấy có người thí, không thấy có người nhận, không thấy có vật được dùng để bố thí.

Tứ hoàng phổ nhiếp: Tứ hoàng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn Hoàng Thệ Nguyện.

* Tâm Bồ Tát hết như thái hư, không gì là chẳng bao quát, vì muốn lợi lạc chúng sanh nên bày mọi phương tiện, trước là dùng dục để lôi kéo, sau mới khiến nhập Phật trí. Chớ dùng tri kiến phàm phu để suy lường làm lạc. Vì các ngài đã chứng Pháp Nhãn, trọn không còn có nhân - ngã, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so đo, tính toán sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã.

Nói “bồ thí đầu, mắt, tủy, não” là sự thật, còn nói bồ thí cả kỹ nữ, thể nữ... chẳng qua là để diễn tả tâm bồ thí rộng lớn của Bồ Tát, chớ vì từ hại ý, chấp chết lời nói. Nếu chấp câu nguyện “nguyện kỹ nữ đầy đầy trong a tăng kỳ thế giới” là sự thật thì biết an bài họ vào đâu đây? Câu nói ấy hiển thị Bồ Tát bỏ cả trong lẫn ngoài, trọn chẳng tham tiếc, trong thì bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, ngoài thì bỏ quốc thành, vợ con, chẳng sanh tham chấp với bất cứ một pháp nào. Vì thế, ở trong sanh tử chỉ mình Bồ Tát được giải thoát.

Những kẻ nhận bồ thí kia do được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì nên sẽ ngay trong lúc này hoặc trong đời sau không kẻ nào chẳng đích thân được hưởng lợi ích, liễu sanh thoát tử; như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể Nhẫn Nhục tiên nhân, sau này trở thành người được Phật độ đầu tiên là ngài Kiều Trần Như. Phàm phu tiểu tri tiểu kiến há có thể suy lường được tâm đại Bồ Đề

lượng như thái hư ư?

Phải biết rằng: phàm phu chưa đắc Pháp Nhãn, trong tâm ngưỡng mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành sự phải thuận theo lý thường của phàm phu, nếu không sẽ có thể gây trở ngại cho việc gìn giữ, duy trì đạo pháp. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, dù chẳng duy trì pháp đạo, cũng chẳng nên học theo Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v... bởi tự lực chẳng đủ, chẳng kham nhẫn thọ, cả mình lẫn người đều chẳng được lợi ích gì cả. Phàm phu cứ căn cứ theo những điều phàm phu có thể làm được mà làm thì mới nên. *(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)*

13. Luận Về Cảnh Giới

* Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng lìa tướng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tướng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh ngênh tiếp! Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện. Tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện!

Nói **“tướng tùy tâm hiện”** thì được, còn bảo **“chỉ có tâm không cảnh”** thì chẳng thể được. **“Chỉ có tâm không cảnh”** thì phải là bậc Đại Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì. Nếu các hạ nói thì sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến, sẽ là tà thuyết

phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiến Vi*)

* Hai thứ tà kiến được nói trong thư gửi đến chính là đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận; nhưng đức Phật lòng Từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có tâm tham nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa Bà há có thể so sánh được ư?

Ví như:

Người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện, rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp.

Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dẫu cầu được như thế cũng trọn chẳng thể được.

Đây là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói; chứ quý thân sẽ thấy người lành thân có quang

minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tội tã, hung ác v.v... Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện. Những kẻ tà kiến kia cho rằng “kinh Kim Cang là không”, chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về Lý Tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng Lý Tánh. Sự trang nghiêm nơi Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phạm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là “chẳng hề có chuyện ấy!” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng*)

* Phải biết rằng hiện tại không có pháp nhất định. Do cái thấy của mỗi người khác nhau nên hãy tạm gác những cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại đó, chỉ dùng những cảnh phạm tiểu để giảng rõ. Ông Tử Tấn là con vua Châu Linh Vương, học đạo tiên bảy ngày, khi xuất hiện ở Hầu Sơn thì đã qua đời Tấn. Vì thế mới có thơ rằng:

*Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.*
(Vương tử học đạo tiên,
Thành đạo dạo cửu thiên,

Trong động chỉ bảy bữa,
Trần gian gần nghìn niên)

(Chữ “kỷ” phải đọc giọng bằng, có nghĩa là “gần”).

Từ đời Châu Linh

Vương đến nhà Tấn, thời gian dài gần một ngàn năm)

Lại như ông Lã Thuần Dương gặp Chung Ly Quyền trong quán trọ ở Hàm Đan, ông Chung khuyên họ Lã học đạo Tiên, họ Lã muốn được phú quý rồi mới học. Chung trao cho Lã một cái gói bảo hãy ngủ một giấc. Họ Lã mộng thấy mình làm quan từ chức nhỏ đến chức lớn, rồi làm đến Tể Tướng. Năm mươi năm phú quý vinh hoa, thật ít có trong đời. Con cháu đầy nhà, thường sung sướng không tai ương gì. Sau vì một chuyện chẳng hợp ý bề trên bèn tự thoái quan. Lúc tỉnh giấc ra, chủ quán trọ còn đang nấu nồi cháo kê vàng!

Trong mộng thấy ra vào làm tể tướng, bao nhiêu là chuyện lớn, thời gian lâu cả năm mươi năm, tỉnh giấc, nồi cháo kê vàng vẫn chưa nhừ. Đây chẳng qua là cảnh do tiên nhân biến hiện, mà còn có thể trong một niệm biến hiện những sự nghiệp, cảnh giới của cả năm mươi năm; huông hồ là cảnh giới của Phật là vị trời trong trời, là thánh của các thánh, của các vị đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân? Vì thế, ngài Thiện Tài vào trong lầu gác của đức Di Lặc, vào trong một lỗ chân lông của đức Phổ Hiền, đều ở trong mười phương thế giới hành

lục độ vạn hạnh trải Phật sát vi trần số kiếp. Xem đoạn văn ấy, ông còn có thể suy lường được chăng?

Phải biết rằng ba đời không thật thể, còn là phàm phàm phu thì chỉ thấy được cảnh giới của phàm phu, chẳng được vin vào cảnh giới phàm phu thấy được đó mà bảo cảnh giới của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng có gì khác! Nay tôi dùng ví dụ để giảng rõ: Như gương soi tỏ mấy mươi tầng núi sông, lầu gác, thật chẳng có gần xa, nhưng gần xa rành rành! Sắc pháp thế gian còn như thế, huống là bậc đã chứng tâm pháp duy tâm tự tánh ư? Bởi thế mới nói: “*Ư nhất hào đoan, hiện bảo vương sát, tọa vi trần lý, chuyển đại pháp luân*” (trên đầu sợi lông, hiện cõi bảo vương, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân).

Mười đời xưa nay, trước sau chẳng lìa đương niệm, vô biên cõi nước chẳng xa cách một khoảng nhỏ bằng đầu sợi lông! Phàm những gì thuộc về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thì hãy nên ngửa tin lời Phật, đừng suy lường xằng. Nếu như khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự hiểu rõ hết, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác cả. Nếu chẳng khẩn thiết, chí thành, dù ra sức lễ bái, trì tụng, nhưng cứ suốt ngày đem những cảnh giới mà phàm phu chẳng thể suy lường được để cuồng vọng suy lường thì có khác gì đi theo vết xe đổ của huyễn nhân pháp sư, dù có muôn chẳng vương lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng cũng chẳng thể được!

Biết lệnh nghiêm có rất nhiều điều linh cảm, tôi khôn ngăn bội phục. Như ước về lúc thọ pháp, nếu Đại Sĩ cùng thiên long bát bộ cùng hiện thì Mật Tông vẫn có cảm giới chẳng cho tuyên truyền diệu cảnh. Đây phải chăng là vì lòng sùng phụng trong sạch, bền chắc mà ngài thuận lòng thị hiện chẳng? Nếu hiểu như vậy, nhất định người được thấy diệu cảnh đó phải có sở chứng. Nếu người ấy không có sở chứng, nhất định thánh chẳng tùy tiện ứng hiện suông!

Còn như việc “thấy ứng thân” như luận Khởi Tín đã nói thì đó là tình cảnh người niệm Phật lúc lâm chung, vì chưa phá được vô minh nên ứng thân, báo thân, pháp thân người ấy được thấy đó đều chẳng phải là do thiện căn của người ấy mà được thấy. Bồ Tát ứng hiện ở Phạm Âm động tại Phổ Đà cũng là phương tiện quyền biến để tăng trưởng tín tâm cho chúng sanh, tuy người người được thấy nhưng chẳng thể lấy đó làm chứng cứ. Nếu cứ vin vào đó, ắt sẽ khiến hết thảy mọi người đều dựa dẫm vào đó mà độn thối. Người xưa được thấy Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài rất nhiều, nhưng đều là những vị có đại nhân duyên hoặc là công phu tu tập sâu dày, hễ ai gặp Ngài đều có điểm chứng ngộ giải nhập.

Năm Quang Tự thứ 12, Quang tôi triều bái Ngũ Đài, trước hết ngụ tại xưởng chế tạo lưu ly ở Bắc Kinh, tìm tác phẩm Thanh Lương Sơn

Chí khắp nơi nhưng chỉ tìm được một bộ, thường

xem hằng ngày. Do trời lạnh, đến tháng Ba mới đến được núi. Ở trên núi hơn bốn mươi ngày, thấy những người lên núi triều bái, đa số nói được thấy Bồ Tát Văn Thù, nhưng người thật sự hành trì rất ít. Thế mới biết là những người lên núi triều bái nói được thấy Bồ Tát đều chỉ nói dựa theo những tích chuyện của cổ nhân để khoe khoang đó thôi. Nếu ai thật sự được thấy ắt sẽ giấu kín. Vàng thau khác biệt! Nếu không, ngài Văn Thù chẳng tự trọng, khinh thị hiện thân, còn ra thế nào nữa?

“Lý tức Phật” hết thấy chúng sanh đều có, chứ chẳng phải chỉ riêng người nghịch trần hiệp giác. Nếu là hạng nghịch trần hiệp giác thì đã thuộc về “danh tự tức Phật”. Ông X. nọ khoe khi nhập định giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, khi xuất định lại vẫn là phàm phu, nhưng chẳng biết hổ thẹn, còn lớn tiếng khinh người. Nếu thật sự giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, quyết chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu! Ông ta toan dùng Mật tông để lòe người, chẳng biết rằng Quang tôì dù chẳng biết Mật tông đi nữa, lẽ nào chẳng biết đúng sai, dễ hồ lung lạc được ư?
(Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục)

14. Luận Về Thần Thông

* Tha Tâm Thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự chứng đạo thì như ông Chú Am⁴⁸ hể hỏi đến bất cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thảy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ, nhưng trong tám thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (Xem kinh Phật cũng giống như thế. Cổ nhân nói: “*Nhất nhiễm thức thân, vĩnh vi đạo chủng*” (Một phen lọt vào thân thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Hãy nên tin tưởng chắc chắn điều này). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có Tha Tâm Thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm

48. Theo sách Di Đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại Dương Châu thiền tự, hay cãi khịa với vị sư giữ chức Phạn Đầu, chủ bói tục tần, vô lễ. Trụ Trì quả trách. Về sau, Sư hồi cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường, nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí, chẳng cần đem sách lại, hể hỏi đến Sư bèn đọc ra thông suốt.

thức của người khác mà đọc ra. Đây là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải là trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Con người hoằng được đạo, chứ không phải đạo hoằng người. Thế gian loạn là do ác nghiệp của chúng sanh đồng phạm cảm vờ. Các thuyết tà vạy, hủy báng cũng thế. Phong tục cõi đời biến đổi thoạt đầu là do một hai người phát khởi; trị - loạn, tà - chánh, không gì đều chẳng phải vậy. Sao không luận nơi sức người có thể chuyển biến mà lại chuyên quy về Phật, Bồ Tát hiển lộ thần thông biến hóa? Không phải là Phật, Bồ Tát chẳng thể hiển lộ thần thông biến hóa, nhưng vì chúng sanh nghiệp nặng nên cũng không làm gì được! Ví như mây dày sương phủ kín, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời, há có thể nói là mặt trời không có hay sao?

Con người cùng trời đất gọi là Tam Tài; Tăng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo, gọi như thế là vì ý nghĩa tham dự hỗ trợ công cuộc sanh trưởng, hoằng dương pháp đạo, ông muốn chuyên vứt bỏ sức người, phó mặc cho sức của Phật, Bồ Tát, thiên địa, thì còn có thể được gọi là biết đạo hay chẳng?

Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu giúp cũng chỉ cứu được người hữu duyên. Do loạn là đồng nghiệp,

còn những túc nhân (nhân trong đời trước), duyên hiện thời chính là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị cứu giúp, há nên bàn luận hỗn độn! Phương tiện thuận - nghịch của Bồ Tát, sự cứu giúp chúng sanh, chẳng phải là chỗ thấy biết của kẻ thấy lầm biết sai!

Nay tôi vì ông nêu một thí dụ, do đây sẽ suy ra, đừng nói chi Bồ Tát, dầu là oan gia thật sự cũng có thể khéo tạo thành nền tảng để nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy Tám Khổ làm thầy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ đoạn Hoặc chúng Chân, thành A La Hán, như vậy Bất Tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh.

Người Bắc Câu Lô Châu trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo. Nam Diêm Phù Đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số! Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy sống say chết mộng trong vòng dục lạc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? Còn như nói người nắm giữ quân mạnh, ở địa vị cao, gây ra đủ mọi chuyện khổ não chúng sanh cũng rất có thể là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ có thể nói với người thông hiểu, chẳng thể nói cùng kẻ vô tri thức! Nếu là người thông suốt thì dù gặp ác ma thật sự cũng được lợi

ích; kẻ vô tri nếu biết nghĩa này sẽ chẳng biết phát tâm tu hành; trái lại còn hủy báng Phật pháp!

Ví như dùng thuốc, trẻ nít chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi lên vú, trẻ không uống bèn thành ra uống. Ông muốn làm bậc thông nhân phổ rộng nghĩa này thì hại người nhiều, lợi người ít, xin hãy im lặng, chớ bàn nói xằng. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phạm phu chẳng thể dò lường được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu*)

* Đạo Tế thiên sư là bậc thánh nhân đại thần thông. Ngài muốn khiến cho hết thảy mọi người sanh tín tâm nên thường hiển hiện những sự chẳng thể nghĩ bàn. Ngài ăn thịt uống rượu để giấu kín cái đức của bậc thánh nhân, là vì muốn cho những kẻ ngu tưởng ngài là kẻ điên rồ, không pháp tắc; nhân đó, chẳng tin tưởng ngài. Nếu không làm thế, ngài sẽ chẳng thể trụ trong thế gian.

Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phạm phu thì các ngài chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người, tuyệt đối chẳng hiển hiện thần thông. Nếu hiển hiện thần thông sẽ chẳng trụ trong thế gian được; còn nếu hiện làm kẻ điên rồ, dù có hiển thị thần thông cũng chẳng trở ngại gì. Chớ bảo người tu hành ai nấy đều nên uống rượu, ăn thịt! Người lành thế gian còn chẳng

uống rượu, ăn thịt, hưởng hồ là đệ tử Phật! Muốn giáo hóa chúng sanh mà chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những làm cho người khác chẳng tin, mà còn khiến họ thoái thất tín tâm nữa. Vì thế chẳng được học đòi uống rượu, ăn thịt.

Ngài (Đạo Tế) ăn những con vật chết, ói ra những con vật sống. Ông ăn con vật chết vào, còn chưa ói ra thịt còn nguyên hình dạng được nỏ, làm sao học đòi ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào bèn nhả ra vàng để thếp tượng Phật, khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trời lên. Ông uống rượu vào, muốn cho nước từ dưới giếng trào lên còn không được, làm sao học đòi ngài uống rượu cho được?

Truyện về Tế Công có đến mấy loại, nhưng chuyện Túy Bò Đề hay nhất. Gần đây có đến tám bản khác nhau lưu thông, đa phần là những bản do người đời sau thêm thắt vào. Chuyện Túy Bò Đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, những chuyện được kể trong ấy đều là những sự thực khi ấy. Thế nhân chẳng biết nguyên do, không bắt chước bừa theo thì cũng hủy báng xằng bậy. Học bừa theo đó sẽ quyết định phải đọa địa ngục. Hủy báng xằng bậy tức là dùng tri kiến phàm phu để suy lường thần thông của thánh nhân, cũng mắc lỗi, nhưng so với kẻ học bừa theo, tội còn nhẹ hơn lắm. Thấy những điều chẳng thể nghĩ bàn của ngài phải nên sanh

lòng kính tin, thấy ngài uống rượu, ăn thịt, chẳng chịu bắt chước làm theo thì sẽ được lợi ích, chẳng bị tổn hại vậy. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

15. Luận Về Ngoại Đạo

Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu Tứ Niệm Xứ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết ‘thân, thọ, tâm, pháp’ đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh Chân Như tự có thể hiển lộ.

Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc “luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử”; còn hậu thế hễ tu theo Đạo giáo thì không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhặt thuộc Thế Đế như: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ v.v...không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v... là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm ngặt. Bởi lẽ, một đấng biết thân tâm là huyễn vọng, một đấng lại khư khư thân tâm là chân thật. Cái

tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, chứ không phải là chân tâm vốn có.

Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tột bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử thì có khác gì lời nói trong mộng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ấn Tẩu*)

* Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm màu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt, đồn thổi, nói: “*Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo*”. Thật ra, hoàn toàn là dùng thức thần để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của Chân Như Thật Tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: “*Lục Tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, Tăng gia vô hữu pháp*” (Lục Tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, Tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc.

Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là

nhờ có 2 pháp đặc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hể được minh sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế, bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: “Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!” Vì thế, lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thâm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm!

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt: dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế, trước khi được truyền đạo, trước hết buộc kẻ ấy thề thốt: “Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thâm như thế nào đó!” Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này, dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trang Huệ Cự*)

16. Luận Về Duyên Thù Thắng

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đấy chính là quy y, chẳng cần “phải làm lễ quy y thì mới là quy y”; đừng nghĩ không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y! Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đấy chính là “chân quy y”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Kim Chân Khanh*)

* Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não Hoặc nghiệp tham - sân - si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không! Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chi kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thấy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ tuy có thể dùng làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy! (*Ấn Quang Pháp*

Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1)

17. Luận Về Đạo Thầy Trò – Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Những mối quan hệ lớn (ngũ luân) trong đời người tính ra chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn bè. Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này tương đương nhau, sao trong Ngũ Luân chẳng kể đến thầy; chẳng biết rằng thầy có đức tánh giáo huấn ta thành người nên thầy cũng như cha. Kể đến, có công khuyên dụ, khen thưởng, khuyến khích để ta được thành tài nên thầy cũng như anh. Vì thế, Mạnh Tử nói: “*Thầy là cha anh*”. Tiếp đó, thầy khiến ta mở mang, đôi bên cùng được lợi ích như hai vầng trăng chiếu lẫn nhau, hai tay vịn vào nhau nên thầy cũng như bạn (Trong chữ Bằng Hữu, Bằng gồm hai chữ Nguyệt ghép lại; chữ Hữu giống như hai tay vịn vào nhau). Bởi thế nhà Phật hay nói: “*Tầm sư phỏng hữu*” (tìm thầy kiếm bạn).

18. Luận Về Kinh Điển - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Phật pháp uyên thâm, kẻ đại thông minh dù tận hết tâm lực bình sanh vẫn còn có chỗ chưa thể nghiên cứu tường tận được. Nhưng Phật pháp tùy cơ lập giáo; nếu muốn hưởng lợi ích thật sự thì hãy nghiên cứu, tu trì pháp môn đặc biệt, siêu việt, lạ lùng là Tịnh Độ; đây thật sự là con đường trọng yếu tốn ít tâm lực vậy.

* Việc giáo đính kinh điển chẳng phải là chuyện dễ dàng, chỉ sợ thầy chẳng rảnh rỗi đến thế. Nếu ủy nhiệm người khác làm, kẻ đó phải là người kiến thức lỗi lạc, thập phần tỉ mỉ, xét suy kỹ càng đôi ba lượt, tra cứu kỹ lưỡng mới có thể đính chánh những chỗ chép lầm, trừ sạch những điểm dở tệ khiến thiên chân được tỏ bày triệt để. Nếu không, sao chẳng cứ theo đúng dạng vẽ hồ lô⁵⁰ may ra chẳng đánh mất sự chân xác sẵn có!

* Một bộ kinh Hoa Nghiêm là vua của Tam Tạng, phẩm cuối cùng quy kết, đặt nặng nguyện vương. Nên tôn trọng kinh Hoa Nghiêm, nhưng chớ xem thường các kinh khác vì các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm bản thể.

Hoa Nghiêm vĩ đại vì là đại pháp xứng tánh cực đàm vượt ngoài các giới, chẳng thấu nhiếp các pháp Nhị

Thừa. Điểm huyền diệu của kinh Pháp Hoa là “hội tam quy nhất” (gộp ba thừa về một thừa), “khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản”. Tông Thiên Thai cho rằng: “Pháp Hoa thuần viên độc diệu⁵¹, Hoa Nghiêm vẫn còn nói kèm Quyền pháp” (chữ Quyền pháp chỉ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác).

Nhưng trong hội Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua của các kinh, trong hội Hoa Nghiêm Phật cũng khen như thế. Lẽ nào kẻ hoằng kinh đời sau cứ nhất định phải căn cứ vào năm bộ lớn⁵² để phân định kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng chấp nhận kinh nào cũng có những điểm riêng đáng khen ngợi hay sao? Kẻ tu Thiền ca tụng Thiền, người tu Tịnh Độ tán dương Tịnh Độ; nếu không sẽ chẳng thể khiến người khác sanh chánh tín, khiến người khác kính ngưỡng.

Chỉ nên khéo hiểu ý nghĩa mỗi kinh, đừng vướng vào từ ngữ mà lạc mất ý nghĩa. Mạnh Tử xưng tụng Không Tử là bậc thánh chưa từng có trong loài người. Không Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Lòng mong mỏi, hâm mộ ba vị thánh của Ngài sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế ấy!

* Tổ Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, đừng tu tạp nghiệp là vì sợ kẻ trung căn, hạ căn do tạp nghiệp

tâm sẽ khó quy nhất, cho nên Ngài dạy chuyên tu. Tổ Vĩnh Minh dạy người “muôn điều thiện cùng tu” và “hồi hướng Tịnh Độ” là vì sợ hành nhân thượng căn thiên chấp, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn, cho nên ngài dạy “viên tu” (tu trọn khắp).

* Kinh rách nát chẳng thể tu bỏ được nữa nếu đốt đi cũng không có lỗi gì. Nhưng nếu thấy còn có thể tu bỏ được thì đừng nên đốt đi. Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực chẳng dám thiêu, thì kinh ấy rốt cuộc chẳng thể xem được, cũng chẳng thể cất giữ như kinh còn tốt, lại trở thành khinh nhờn. Cái lỗi khinh nhờn ấy gây hại cho người lắm, há chẳng nên biết đến lẽ quyền biến hay sao?

* Trong các thứ thuốc đối chứng trị bệnh cho người hiện tại, nhân quả là vị thuốc bậc nhất, pháp Tịnh Độ là pháp nên tu bậc nhất. Bất luận căn tánh nào, chẳng thể không trước tiên tìm tòi học hỏi pháp nhân quả, pháp Tịnh Độ.

Còn về giáo tướng, phải chọn lựa người mà giảng giải, bởi những người học ai nấy đều có những điều phải học riêng, Phật học chỉ là học kèm theo mà thôi. Nếu là kẻ căn cơ nông cạn, ắt sẽ chuyên chú vào Giáo tướng, quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi rốt cuộc thành hữu nhân vô quả, cho nên chớ giảng dạy chẳng xứng

với căn cơ.

Nay trong số những người tôn sùng Tướng tông cũng có tệ nạn ấy. Người đề xướng học Tướng tông chẳng thật sự vì liễu sanh thoát tử, mà chỉ nhằm thông hiểu pháp tướng để có thể giảng nói mà thôi. Nếu như những kẻ đó hiểu “dùng tự lực để liễu sanh tử” là chuyện khó, ắt sẽ chẳng chuyên chú vào việc đó (tức là chỉ lo học cho hiểu Tướng tông) rồi bỏ qua pháp Tịnh Độ không thèm hỏi tới, hoặc còn chê bai là pháp nông cạn nữa. Những kẻ ấy đều thuộc loại ham cao chuộng trội, nhưng chẳng biết thế nào là cao trội cả. Nếu thật sự biết, dù có bị giết cũng chẳng chịu bỏ qua pháp môn Tịnh Độ, cứ cực lực tu hành. Học đạo thật là khó lắm vậy!

* Chúng sanh căn khí bất nhất; Như Lai từ bi vô lượng. Nếu ai thật sự chân thật, chí thành, cung kính niệm Phật thì đến lúc lâm chung, tự sẽ có những chuyện chẳng mong mỗi mà tự nhiên đạt được. Những lời lẽ của ngài Tử Bách, ngài Hám Sơn rất là thân thiết, nhưng hai vị đều là bậc tri thức trong Tông môn, nếu đem những lời đó nói với những người thật sự có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì sẽ có ích. Nhưng nếu nói với người chỉ có chút thiện căn, chưa thể chuyên tu thì họ sẽ nghĩ chuyện sanh Tây vượt quá khả năng của họ; từ đó họ sẽ đánh trống lùi. Thuyết pháp chẳng phù

hợp căn cơ sẽ thành lời nói suông, đúng là như vậy đó.

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản, lấy “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” làm thật nghĩa “nhân thấu biến quả, quả tốt nguồn nhân”, lấy “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” làm công phu tối thiết yếu để hạ thủ. Lấy đó mà hành, và nếu tứ hoằng thệ nguyện lại chẳng lia tâm, thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm hợp với đạo, ngay trong đời này dự vào dòng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, chẳng uổng cái đời này vậy!

19. Luận Về Bí Truyền - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Nay các ngoại đạo, không đạo nào chẳng dùng cách bí truyền để dẫn dụ, kêu gọi kẻ vô tri theo đạo họ. Lúc nguyện gia nhập, ắt phải phát thệ: Từ rày về sau, nếu phản lại đạo ắt sẽ mắc ác báo như thế này, như thế nọ. Thật sự ra, đa phần là những pháp dối người. Do trót phát thệ, dù có biết những sai trái trong đạo cũng chẳng dám trái nghịch hoặc phơi bày ra. Cách phát thệ bí truyền của ngoại đạo ràng buộc, làm con người lầm lạc quá đáng vậy.

Đức Phật ta chẳng có pháp bí truyền; đối với một người Ngài cũng nói thế, với vạn người Phật cũng dạy

như thế. Cửa đóng, then cài, bên ngoài đặt người tuần hành canh gác, chỉ cho một người vào, thì thầm chẳng cho người ngoài nghe được, những đạo như thế chẳng có chuyện quang minh, chánh đại gì đâu! Mong các vị hiểu được tệ nạn ấy nên tôi mới lược thuật vậy!

* Nếu có bí quyết mâu nhiệm chỉ khẩu truyền ở chỗ kín đáo thì chính là tà ma ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp.

---o0o---

20. Luận Về Cầu Cơ - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Những lời giảng cơ trong đàn cầu cơ đa phần là do những linh hồn dựa dẫm vào tri thức của người xoay cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian còn đúng được nhiều, chứ nói đến Phật pháp thì do chính mình chẳng biết, bèn bịa ra các lời nhảm nhí.

* Cầu cơ đa phần là các linh hồn giả mạo Phật, tiên, thần, thánh. Những hồn kém cỏi chẳng có sức thần thông, những hồn khá hơn sẽ biết được tâm người nên dựa dẫm vào sự thông minh và tri thức của người

phò cơ để nói này nói nọ.

Ông Kỷ Văn Đạt nói: “*Cầu cơ đa phần là linh hồn giả danh giảng cơ. Tôi cùng người anh tên là Thản Nhiên cùng phò cơ. Tôi biết làm thơ, nhưng chữ viết không ra gì. Tôi phò cơ thì thi từ mãi tiếp, nhưng chữ*

viết nguệch ngoạc, xiên xẹo. Thần Nhiên phò cơ thì thi từ tâm thường, chữ viết sắc sảo. Với những hồn giả mạo cổ nhân, nếu chú tâm hỏi vào những điểm bí nhiệm, quan yếu, bèn nại có năm tháng cách xa, chẳng còn nhớ gì nữa, nên biết hồn ấy chẳng phải thật”.

Như vậy, cái linh ứng của những hồn ấy chỉ là chúng có thể dựa vào những điều đã biết trong tâm của người hiện tại để mượn dùng. Với những điều tuy có trong thức điện, nhưng trong cái thấy biết hiện tại của đương nhân không có, hoặc người ấy chẳng biết đến nghĩa đó thì hồn chẳng thể dạy gì về điều ấy được. Sánh với tha tâm thông của bậc nghiệp tận tình không khác nhau một trời, một vực, nhưng xét về khí phần thì có vẻ tương tự mà thôi. Tôi lại chỉ sợ quý vị bị mê hoặc bởi những lời giảng cơ, nên chẳng thể không dẫn chứng để phân trần vậy.

* Gần đây, các đàn cơ ở Thượng Hải rất thịnh hành. Những lời khai thị sửa lỗi, hướng thiện, tiêu luân hồi, tiêu nhân quả của các đàn cơ ấy đều rất có ích đối với thế đạo nhân tâm, nhưng những lời giảng về cõi trời, về Phật pháp toàn là những lời lẽ quàng xiên. Chúng ta là đệ tử Phật chẳng thể bài xích pháp ấy vì sẽ mắc lỗi ngăn trở người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng thể phụ họa, tán dương pháp ấy bởi những lời giảng cơ về Phật pháp toàn là ức đoán, chỉ e gây thành cái họa hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh.

21. Luận Về Luyện Đan - *Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*

* Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử. Toàn bộ Đại Tạng kinh trọn chẳng có lấy một chữ dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão chi cả.

Thời kỳ đầu Dân Quốc, gã dân ma Liễu Hoa Dương soạn Huệ Mạng kinh, tận dụng kinh Phật, lời Tô để chứng minh cho pháp luyện đan, xoay chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết đó ngỡ là chân thật, đánh mất chánh kiến mãi mãi. Lời lẽ, sự tu hành của họ đều là phá hoại Phật pháp, nhưng vẫn hui hui tự đắc, cho mình may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp, đúng là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một gã lừa dẫn lũ mù kéo nhau sa hầm lửa, chẳng đáng buồn ư!

Phàm một pháp luyện đan chẳng phải là không lợi ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, pháp ấy còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, huống hồ là chánh đạo của Phật pháp ư?

Không Tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!*” (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành). Lão Tử nói: “*Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân*” (ta có mối lo lớn là ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời ấy sẽ chẳng bị

bọn luyện đan kia mê hoặc. Hãy đọc kỹ các sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Bình Tâm Luận, Kê Cổ Lược.... thì gương sáng đặt trên đài, tốt xấu tự phân, lò nung thử vàng, thật giả rạch ròi.

---o0o---

22. Luận Về Tu Hành, Xử Sự Phải Phù Hợp, Thích Nghi - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Đối với pháp niệm Phật phải tùy theo sức lực của mỗi người; tùy tiện niệm ra tiếng, niệm thầm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, không cách nào là chẳng được, lẽ nào cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn hơi thành bệnh vậy? Căn bệnh nặng của ông do khí bị thương tổn mà ra nhưng thật sự là do nghiệp lực từ vô lượng kiếp biến hiện.

Do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo, chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Chẳng biết là do căn bệnh này sẽ tiêu được tội tam đồ ác đạo trong bao nhiêu kiếp số. Phật lực khó nghĩ lường, Phật ân khó báo, hãy nên sanh lòng vui mừng, nghĩ mình may mắn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ tự hành, dạy người, mong sao quyến thuộc trong nhà cùng hết thấy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này, mới khỏi

phụ ân Phật vì mình hiện thân vậy!

* Học Phật phải chuyên lấy việc tự liễu ngộ làm chánh, nhưng cũng phải tùy phần, tùy sức làm các công đức. Phải là người có sức lớn lao mới hòng triệt để buông xuống, triệt để đề khởi được. Người căn cơ trung hạ nếu không làm gì hết sẽ liền thành biếng nhác, trây lười, đã chẳng hiểu đúng tự lợi mà đối với việc lợi người cũng gác bỏ hết, trở thành cái tệ như Dương Tử “dù nhỏ một cái lông làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm”⁵⁵. Vì thế phải hành cả hai pháp hỗ trợ cho nhau, nhưng chú trọng vào mặt tự lợi.

Cũng đừng hiểu lầm lời cư sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm thì đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ. Ý của Bành Nhị Lâm là chuyên chú tự lợi, chứ chẳng phải là phé sạch việc tùy phần, tùy sức dạy người tu theo pháp môn Tịnh Độ đâu! Việc lợi người chỉ có hàng Bồ Tát mới gánh vác nổi; ngoài ra, ai dám nói những lời lẽ lớn lao ấy! Người căn cơ trung hạ tùy phần, tùy sức làm việc lợi người mới phù hợp với đạo lý tu hành tự lợi, bởi lẽ pháp môn tu hành có lục độ vạn hạnh. Tự mình chưa độ thoát thì việc lợi người vẫn thuộc về tự lợi, nhưng chẳng thể chuyên chú vào hình thức bề ngoài mà làm.

* Người tu hành thật sự thì dính vào chuyện khác

làm chi? Chỉ vì do chưa thể buông cả toàn thân xuống, cắt đứt vạn duyên được thì chẳng ngại gì đeo đẳng trong lòng để vót vát lấy một nửa mà thôi.

* Niệm Phật tuy trọng chí thành, thanh khiết, nhưng nếu bệnh nhân không đủ sức thì cứ giữ lòng chí thành thâm niệm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hết như vậy. Bởi lẽ, Phật từ rộng lớn, như cha mẹ lúc thấy con cái bệnh khổ, ắt chẳng nệ vào những nghi thức lúc bình thường để trách móc gì, lại còn đến vỗ về, xoa nắn thân thể con, rửa sạch những dơ bẩn. Nếu con bệnh đã lành mà vẫn đối xử với cha mẹ hết như lúc còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh vậy!

* Lập thân, xử thế, gìn lòng thì dù là ngu hay hiền đều phải cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn. Hành sự thì thân hiền, xa ngu, giữ ưu, bỏ kém. Như thế sẽ tránh khỏi cái tệ lây phải tính xấu, cũng như giữ cho mình khỏi bị làm lạc. Chuyện thiên hạ có cái lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dựa vào sự tình để định đoạt, như cháp chết vào toa thuốc để trị biến chứng thì người sống sẽ ít, kẻ chết lại nhiều. Phải tình hợp với lý, pháp phù hợp sự thì mới nên!

* Thiên hạ vạn sự có cái lý nhất định, nhưng khi gặp chuyện phải vận dụng cái lý nhất định để hành xử

sao cho thích nghi, lý phù hợp cùng quyền, pháp tương ứng với đạo thì mới nên!

* Phật pháp phải tùy theo căn tánh mỗi người mà thực hiện, chẳng thể chấp chặt vào quy cách truyền bá thông thường. Nếu trái nghịch căn cơ sẽ khiến người ấy bị mất lợi ích liễu sanh thoát tử thù thắng; cốt sao người ấy phải tự lượng được căn tánh để tu trì sao cho thích hợp.

* Liên xã mới mở phải có quy chế nhất định, nữ nhân tuyệt đối chẳng được tham dự liên xã, đừng bắt chước nơi khác buông tuồng chẳng thúc liễm đến nỗi một pháp chẳng lập, trăm mối tệ chen chúc nảy sanh. Rất quan trọng, rất quan yếu đây!

* Trộm nghĩ thế đạo nhân tâm hiện thời suy sụp đến cùng cực. Lại còn phung phí quốc khố, so với trước kia thuế má nặng hơn gấp mấy lần, mọi thứ đắt đỏ, dân không lẽ sống. Tai trời vạ người giáng xuống liên tiếp. Gặp phải thời buổi này, muốn hoằng dương đạo pháp chỉ còn cách khuyên những người tìm đến học hãy học lấy yếu nghĩa nhà Phật.

Với cha nói Từ, với con nói Hiếu, anh nhường em kính, chồng xướng vợ theo, ai nấy trọn hết bổn phận để làm nền tảng cho việc học đạo. Ngoài ra, còn phải giữ

lòng thành, chuyên chú lòng kính, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong thoát khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao đến cách mấy cũng phải y theo đây mà hành.

Ngoài ra, những khi có thời gian, có sức thì nghiên cứu hết thầy kinh luận cũng chẳng trở ngại gì. Cốt sao tùy phận tu trì trong chính gia đình mình thì chẳng cần gì phải cất dựng phòng ốc cho nhiều, lại phải sắp đặt nhiều nhân viên, đây kia qua lại càng phí thời gian. Đây chính là cách tương kế tựu kế để hoằng pháp bậc nhất trong hiện tại vậy.

* Muốn cầu vãng sanh hãy nên buông bỏ thế gian này cũng như buông bỏ cái tâm cuồng vọng quá phận mong độ thoát chúng sanh giống như Bồ Tát. Tu cho chính mình chính là điều Bồ Tát phải làm đầu tiên. Nếu chính mình còn là phàm phu, lại toan đảm nhiệm việc ấy thì chẳng những chẳng thể độ người mà còn chẳng thể tự độ nữa! Không ít thiện tri thức thế gian mắc phải bệnh này, nhưng cứ cho là mình có tâm Bồ Tát. Phải biết rằng: nếu có tâm ấy, phải cầu vãng sanh trước đã thì mới có lợi ích. Nếu mình là Bồ Tát thì chẳng cầu vãng sanh còn được, chứ nếu không thì tai hại chẳng nhẹ. Tâm cuồng vọng quá phận chính là chướng ngại lớn nhất đối với việc tu hành. Chẳng thể chẳng biết

điều này.

* Trong lúc kiếp trước thời loạn này, lẽ tất nhiên phải đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ mới hòng có lợi ích thật sự. Những kẻ ham cao chuộng trội kia chỉ sợ những pháp ấy mà được đề xướng thì tiếng tăm, giá trị của họ sẽ bị hủy hoại, nên thà để người khác chẳng hiểu, chứ chẳng chịu xuôi theo môn phong của chúng ta.

Hãy thử hỏi họ: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều dưỡng sanh mạng, có thể nào cứ cố chấp vào một pháp chẳng chịu biến đổi cho thông suốt hay chẳng? Mùa Hạ dùng sẵn dây, mùa Đông khoác áo cừ, đói thì ăn, khát thì uống. Mỗi ngày còn phải chọn lấy những điều thích nghi; thế mà đối với việc hoằng dương đạo pháp thì lại bất trí chẳng hợp lẽ như việc dưỡng sanh, vẫn còn bảo là thật sự muốn làm cho người khác được lợi lạc nữa ư?

* Sáng lập liên xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch, chủ nhân ắt phải cung kính chí thành, chẳng thể là hạng người ngạo mạn, mà cũng chẳng thể là người thiếu khí tượng, đúc độ. Đối với mọi người đến tham dự đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn. Lúc chưa niệm Phật cũng như lúc niệm Phật xong, đều chẳng được bàn chuyện nhà, có những yếu nghĩa nào đáng

bàn luận, trình bày thì hãy bàn. Nếu không ai nấy trở về chỗ mình. Những ai quá nhỏ tuổi hãy nên tự niệm ở nhà. Nếu thường đến liên xã, ở gần thì còn tạm được, chứ nếu đường xa, chỉ e nảy ý ham vui bên ngoài, chẳng thể không cẩn thận. Lập liên xã bất quá chỉ là đề xướng trong địa phương mà thôi, phải lấy việc niệm Phật tại gia là chính.

* Người học Phật trước hết phải biết nhân quả, dè dặt, cẩn trọng mà xử sự. Nếu đã có thể dè dặt, cẩn trọng thì tà niệm sẽ tự tiêu, chẳng đến nỗi làm điều chẳng đúng pháp. Nếu trót làm, phải cực lực đoạn diệt thì mới là tu hành chân thật. Nếu không, học một đường làm một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đây chính là căn bệnh đã lậm vào xương tủy của những kẻ học Phật tự xưng là bậc thông gia ngày nay. Nếu có thể luôn lấy việc tránh lỗi lầm làm điều mong mỏi thì cứ học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

---o0o---

23. Luận Về Phú Cường - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Trung Quốc nghèo hèn là vì chẳng tuân theo lễ nghĩa nên mới nghèo hèn đến thế đó. Thử hỏi nguyên nhân gây nên sự nghèo hèn, có nguyên nhân nào ngoài chuyện tham ăn của đút lót, nhận của hối lộ khiến ngoại nhân hưởng lợi hay không? Ông chưa thấy rõ gốc bệnh nên mới bảo là thuốc chẳng hiệu nghiệm, có đáng gọi là trí chẳng? Nước ngoài cường thịnh, nhưng nước họ nhỏ, nếu họ chẳng đồng tâm hiệp lực há có thể tự lập được ư? Trung Quốc mỗi người mỗi ý. Dù có đồng tâm đi nữa, nhưng ngoại nhân đem lợi ra nhử liền bị của đút lót xoay chuyển, chẳng những chẳng đoái hoài gì đến đất nước và nhân dân, ngay cả thân mình cũng chẳng thèm đếm xỉa đến nữa. Chẳng phải là việc phụng hành lễ nghĩa đã bị đánh mất đó sao?

Xưa Lâm Văn Trung Công đánh đuổi quân Di đủ chứng thực điều ấy. Từ đây, bất cứ việc lớn việc nhỏ gì, không việc nào lại chẳng vì Trung Quốc chu toàn cho thành tựu chẳng? Người Trung Quốc đa phần quên mất tám chữ (hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si) cho nên nước ngoài mới hùng mạnh như thế, Trung Quốc mới yếu hèn đến thế. Nếu như ai này đều giữ gìn lễ nghĩa thì các hàng hóa vô ích của ngoại quốc không cách nào tiêu thụ được, mỗi năm Trung Quốc sẽ tiết

kiệm được cả mấy ngàn vạn vạn lạng vàng vậy. Người Trung Quốc mà bệ rạc thì phải nói thành thật là bệ rạc đến tột cùng...

Ông tuy đọc sách hiểu đời nhưng chưa lãnh hội cái đạo đọc sách hiểu đời nên mới hỏi như vậy. Với tình thế hiện tại thì đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là cách vãn hồi kiếp vận, cứu quốc, cứu dân bậc nhất; đàm huyền thuyết diệu so ra vẫn kém hơn. Muốn cứu đời nhưng chính mình chẳng tận lực thực hành thì sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Từ chính mình lan ra cả nhà, từ một nhà lan đến cả ấp, từ mỗi ấp lan ra cả nước, một khi đã tạo thành nề nếp thì sẽ có hiệu quả chẳng lường được. Nếu không thì dù có mơ cũng vẫn khó thấy được!

* Gần đây những người làm chuyện lớn phần nhiều là trẻ tuổi, đa phần là lập dị, vọng ngoại, coi Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng chẳng ra gì. Kẻ chưa đắc chí bèn cuồng vọng lung lạc người. Kẻ đã đắc chí liền thành phùng hại nước mọt dân. Vì thế thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Học Phật cốt là để đổi trị tập khí, cải ác hướng thiện. Nếu vô sự bèn miệt mài học Phật, nhưng hữu sự bèn gạt phăng việc học Phật sang một bên thì chỉ mang cái tiếng suông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì!

24. Luận Về Cách Dự Phòng Tai Họa - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Với tình thế hiện tại, chỉ nên tận tâm, còn chuyện họa phước cát hung trong tương lai chẳng thể dự đoán được. Nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm, chẳng đến nỗi vướng phải mối nguy hiểm lớn. Nếu chẳng dốc sức vào đây, dù vận dụng hết cơ mưu cũng vẫn khó đạt hiệu quả tốt đẹp bởi thế cục biến huyễn, khó thể dự liệu nổi! Những kẻ vinh hoa, phú quý hiển hách kia trong chốc lát còn bị tiêu tan sạch cả, huống hồ gì bọn ta? Khổng Tử nói: *“Kẻ chẳng biết mạng thì chẳng thể coi là quân tử được”*; nhưng phải cực lực tu trì thì mới đáng gọi là Mạng được. Nếu biếng nhác trây lười, tánh tình buông xuôi, dù đạt được hay mất đi cái gì thì cũng chẳng thể gọi là Mạng được!

IX. KHUYÊN NHỮ CÁC THIỆN TÍN TẠI GIA

1. Giảng Về Đại Giáo Luân Thường

* Phật giáo lấy Hiếu làm gốc, kinh Đại Thừa giảng rõ điều này rất nhiều. Những kinh nói tường tận, rõ ràng nhất là “*kinh Phật Báo Ân*⁴⁹, *kinh Địa Tạng*, *kinh Vô Lượng Thọ*, *kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*, *kinh Phạm Võng*”. Một chữ Hiếu hiểu theo nghĩa hạn hẹp là thờ cha mẹ; luân theo nghĩa rộng thì phạm những gì thuộc về Lý, về Tâm mà chẳng trái nghịch thì đều gọi là Hiếu. Nếu không, đều là bất hiếu. Người học phải tu đạo hiếu hạn hẹp lẫn rộng rãi thì mới có thể gọi là “tận hiếu”. Chúng sanh nhập đạo đều phải xét túc nhân như thế nào. Không riêng gì kẻ si độn khó thể giáo hóa, ngay cả người đại thông minh, đại học vấn nhưng lắm khi không bằng kẻ si độn vì kẻ si độn còn gieo được chút thiện căn, chẳng sanh hủy báng! Chúng ta chỉ tùy phận tùy lực khuyên dạy họ. Nếu muốn tất cả mọi người đều tuân theo sự giáo hóa của Phật thì tuyệt đối chẳng có nhân duyên tốt đẹp như vậy đâu! Chỉ có

49. Phật Báo Ân Kinh có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, được dịch vào thời Hậu Hán, mất tên người dịch. Bản kinh này được đánh số 156 và xếp vào phần Bốn Duyên, thuộc tập 3 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Kinh này chủ yếu trần thuật những chuyện xả thân báo hiếu khi đức Phật còn tu hạnh Bồ Tát, như chuyện thái tử Tu Đạt Noa cắt thịt dâng cho cha mẹ trong khi bôn đảo, cũng như giảng giải một số vấn đề về giới luật. Kinh này đã được Hòa Thượng Quảng Độ dịch ra Việt Văn vào trước năm 1975.

thể tùy duyên tận tâm mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trám ở Dịch Huyện*)

* Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực. Phàm đạo đức, nhân nghĩa, hiếu, từ, liêm khiết, tiết nghĩa do thánh hiền truyền thuật đều bị vứt bỏ. Phàm những chuyện xưa kia chẳng nữ thấy nghe, chẳng chịu nhắc đến, bây giờ đều cực lực đề xướng, mong sao nhất trí tiến hành. Những nơi chốn hay nhà trường để cho nam nữ tự do luyến ái, lỏa thể ôm nhau khiêu vũ chẳng biết nỗi con số! Trong trường đại học vẽ hình lỏa thể để mong mỹ thuật tiến bộ. Mỹ thuật cố nhiên tiến bộ, nhưng hoàn toàn chẳng lo nhân đạo thụt lùi, súc sanh đạo tiến bộ ư?

Các con đều đang độ tuổi thiếu niên, phải biết tốt - xấu, chớ trúng phải độc khí của những thứ tà thuyết diệt luân diệt lý ấy, thì sau này còn có thể tự lập trong vòng trời đất, không hổ thẹn. Nếu không, dẫu tài cao học rộng, đối với mình, đối với người nào có ích chi?

Các con phải biết nhân quả báo ứng trọn không sai xảy. Tuy nhất thời chưa thể thấy được, nhưng sau mấy chục năm, chắc chắc không gì chẳng thấy! Huống chi chết đi, đời sau và những đời kế tiếp phàm phu có biết được hay chẳng? Ngày nay thế đạo bại hoại là vì Nho gia phần nhiều chẳng tin nhân quả báo ứng và sanh tử

luân hồi. Những nhà Lý Học ấy trộm lấy ý nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương Nho tông, ngược ngạo coi đạo phổ độ chúng sanh của đức Phật là mê hoặc ngu xuẩn bọn phàm tục ngu ngốc, chê bai, bài bác, đến nỗi hễ là nhà Nho thì chẳng chịu dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để khuyên dạy, mọi người đều cho là nhân quả, luân hồi dường như có, dường như không. Vì vậy, thế đạo ngày càng tệ bạc! Những kẻ trợn đủ khí khái đội trời đạp đất chẳng bị xoay chuyển bởi thói phàm tục thì chẳng được mấy người. Một cơn gió Âu vừa thổi tới, hòa nhau theo gió biến đổi tận gốc càng dữ dội hơn. Bởi vậy, thế đạo ngày nay, tình người như nước, lễ pháp như đê; bỏ cái đê lễ pháp đi há ngăn được lòng ham muốn của con người hoành hành?

Lòng ham muốn của con người đã tung hoành thì sẽ ra sức trừ bỏ lễ pháp. Do vậy, lòng ham muốn dữ dội của con người cảm vời nước lũ dâng khắp nơi, đê đập trên sông ngòi nơi nơi bị vỡ, biết bao nhân dân bị chết chìm. Những kẻ chưa chết thì không áo, cơm, chỗ ở, than lạnh, rên đói, chẳng nữ thấy nghe! Dầu có bạc chuộng điều thiện ra sức quyên góp, nhưng vì người đông, khoản đóng góp ít, khó thể giúp trọn khắp được! Nhưng càng phải nên quyên góp nhiều hơn để tu bổ đê đập trên sông ngòi. Nếu không tu bổ thì từ nhỏ sẽ thành lớn, nước tràn dâng khắp cùng. Nếu tu bổ thì thật sự không có được tài lực ấy.

Huống chi giặc cướp bạo tàn, Nam - Bắc thù nghịch, nước ngoài ngang ngược lấn hiếp. Người dân trong lúc này thật có thể nói là đáng thương xót quá, nhưng không biết kêu gào vào đâu! Hai đứa tụi con tuổi còn trẻ, hãy nên tận lực vâng giữ nếp đạo đức cũ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục*)

* Học đường hiện thời đúng là một cái bẫy hãm người, chẳng hãm trong đảng phái sẽ lại hãm trong tự do luyến ái, mặc tình chơi bời bừa bãi. Phải biết: Con người chỉ là một loài động vật cao năm sáu thước mà sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài thì danh xưng Con Người cao quý không chi bằng được! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất đáng tôn quý thì mới có thể gọi là Người! Nếu không, chính là loài cầm thú mặc áo đội mũ, do chẳng có khí phận của con người vậy!

Tài chính là khả năng. Trời có thể sanh ra muôn vật, đất có thể chở muôn vật, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, giúp cho thế hệ tương lai học theo, giúp cho những chỗ mà sự sanh thành, dưỡng dục của trời đất chưa thấu tới, nên cùng với trời - đất xưng là Tam Tài.

Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” thì còn kém hèn hơn loài cầm thú, uống một đời mang thân con người, trọn chẳng

có khí phận của con người chút nào! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa vào địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có kỳ ra. Muốn được làm cầm thú còn chưa thể được, huống gì lại được làm người ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tông Thành*)

* Muốn quy y Phật pháp, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cần phải nên gắng sức trọn hết đạo luân thường. Nếu chẳng thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì căn bản đã khiếm khuyết, chẳng tương ứng với Phật, làm sao có thể được Phật rử lòng Từ tiếp dẫn hồng đời nghiệp vãng sanh? Vì vậy, phải nên hiếu với cha mẹ, kính bậc tôn trưởng, đối với anh em trai, chị em gái, vợ chồng, chủ tớ mỗi mỗi đều phải trọn hết chức trách, bốn phận của chính mình. Đối với những điều đã được đề cao đều trọn hết chức trách, bốn phận thì chính là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian. Người hiền thiện niệm Phật sẽ dễ cảm được Phật. Muốn liễu sanh tử, chẳng thể không chú ý đến luân thường! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 1*)

* Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dày, che chở của

trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngỏ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là Tam Tài. “Trung, hiếu, tiết, nghĩa” chính là giềng mối chánh yếu của đạo làm người. Nếu không có những điều ấy, con người khác gì cầm thú? Dầu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa! Bởi “trung” chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng Tử dùng “trung thú” (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu Tử, thường phản tỉnh *“hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không”*. Vì thế, biết một chữ Trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là “tận hết tâm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá”. Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bổn phận. Do trọn hết bổn phận nên đối với những chuyện thuộc về bổn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi dối phò vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình.

Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dôi gạt, ngươi mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy! Đắc thế bèn hòa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trợn chẳng ngưng dứt. Đây đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha - con, vợ - chồng đều coi như mảy lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vỡ tuồng tòi tệ giết cha, giết mẹ, nghịch trời, trái lý, hòng mặc tình tùy ý, chẳng bị câu thúc gì! Than ôi! Chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục*)

* Thiên hạ không hai đạo, thánh - phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giếng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp

hay trái nghịch với những điều ấy sai khác là vì “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa” hay vì “mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý” mà ra!

Vì thế, kinh Thư có lời giáo huấn: “Do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh”. Phật dạy đạo “*mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật*”. Do vậy, biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoát đầu lập tâm sai khác đôi chút, rớt cuộc đến nỗi cách biệt một trời, một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng “tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành”. Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nêu lên đại cương thì chỉ có ba điều “làm sáng tỏ Minh Đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện” mà thôi. Nhưng muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa,” mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng

rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương “làm sáng tỏ Minh Đức” đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng “thuận theo lòng nghĩ, tay liền thực hiện thành tựu”; nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trường dưỡng sự suy xét phản tỉnh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám*)

* Hai khí Âm - Dương trong trời đất hóa sanh vạn vật. Thánh nhân lấy nam nữ “chánh vị” (“chánh vị” là hành xử đúng theo địa vị, tức là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thước bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xưng là Tam Tài bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trường dưỡng, chẳng đến nỗi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đây là duyên do con người là “vạn vật chi linh”, chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất.

Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mãi miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây, thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực,

những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phê kinh điển, phê luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi! Mối họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực!

Xét đến căn nguyên, đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa - phước, tốt - xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dẫu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không, ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ “do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn”, quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cầu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không! Vì thế, nói: “*Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình là cái thân*”. Cố nhiên, đây là thiên chức của hết thầy thất phu, thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị!

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ: Lúc còn trong thai thì bẩm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ.

Nếu mẹ hiền, chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì! Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đổ khuôn rồi mới biết hay sao?

Nhân tài của nước nhà đều xuất phát từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyên, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu, vật mạnh, phong thái đại đồng thưở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay! Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ văn hồi thế đạo, nhân tâm. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản*)

* Còn như chuyện học Phật thì phải trọn vẹn đạo làm người mới hòng tiến vào được. Nếu đối với những chuyện hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ không thực hiện một điều nào, dẫu có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng thể nào gia hộ được! Ấy là vì Phật pháp bao trùm hết cả pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói đến từ, với con nói hiếu, thầy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế.

Ví như muốn xây lâu cao vạn trượng, trước hết phải

đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lâu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt sẽ đến nỗi chưa xây xong đã sụp.

Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư⁵⁰: “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*” Sư nói: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”.

Muốn học Phật pháp, trước hết phải chế ngự lòng ham muốn, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm. Người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo*)

50. Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyên. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với Phục Lễ pháp sư ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Hang ổ gọi là Khoa, tổ chim gọi là Sào*”). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

* Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: “*Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huỳnh đệ ký hấp, hòa lạc thả đām. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa*” (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm⁵¹. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vậy). Khổng Tử nói: “*Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ!*”: Thuận lòng cha mẹ vậy thay) chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng theo vậy!

Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu! Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt, từng giọt, giống hết như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh, bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đấy chính là pháp lợi ông sẽ đạt được! (*Ấn Quang Pháp*

51. Sắt (瑟) là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn Tranh, thân đàn làm bằng gỗ Tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhận) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng! Cầm (琴) tức là cổ cầm (còn gọi là Dao Cầm, hoặc Thất Huyền Cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn Sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ Ngô Đồng, âm thanh trầm âm, lan xa, chứ không lạnh lốt, réo rất như đàn Sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Pháp Lợi - 2)

* Con người sống trong thế gian dù thiện hay ác đều phải có người phụ trợ thì mới thành được như vậy! Dẫu là bậc thánh bần sanh vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ cho đạo đức của vị ấy, huống gì những kẻ kém hơn ư? Do vậy, Thái Nhậm dạy con từ lúc còn nằm trong thai (thai giáo) nên sanh ra Văn Vương có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi Văn Vương nêu gương đức hạnh từ vợ cho đến anh em, đức ấy lan truyền ra cả nước. Nhưng đây mới chỉ là luận theo phía Văn Vương, chứ nếu bàn về đức của bà Thái Tự⁵² thì cố nhiên đức ấy cũng phụ trợ cho đạo của Văn Vương. Như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau bèn càng thấy sáng sủa; hai tay rửa lẫn nhau thì mới được sạch sẽ.

Do vậy, mới nói: “*Đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu và hiền thê!*” Ấy là vì vợ có thể ngầm giúp chồng, mẹ có thể dạy con cái từ lúc còn trong thai; huống chi mấy năm đầu đời, hằng ngày ở bên mẹ, thân cận tấm gương tốt lành, thường được răn dạy, nên tánh tình bị chuyển biến mà không biết không hay, có những điều chẳng mong mỏi mà đạt được. Tôi thường nói: “*Dạy con gái là cái gốc của việc tề gia trị quốc*”.

52. Thái Tự là vợ của Văn Vương

Lại thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa*”, chính là vì ý này vậy.

Bởi lẽ những kẻ thiên tư cao nếu được hiền mẫu un đúc, hiền thê phụ trợ sẽ tự có thể ý thành tâm chánh, làm sáng tỏ đức sáng, an trụ nơi chí thiện. Nếu khôn khó thì riêng thân mình thiện, nếu hiền đạt sẽ khiến cho thiên hạ cùng thiện. Kẻ thiên tư bình thường thì cũng có thể tuân thủ quy củ, làm một người dân lành giữ phận, quyết chẳng đến nỗi vượt lý nghịch phận, làm quấy, làm gian, làm nhục người sanh ra mình, gây hại cho đời.

Tiếc cho người đời mơ màng, chẳng lấy chuyện “*trọn vẹn luân thường, tuân thủ bốn phận*” để dạy con gái. Nếu hằng ngày chỉ lo trau chuốt, ngoài ra không nhắc tới chuyện gì khác, mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, chẳng những không thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, mà trái lại còn dạy con trở thành kẻ ác. Do vậy, nói: “*Chuyện dạy dỗ con gái quan trọng hơn việc dạy con trai rất nhiều!*” Những lời tôi nói như “*dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc*” và “*quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm hơn một nửa*” chính là lời chân thật vậy.

Gần đây, cái học mở rộng, con gái đi học đa phần bị những giáo viên chẳng biết dạy về cái gốc làm cho lầm lạc. Do vậy, chẳng chú trọng “*giữ vẹn luân thường, tuân thủ bốn phận, giữ yên cửa nhà, giúp chồng dạy*

con”, ai nấy đều muốn nắm chánh quyền, làm quan to, suy tính vượt phận, tập thành thói cuồng vọng, cũng là điều đáng cảm khái. Nếu như có bậc trưởng dân cực lực đề xướng khiến cho họ vun bồi trong gia đình, ngõ hầu đạt được hiệu quả của việc tu - tề - trị - bình một cách không hay, không biết, trọn không dấu vết thì may mắn chi bằng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân*⁵³)

* Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là: hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép; như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn. Khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó. Lớn - nhỏ, dày - mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn!

Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này. Vì thế, những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch; những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tẻ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng. Cố nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một

53. Nghi Nhân: Thời Minh, Thanh vợ các quan thuộc ngạch Ngũ Phẩm được phong là Nghi Nhân. Bà Nghi Nhân này họ Phùng, pháp danh là Bình Trai.

trời một vực!

Phật lấy Vô Ngã để dạy, người đời nay hề có chút tri kiến bèn ghéch mắt lên tận trời thăm, là vì chỉ biết Phật pháp qua nghĩa lý văn tự, chẳng biết Phật pháp chính là tu thân tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định - Huệ, ngỏ hầu đoạn Hoặc chứng Chân! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Khéo dạy dỗ con cái, khiến cho chúng nó đều là người hiền, mềm mỏng, nho nhã, đầy mới quả thật là kẻ giữ vẹn luân thường lớn lao! Bởi lẽ, con cái đã đều hiền thiện thì anh em trai, chị em gái, chị em dâu, con cháu đều nhìn theo nhau làm lành. Từ đây đời nào cũng nối tiếp nhau là người hiền thì người hiền sẽ đông, kẻ xấu sẽ ít. Do vậy kẻ xấu cũng có thể bị cảm hóa trở thành người hiền, người lành. Nền tảng khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui đều nằm trong sự dạy dỗ con cái. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thần Hiếu Viên*)

* Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường

uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đây chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sinh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là 100 ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào!

Đợi tới khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đây vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn 100 ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm 1 lần, bọc thai sẽ dày thêm 1 lần, gieo nguy cơ thai độc 1 lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sảy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dầu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sinh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc sanh ra đứa con bầy bót, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đồ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo

biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra đã là may mắn lớn!

Lại phải giữ tâm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đầy áp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bưng bưng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” (Hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm 5 chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao.

Ông giữ tâm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tâm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh! Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đưa con ra, nếu niệm thầm chắc

bị bệnh tổn khí.

Nữ nhân hễ cần thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng đùng đùng sẽ bị sảy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác.

Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng đùng đùng, sữa liền biến thành chất độc.

+ Trẻ bú sữa ấy nặng là chết ngay.

+ Nhẹ là nửa ngày hay 1 ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết!

+ Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh.

Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc mướn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú.

Lúc cho bú, trước hết phải vắt sữa ra chùng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú thì trẻ sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bưng bưng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải, tôi mới biết mỗi họa này!

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn;

sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là do chính số mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ, chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền - 1*)

* Phải tận tâm học Phật mới có thể tận hết luân thường học Khổng. Phải tận hết luân thường học Khổng mới có thể tận tâm học Phật. Thử coi những bậc đại trung, đại hiếu và những vị phát huy tâm pháp của thánh hiền trong Nho Giáo xưa nay không vị nào là chẳng nghiên cứu kinh Phật sâu xa, ngâm tu thâm chứng. Hợp hai đạo Phật và Nho lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị tổn thương; bởi lẽ, người trong cõi đời không ai chẳng thuộc trong vòng luân thường, mà cũng không ai ra khỏi tâm tánh được. Để trọn vẹn luân thường tâm tánh ấy thì dùng “chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện” của nhà Phật để khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, dùng “cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính” để hỗ trợ. Do

vậy, cha con, anh em v.v... dắt dìu nhau cùng trọn vẹn luân thường, tâm tánh, trừ khử phiền hoặc huyễn vọng để khôi phục Phật tánh sẵn có. Chẳng những về thể là một, mà về dụng cũng chẳng có hai!

Phải biết rằng Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu mà cũng không ai là chẳng thể tu nổi. Những kẻ nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, làm hại thánh đạo đều là những kẻ mù chẳng thấy hình sắc cứ luận càn. Vì sao nói như thế? Đức Phật đối với cha dạy lòng từ, với con dạy lòng hiếu, với vua dạy lòng nhân, với bầy tôi dạy lòng trung, chồng xướng vợ theo, anh nhường, em kính.

Với những lời lẽ hay đẹp, những hành vi tốt đẹp, không điều nào kinh Phật lại chẳng thuật rõ túc nhân hậu quả, tiền nhân hậu quả. Những điều

Phật dạy về lòng từ, lòng hiếu... giống với Nho Giáo, nhưng những điều đạo Phật dạy về nhân quả ba đời thì Nho giáo còn chưa bao giờ được nghe đến, huống hồ là “đoạn Hoặc chứng chân” và “viên mãn Bồ Đề, quy về pháp vô sở đắc”! Tiếc là những kẻ ấy chưa được biết đến, chứ nếu đọc kỹ, nghĩ chín, ắt sẽ khóc lóc, đau đớn, tiếng rền cả đại thiên thế giới, buồn thương vì tội lỗi báng Phật vậy!

Muốn học Phật, Tổ, trước hết phải giữ pháp Thánh

Hiền. Nếu như thiếu sót bốn phận, trái nghịch luân thường thì đã là kẻ tội nhân danh giáo, còn làm đệ tử Phật sao được? Phật giáo tuy vượt ngoài thế pháp, nhưng gặp vua nói Nhân, gặp bầy tôi nói Trung, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, từ cạn mà lần đến sâu, hạ học thượng đạt (học từ những điều căn bản, thấp kém, nhưng đạt được những điều cao quý). Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư, ắt sẽ biết được đại khái vậy!

Muốn làm Phật tử chân thật, phải bắt đầu làm chân Nho trước đã. Nếu đối với những sự như chí tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, giữ lòng kính, trọng lòng thành, hiếu đễ, vui vẻ, cung kính... mà chẳng thể tu tập, đôn đốc thì nền tảng chẳng kiên cố, học Phật sao được? Chọn lấy tôi trung trong đám con hiếu; kẻ tánh hạnh trái nghịch Nho phong lễ nào gánh vác được gia nghiệp của Như Lai, trên nối tiếp huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh cơ chứ?

Phật pháp không sự gì to lớn chẳng bao hàm, không điều gì nhỏ nhất chẳng nêu lên. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, không một pháp nào lại chẳng thuộc phạm vi của Phật pháp. Những kẻ câu nệ, hủ bại trong thế gian thường cứ bảo “xuất gia là trái nghịch luân lý”, họ đều là hạng chưa suy xét thấu đáo đã vội hủy báng, sợ mắc ghen nên bỏ ăn, tự chôn vùi tánh mạng, thật là đáng thương!

Nếu có mở rộng được tầm mắt thì mới biết Phật pháp lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài Trung Hoa, đạo pháp thanh hành cả hai ngàn năm qua, được rất nhiều vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân hộ trì, truyền bá. Lẽ đương nhiên đạo ấy phải là chân đạo mà phạm tình chẳng thể suy lường được nổi! Dù có bị một hai gã nho sĩ câu nệ, hủ bại bài xích, hay những tên vua bạo ác hủy phá, rớt cuộc hai tay vẫn không che nổi mặt trời, ngựa mặt nhỏ lên trời, chỉ càng tự phô bày cái thấy biết kém cỏi, ít ỏi của mình mà thôi, tự làm lạc gây tạo tội lỗi, chứ rớt cuộc Phật pháp có bị tổn hại gì đâu?

Lại có kẻ bề ngoài làm ra vẻ chê bai Phật pháp, chứ bề trong lại thực sự tu chứng. Từ đời Tống đến nay, những bậc danh nho không có ai là chẳng như vậy cả! Cho nên Quang tôi nói “thành ý chánh tâm do vậy hãy còn khiêm khuyết” thật đúng là lời bàn quyết định vậy!

Đại trượng phu muốn văn chương thiên hạ, công nghiệp vang dội vũ trụ, nhưng chẳng thể đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thì chỉ là chấp vào cái bên ngoài, bỏ sót cái bên trong, chấp cái Có tuy nó chỉ là đặng ngọn, bỏ đi cái Không dù nó chính là đặng gốc. Người đời ai có thể vẹn toàn được mọi việc, chúng ta chỉ nên gắng sức giữ vẹn luân thường, tận lực tu Tịnh nghiệp là được, cần gì phải bận tâm đến điều gì khác nữa!

Trộm nghĩ Nho lễ coi trọng cúng tế Xuân Thu, Thích giáo đặt nặng việc quanh năm truy tiến. Nghĩ đến cái ân nguồn nước, cội cây mà thực hành cẩn thận, chu đáo việc truy tiến thì thế gian, xuất thế gian nào có gián đoạn chi? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

2. Khuyên Nên Sống Trong Cõi Trần Học Đạo

* Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Hãy gắng sức tu trì. Do tại gia có đủ mọi hệ lụy, hãy nên coi những hệ lụy ấy như những lời cảnh tỉnh⁵⁴, hãy sanh cái tâm chán lìa lâu dài, ngộ hầu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến cho mẹ phải thở than, dưới chẳng khiến cho gia đình riêng của mình mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thầy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, còn vui nào bằng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Châu Quân Tranh - 5*)

54. Nguyên văn “đương đầu bồng hát”: Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hết để khai ngộ. Nên “đương đầu bồng hát” cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

* Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bốn phận, trách nhiệm. “Sĩ, nông, công, thương” ai nấy chăm chú nơi cái nghề của mình để làm cái gốc nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh.

Phàm những việc lành sức mình có thể làm được, bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ. Nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành Trợ Hạnh vãng sanh. Như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba*)

* Nói đến chuyện vun bồi công đức thì mở mang tri thức cho người khác là bậc nhất. Hiện thời Tăng Quảng Văn Sao đã sắp chữ xong xuôi, nhưng vẫn chưa kết thúc. Nếu lệnh đệ chịu bỏ tiền in bao nhiêu bộ để tự mình thí tặng ngõ hầu hết thấy những người đọc Văn Sao đều biết nguyên do vãng sanh Tịnh Độ; đem công đức ấy để làm bằng khoán vãng sanh cho cha, lại thêm chí thành, ắt sẽ được như nguyện, sẽ có lợi ích công đức chân thật nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như*)

* Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bắt tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu xa, uyên áo, chỉ nên “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương*” là được rồi! Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiêm tu pháp xuất thế.

Tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cắm cúi niệm Phật liền sẽ ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn.

Vì thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia nếu có thể buông xuống toàn thân, cũng dễ được lợi ích. Nếu chỉ suy lường nghĩa lý sẽ chẳng được lợi ích, trái lại còn thành bệnh, và có kẻ còn chưa được nói đã được, nhập vào bợn cuồng nữa kia!

Một pháp tham Thiền chẳng phải là pháp con người hiện thời nên học. Dù có học cũng chỉ thành tri kiến văn tự, quyết chẳng thể nhanh chóng sáng tỏ tự tâm, đích thân thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là không có thiện tri thức đề trì, quyết trách cho, hai là kẻ học chẳng biết căn cội của Thiền. Tuy gọi là tham Thiền, nhưng thật ra là hiểu lầm. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng*

Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh)

* Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu Tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vớt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đây, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh Độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói về Từ, gặp con nói đến Hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tình lự⁵⁵, ngỏ hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đây gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Nương theo tâm lành ấy, dốc tận sức học đạo, tu hiếu để để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hòng giết

55. Tình lự: Những mối suy nghĩ, lo lắng do phân biệt chấp trước.

- trộm ngầm tiêu, nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ hòng biết đạo trọng yếu thoát khổ.

Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Dem pháp môn Tịnh Độ khuyến dụ cha mẹ, đem pháp môn Tịnh Độ dạy cho con cái và những người thân quen. Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đáu xót thương thân sau của ta.

Bất tất phải chọn riêng một chỗ để lánh mình tu tập! Gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng được về cõi Tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng để tởc, là Phật tử tại gia vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 1*)

* Lại đừng nói nhà mình bản hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết: Ba nghiệp thân - miệng - ý đều ác thì không ác nào lớn hơn. Nếu như ba nghiệp đều thiện thì không gì tốt lành lớn lao hơn!

Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu dần dần tin nhân quả, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh

thoát tử. Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, hưởng chi nhiều người. Nhưng chính mình phải tận lực thực hành không sai sót thì mới hòng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào bắt chước làm lành, há có phải vì nhiều của cải ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1*)

*** Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh.** Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dẫu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thân thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người ta, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phàm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nếm mới chóng lành bệnh.

Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay.

Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha

mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu họ chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này chắc sẽ do vì điều này mà liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đối với người ấy và đối với ông đều có lợi ích to lớn!

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vàn chớ nên dính đến chuyện ăn nằm. Hễ nhiễm vào chuyện ăn nằm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dầu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bậy bốt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô “y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự!”

Bất luận nam hay nữ (đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đấy cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thông thường y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đây chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không

phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích “sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc” ư!

Cô nhân nói: “*Bất vi lương tướng, tất vi lương y*” (Chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là “*đại quốc thủ*”. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghề nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghề. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư? Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán bệnh nhân sẽ tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ háms lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu tạo lợi ích cho kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo.

Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Hễ có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý vô như vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở

mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là “dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!”
(*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Mã Tinh Tiêu*)

* Hết thấy chúng sanh do dâm dục mà sanh. Con phát tâm giữ lòng Trinh tu hành, cần phải nỗ lực. Nếu có những thứ tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoát đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cầu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thùng đê, từ đấy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự châm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh*)

*** Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch. Sức bồi bổ của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của gạo không biết mấy lần.** Quang ăn rỗng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Ăn gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. **So với sấm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần.** Dầu mè Đại Ma⁵⁶ cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè Tiểu Ma do bị chung cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa! Con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đây là mùi của dầu bị cháy! Hạt sen, Quế Viên, Hồng Táo, Khiếm Thực, Ý Mễ⁵⁷ đều có thể dùng để bồi bổ.

56. Nguyên văn “ma du” tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:

1) Đại Ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.

2) Tiểu Ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là Hương Du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chung nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

57. Quế Viên (*Dimocarpus Longan*) còn gọi là Long Nhãn, Á Lệ Chi, hay Yên Noãn. Vị thuốc Nhãn Nhục chính là phần thịt của loại nhãn này.

Hồng Táo (*Ziziphus Jujuba*): Ta thường gọi là “táo Tàu”, để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông Y với tên gọi là Đại Táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.

Khiếm Thực (*Euryale Ferox Salisb*), còn gọi là Kê Đầu, là một loại thực vật thuộc họ Súng (có sách giảng Khiếm Thực chính là củ Súng, nhưng căn cứ trên hình chụp, miêu tả, nó chỉ giống với hoa Súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tím, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên

Há cứ phải cần tới huyết nhục mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bồi dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thái Khê Thành - 1*)

* Niệm Phật dĩ nhiên quý tại chuyên nhất; nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, ngoài lo toan tính mong cầu giàu sướng, thật chẳng thích hợp để xuất gia. Đối với những việc bên trong cần nên làm thì hãy gắng sức làm, bắt tất phải bỏ sạch hết thảy mới là tu hành. Nếu bỏ sạch hết thảy nhưng vẫn nuôi dưỡng cha mẹ, vợ con chẳng thiếu sót thì cũng được. Nếu không là trái với đạo hiếu, tuy bảo là tu hành nhưng lại trái nghịch với Phật pháp. Điều này chẳng thể chẳng biết.

Lại phải nên dùng những lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để khuyên lơn cha mẹ, khiến họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận phụng hành, lúc lâm chung nhất định được vãng sanh. Một phen được vãng

mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m30. Hoa sắc tím, thường nở vào khoảng Hạ - Thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh đài, rất nhiều cánh hoa, trông tựa tựa như hoa Súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông Y cho rằng Khiếm Thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bệnh di tinh, hoạt tinh, bạch đới, tỳ hư, đi tiểu lắt nhắt v.v....

Ý Mễ chính là Ý Dĩ (Coix Lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt Ý Dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v... Nó thường được nấu chung với Long Nhân, Phổ (Thổ) Tai, sương sa (rau câu) v.v... thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi Sâm Bổ Lượng.

sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di Đà thẳng cho đến khi thành Phật mới thôi. Đạo hiểu thế gian sao sánh bằng được!

Nếu lại còn có thể đem điều ấy bảo ban cho khắp mọi người biết khiến cho cha mẹ người nào cũng đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa quy về mình, khiến cho phẩm vị liên đài của cha mẹ và của mình đều được tăng cao. Kinh Thi chép: “*Hiếu tử bất quy, vĩnh tứ nhĩ loại*” (con hiếu chẳng thiếu thôn, trời luôn ban thưởng cho các người). Muốn hiếu với cha mẹ, hãy nên suy nghĩ sâu xa rồi tận lực thực hành.

Hoàn cảnh của mỗi người vạn phần chẳng giống nhau; xét đến hoàn cảnh của ông, thật sự là ở tại gia có lợi ích lớn hơn, nếu xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ. Ông nhờ tổ nghiệp tạm sanh sống được, trên còn mẹ già đẽ thờ, giữa có anh em đẽ nhờ cậy, trong nhà có vợ hiền, dưới gối chưa có con cái gì. Bác cả nhà ông hơi tin Phật pháp, chú ba, chú tư cũng chẳng chống đối đạo pháp chi lắm, ông ở nhà dốc sức tu tịnh nghiệp cũng có thể hướng dẫn bà cụ phát lòng tin niệm Phật, cầu được liễu thoát, lại cũng có thể giúp anh em ở ngoài lo liệu việc nhà, cũng như xướng xuất vợ con, em dâu v.v... cùng tu Tịnh nghiệp đẽ làm kế sách cùng thoát luân hồi.

Ngoài ra còn tùy duyên khai thị, hướng dẫn xóm giềng, thân thích. Vậy thì nhà mình biến thành đạo tràng, mọi người: thân mẫu, anh, em, vợ, con, cháu,

xóm giềng, bằng hữu đều thành pháp quyến; tùy sức tùy phần, thân làm, miệng khuyên, khiến cho cả miền Vĩnh Gia, những kẻ lạc đường, những người thuộc tà kiến chung tánh đều được nạp vào lò luyện pháp môn Tịnh Độ viên đôn chí cực lớn lao, luyện thành pháp khí, cùng tu tịnh nghiệp, tương lai cùng ngự Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. Lợi ích như thế vẫn thua việc ông xuất gia làm tăng, bỏ mẹ đi xa, khiến người nhà hờn oán thiếu người nương dựa, mẹ ôm lòng phiền con hay sao?

Vả nữa, tất cả những kẻ chẳng hiểu đạo lý đến nơi đến chốn ắt sẽ trở mặt chê Phật pháp trái nghịch thế đạo, làm lạc hủy báng, khiến cho bọn họ tạo khẩu nghiệp phải đọa ác đạo, chưa thấy ích gì mà trước đã tạo nên sự tổn hại lớn lao vậy. Huông chi mẹ ông đã chẳng bằng lòng, há chẳng nên tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp tấm lòng đó ư? Nếu mẹ ông chẳng chấp thuận cho ông tu hành thì xuất gia còn chấp nhận được, nay mẹ ông hoan hỷ cho ông tu hành, sao lại muốn bỏ mẹ để tu hành?

Trong Phật pháp, lục độ vạn hạnh, các thứ công nghiệp đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia ắt sẽ lợi ích rất lớn cho mẹ. Chỉ riêng một lẽ đó đã rất nên thuận theo lòng mẹ, cứ ở nhà học đạo khiến mẹ quen thấy, chẳng mong mẹ tin tưởng mà tự nhiên mẹ tin tưởng, không công đức nào lớn hơn; huông hò nào

phải chỉ lợi ích riêng cho một mình mẹ ông thôi đâu! Thêm nữa, mẹ không bằng lòng cho xuất gia thì đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa. Bởi lẽ trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng cho phép xuất gia, cứ tự ý mình đi xuất gia, nhà chùa sẽ chẳng cho phép xuống tóc và thọ giới v.v... Không vậy, cả thầy lẫn trò đều mắc tội!

Hiện tại mọi ngăn cấm đều dỡ bỏ cả, người tại gia nghiên cứu, tu tập nhiều như rừng, người được lợi ích sanh Tây Phương cũng thường thấy, cần gì phải xuất gia bỏ cha mẹ? Chuyện ấy Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành. Căn cứ trên thực tế mà nói, trong hiện tại tu tại gia tốt hơn. Vì sao vậy? Vì đối với hết thầy đều vô ngại. So với người tại gia, người xuất gia bị chướng ngại nhiều hơn; bởi thế, nếu không phải là người phát tâm chân thật, ắt sẽ thành phùng hạ lưu, vô ích đối với Phật pháp, nhục lây đến Phật.

Nếu muốn xuất thế thì chẳng cần gì phải tách ra ở riêng, chỉ y theo ngôn giáo của Phật, đối trị phiền não tập khí sao cho hết sạch mới thôi. Tuy thân trong cảnh tục, chẳng ngại gì đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử tiến đến Phật Quả. Như cư sĩ Duy Ma bên Tây Thiên và các vị Phó Đại Sĩ, Lý Trưởng Giả, Bàn Cư Sĩ v.v... trong cõi này. Nếu tự lực chẳng đủ, đã có pháp cậy nhờ Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nương tựa. Há phải đâu ai nấy đều phải bỏ tục xuất gia mới

đúng là đệ tử Phật ư? (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

* Không Tử dạy kẻ chánh tâm thành ý thì phải trí tri (thấu hiểu cặn kẽ), muốn trí tri thì phải cách vật (trừ khử vật dục). Không “cách vật” thì giống như đeo kính màu xanh, đỏ v.v... phạm những màu được thấy đều chẳng phải là màu thật sự của nó. Do tâm có tư dục làm chủ nên chết chìm vào một bên, chẳng thấy chân lý của sự việc, thấy điều đúng của người khác trở thành sai! Phạm đối với những chuyện trị thế tu đạo đều nên lấy lời này làm khuôn phép, đừng coi là hủ bại rồi xem thường! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi*)

* Vừa thông minh vừa có tài, sử dụng chánh đáng thì có thể mong thành thánh, thành hiền, tạo công lập nghiệp; nếu sử dụng không chánh đáng sẽ tự làm, làm người, đọa trong ba ác đạo! Thiên tai, nhân họa hiện thời đại đa số đều do những kẻ thông minh có tài tạo nên. Nếu do trí huệ, phân biệt được tà - chánh, hiểu rõ nhân quả, xuôi theo điều lành, tránh điều dữ sẽ thành tài đạt đức. Có trí huệ thì tài năng sẽ giúp cho đạo, không có trí huệ thì tài năng sẽ trái đức. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn - 1*)

* Bí quyết “dùng sự khiêm tốn để thực hiện sự Thành Ý” nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý, khế cơ tột cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Châu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được! Cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được!

Tri kiến bị thiên lệch là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc! Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo*)

* Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm, động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy! Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn

chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân! Từ đây hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh, bậc hiền! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường -2*)

* Tội lớn tày trời chẳng thể cự lại một chữ Hối. “Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh”. Tâm Nghiêu, Thuần, Phật, Bồ Tát và tâm chúng ta có cùng một giác thể; nhưng do chúng ta nghịch tánh mà tu nên chìm đắm trong loài chúng sanh nghiệp khổ. Ông đã biết sai, hãy nên tận lực sửa lỗi!

Đối với mọi chuyện, đều có thể tận lực sửa đổi sẽ đạt đến chỗ không còn lỗi lầm. Nếu chỉ sanh lòng hổ thẹn tạm thời, rồi cứ lần chần chẳng tự tu trì thì vẫn lặn hụp trầm luân trong biển tội nghiệp y như cũ, không thể thoát ra được! Xin hãy đọc cặn kẽ các sách thì sẽ lần lần đạt đến chỗ khá hơn, ngộ hậu chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, sống như gỗ, đá, cầm thú trong vòng trời đất, sống đã vô ích cho người, mà lại còn có hại cho người! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyền - 2*)

* Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuần, ai cũng đều có thể thành Phật. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu, Thuần,

chẳng thể thành Phật là vì chẳng lập chí mà ra! Không có chí sẽ chẳng sanh hỏ thẹn, yên phận phạm ngu, luân hồi trong tam đồ lục đạo cả kiếp dài lâu, không thể thoát được! Ông đã phát lòng hỏ thẹn, phát tâm mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, cố nhiên là do thiện căn đời trước tạo thành. Hãy nên “mỗi ngày một mới” để hoàn toàn vứt bỏ mọi ý nghĩ, hành vi chẳng chánh đáng trước kia. Một nhát dao chặt đứt làm đôi, chớ có “dầu lìa ngó ý còn vương tơ lòng”, vương vấn, do dự, ắt đến nỗi chẳng mấy chốc lại quay về nẻo cũ, vùi lấp trong mười thứ ác nghiệp y như cũ, khiến cho Phật tánh “sáng tỏ Minh Đức” sẵn có đều bị chướng lấp chẳng thể hiển hiện, dùng tư cách thành thánh, thành Phật để nằm tù Diêm La, đối diện ngục tốt⁵⁸, chẳng đáng buồn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyền – 2*)

* Chồng bà Triệu Lãnh Cô bỏ vợ mê gái làng chơi, luận theo tình cảm thế gian thì số mạng Lãnh Cô mỏng manh, bất hạnh; còn luận theo Phật pháp thì thật là may mắn lớn! Nếu chồng chẳng ruồng rẫy thì tình ái vợ chồng, con cái ràng buộc, suốt ngày bận bịu, càng khó niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay do chồng bỏ mà được chuyên tâm niệm Phật, để đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm

58. Ngục tốt: Cai ngục, lính canh ngục. Ở đây là các quỷ sứ canh giữ địa ngục.

nhập thánh. Lợi ích ấy hoàn toàn do bị chồng bỏ, hãy răn nhắc bà ta đừng sanh lòng oán hận, mà hãy nên sanh lòng cảm kích. Lại nên đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho chồng, khiến cho ông ta mau thoát khỏi nẻo mê, mau tìm lối giác. Có lòng dạ như vậy thì hai lòng yêu - ghét đều chẳng thể sanh, niệm Phật càng được hiệu quả lớn lao. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai*)

* Uống sữa bò thì không trở ngại gì, nhưng sữa cũng là lấy chất bổ béo của bò để bồi bổ thân thể ta; do vậy, cũng không nên dùng. Đậu nành, dầu đậu nành có nhiều chất bổ nhất, hãy nên thường dùng. Trong cháo ăn điểm tâm nên bỏ thêm đậu nành đã xay vỡ. Với loại dầu để thường ăn thì chuyên dùng dầu đậu nành, so với mỡ heo, dầu đậu nành có nhiều chất bổ hơn, sao lại khổ sở đem tiền chuốc họa để mong được bồi bổ ư? (Bởi ăn thịt sẽ mắc nợ giết chóc, nên nói là “*chuốc họa*”). Người ăn mặn nếu chịu ăn chay chắc chắn ít bệnh, khỏe mạnh, bởi ăn thịt gây trở ngại cho phép dưỡng sinh, ăn chay có tác dụng dưỡng sinh.

Mắm tôm độc nhất, muôn vàn chớ có ăn, vì lúc làm, người ta đào một cái hố to bên bờ biển, trong vòng năm sáu tháng, đánh bắt các loài tôm và những thứ cá nhỏ,

đổ vào trong hồ, phơi dưới nắng gắt, cả hồ trở mùi, thối suốt mấy dặm⁵⁹. Những loài ruồi, kiến, rắn v.v... ưa mùi đó đều tự gieo mình chết ngum trong hồ. Đến khi mắm đã ngấu, bèn cà nhuyển, đựng trong sọt đem bán. Người ăn mặn coi như món hàng quý báu, đáng thương quá chừng! Đây là do một vị Tăng trông thấy cách làm kẻ cho Quang nghe. Ông đã ăn chay, nếu chẳng thể làm cho cả nhà ăn chay thì bảo họ hãy bớt ăn mặn đi, chớ mua con vật còn sống về giết trong nhà, trong nhà hằng ngày giết chóc sẽ trở thành chỗ giết hại, xui xẻo lắm đấy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ*)

* Bất luận thọ giới hay không thọ giới, đã quy y Tam Bảo, ắt phải giữ năm chuyện ấy, chẳng dám vi phạm thì mới là đệ tử chánh tín của Phật. Nếu do chưa thọ giới mà đối với năm giới ấy chẳng cần chú ý đến thì còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống là đệ tử Phật? “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hết thấy thiện pháp đều nên tu, hết thấy ác pháp đều nên đoạn*” chính là giới kinh đại lược do Phật dạy.

Thế đạo hiện thời suy bại đến cùng cực vì thuyết “bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho Phật

59. Đây là cách người Hoa làm mắm. Người Việt làm mắm hơi khác, nhưng cũng theo một nguyên tắc dùng muối để làm cho cá, tôm phân hủy, lên men, và dĩ nhiên các lu khạp làm mắm cũng không được giữ gìn sạch sẽ cho lắm!

pháp là lừa dối kẻ ngu, người tục” của nhà Nho. Vì thế, nhà Nho đều chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để giáo huấn, đến nỗi điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt. Đến khi gió Âu thổi qua đều ùa nhau theo. Nếu mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì đâu đến nỗi tàn sát lẫn nhau, đến nỗi sát kiếp vĩnh viễn không có lúc chấm dứt! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi - 2)

* Con người sống trong thế gian, quý ở chỗ giữ bản phận. Phàm hết thấy những kẻ phát điên phát cuồng, thậm chí thường hay sanh lòng bi quan, thường muốn tự sát, đều là do chẳng tu thật hạnh, muốn được đại hạnh phúc, mọi chuyện đều như ý, tài, sắc, danh vị đều hơn người. Nếu đời trước tu trì có si phước, được thỏa lòng mong mỏi ấy, bèn kiêu ngạo, xa xỉ, dâm dật, không gì chẳng làm. Cái họa như thế so với chuyện tự sát còn nặng gấp vạn lần! May là chưa đạt được, nên còn chưa đến nỗi khốc liệt như thế! Ông muốn tiêu phiền não ấy, hãy nên mọi chuyện đều giữ phận, chẳng nên dấy lên mảy may vọng niệm nào muốn vượt ngoài bản phận!

Hãy tùy duyên làm việc, nếu làm tội lỗi của người khác, ắt phải tận hết chức phận tội lỗi của ta, chẳng lấy đó làm then, và ôm giữ tâm lòng “ta vốn chẳng

có tư cách làm tôi tớ, nay được làm tôi tớ, ta phải tận hết chức phận làm tôi tớ của ta”, chẳng sanh tâm hợm mình khinh người. Chủ nhân biết đến ta, ta cũng chẳng vui. Chủ nhân không biết, ta cũng chẳng bực. Ta trọn hết phận ta, biết hay không mặc người! Tâm không so đo, lòng không uất ức. Làm tôi tớ như thế, chủ sẽ tôn kính như thầy, chẳng dám coi như tôi tớ. Nếu vì ta khéo tận hết chức phận tôi tớ của ta, người khác chẳng dám coi ta là tôi tớ, kính trọng ta như thầy, ta vẫn chẳng khởi cái tâm tự cao tự đại, biết tớ hay thầy đều là giả danh, tận hết chức phận của ta mới là thật hạnh. Chỉ sợ hạnh chẳng xứng với danh, mặc kệ người ta đãi ngộ như thế nào.

Bậc đại nhân thời cổ tuy gặp lúc cùng quẫn chẳng thể sống được, cũng chẳng có ý niệm lo buồn, uất hận, dẫu cho sang quý như thiên tử, giàu trù thiên hạ, vẫn giữ thái độ như kẻ nông phu nơi rẫy bãi. Đây gọi là “*phú quý chẳng phóng túng, nghèo hèn chẳng đổi dời ý chí, oai vũ chẳng khuất phục*”, nên người quân tử vì vậy luôn thản nhiên, thảnh thơi! Nếu không, kẻ tiểu nhân cứ thường phải lo nghĩ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hiện thời thế đạo suy vi, tu hành tại gia tốt hơn, xuất gia đâm ra bị nhiều chướng ngại, phận làm con cái đừng nảy sanh ý tưởng xuất gia. Trong đời Kiếp Trược

này, cha ông chẳng biết nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cứ si dại muốn tham Thiền để minh tâm kiến tánh. Nên biết: Những gì ông ta tham đó chẳng phải là Thiền mà chính là văn tự tri kiến, có tham đến già cũng chẳng ăn nhập gì tới Thiền! Dầu có được lợi ích minh tâm kiến tánh thật sự nơi tham thiền thì vẫn cách liễu sanh thoát tử rất xa. Bởi lẽ, phiền não Hoặc nghiệp chưa đoạn, ngộ thì ngộ đấy, sanh tử vẫn sanh tử. Nếu nói minh tâm kiến tánh liền đạt được không sanh tử thì đấy là sự nhận lầm lạc của gã đứng ngoài cửa và kẻ Cuồng Thiền! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng*)

* Pháp ấn tâm chẳng phải chỉ hạn cuộc tại chỗ ấy. Nếu có thể tuân theo lời dạy của Bồ Tát Đại Huệ trong phẩm Đoạn Nhục trong kinh Lăng Già, phàm thấy hết thấy những sinh vật đều coi như cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, quyến thuộc thì môn ấy sẽ rộng mở, không pháp nào chẳng nhập được! Nếu thật sự nhập được môn này (tức “tưởng hết thấy sinh vật như ruột thịt, không ăn thịt chúng nó”) dầu chưa đạt được pháp ấn tâm, so với những kẻ đã đắc pháp ấn tâm kia nhưng chưa chịu nhập môn này thì công đức cách biệt một trời, một vực! Bởi lẽ, một đằng là hiểu suông nhưng chẳng có tâm đại Bồ Đề, một đằng là thật hành đạo Bồ Đề.

Vả nữa, đừng cho lời tôi là sai! Dầu chưa đạt được tâm ấn của Phật, của Tổ, nhưng đem công đức này hồi hướng vãng sanh, hẳn được vãng sanh liền lên thẳng địa vị Bất Thoái, thân cận Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được tâm của Phật, của Tổ. Chúng sanh đời Mạt muôn liễu sanh tử, chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp, tuy sở ngộ giống như Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa. Sư Giới thiền sư từng làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ ở Hoàng Mai nên cõi đời gọi ngài là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh cũng chỉ được kết quả thân sau trở thành Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công⁶⁰. Đường sanh tử xa xôi, đời sau, đời sau nữa, chẳng biết kết quả lại như thế nào?

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, dưới là từ Ngũ Nghịch, Thập Ác, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát đều

60. Tăng Lượng (1019-1083), tự Tử Nhân, người xứ Kiến Xương, Nam Phong (nay là huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây), là một nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống, được xếp vào Đường Tống Bát Đại Gia (tám văn gia, thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tống). Từ năm 18 tuổi, do theo cha du ngoạn, ông viết bài Du Tín Châu Ngọc Sơn Tiêu Nham Ký, rất được giới văn sĩ thời ấy tán thưởng. Năm 20 tuổi, ông ngao du khắp Trung Hoa, giao du rộng rãi với những danh nhân đương thời như Vương An Thạch và Âu Dương Tu. Ông đỗ Tiến Sĩ năm 1057, làm quan đến chức Trung Thư Xá Nhân, chuyên trách biên soạn sử liệu cho triều đình. Theo truyện ký, mẹ ông vốn là phu nhân của Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm, là một tín đồ rất hâm mộ Phật pháp, thường cúng dường hòa thượng Thảo Đường Thanh rất trọng hậu. Khi Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm cáo lão hồi hưu rất vinh hiển, Thảo Đường Thanh sanh tâm hâm mộ, bèn nói: “Lão tăng nguyện làm con của phu nhân”. Nói xong, không lâu sau bèn viên tịch năm 70 tuổi, liền đầu thai vào nhà họ Tăng. Khi đó, phu nhân nhớ lại lời Thảo Đường Thanh, cho người sang chùa hỏi thì quả nhiên hòa thượng mất đúng vào lúc Tăng Lượng được sanh ra.

nên tu tập, đều có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Tất cả hết thảy những pháp cao sâu huyền diệu khác phần nhiều khế lý, nhưng trọn chẳng thể khế hợp khắp cả ba căn cơ thượng, trung, hạ. Chúng ta từ vô thi cho đến tận đời này vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi, đều là vì trong những đời trước do ngu muội nên chẳng dám gánh vác, hoặc do cuồng dại nên hoàn toàn chẳng tin nhận mà ra!

Quang nói điều này vì sợ ông vẫn để chí nơi kinh Lăng Già, lấy chuyện đắc tâm ấn của Phật làm chí hướng, sự nghiệp thì kết quả sẽ giống hệt như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh mà thôi! Ông đừng học theo bậc đại thông gia, hãy chết lòng, trọn ý, tuân theo lời dạy trong phẩm Đoạn Nhục tu Tịnh nghiệp thì chắc chắn có thể sanh về Tây Phương được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dịch Trí Thuần*)

* Các hạ đang độ tráng niên, lại có chí lớn, có thể tự phản tỉnh suy xét, tự trách lỗi. Nếu có thể tự gắng sức chẳng ngại thì sống sẽ dự vào bậc thánh, mất sẽ lên cõi Như Lai là điều chắc chắn! Đừng coi đạt được điều nhỏ là đủ, đừng nghĩ lỗi nhỏ không ăn nhằm gì! Đừng coi “tự tánh Di Đà” là rốt ráo, rồi chẳng niệm đức Phật Di Đà ở Tây Phương, đừng chỉ cầu đức Phật thâm gia hộ rồi đối với đức Phật do chính mình cảm được trong tâm

chẳng sót sáng tu hành, thì đối với chuyện đạt được ba mối đạo như Quang đã nói đó (tức đạo của cha, đạo của Không Mạnh và đạo của Phật, của Tổ), xin chúc mừng các hạ trước!

Hơn nữa, thời thế hiện nay đã bại hoại đến cùng cực, nguyên do là vì chẳng biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Muốn văn hồi thì hãy nên chú trọng hai pháp này, nhưng giáo dục trong gia đình cần phải chú trọng nhất vào nhân quả báo ứng, vì nhân quả báo ứng có thể chế ngự được lòng người. Ngoại trừ cách này ra, thực hiện bằng bất cứ cách nào đều là hết thuốc chữa, vì tâm chẳng thay đổi thành tốt lành thì một pháp vừa lập, trăm điều tệ chen chúc nhau nảy sanh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân*)

* Phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh Độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Phật xem hết thấy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phàm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm

Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phạm những ai tin Phật, niệm Phật, thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa! Nếu có thể chí thành niệm Phật, sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa! Có lợi ích to lớn như vậy, nữ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v... của ta và hàng xóm, láng giềng v.v... biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được! Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình - 1*)

* Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận (tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v...), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thầy kinh luận Đại Thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải

hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, Tổ, thánh hiền. Đây gọi là “*do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi*”. Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều, thấy lắm, ắt sẽ đến nỗi kiêu căng, khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đây càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, Tổ, thánh hiền! Đây chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay! Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuân lệ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Thiếu Niên Phật Học Xã thuộc Phật Học Hội Vô Tích*)

* Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng.

Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, đâu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy “người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta”. Như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, Ôn là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v... đủ mọi khuyết điểm! Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm, hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đây gọi là Đức Cung. (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy*)

* Phàm có ai đến thăm, đều khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn gặp cha nói Từ

(nghĩa là dạy con noi theo đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” để hành, đây gọi là Từ. Nếu nuông chiều chẳng dạy dỗ, dạy cho con học thói hư hỏng thì gọi là Hại, chứ chẳng gọi là Từ được! Chuyện này người đời trong trăm kẻ có đến chín mươi chín kẻ không biết. Vì thế, biến thành thời thế tàn sát lẫn nhau này. Nếu như ai nấy đều dạy con đúng đạo thì thế đạo thái bình, chẳng có người xấu. Những kẻ xấu đều là do cha mẹ chúng nó dưỡng thành, tiếc rằng không có ai đề xướng, người biết quá ít, chẳng đáng tiếc lắm thay!), gặp con nói hiếu, gặp anh nói yêu thương, gặp em nói cung kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy trọn hết chức phận, sẽ là thiện nhân.

Lại phải nói với phụ nữ (mà cũng nên nói với nam giới): Phải dạy cho con gái tánh tình mềm mỏng, hòa hoãn từ bé, dầu gặp chuyện không vừa ý cũng chẳng nổi nóng. Tập quen thành tánh, chẳng những vô cùng có lợi cho chính mình mà gia đình cũng được hòa thuận tốt lành, con cái ắt sẽ chẳng chết yểu, tánh tình hiền thiện, nước nhà vui mừng có được hiền tài.

Nữ nhân tánh tình quá nóng nảy sanh con phần nhiều bị chết hoặc lắm bệnh. Bởi lẽ, hễ nổi đóa lên, sữa liền biến thành chất độc. Nóng giận quá mức, cho con bú nó chết ngay lập tức. Bớt nóng hơn một chút thì nửa ngày sau, một ngày sau nó mới chết. Hơi nóng giận thì con không chết, nhưng chắc chắn cũng sanh bệnh. Đây

chính là sự lý nhất định không thay đổi được! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm*)

* Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đánh lễ, phẩm vật dâng cúng Tam Bảo há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu khai thất niệm Phật cầu siêu cho mẹ, sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư?

Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm A Di Đà Kinh một biến, Vãng Sanh Chú ba biến hoặc bảy biến, niệm Kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật (liền vừa đi nhiễu vừa niệm), niệm Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngàn câu, hoặc năm trăm câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ.

Muốn lạy thì khi ngồi niệm xong hãy lạy. Lạy Phật hai mươi bốn lạy hoặc bốn mươi tám lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm Tam Quy Y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời tụng niệm, hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm Kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình, sẽ khó thể tinh tấn được!

Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiều niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí.

Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng.

Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng, rành rẽ, chẳng để cho có hết thấy ý niệm khởi lên, giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài.

Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa, trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại

cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết.

Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới⁶¹. Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 10 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng*)

* Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh - phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu “tâm của chúng ta giống hệt như nhau” trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được lý ấy, chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tột

61. Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhưng họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được!

bực về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu mối mà thôi! Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hẳn có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm Nhất Chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế, xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tinh trung chói lòa nhật nguyệt, hào khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là “*chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được!*” Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được!

Đạo Thích đặt nặng xuất thế; vì vậy, toàn bộ luân thường thế gian và lẽ tốt bực về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thảy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đây, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được! Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư?

Phật pháp dạy về Nhân Thừa, Thiên Thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật Thừa, há còn có

thể suy lường được ư? Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng! Do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra, về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú*)

3. Luận Về Giáo Dục Gia Đình

3.1. Trích Dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Gia đình muốn hưng thịnh, phải bắt đầu từ gia quy nghiêm chỉnh. Gia đình gần như tan nát là do từ đầu đã bỏ phế gia quy. Muốn con em thành người, phải bắt đầu từ hành vi, việc làm của mình sao cho đúng phép tắc hòng làm gương cho con em. Lý nhất định phải như thế! Như nay muốn bắt đầu giáo dục con em ít tốn công sức nhất, trước hết hãy nói về nhân quả báo ứng khiến chúng tập thành tánh, mới hòng mai sau

chúng chẳng đến nỗi làm càn quá đáng. Đây thật đúng là diệu pháp bậc nhất để tề gia, dạy con, khiến đời yên, dân hiền vậy.

* Con em có nên người hay chẳng chỉ là do giáo dục trong gia đình. Phạm đối với con cái, ngay từ nhỏ phải dạy chúng hiếu, đễ, trung, tín, cần kiệm, ôn hòa, cung kính, để khi chúng lớn lên đi học đọc sách mới có nền tảng để hưởng được lợi ích. Nếu như từ nhỏ đã dung túng thành thói, hãy khoan kể đến những đứa không thiên tư, không được học hành đàng hoàng; ngay cả những đứa có thiên tư, có học hành đàng hoàng cũng chỉ thành thợ gọt giữa chữ nghĩa, thành kẻ bại hoại trong cửa Nho mà thôi!

Đời có kẻ tài ngang Bắc Đẩu, học rộng năm xe, nhưng hành vi, việc làm toàn là ý mình thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa. Những hạng ấy vốn là do từ thuở đầu đã thiếu sự giáo dục trong gia đình mà nên nỗi. Văn Vương nghiêm khắc kể từ vợ góa cho đến anh em để giữ gìn gia đình, đất nước; cũng như sách Đại Học nói muốn trị thiên hạ, quốc gia phải bắt đầu từ “*cách vật trí tri, thành ý chánh tâm*” đều vì cùng một mục đích. Đấy chính là bí quyết vô thượng để dạy con người trở thành thánh, thành Hiền của đạo Nho. Bỏ điều này, câu lấy điều khác thì đều toàn là tìm tòi nơi cái ngọn vậy!

* Với tình hình hiện tại, ngay khi con cái biết nói, nhận biết sự vật, trong nhà hãy dạy con nhận biết mặt chữ trước. Mỗi tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt. Hạn định mỗi ngày mấy chữ, mỗi ngày học thuộc mặt những chữ đó xong lại bắt con nhận mặt toàn bộ các chữ đã học một hai lượt nữa. Chưa hơn một năm, con sẽ biết được nhiều chữ. Sau này lúc con đọc sách, phàm đọc qua chữ nào đều nhận biết được cả, chẳng đến nỗi có cái tẻ miệng chỉ đọc làu làu nhưng vẫn không biết chữ.

Tùy theo năng lực của con, sai con làm những việc lặt vặt để tập tánh siêng năng. Đừng cho con ăn uống, mặc quần áo quá sang trọng. Phàm những khi con phạm ngũ cốc và làm hư hỏng vật gì, chẳng cần biết vật ấy quý giá hay tầm thường thế nào, phải bảo cho con biết những vật ấy chế tạo chẳng dễ, cũng như nói đến những nghĩa lý bị tổn phước, giảm thọ v.v... Nếu con vẫn vậy, nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Có như thế, con sẽ tự kiềm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí.

Khi con đọc được sách, bảo con hãy đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng v.v... thuận theo từng mặt chữ mà giảng giải. Hễ hành vi hằng ngày của con là tốt lành, bèn chỉ cho con thấy điều thiện trong hai sách ấy để khen ngợi. Nếu hành vi nào không tốt, bèn lấy những điều bất thiện trong hai sách ấy để quở trách. Như vàng

đồ khuôn, như nước có đê ngăn, lẽ nào chẳng thành vật dụng, vẫn cứ chảy lung tung như cũ ư? Con người có đúng là người hay không là do từ nền tảng ấy. Chẳng giáng đến điều ấy, lại muốn trở thành con người vẹn toàn thì họa chẳng thiên tư phải hơn cả Mạnh Tử!

Đến tuổi đi học, đừng cho con vào học ngay những trường hiện thời đang mở, hãy nên cho con học ở nhà vài năm trước đã. Mời một vị thầy học vấn, đức hạnh đều tốt đẹp, tin sâu nhân quả để dạy con học Tứ Thư, Ngũ Kinh. Đợi đến khi con học được mấy phần, văn tự lẫn đạo lý chẳng bị làm lạc bởi những tà thuyết, tục luận, mới cho con vào học những trường hiện thời để mở rộng tầm mắt, biết suy xét việc, chẳng đến nổi hành động trái thời, không cách gì tiến lên được!

Làm được như thế, đứa con nào có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành người lương thiện. Thật sự ra, những điều lão tăng hay nói chẳng ngoài những chuyện “riêng mình thiện, khiến người khác cũng thiện, tự lợi, lợi người”!

* Trộm nghĩ: cha mẹ yêu con không gì chẳng quan tâm đến, chỉ trừ khi bị bệnh tật, hoạn nạn mới bớt quan tâm. Con trẻ vừa biết nói liền dạy nó niệm danh hiệu nam mô A Di Đà Phật và nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát, khiến cho những điều kém xấu đã vun bồi trong đời trước của nó nay nhờ thiện lực này ắt tai họa sẽ

tiêu ngay khi chưa nảy mầm, được phước nhưng chẳng biết, không còn phải lo gì đến các hiểm nạn tai ương, bệnh tật, khổ sở v.v...

Khi con vừa hiểu biết đôi chút, liền dạy con trung thứ, nhân từ, kiên giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rành rành ngõ hầu tập thành tánh, ngay từ lúc còn thơ đã chẳng dám giết hại tàn nhẫn các loài trùng kiến nhỏ nhoi, lớn lên quyết chẳng đến nỗi làm điều gian ác, khiến cha mẹ, tổ tiên mang nhục lây!

* Con em có tài năng, nếu được khéo giáo hóa sẽ dễ trở thành người chánh trực; không khéo giáo hóa đa phần sẽ thành hạng bại hoại. Ngày nay dân không lễ sống, nước nhà lăm nổi gian nan, mấy phen chao đảo đều là do những kẻ có tài năng nhưng không được khéo dạy khiến mầm họa được ươm từ từ. Người không có tài, đương nhiên phải dạy họ thành thực; với người có tài càng phải nên dạy họ thành thực.

Thế nhưng thành thực vẫn có thể là giả vờ. Thoạt đầu, hãy thường nên dạy dỗ về nhân quả báo ứng và lễ “con người khởi tâm động niệm gì, mỗi mỗi điều thiên địa quỷ thần đều biết đều hay cả”, khuyên con phải đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng, đừng cho rằng chúng không phải là sách Phật rồi xem thường. Ấy là vì phạm phu tâm lượng thiên cận, nếu dùng những lý xa xôi lớn lao để giảng nói sẽ khó thể

lãnh hội được. Những sách ấy dù già hay trẻ nghe đến đều được lợi ích cả, huống hồ là những người lấy việc chú trọng điều thiện làm thầy ư?

Với tử thi, phân nhơ, rắn độc mà đức Phật còn dạy người quán đê chúng A La Hán, số đó nhiều hơn hằng hà sa; huống hồ là những lời lẽ thiết thực, tồn dưỡng, cảnh tỉnh này há nên xem thường ư?

* Còn thuộc địa vị phạm phu chẳng thể không bệnh được, nhưng cũng chẳng nên bỏ mặc chẳng trị. Cách trị bệnh tốn ít sức nhất lại được lợi ích nhiều nhất là lấy bệnh làm thuốc. Lấy bệnh làm thuốc nghĩa là chẳng để bệnh lụy mình. Chẳng hạn như cái bệnh yêu mến con cái quyết chẳng thể đoạn được thì chẳng ngại gì dùng ngay sự yêu mến đó làm cái gốc khiến cho con cái khi sống làm người chân chánh, chết đi sanh về Tịnh Độ. Yêu con như vậy là biến phạm tình thế gian thành thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo sử dụng lòng Ái, mặc lòng nuông chiều con thì còn hơn giết chết con cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần! Nước nhà diệt vong, nhân dân đồ thán đều là do những kẻ cha mẹ chẳng hiểu rõ sự tình un đúc nên, chẳng đáng buồn ư?

* Muốn cho con cháu chẳng hướng theo nẻo bại hoại, cùng nhau noi theo chánh đạo thì nên lấy các sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Âm Chất Văn Quảng

Nghĩa làm kim chỉ nam. Dù những làn sóng thế tục xấu ác có bủa ngập trời, mây đen phủ kín mặt nhật, cũng chẳng đến nỗi chẳng biết hướng về đâu, chìm đắm mất cả.

Nếu không, dù gió lặng, sóng yên, mặt trời soi tỏ cũng khó bảo đảm không có nước xoáy ngầm, vào đó liền bị đắm chìm, huống hồ trọn chẳng có chuyện gió yên, sóng lặng, mặt trời soi thấy tỏ thế đạo nhân tâm! Phải biết nội dung hai chữ Âm Đức rất rộng. Thành tựu con em người ta, khiến chúng thành thánh thành hiền, cố nhiên thuộc về Âm Đức. Thành tựu con em mình khiến chúng thành thánh, thành hiền cũng là âm đức. Ngược lại, khiến con em người ta bị lầm lạc đương nhiên là tổn âm đức; khiến con em mình lầm lạc cũng tổn âm đức. Nếu vừa đủ khả năng lẫn đủ sức thì may mắn nào hơn!

Nếu không, đối với những hành vi, ngôn ngữ hằng ngày trong gia đình, phải lấy việc thành thánh, thành hiền làm đầu, đây chính là dùng Tục để tu Chân. Nay cư sĩ dùng thân mình thuyết pháp, xin hãy đem ý này thiết tha bảo cùng bè bạn và hết thầy người quen biết thì cũng là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

* Nhà Châu mở nước là do ba bà Thái tạo lập nền tảng, Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo. Do vậy

biết rằng: thế gian không có bậc thánh, bậc hiền là do đời thiếu những người mẹ thánh hiền mà nên nổi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái, dù con họ chẳng thành Vương Quý, Văn Vương, Châu Công, cũng hiếm đưa làm bậy, gian ngoa. Thế nhưng người đời chỉ biết yêu thương con cái, mặc tình nuông chiều thành thói, chẳng biết làm gương cho con. Đây chính là một điều đại bất hạnh của nước ta.

Con người lúc còn nhỏ thường gần bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng của mẹ rất sâu. Con gái ngày hôm nay sẽ là mẹ người khác trong mai sau. Muốn vun đắp quốc gia, phải lấy việc dạy dỗ con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Đừng bảo: “Con gái là con người ta, cần gì phải mất công lo lắng?” Phải biết rằng: Vì trời đất mà tài bồi một kẻ lương dân biết giữ phận, không công đức nào lớn hơn. Huống hồ nếu một cô gái đức hạnh vẹn toàn, con cái cô ta ắt sẽ noi theo nề nếp tốt đẹp đó, còn gì vẻ vang hơn?

Vả nữa, con dâu, cháu dâu mình chẳng phải là con gái nhà người đó sao? Muốn cho đất nước quật cường, không có hiền mẫu thì không có cách nào hỗ trợ được cả. Đời không mẹ hiền thì chẳng những nước không dân lành, nhà không con ngoan, mà ngay cả những gã thầy chùa bại hoại sống bám vào Phật trong Phật pháp thầy đều do những bà mẹ bất hảo sanh ra. Nếu mẹ thật sự hiền, con sẽ trọn chẳng đến nổi đón hèn như thế.

Tiếc thay!

* Gia quyền của ông rất đông, khi các cô em dâu, em gái, con gái v.v... của ông đi học về, hãy đem những sự những nhân quả báo ứng và lợi ích của việc niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu ai nấy đều biết “trong tâm mình đã tự biết thì tâm sẽ tương thông thiên địa quỷ thần cũng như sẽ tương thông với từ phụ Di Đà”. Do vậy, họ sẽ đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại đáng làm vợ hiền, tương lai xứng làm hiền mẫu khiến cho nét tốt đó truyền lan trong làng xóm, đây cũng là pháp luân căn bản để bình trị thiên hạ quốc gia.

Bồ Tát thuận theo thế tục lợi sanh, chẳng bày vẽ phong cách riêng, đôi bệnh cấp thuốc khiến cho ai nấy đều đúng đường về nhà mới thôi. Hiện tại, các phụ nữ trong chốn học đường đa phần lầm lạc sanh dị tâm, toan nắm lấy chánh quyền, chẳng biết tự giữ bổn phận giúp chồng dạy con chính là căn bản khiến thiên hạ thái bình. Bởi lẽ vương nghiệp nhà Chu bắt nguồn từ ba bà Thái. Ba bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự là những bậc thánh trong hàng nữ nhân, họ chỉ chú trọng vào việc dạy con ngay từ lúc còn trong thai để ngầm giúp chồng. Người đời nay chẳng học theo gương đây, những điều họ toan tính đều là những mưu mô tai ác khiến thiên hạ loạn lạc biết là chừng nào!

* Phận làm con cố nhiên phải tỏ bày đức hạnh của cha mẹ. Để tỏ bày đức ấy phải chú trọng đến việc thân mình tự hành, bản thân phải khắc kỷ giữ lễ, ngăn tà, giữ lòng thành, biết sai liền sửa, thấy điều nghĩa bèn làm, hiểu nhân rõ quả, kiêng giết, phóng sanh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh Tín, phát nguyện trì danh hiệu Phật, tự hành, dạy người cùng sanh Tịnh Độ.

Làm được như vậy, dù người ta chẳng biết đến đức hạnh của cha mẹ, nhưng do ngưỡng mộ đức hạnh của người ấy cũng sẽ ngưỡng mộ lây cả đức hạnh của cha mẹ, tổ tiên kẻ đó; cho rằng ông bà cha mẹ phải ngậm tu đức hạnh đã lâu nên mới có được con cháu nối tiếp như thế. Nếu không, dù cha mẹ, tổ tông có đức tốt ai này đều biết, nhưng con cái không ra gì, người ta ắt sẽ đăm ngờ cha mẹ, tổ tông tuy có đức tốt, biết đâu lại có những điều ác ẩn giấu. Nếu không, sao từ cửa đức hạnh tốt đẹp lại nảy sanh hạng con cháu tệ hại đến thế?

Vì thế, phải biết rằng: lập thân hành đạo chính là biểu dương đức hạnh của cha mẹ, tổ tông. Làm con phải chú trọng lòng kính, cẩn thận, dè dặt, tận lực thực hành như thế mới mong khỏi làm nhục lây bậc sanh ra mình!

* Đòi có hiền mẫu mới có hiền nhân. Các thánh mẫu đời xưa chú trọng thai giáo để un đúc phẩm chất

con cái ngay từ thuở đầu, những mong tập quen thành tánh. Thế gian gọi nữ nhân là Thái Thái là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tụ bà nào cũng giúp chồng dạy con, mở mang vương nghiệp tám trăm năm. Cho nên mới dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân. Quang tôi thường nói: “Quyền bình trị thiên hạ, nữ nhân nắm hơn quá nửa”. Tôi còn thường nói: “Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc” hàm ý: tận hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con.

Chẳng như nữ lưu ngày nay, đa phần chẳng giữ bản phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết vun bồi ngay từ trong gia đình. Đây đúng là: gom sắt cả chín châu vạn quốc cũng chẳng thể đúc nổi lõi làm lớn ấy. Bởi vậy, thế đạo nhân tâm ngày càng suy đồi, tai trời vạ người thấy xảy ra liên miên. Tuy những tai vạ ấy do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh cảm thành, nhưng thật ra cũng là do đánh mất sự giáo dục trong gia đình mà nên nổi.

Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, người không thiên tư thành ra bướng bỉnh, sàm sỡ. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn thì người người đều thành thiện sĩ, cùng thì riêng mình thiện, đạt thì khiến người khác cùng thiện; sao đến nổi trên không đạo để noi, dưới không pháp để giữ, thói tệ nảy sanh trăm mối, dân không lẽ sống vậy!

* Chỉ cầu sao chẳng đỏi, chẳng rét, mơ chi phát tài cự vạn. Để vàng ròng đầy ắp lại cho con, chẳng bằng dạy con một quyển kinh. Tô đức bị sứt mẻ mới đáng chết thẹn, chứ tô nghiệp bị sứt mẻ nào có thương tổn chi!

* Con em nhà phú quý đa phần chẳng thành người, nguyên do là thương con nhưng chẳng hiểu đạo: hoặc chỉ chú trọng đến tiền tài, hoặc chỉ lo cho con ăn mặc sang trọng. Tiền xài mặc sức ắt sẽ đến nỗi ăn bậy thành bệnh.

Nếu cho đứa này giữ tiền để sanh lợi thì những đứa kia chẳng được giữ sẽ oán hờn cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với anh, em, chị em nào được giữ tiền. Đấy đều chẳng phải là cách để dạy con hiếu đễ. Nếu con gái có tiền, khi xuất giá ắt sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc chẳng hiểu rõ sự việc, đem tiền giúp chồng làm việc quấy.

Muốn cho con cái thành hiền nhân thì hãy nên bồi phước, chớ nên tích cóp tiền tài. Của cải là gốc họa. Các vị từng thấy không ít người tay trắng làm nên đều là do không tiền tự mình siêng gắng mà được, nhưng nhà đại phú gia chẳng mấy chốc gia sản trống rỗng. Vì thế cổ nhân nói: “*Để cho con một rương đầy vàng, chẳng bằng để cho con một quyển sách*”. Đọc sách được thì đọc, không đọc được thì làm nghề nông, hoặc

buôn bán, ai có nghề nấy để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Con gái nếu có tiền lại hiểu đạo lý, lẽ cố nhiên tiền sẽ thành cái vốn để trợ đạo. Nếu chẳng hiểu đạo lý, tiền sẽ hại cô đó, hại luôn chàng rể, hại lây cả đến cháu trai, cháu gái!

* Con người một đời thành bại đều là do sự tài bồi, tập tành dần dần lúc nhỏ mà ra. Người đã thành thiếu niên phải biết tốt xấu, vạn phần chẳng được học theo thói đời, hãy nên học hiếu, học lễ, học trung hậu, thành thực. Đang lúc tuổi trẻ mạnh mẽ, cường tráng, hãy nỗ lực đọc sách. Phàm đọc qua sách nào, phải nghĩ xem những điều nào sách dạy là trọng yếu đối với con người thì thực hành theo đó; chứ nếu không chỉ là cố ngón sách cho nhiều.

Nếu những điều dạy trong các sách nói trên chẳng dễ lãnh hội thì những điều nói trong các sách như Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v... đều là nói trực tiếp, dễ lãnh hội; hãy nên thường đọc, thường nghiền ngẫm, sửa lỗi hướng thiện. Lúc nhàn hạ, rất nên niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, đừng nghĩ là khổ sở. Cổ nhân nói: “*Thiếu tráng bất nỗ lực, lão nhân đồ thương bi*” (Trẻ mạnh chẳng nỗ lực, già cả luống sầu thương!) Lúc này bỏ phí quang âm, về sau dù có nỗ lực cũng khó thành tựu! Bởi lẽ, tuổi trẻ đã qua, trí

nhớ cùn quá nửa, học cái gì cũng phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả lại ít.

Thứ nhất là phải làm người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự cảnh tỉnh,

Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động đừng mặc tình khoái ý, mà phải nghĩ việc này có lợi ích đối với ta, với người thân, người ngoài hay chẳng. Chẳng những làm việc gì cũng như thế mà khi khởi tâm động niệm cũng phải thường như thế. Khởi tâm lành ắt có công đức, khởi tâm xấu ắt mắc tội lỗi. Muốn được báo tốt thì phải giữ tâm tốt. Nói lời lành, làm việc lành, lợi người lẫn vật, chẳng làm hại mình lẫn người thì mới nên.

Nếu chẳng vậy, sao hưởng được báo tốt? Ví như đem hình xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể hiện bóng đẹp đẽ được. Ảnh được hiện so với hình xấu, trọn chẳng khác gì. Nếu người quả thật hiểu sâu nghĩa này, tương lai nhất định thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến hết thảy mọi người đều tôn trọng, yêu kính. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, nghĩ ngợi chín chắn thì thật là may mắn lắm!

3.2. Trích Dẫn Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao

* Sanh con không khó, dạy con rất khó. Rất nhiều kẻ chẳng hiểu việc, không có con bèn cầu Bồ Tát, đến khi có con chỉ biết quý báu; do đấy nuôi thành hạng hư hỏng nhiều lắm. Ví như trồng lúa, chỉ biết tìm hạt giống tốt và ươm cho lên mạ rồi thôi, tất cả những chuyện trừ cỏ dại, bón, tưới v.v... đều nhất loạt chẳng ngó ngàng tới. Giống lúa ấy tuy tốt, còn mong chi thân hoạch được chẳng? Như Quang hiểu biết, đến chín mươi chín phần trăm những kẻ không con và đông con đều là loại kết quả này.

Chỉ có mình cha của Diêm Đan Sơ (Kính Minh) là người thương yêu con bậc nhất từ xưa đến nay. Cho nên, ông ta nhờ các vị hương thân trưởng thượng kèm cặp khiến cho con ông ta được bỏ vào Hàn Lâm, rồi làm quan to. Ông ta dạy con nghiêm ngặt cũng là thiên hạ xưa nay chưa hề có. Một mặt vun bồi đức hạnh, một mặt tận lực dạy dỗ. Nguyên do là vì yêu thương con thật sự. Lòng thương yêu của những kẻ khác thường là còn tệ hơn giết con, bởi giết con thì chỉ có một người chết. Đứa con không dạy dỗ sẽ chẳng nghiệp gì không làm, vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. So với nỗi thảm khốc của một lần chết nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô*)

* Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời, liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt - xấu, sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ dâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nòi giống yếu ớt v.v... Với đứa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đứa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đứa hết chín đứa phạm phải tật này, đáng sợ vô cùng!

Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử dạy: “*Phụ mẫu duy kỳ tật nhi ưu*” (Cha mẹ chỉ lo về tật ấy). Những tật khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ dâm, tham ân ái, quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất! Vì thế, Khổng Tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Khổng Tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Giáo dục trong gia đình thì mẹ dạy con là quan trọng nhất. Nếu lúc con cái vừa mới hiểu biết, mẹ liền đem nhân quả báo ứng và sự lý làm người ra giáo huấn, khi lớn lên chúng sẽ biết tốt - xấu, chẳng bị ác đảng, tà thuyết mê hoặc, sẽ trở thành hiền nhân, thiện nhân. Nếu lúc nhỏ mặc cho nó kiêu ngạo thành thói, lớn lên không tự chủ được, sẽ ngã theo tà thuyết, muốn quay

lại đường chánh thì trăm kẻ khó thể được một! Trong thời hiện nay, nếu chẳng lấy nhân quả báo ứng làm thuốc chuyên trị để cứu nước cứu dân, dù có làm gì đi nữa, vẫn chẳng có hiệu quả lớn lao cho được! Do bọn họ chẳng chú trọng thực hành, chỉ là dùng lời nói suông bày vẽ cho xong chuyện. Nhân quả chính là cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Phạm phu sơ phát tâm, Như Lai thành Chánh Giác đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ cuồng coi nhân quả là Tiểu Thừa rồi khinh miệt, tự tiện buông lung, làm ác chẳng kiêng dè, và thơn thớt nói suông những lời lẽ lớn lối! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4*)

* Dạy trẻ nhỏ nên dạy cặn kẽ “làm người phải tự lập chí hướng”, đừng nên quở trách nghiêm khắc! Bởi lẽ, những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt, con cái sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ, mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi - hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mảy may nào! Làm như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ, đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh,

địa ngục chẳng thể thoát ra!

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thông thả! Muốn thành tựu học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý “*từ hiện tượng biết được pháp tắc*”. Phần Đại Tượng⁶² thuộc sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, nội dung bài minh ấy cực rõ ràng, rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phé kinh như thế nào?

Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa! Lễ Ký⁶³ và Tả Truyện nên chọn đọc những

62. Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của sáu mươi bốn quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

63. Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho Giáo, Khổng Tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo 130 thiên do Lưu Hưởng thâu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới

Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm “thế giới đại đồng” cũng phát xuất từ Lễ Ký.

Chú thích: Tả Truyện: gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho Gia xếp bộ sách này vào 13 bộ kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho Sĩ.

phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ vật của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: “Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy! Nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dẫu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ô nhiễm thẹn thùng. Huống chi thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao người chẳng biết tự gắng sức, lại làm chuyện hạ lưu áy? Từ rày, nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn người đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện người lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà chẳng chịu nói, đến nỗi người ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khản yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm!

Người hãy thử nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hẳn sẽ vui vẻ; chê hẳn dở, hẳn không vui. Sao người lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu diếm, che chở cho người, tức là ta dạy người làm giặc. Sau này, chắc chắn người hoàn toàn chẳng thể thành người được! Vì vậy, ta bảo với người, từ rày trở đi, nếu người ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh người! Nếu

ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem người tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những người mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn người nữa! Do mong người thành người, bắt đắc dĩ ta phải kiềm chế người như vậy.

Người biết lỗi phải gắng sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng người; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ người! Nếu người vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như người hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy! Sấm sẽ đánh người! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương, che chở người, nếu người biết tốt - xấu như vậy thì may ra có hiệu quả”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo, mẹo khéo dạy con. Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư quen nét ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phạm thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng

thì vẫn chưa khẩn yếu lắm, bất quá chúng nó không hiểu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời, nếu không dạy con cho đàng hoàng, mỗi họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được! Hãy nên đem lời này nói với hết thầy mọi người. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1*)

* Con em của kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được! Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhắc chân động tay, một là tập làm lụng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhàn rỗi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý Học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý Học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho Tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (Thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế, một chữ Từ cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ

tự thái bình). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Huệ Long*)

* Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than: “Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?” Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận?

Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường, ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh, hèn tẻ; dầu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu! Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngỏ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung (Dung là “dung chỉ” tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng “dung” là dung mạo xinh đẹp; đáng than thay), phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyên gia đình). Dạy cho con đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn dạy cho chúng nó biết nhân, rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá,

chúng sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra! Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng: Dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô, lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư? Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chẳng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông⁶⁴ thì cháu trai²⁰³ cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu trai, cháu gái cũng có thể kế thừa.

Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn

64. Nguyên văn “tông diêu”, nói đủ là “tông diêu thừa kế”: Tông là nhà thờ Tổ, Diêu (祧: đúng ra theo chánh âm phải đọc là Thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành Diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kẻ từ đời Tây Chu, quyền thờ

nghiệp chủng cõi Sa Bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã bận lòng như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chẳng? Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay! Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đây chính là quyến thuộc Bồ Đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đây là Hiếu, là lòng Từ lớn lao. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 11 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Ngô Trần - 2*)

* Hiện nay muốn xưng minh sự lý nhân quả và phương pháp thực hành điều đó thì trước hết phải thực hiện bằng sự giáo dục trong gia đình; nhưng giáo dục trong gia đình lại phải lấy phụ nữ làm chủ thể. Bởi lẽ, đời có mẹ hiền thì mới có con hiền. Noi theo bậc hiền mẫu thời cổ, thực hiện thai giáo: un đúc bản chất từ lúc ban đầu, nuôi nấng, dạy dỗ từ khi chưa sanh ra ngõ hầu con sẽ tập quen thành tánh. Như ba bà Thái đời Châu (Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự) ngầm giúp đỡ chồng, dạy con từ lúc nó còn nằm trong thai, đều là bậc thánh nhân trong nữ giới, quả thật họ đã lập nên nền tảng mở mang vương nghiệp nhà Châu.

Tôi thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ hàng nữ nhân nắm quá nửa*”. Lại nói: “*Dạy con gái là cái*

gốc để tề gia, trị quốc” tức là nói đến chuyện “trọn hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con”. Nữ giới ngày nay phần nhiều chẳng hiểu nghĩa này, lầm lạc muốn tham gia chánh trị nắm quyền, tính làm đại sự, bỏ mặc đạo căn bản là vun bồi gia đình. Điều này quả thật gom sắt của muôn nước chín châu cũng chẳng đúc được cái lõi làm lớn lao ấy, thật đáng cảm khái sâu xa! Thế nào là đạo căn bản để vun bồi gia đình? Chính là hãy dạy dỗ con cái, ắt phải khi con đang còn trong độ tuổi măng sữa, trước hết phải làm cho nó biết về thuyết nhân quả báo ứng thì đối với hết thảy những hành vi nghịch ác nó sẽ tự kiêng sợ chẳng dám làm. Giảng giải sách nhân quả không chi hay bằng Cảm Ứng Thiên⁶⁵ và Âm Chát Văn⁶⁶. Hai cuốn sách ấy phải thường giảng nói, ắt sẽ tự

65. Theo thiên Nghệ Văn Chí trong Tổng Sử và sách Quận Trai Độc Thư Phụ Chí, ẩn sĩ Lý Xương Linh đời Tống đã biên soạn cuốn Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thác danh Thái Thượng Lão Quân giảng cơ. Tuy thế, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý ai thật sự là tác giả của cuốn sách này. Do nội dung sách này khuyến thiện làm lành rất tích cực, nó được người Trung Hoa rất ngưỡng mộ, cũng như được rất nhiều người viết lời chú giải. Sách càng được nổi tiếng lưu hành mạnh mẽ hơn khi được học giả Huệ Đồng đời Thanh chú giải tường tận, cho đến hiện thời cuốn sách này vẫn được lưu hành rất rộng và được Phật môn Trung Hoa rất coi trọng.

66. Âm Chát Văn tên gọi đầy đủ là Văn Xương Đế Quân Âm Chát Văn, chưa rõ ai là tác giả. Châu Khuê đời Thanh khi giảng cuốn Âm Chát Văn Chú đã nhận định: “*Âm Chát Văn nói những chuyện liên quan đến đời Tống, ắt phải do người đời Tống biên soạn*”. Học giả Tử Tinh Trung Phu của Nhật lại cho rằng tác phẩm này phải được hình thành vào cuối đời Minh, nhưng không đưa ra bằng chứng đủ tính thuyết phục nào. Dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Âm Chát Văn, các đạo sĩ đã biên soạn Văn Đế Cứu Kiếp Kinh và Văn Đế Diên Tự Kinh để tiếp tục xiển dương tư tưởng khuyến thiện trừ ác trong Âm Chát Văn. Âm Chát Văn thác danh Văn Xương Đế Quân giảng cơ.

có lợi ích không chi lớn bằng! Bởi lẽ, trẻ thơ thiên tánh chưa xấu xa, lòng lành dễ tiếp nhận, tập quen từ bé, lâu ngày sẽ thành bản tánh, đến khi lớn lên sẽ chẳng thay đổi được! Góc chánh nguồn trong được bắt nguồn từ đây! Vì thế, kinh Dịch chép: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*” (Dạy cho trẻ thơ điều đúng đắn, có công như thánh nhân vậy).

Ngày nay thiên hạ sở dĩ đại loạn đều là do cha mẹ chẳng hiểu nguyên lý giáo dục đã ươm thành vậy! Bởi lẽ, đã chẳng thể dùng thai giáo để dạy dỗ điều lành từ đầu, lại còn chẳng thể dùng nhân quả để răn nhắc lúc sau. Căn bản đã hỏng thì sẽ bừa bãi, tràn lan, chẳng thể nào thâm nhập được. Do vậy mới xướng lên những thuyết bất hiếu, không cần cha mẹ, mới bàn đến chuyện cách mạng gia đình không kiêng dè chi! Dẫn đến tình cảnh bạn bè chơi với nhau vì lợi lộc hòng bán chác, vợ chồng hợp lại hay chia tay nhau giống như cầm thú, chôn vùi đạo nghĩa liêm sỉ, thiên lý tuyệt diệt như nước lũ cuộn cuộn tận trời chẳng biết khi nào ngừng. Dầu Khổng Tử, Thích Ca sống trong thời buổi này cũng không có cách gì cứu giúp được, nguy ngập vậy thay!

Làm như thế nào đây? Đáp: Đường lối để cứu vãn chỉ có cách chú trọng giáo dục gia đình sao cho ai nấy giảng rõ sự lý nhân quả cho con cái hòng vun bồi căn bản mà thôi! Đã gieo thiện nhân ắt gặt thiện quả, mới hòng có hy vọng trong tương lai lòng người biến đổi tốt

đẹp, phong tục dần dần thuần lương, thiên hạ nước nhà thái bình vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy mẹ con ông Ấn Đức Tăng - 2*)

* Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay! Những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn挽回 thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ùa nhau vâng theo như gió lửa cỏ rạp.

Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đặng gốc, có bệnh đặng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi; nếu chỉ dựa trên mặt Sự để khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách đốc sức nơi căn bản được! Nói đến chuyện đốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thấy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bổn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thương

nghiêm giữ những lời về “phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn” để tự tu, lại còn dùng những điều ấy dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dựa vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế, Khổng Tử nói: “*Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân*” (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này! Cổ nhân đã nói: “*Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách*” (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ, nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra. Gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện. Gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư sẽ quen nét bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia, xã hội!

Do vậy, biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy,

là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phạm lỗi thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyên những ai có chí giác thế yên dân vẫn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc sẽ được thỏa nguyện vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyển Thế Bạch Thoại Văn*)

*** Giữ vẹn luân thường chính là tận lực hành “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ”.** Cần phải thực hiện thật sự giữa cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn; nhưng bốn phận làm con còn dễ trọn, dễ biết, chứ bốn phận làm cha mẹ của người khác thì khó trọn, khó biết!

Rất nhiều kẻ mù quáng quấy rối ngày nay tuy là tội của bọn họ, nhưng xét đến cội nguồn thì đều vì cha mẹ họ chưa hề đem đạo lý làm người và sự thật nhân quả báo ban. Những gì họ được dạy dỗ đều là chú trọng suy nghĩ mưu mẹo, lường gạt, nên mới đến nỗi xấu hèn như thế! Do vậy, nói rằng: “*Nếu con người khéo dạy dỗ con cái thì gia đạo tự được hưng vượng, thiên hạ thái bình!*”

Khi con cái vừa mới hiểu biết, xin hãy đem ngay những chuyện con người nên làm và những điều chứng nghiệm thật sự về thiện - ác, nhân - quả thường nói với

chúng thì con cháu nhiều đời về sau đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Do vậy, đây là nguyên do tại sao bốn phận của người làm cha mẹ so với bốn phận của kẻ làm con cái khó thể trọn hết được vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trâm Lai Vân*)

* Trong đời có kẻ nữ chẳng hiểu chí lý (lý tốt cùng), hoặc chẳng hiểu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, chẳng biết những điều ấy quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đây đủ công đức này, do tu tập Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen.

Phải biết: Có nhân chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế, phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật - trời cùng soi xét (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp*)

* Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngộ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ, cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngắt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên, không thành hạng tâm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì!

Cổ nhân nói: “*Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về*”, bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viễn vông, không quan hệ, khẩn yếu chi! (Án

Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khấp)

* Con gái xuất giá, giảm nhẹ gánh nặng rất nhiều. Xin hãy khuyên nó nên trọn hết đạo làm vợ, hiếu thảo với bố mẹ chồng, kính trọng chồng, hòa thuận với chị em dâu, rộng rãi với tôi tớ, vẫn giữ đạo niệm Phật, chớ lầy chồng rồi bỏ luôn không niệm Phật. Lại phải mềm mỏng khuyên chồng niệm Phật và Quán Thế Âm để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Làm được như thế thì người tôn kính, thần che chở, chẳng gặp tai chướng, điều phước chuyện lành đều cùng tụ họp. Chẳng những chính người được vẻ vang mà người ta cũng vì người mà kính trọng lây cả cha mẹ sanh ra người; cho là nhà ấy có gia giáo, cho nên cô gái ấy từ nhỏ đã quy y Phật pháp, ăn chay, niệm Phật, nay được tốt lành như thế. Nào phải chỉ cha mẹ được nở mày nở mặt, mà vị thầy người quy y cũng được vẻ vang! Nếu chẳng hiền hiếu, ắt người bị người ta ghét; đấy vẫn còn là chuyện nhỏ! Ất người ta sẽ nói cha mẹ người không có đức hạnh nên mới sanh ra đứa con gái chẳng hiền chẳng hiếu ấy, ắt cha mẹ người thường bị người khác nhục mạ, vị thầy người quy y cũng bị người ta chê trách là chẳng thể giáo hóa người hành hiếu kính.

Mong cho bọn họ hiện tại làm con gái hiền, xuất giá làm vợ hiền của người ta, sau này trở thành hiền mẫu của người khác thì may mắn nào hơn! Xin hãy sáng suốt suy xét, bảo tởng tận cùng cô ta (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa*)

* Không ai chẳng mong sanh ra con cái tốt lành, nhưng mười người hết tám chín người dạy con cái ngoan thành hư, về sau bại hoại tiếng tăm gia đình, phá tan tổ nghiệp, trở thành hạng tầm thường, bướng bỉnh, hoặc thành phường giặc cướp, tệ hại. Chỗ sai lầm căn bản, nói chung là do chẳng biết cách yêu thương con. Từ nhỏ mặc kệ cho nó quen thói thì lớn lên chuyện gì nó cũng tự tung tự tác, chẳng nghe răn dạy, đa phần cặp kè, gần gũi bọn xấu xa, gây hại cho xã hội. Thiên tai nhân họa hiện thời phần nhiều là do những người chẳng biết cách làm cha mẹ ươm thành!

Nếu như những kẻ không được dạy dỗ đó, từ thuở ban đầu được cha mẹ hiền khéo dạy thì những kẻ làm hại cho xã hội đều là những người tạo lợi ích cho nước nhà, những kẻ chỉ vẽ điều ác đều thành những người khuyến thiện hết, cõi đời chẳng mong thái bình mà tự thái bình. Đây chính là đạo căn bản trọng yếu để thất phu, thất phụ dựa vào việc bồi đắp cho cõi đời bình yên

vậy.

Lúc ông đề xướng Phật pháp, hãy nên vì hết thầy những người hữu duyên nói kèm thêm nghĩa này cho tường tận, khiến cho bọn họ ai nấy đều tự trọn hết đạo làm cha mẹ thì lợi ích lớn lao lắm! Con gái càng quan hệ lớn hơn nữa, trọn chẳng được nuôi mà không dạy khiến cho hiện thời nó gây trở ngại cho gia đình nó (“không dạy” là ngược ngạo để cho anh em, chị em đều chẳng tuân theo quy củ, mặc lòng phóng túng), tương lai quấy rối nhà chồng. Về sau, dạy hư con cái, khiến cho con cháu nhiễm phải thói xấu ấy. Nghĩa lý này nhiều người coi thường chẳng xét đến. Muốn gia đạo tốt lành, con cháu tốt lành, đều phải tìm ở chỗ khéo dạy con cái! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế*)

* Diệu nghĩa là hợp lẽ, thích đáng. Nếu sử dụng trí thông minh vào chuyện vô ích tổn hại thì trở thành trí huệ hèn tệ, chẳng gọi là Diệu Huệ. Nếu áp dụng trí ấy hợp lẽ thì mới gọi là Diệu Huệ. Những người thông minh hiện thời thường đem trí thông minh của chính mình sử dụng trong việc viết ra những chuyện tiểu thuyết kêu gọi trộm cắp, dâm dật, vượt lý, khinh miệt luân thường để khoe khoang văn tài, chẳng biết: Một hơi thở ra không hít vào được, thân sau trải qua bao nhiêu kiếp chẳng biết có được nghe những danh từ

“thiên địa phụ mẫu” nữa hay không? Nếu những kẻ đó không có cái trí huệ hèn tẻ ấy, sao lại đến nỗi khổ sở cùng cực như thế? Vì vậy, hãy nên vun quén sao cho cô ta nhất cử, nhất động đều hợp với chánh đạo, đối với địa vị mẫu nghi chốn khuê các hay bậc thầy nêu gương cho nữ giới trong tương lai đều có thể dự đoán được từ nơi đây. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành -1*)

* Cõi đời ít có người lành là do trong gia đình không khéo dạy dỗ, nhưng trong một gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ quan trọng nhất. Bởi lẽ, con người lúc bé hằng ngày ở bên mẹ, được hun đúc tánh tình nhiều nhất từ nơi mẹ! Do vậy, thiên chức của phụ nữ là giúp chồng dạy con. Nếu không có hiền nữ, làm sao có hiền thê, hiền mẫu cho được? Vì thế, nói rằng: Khéo dạy cho con cái biết nhân quả ba đời chính là cái đạo “gốc chánh nguồn trong” để bình trị thiên hạ vậy! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số 13 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phú*)

* Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy càng nên đau đầu sấm hối để tiêu túc nghiệp. Lại phải tận lực kiêng chuyện ăn nằm để bệnh khỏi nặng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu chẳng kiêng ăn nằm, chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng Tử đã nói: “*Phụ mẫu duy kỳ tật chi*

ưu giả” (Cha mẹ chỉ lo lắng về cái tật ấy⁶⁷) là vì chuyện ăn nằm là căn bản của hết thầy bệnh vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm*)

* Bán thân bất toại sợ rằng cũng là do tham sắc mà ra. Chớ nên tham tà sắc, dẫu vợ chồng sống với nhau cũng chớ nên tham đắm. Hễ tham thì sẽ bị mất mạng hay sanh bệnh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn*)

* Đòi người muốn được không bệnh khỏe mạnh ắt phải cực lực tiết dục. Hễ lả dục sự thì đủ mọi bệnh tật đều phát sanh. Người đòi cho làm chuyện dâm dục là vui, chẳng biết vui chỉ trong khoảng khảy ngón tay, khổ cả đời thường chịu! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ*)

---o0o---

67. Thông thường chữ Tật ở đây thường được các nhà chú giải hiểu là những thói hư tật xấu như không giữ luân thường, lễ nghĩa; riêng Tổ giải thích chữ Tật ở đây phải hiểu là thói tham mê tình dục quá đáng. Tổ giảng rất rõ về ý nghĩa này trong lá thư 141 trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 1, tức lá thư gửi cho cư sĩ Niệm Phật.

4. Khuyên Nên Tại Gia Hoàng Pháp

4.1. Trích Dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục

* Hai vị lệnh thân hiện còn sống thì hãy nên dùng những cảm ứng, sự tích của pháp môn Tịnh Độ để thường giảng nói khiến họ phát tâm hoan hỷ, tin nhận phụng hành. Nếu chẳng coi đây là hiếu, dù có tận sức làm hết những điều thế gian coi là hiếu, rốt cuộc có ích lợi gì cho cha mẹ đâu?

Vua Đại Vũ là đại thánh nhân, vẫn chẳng cứu được hồn cha là Cỗn hóa thành Hoàng Nai (chữ Năng đọc thành Nai, có nghĩa là con ba ba có ba chân) sống trong Vũ Uyên. Thấy vậy chẳng nên kinh sợ, tỉnh ngộ mong dẫn dắt thần thức cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di Đà hòng chứng được vô lượng quang thọ vốn có sẵn trong tâm ư?

Cư sĩ Chí Liên dù giỏi khổ hạnh, nhưng chỉ e với tông chỉ Tịnh Độ vẫn còn có điều chẳng biết, hoặc có tâm cầu chuyển nữ thân hoặc mong sanh vào chốn an vui trong đường trời người nên chẳng thể buông xuống triệt để được, đến nỗi vô biên lợi ích bị mất cả vào điều vui thế gian nhỏ nhặt. Phải nên thường giảng nói khiến cho bà ấy chí hướng quyết định. Khuyên một chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu cho một chúng sanh thành Phật. Thành Phật rồi ắt độ vô lượng

chúng sanh, công ấy bắt đầu từ ta, công đức lợi ích ấy há nghĩ bàn nổi chẳng?

Tự mình đã tu Tịnh Độ, lại còn phải đem pháp môn này bảo khắp với mọi người: anh em, thê thiếp, con cái, bảo họ các người lẽ nào chẳng chịu phát tâm, đành bỏ mất lợi ích lớn lao này ư? Nếu thiên tánh của họ gần với pháp môn này thì còn gì tốt hơn! Nếu tánh họ hơi xa, giỏi mãi mãi cũng sẽ nhiễm từ từ, dù xa cũng thành gần. Đây đáng gọi là lòng yêu mến sâu xa, đáng gọi là lòng từ rộng lớn. Bỏ tấm lòng từ ái này chỉ đáng gọi là hữu danh vô thật!

* Thái phu nhân niên kỷ đã tám mươi ba, phải thường khuyến dụ bà tín nguyện niệm Phật. Nếu bảo bà suốt ngày niệm Phật chỉ e bà làm không nổi. Trước đây đã toan lập cách trợ niệm ngay khi còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. Đến khi Trần Thủ Sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên thăm núi, tôi thấy quyền thuộc của ông ta rất đông bèn tìm ra một cách trợ niệm rất tuyệt diệu, đã trình bày sơ lược với ông ta, nay sẽ thừa cùng các hạ. Dù các hạ chẳng thực hành được cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua, đó cũng là đạo tự lợi lợi tha vậy.

Trong quyền thuộc của các hạ, các ông con trai ai nấy đều có chức nghiệp, cố nhiên khó thể luôn luôn làm được. Nhưng các bà con dâu thì vô sự thanh nhàn, những kẻ hầu gái như các bà vú v.v... ắt chẳng có việc

gì quan trọng, ông nên bảo họ căn theo đồng hồ suốt ngày ở quanh thái phu nhân lớn tiếng niệm Phật chừng nửa giờ. Hết lượt bèn đổi phiên, cả ngày chẳng dứt tiếng niệm Phật.

Thái phu nhân nếu niệm theo được thì càng tốt; bằng không thì chỉ nhiếp tâm lắng nghe suốt ngày, thường chẳng lìa Phật. Các người khác cũng chẳng mất sức, bởi lẽ cả ngày bất quá chỉ phải niệm một lượt hay hai lượt, nhưng thời gian cách khoảng giữa hai lượt cũng khá dài. Bọn họ không có chuyện gì quan trọng, bèn nhờ đấy mà dốc tận lòng hiếu, gieo thiện căn; ngay đến bọn hầu gái cũng nhờ vào nhân này, gieo duyên xuất ly sanh tử.

Từ nay trở đi, lấy cách này làm lệ thường; dù thái phu nhân tuổi thọ quá cao cũng chẳng được nửa chừng bỏ dỡ. Pháp này lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phàm ai có tín tâm muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ thì hãy nên khuyên họ làm theo cách này.

* Mẹ ông tuổi cao nhưng với pháp môn Tịnh Độ chưa thể hiểu đúng, tu trì, hãy thường nói với mẹ về nỗi khổ luân hồi trong sáu đường, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Người sanh trong thế gian siêu thăng cực khó, đọa lạc cực dễ. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, đừng nói là nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật lâu, một khi phước lực đã tận vẫn phải

đọa lạc trong nhân gian như cũ và phải thọ khổ trong tam đồ ác đạo.

Nếu chẳng biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao được; còn như nay đã hiểu đại lược Phật pháp, há đành nhường mỗi đại lợi ích này cho người khác, tự mình cam tâm luân hồi trong lục đạo, thoát ra thoát vào, vĩnh viễn không có ngày giải thoát ư? Cứ nói như vậy, may ra mẹ sẽ phát khởi được túc thể thiện căn, tin nhận phụng hành.

Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết dùng dục để nhử, sau mới khiến cho nhập vào Phật trí. Ông cực lực tu hạnh hiếu đễ, lại đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn, hướng dẫn quyến thuộc của mình và hết thầy những ai hữu duyên cùng làm người trong hội Liên Trì thì công đức rất lớn.

* Con hiếu thờ cha mẹ thì phải đặt cái gốc lên trước, đặt cái ngọn ra sau, nuôi thân cha mẹ, khai đạo tinh thần. Nếu chỉ biết báo bổ công lao, phụng dưỡng cho cha mẹ an nhàn, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết đem đạo thường trụ vô sanh, pháp niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, khiến cho cha mẹ lúc sống niệm Phật hiệu, chết đi sanh về cõi Phật, già biệt nỗi khổ sanh tử hư huyễn, hưởng thường trụ chân lạc, phụng sự Di Đà, chen vai cùng hải chúng nghe viên âm, tam Hoặc trừ sạch, thấy diệu cảnh, viên

minh tứ trí, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có trong tâm, làm thuyên từ độ khắp mọi người trong biển khổ.

Nếu vậy thì đúng là thấy nhỏ quên lớn, được gần bỏ xa, chính là kiến giải hạn hẹp của kẻ hèn, chẳng phải là tầm nhìn rộng lớn của bậc thông đạt. Nếu như ông có thể làm cho mẹ hiền cũng giống như mình, cũng như quyên thuộc cùng thoát Sa Bà, đồng sanh An Dưỡng, đồng chứng vô lượng quang thọ, đồng hưởng pháp lạc tịch quang, đồng làm pháp vương tử của Phật A Di Đà, đồng làm đại đạo sư của trời người thì mới là trọn hết tấm lòng hiếu tử, mới xứng với công cha mẹ nuôi dạy. Đây mới đúng là hiếu từ nuôi dạy, chứ chẳng phải như thế gian nói hiếu từ nuôi dạy đâu!

* Hành đạo hiếu thì không còn gì lớn hơn được nữa, hết thấy các điều lành không gì chẳng thấu tóm, nhưng đạo hiếu có thể gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, bền, tích sai khác.

Đạo hiếu thế gian là chăm nom, phụng dưỡng cho cha mẹ được yên ổn, đón trước ý khiến cha mẹ vui vẻ, cho đến lập thân hành đạo để dương danh hậu thế. Dù lớn nhỏ khác nhau nhưng đều là chuyện thuộc về mặt sắc thân; dẫu cho đại hiếu ngút trời, rớt cuộc chẳng ích lợi gì cho tâm tánh, sanh tử của cha mẹ cả! Đúng là chỉ

uồng công đuổi theo cái ngọn, chẳng xét đến cái gốc. Huống hồ là sát sanh để dâng lên cha mẹ hay để cúng tế khiến cho cha mẹ càng bị oán thù kết chặt, mãi mãi phải đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế gian, xét về mặt Tích cũng giống như thế gian chăm nom, phụng dưỡng... cho đến lập thân dương danh, nhưng cái gốc là khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của Như Lai. Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ sao cho cha mẹ ăn chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ăn chay ắt chẳng tạo sát nghiệp, vừa diệt được túc ương. Niệm Phật thì ngẫm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo. Nếu quả thật tin sâu, nguyện thiết cầu sanh Tây Phương, ắt đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, gởi thân nơi chín phẩm sen. Từ đây siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, mãi mãi xa lìa các khổ trong chốn Sa Bà, thường hưởng các sự vui trong chốn Cực Lạc.

Cha mẹ đã khuất bèn thay cha mẹ dốc sức tu Tịnh nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm thật sự chân thiết, cha mẹ sẽ được lợi ích; nếu chưa vãng sanh liền được vãng sanh. Nếu đã vãng sanh, phẩm sen sẽ cao thêm. Đã phát tâm được như thế thì sẽ tương ứng với bốn hoằng thệ nguyện, khế hợp Bồ Đề giác đạo; há đâu chỉ riêng cha mẹ được lợi ích mà công đức thiện căn, phẩm vị đài sen của chính mình cũng sẽ cao siêu thù thắng!

Huống lại dùng chính thân mình thuyết pháp khiến cho khắp mọi đồng luân cùng phát lòng hiếu thuận. Đạo hiếu ấy mới là thật nghĩa rốt ráo, chẳng phải như thế gian chỉ mong lợi lạc cho sắc thân và đời này, bỏ qua tâm tánh và đời sau chẳng buồn bàn tới! Vì thế biết rằng đạo Phật lấy hiếu làm gốc. Do đó, kinh Phạm Võng dạy: *“Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới”*.

Lại như trong các giới Giết - Trộm - Dâm - Dối, kinh đều nói phải sanh tâm từ bi, tâm hiếu thuận. Trong giới “Chẳng thực hành phóng sanh, cứu mạng”, kinh Phạm Võng dạy: *“Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta, đời đời chẳng lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ. Vì thế lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết chúng sanh để ăn thịt chính là giết cha mẹ mình”*. Bởi thế mới nói đạo Hiếu của Phật giáo gồm khắp tứ sanh lục đạo từ vô thủy trước đến tận vị lai sau, chẳng thể đem chuyện chỉ biết một đời một thân ra so sánh được. Biết vậy rồi mà chẳng kiêng giết phóng sanh, ăn chay niệm Phật thì làm sao trọn hết được đạo hiếu chí cực không chi hơn được nữa đây?

* Tự mình đã tu trì Tịnh nghiệp thì cũng phải nên dạy hết mọi người quen biết cùng tu Tịnh nghiệp. Nên dựa theo phần Phổ Khuyến Môn trong sách Long Thư Tịnh Độ khiến cho ai nấy tùy phần tùy sức gieo thiện

căn chẳng thể nghĩ bàn này. Đã muốn đem pháp này dạy người thì nên dạy từ thân đến sơ, nữ nào để thế thiếp, con cái chẳng được hưởng lợi ích này ư?

Văn Vương nghiêm nhặt với vợ góa cho đến huynh đệ để giữ yên nhà cửa đất nước. Đạo tự hành, dạy người thế gian, xuất thế gian không pháp nào chẳng vậy!

* Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật; phạm hết thầy người thân đều là kẻ hữu duyên, cũng nên dạy họ pháp này. Với những người phản đối, hãy khởi tâm thương xót, đừng bắt buộc họ phải làm. Cứ đề đầu bò bắt gặm cỏ thì vạn vạn phần chẳng làm được! Nếu bảo: “Tôi nhất tâm niệm Phật, các sự chẳng bận tâm đến nữa” thì chẳng những là bị trở ngại nơi pháp thế gian, mà cũng chẳng hợp với Phật pháp. Làm đúng với địa vị thì mới nên.

Khuyên người niệm Phật tu hành dĩ nhiên là công đức bậc nhất, nhưng dưới đến vợ con, trên lên cha mẹ, ông bà đều phải nên khuyên nhủ. Nếu chẳng thế khéo léo dùng phương tiện khuyên nhủ gia đình, khiến cho quyến thuộc mình cùng được hưởng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn liễu thoát sanh tử ngay trong đời này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, chỉ biết lợi người ngoài mà chẳng biết làm lợi cho người thân, có nên chăng?

* Với những người trong nhà, vào những khi nhàn hạ vô sự, hãy dùng lời lẽ khúc chiết, uyển chuyển tỏ

bày tận lý khiến tâm người nghe biết được lẽ phải trái, nên, không nên; vô hình trung ắt sẽ khiến cho tâm thức người nghe được mài giũa giữa, nhiễm dần mà chuyển biến.

Còn như khi cái tánh ngu bướng, ngạo nghễ của người ấy trỗi dậy, nếu thấy đối trị được thì hãy dùng những danh ngôn chí lý để ôn hòa bình tĩnh đối trị. Nếu không được thì cứ mặc kệ, đừng động đến kẻ ấy nữa, đợi khi kẻ ấy hết nóng, lại ôn hòa, bình tĩnh cùng kẻ ấy bàn luận khúc nôi, lâu dần kẻ ấy cũng bị cảm hóa. Trọn chẳng nên dùng đến những phương cách bất buộc, mạnh mẽ, dữ dội...

* Nay là lúc pháp nhược ma cường, muốn hộ trì Phật pháp thì ở ngoài đời dễ hơn, làm Tăng sẽ khó. Nếu các hạ nghiêm trì năm giới, chuyên niệm Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, lời nói tương xứng hành vi, sau đấy lại rộng khuyến hóa, chỉ dạy nhằm lợi khắp quần sanh, đừng cậy mình làm thầy mà tự cao, chẳng được nhận tiền tài để hưởng thọ. Ở nhà thì dạy cho cả nhà, ra đại chúng bèn vì đại chúng trình bày rõ khiến ai nấy đều ngưỡng mộ đức mà tin theo lời mình. Đây gọi là thân đã chánh thì chẳng ra lệnh mà người hành theo, lấy thân mình làm gương, hễ gió thổi qua là cỏ phải rạp xuống.

* Tôi hay viết câu liền như sau:

*(Bỏ đường tắt Tây Phương, cứu giới chúng sanh
dùng chi viên thành Phật đạo?)*

*(Rời pháp môn Tịnh Độ, mười phương chẳng thể
lợi khắp quần sanh)*

Các hạ hãy khởi phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn gánh vác pháp này. Dùng những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ xứng với căn cơ của cổ nhân để bảo ban làng xóm, sống trong trần lao chẳng nhiễm, tu Chân ngay trong cõi Tục thì mới hợp với ý nghĩa “viên dung, vượt thoát khỏi danh và mạng” vậy.

4.2. Trích Dẫn Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao

* Con người và trời đất cùng xưng là Tam Tài, chẳng phải là chuyện suông, mà ắt phải có công tham dự, giúp đỡ sự sanh trưởng, thì mới chẳng thẹn! Nếu không, thịt đi thân chạy, suốt đời ô uế trời đất, sao có thể gọi là Tam Tài cho được? Nếu lãnh hội được ý này, đem áp dụng vào việc dạy dỗ bọn trẻ, ắt sẽ có thể tận tâm kiệt lực, đem tài năng ra dạy dỗ, trước hết lấy đạo đức làm gốc, rồi mới đến văn chương là ngọn. Thường luôn giảng nói hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, khiến cho chúng nó biết đạo làm người, khởi tâm, động niệm, cư xử, nói năng đều thuần thiện, tạo thành cơ

sở có thể dựa vào bậc thánh. Kinh Dịch nói: “*Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã*” (Dạy cho bọn trẻ nhỏ lễ chánh sẽ có công lao bằng với công lao của bậc thánh nhân) tức là nói về điều này vậy!

Nếu có thể dùng cái tâm này để dạy người thì học vẫn lẫn phạm đức của chính mình ngày càng tươi sáng, con người sẽ được cảm hóa, chẳng đợi phải đốc thúc, quở trách mong cho họ sẽ thuận theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Hiện thời nước loạn, dân khốn đốn, anh em cùng một nhà đánh nhau, tranh đua muốn tàn hại lẫn nhau, dân không lẽ sống đều do cha mẹ trong gia đình không khéo dạy, thầy giáo trong nhà trường không khéo dạy, đến nỗi kẻ có thiên tư quen thói làm xằng, đũa không có thiên tư cam lòng làm kẻ giặc bướng bỉnh. Ông giữ được tấm lòng “gốc chánh, nguồn trong” để làm chuyện vun trồng nhân tài, tức là chẳng có địa vị mà nắm quyền cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp vậy, còn vui nào hơn? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập*)

* Ông làm nghề Y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi. Người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hãy nghe có cách được yên vui thì không ai chẳng sanh lòng tin. Với người mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ

có hiệu quả. Dầu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời. Tôi thường nói: *“Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt”*. Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lĩnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao! (*Hoảng Hóa Nguyệt San số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lon cha mẹ và con cái ta cùng tu Tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thầy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nữ nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, xóm giềng, hết thầy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoảng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục*)

Biên, quyển Thượng, Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu)

* Đầy tứ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đầy gọi là “dùng đức khuất phục người” vậy. Cổ nhân nói: “Dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành” chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tịnh tâm đời trước, gọi ân Phật sâu xa, để được là kẻ phạm phu triền phược đầy dẫy mà ngay trong đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh*)

* Tàn Xuyên chính là cội đất hoằng dương Tịnh Độ của các đại sư Thiện Đạo, Pháp Chiêu, Phi Tích, Huệ Nhật⁶⁸ v.v... xưa kia, hết thầy tứ chúng xưa kia cũng đã gieo thiện căn sâu đậm, nhưng do từ sau đời Đường hiem có người hoằng dương pháp này đến nổi tức căn chẳng thể phát sanh tăng trưởng, đáng than thay!

Gần đây thế đạo nhân tâm chìm đắm đến cùng cực, thiên tai dân không lẽ sống. Người có tâm lo cho thế đạo đều cùng đề xướng Phật học, bởi trong đời hiện thời nếu chẳng cực lực đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi... thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, muốn cho con người chẳng ăn nuốt lẫn nhau há có được chăng?

Nếu chẳng đề xướng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, trì trai, ăn chay thì sát kiếp ngập trời làm sao dứt được?

68. Huệ Nhật (680-748) là một vị cao tăng Tịnh Độ đời Đường, quê ở Đông Lai (tỉnh Sơn Đông), từ nhỏ đã theo học với pháp sư Nghĩa Tịnh sau khi Ngài cầu pháp từ Thiên Trúc trở về, tự thề sẽ noi gương thầy sang Ấn Độ. Năm Tự Thánh 19 (702), Sư ngồi thuyền qua các quần đảo Côn Luân (nay là nhóm đảo Mã Lai, Nam Dương), Phật Thệ (nay là Sumatra), qua Sư Tử Châu (Sri Lanka), rồi đến Ấn Độ, triều lễ thánh tích, tìm cầu kinh điển bằng Phạn văn, tham phỏng các vị thiện tri thức suốt mười ba năm không nề hà gian khổ. Qua gian khổ, ý nguyện nhàm chán Sa Bà, sanh về Phật quốc yên vui càng sâu đậm, các vị Tam Tạng pháp sư mà Sư được tiếp xúc đều nồng nhiệt khen ngợi Tịnh Độ A Di Đà thù thắng. Khi Sư đến nước Ma Kiệt Đà, ở phía Đông kinh đô có một quả núi trên đó có tượng Quán Âm, Sư đến lễ thánh tượng, nhịn ăn cầu nguyện, đến ngày thứ bảy mới cảm được Đại Sĩ hiện thân sắc vàng, xoa đầu khai thị. Sư tiếp tục đi tham học nơi bảy tiểu quốc nữa, đến năm Khai Nguyên thứ bảy (719) mới trở về Trường An, dâng lên tượng Phật và kinh điển. Huyền Tông sắc tứ danh hiệu Từ Mẫn Tam Tạng. Sư siêng tu pháp môn Niệm Phật, hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ, biên soạn các tác phẩm như Vãng Sanh Tịnh Độ Tập (3 quyển), Ban Châu Tam Muội Tán v.v...

Nếu chẳng đề xướng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, chẳng thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau, những tà thuyết bạo hành sẽ khiến cho nhân dân trong khắp cõi đời cùng mắc nỗi khổ tử vong. Nếu chẳng đề xướng tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lục đạo luân hồi ai có thể thoát được? Đây chính là lý do những bậc quân tử hiệu lý đề xướng Phật học trong thời gần đây!

Phật pháp chứa trọn cương thường, luân lý thế gian, lại còn nói rõ quả báo thiện ác do trọn hết hay không trọn hết tình nghĩa, bốn phận. Quả thật là đạo trọng yếu để trị quốc bình thiên hạ. Những kẻ đố kỵ là vì chẳng suy xét nghĩa lý, bài xích xằng bậy, nói nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi đều là những lời Phật dối trá để bịp người! Do vậy, mọi người đều coi nhân quả luân hồi là chuyện mộng lung, khi gió Âu vừa thổi qua, đều tranh nhau hòa theo. Nếu tin sâu nhân quả luân hồi, những tà thuyết ấy dù có dữ dội đến mấy, làm sao gây mê hoặc rối ren cho được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa trình bày duyên khởi của Đôn Luân Liên Xã*)

* Ngày Rằm mỗi tháng mọi người đều tụ lại, niệm Phật một ngày, hễ thuận tiện bèn giảng diễn tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu những người tu trì hiểu

thấu triệt tự tâm, chẳng đến nổi miệng nói cầu sanh Tây Phương mà lòng vẫn nhớ tưởng cõi này đến nỗi công phu sắp thành nhưng vì mắc lỗi hiểu lầm đến nỗi mong thoát sanh tử mà vẫn đọa luân hồi! Lại còn chỉ dạy cặn kẽ nhân quả, thuật đủ tội phước.

Phàm những ai tham dự liên xã đều phải “*giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều thiện*”, giữ gìn tám đức “*hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, si*”, dốc chí nơi tám sự “*cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, ắt sẽ khiến cho Nho tông nhờ Phật pháp mà được phục hưng, sự giáo hóa của Phật do hàng Nho sĩ mà được truyền rộng rãi, bù đắp thiên kiến “*trong lòng sùng phụng, ngoài mặt chống trái*”, tự làm, làm người của tiên nhân, dạy đời sau quy củ rộng lớn “*sống trong cõi trần học đạo, tự lập, lập người*”. **Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta; một ấp mười nhà, ắt có nhà trung tín.** Ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Người ta là trượng phu, mình cũng là trượng phu, chớ nên tự khinh rồi cam phận lui sụt, ngổ hầu chẳng cô phụ Phật tánh sẵn có nơi tâm mình và đại pháp liễu thoát ngay trong đời này! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện*)

5. Luận Chung Sự Tu Trì

* Đòi người khổ nhất là từ thuở bé không gặp được thầy lành, bạn tốt, đến nỗi mặc tình buông lung, gây các ác nghiệp, như câu nói: “*Duy thánh võng niệm tác cuồng dã*”, có nghĩa là: Tâm tánh về bản thể có thể làm bậc thánh, nhưng do không tu tỉnh, nên trở thành cuồng ngu! Nay ông đã biết năm mươi sáu năm qua, ba nghiệp thân - miệng - ý đều chẳng thanh tịnh, nhưng ý nghiệp nặng nề hơn cả. Ấy là vì ý nghiệp làm chủ, do ý nghiệp dấy lên niệm thiện hay ác nên thân - miệng bèn nói những lời thiện - ác và làm những chuyện thiện - ác.

Nay đã biết hổ biết thẹn, muốn quy y Phật pháp để làm căn cứ cho tiền đồ tu trì thì cố nhiên phải nên tích cực giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin, phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Có câu: “*Duy cuồng khắc niệm tác thánh dã*” (Cuồng mà chế ngự được ý niệm bèn thành thánh). Thành cuồng hay thành thánh chỉ do đánh mất ý niệm hay chế ngự được ý niệm mà thôi. Từ nay trở đi, hãy nên đau đáu tự gìn giữ, phàm ý niệm bất hảo vừa dấy lên liền sanh lòng hổ thẹn lớn lao, hết như lửa lò trước bao người đông đúc, hổ thẹn muốn chết! Lâu ngày như thế thì ý niệm xấu sẽ tự nhiên chẳng dấy. Ý nghiệp

được tịnh thì thân - miệng cũng tịnh theo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Phụng Ngô*)

* Thư tuyên ngôn của Cư Sĩ Lâm ngôn từ lẫn lý lẽ châu đáo, rất hay. Chương trình hoạt động đại lược cũng hết sức nghiêm chỉnh, châu đáo, trọn vẹn. Đủ thấy được tình trạng giáo hóa Phật pháp hưng thịnh ở Vân Nam vậy. Nhưng hãy nên tận lực vâng giữ bốn phận, đừng học theo thói ham cao chuộng xa. Ví như mặc áo, ăn cơm, đều phải căn cứ theo kích cỡ thân thể, sức ăn của mỗi người, mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừ, khát uống, đói ăn thì dưỡng được thân tâm. Làm sai cách thì thân lẫn tâm đều bị thương tổn, chứ nào phải uống, ăn, áo vải mỏng, áo cừ là tốt hay chẳng tốt, mà là do người có khéo dùng hay không? Bất luận tư cách như thế nào, đều phải giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh Độ vì cậy vào Phật từ lực so với ỷ vào tự lực, sự khó - dễ thật cách biệt vời vợi như trời với đất!

Gần đây có những hạng người luôn phô phang sự giải thoát đặng miệng, chê người niệm Phật là hủ bại đơì chết, xin chớ bị những tà thuyết ấy mê hoặc. Trong thời thế hiện nay, dầu là bậc cổ Phật đã thành Chánh

Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ! Dầu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cạy vào Phật lực để dạy dỗ. Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà lại còn thành hại! Chánh nghĩa của Phật giáo hoàn toàn khế hợp luân thường đạo lý.

Trong đời có kẻ ngoài đạo thường hay xén trộm những danh từ Phật giáo để thực hành đạo vận khí, luyện đan, rồi gọi hoa mỹ là Tam Giáo Đồng Nguyên (Nho, Thích, Đạo cùng nguồn). Nguồn cố nhiên là đồng, nhưng cành nhánh thì khác! Nếu chấp nhận kiểu “đồng nguyên” ngoài miệng của bọn dị kiến là nguồn cội của Tam Giáo sẽ đắc tội lớn với thánh nhân Tam Giáo! Nay dốc sức nơi luân thường và pháp môn Tịnh Độ thì tương lai ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ gặp được nguồn. Nếu bỏ điều này, coi pháp bí mật truyền dạy cách luyện đan là nguồn cội, sẽ trở thành vĩnh viễn mê mất nguồn cội chân thật, đi mãi trong nẻo tà! Hãy nên đem điều này nói với những tín sĩ có túc căn nhưng chưa biết cội nguồn của Phật pháp thì lợi ích lớn lao lắm. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2*)

* Cư sĩ niên kỷ đã 65, một con một cháu đều bị chết yểu. Luận theo nhân tình thế gian, thật đáng đau lòng. Nếu luận theo pháp môn Tịnh Độ liễu sanh tử thì thật là nhân duyên tối thắng để siêu phàm nhập thánh! Người thế gian sanh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi không biết sẽ về đâu, thật là một đại sự trọng yếu trong đời người; chỉ vì tâm niệm coi trọng con cháu nên đâm ra coi thường, bỏ qua đại sự sanh tử của chính mình. Nếu con cháu của cư sĩ trường thọ, làm quan, chắc sẽ bị phú quý phước lộc làm mê, sợ rằng khó phát được cái tâm “quy y Tam Bảo, xin thọ Ngũ Giới” này, bất quá chỉ mong “phước, thọ, chết tốt lành” là cùng, đối với Pháp Thân huệ mạng vẫn không nghe không tin! Nếu như chuyện gì cũng vừa ý, há có thể nào vượt ra ngoài chuyện sống uổng chết phí được hay chẳng?

Cảnh ngộ hiện thời chẳng tốt đẹp, biết đời người không gì chẳng phải là khổ, lại được đọc tường tận các sách Tịnh Độ, biết chúng ta vốn sẵn có chốn quê cũ An Lạc để yên thân lập mạng, suốt ngày chỉ nghĩ đến Phật, chỉ cầu Tịnh Độ, mãi cho đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đến tột cùng đời vị lai hưởng diệu lạc thù thắng. Do vậy, mới nói “*con ấy, cháu ấy quả thật đã thành tựu đại sự liễu sanh tử cho ông nên mới mất trước!*”

Hãy nên sanh tâm cảm kích lớn lao, nguyện dùng

công đức niệm Phật của chính mình để tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn cho họ, ngõ hầu họ cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương khiến cho người con, người cháu ấy chẳng uổng công chết sớm! Người khéo đạt lợi ích thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện lợi ích; người cam lòng chịu bị tổn hại thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện tổn hại, tùy theo kiến giải của mỗi người như thế nào! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường*)

* Nội công (công phu tu hành bên trong) là tự tu; ngoại công là rộng hành các phương tiện, như: giúp đỡ kẻ ngặt nghèo, cứu người khốn đốn, cứu giúp tai nạn v.v... Đây gọi là Trợ Đạo. Những điều này nên dựa theo sức lực, khả năng của chính mình mà làm. Nếu không có sức thì hoặc dùng lời nói để chỉ điểm cho kẻ mê, hoặc dùng lời lẽ khuyên lơn đại chúng, khiến cho mọi người đều thành tựu chuyện của họ. Nếu do được người ta thỉnh mà niệm kinh, niệm Phật thì phần nào vẫn là kẻ lười nhác, mang hành vi dựa dẫm vào Phật để kiếm sống. Sao ông lại chen lẫn vào đó, chẳng sợ đánh mất phẩm cách của chính mình hay sao? Chỉ có một sự đáng làm, nhưng ông đã có nghề nghiệp, nên cũng chẳng thuận tiện lắm; tức là hễ gặp lúc có người thường ngày niệm Phật, hoặc con cháu người ấy tin

Phật, khi người ấy lâm chung, thỉnh các vị cư sĩ đến trợ niệm, lợi ích ấy rất lớn. Hãy xem sách Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết. Người niệm Phật hãy thường đối trước cha mẹ của chính mình và những quyến thuộc khác nói cho họ nghe lợi ích của sự trợ niệm, đề đến khi có người mạng chung, quyến thuộc trong nhà đều cùng niệm Phật thì người sắp mất ấy ắt nương theo Phật lực sanh về Tây Phương. Dầu chẳng sanh về Tây Phương, ắt cũng sanh vào đường lành, có lợi ích rất lớn, chẳng tổn thương mảy may! Nếu chẳng biết điều này, khi chưa chết đã lo tắm rửa, thay quần áo sẵn, nếu người sắp mất ấy do bị dòi động mà đau đớn, sân tâm liền nổi lên. Dầu chẳng đến nổi nổi sân, nhưng qua một phen dòi động, tâm cũng chẳng được thanh tịnh. Nếu là người bình thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trải qua một phen như thế, chắc chắn bị mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh! Nếu chưa chết đã khóc lóc trước khiến cho người sắp mất ấy sanh tâm ái luyến thì cũng là lôi kéo khiến cho người ấy bị đọa lạc. Một cửa ải lâm chung khẩn yếu tốt bậc, do vậy phải nên trợ niệm. Người trợ niệm cần đọc kỹ sách Sức Chung Tân Lương, bảo con cái quyến thuộc trong nhà đều tuân theo chỉ dạy của người trợ niệm, mới hòng chẳng đến nỗi do tâm hiếu lại đâm ra làm cho cha mẹ phải chịu nỗi khổ đọa lạc! Ngoài việc trợ niệm ra, mọi chuyện đều chẳng nên làm. Nếu phong cách này (tức cách ứng

phó này) được lưu hành thì chuyện thiện nam tín nữ niệm Phật chẳng trở thành một nếp xử sự phổ biến hay sao? Người hiểu lý chọn lấy chuyện tốt lành để làm, người không hiểu lý chỉ thấy lợi bèn theo, người có nghề nghiệp lỡ làng công việc, kẻ lười nhác bèn dựa vào đó để chòng gheo, chẳng những gây trở ngại cho Tăng chúng mà còn gây trở ngại cho chính tang gia. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 2*)

* Người niệm Phật nên đi, đứng, nằm, ngồi, tâm thường nghĩ nhớ đức Phật. Lúc bình thời, ở nơi sạch sẽ, hoặc lúc áo mũ chỉnh tề thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Chỉ lúc ngủ, đại tiểu tiện, trần truồng tắm gội thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu gặp tai nạn đao binh, nước, lửa, thì ở bất cứ chỗ nào, trong bất cứ trạng thái nào đều nên niệm ra tiếng, vì niệm ra tiếng so với niệm thầm càng đắc lực hơn. Nếu khi nữ nhân sanh con, nên niệm ngay từ lúc chưa sanh và đến khi lâm bồn, tuy trần truồng chẳng sạch sẽ, vẫn nên niệm ra tiếng. Lúc ấy là lúc có liên quan đến tánh mạng, như té trong lửa nước cầu được cứu giúp, chẳng thể luận trên dáng vẻ chẳng đoan trang, ô ướ, bất tịnh v.v...

Nữ nhân khó sanh chẳng phải là có oán thù với đấng con sắp sanh mà chính là oan gia đời trước, gây trở

ngại hầu sản phụ không sanh được, khiến cho bị đau khổ. Sản phụ hãy niệm Phật và những người chăm sóc chung quanh đều cùng vì sản phụ ấy niệm Phật thì những kẻ oan gia kia nghe tiếng niệm Phật sẽ liền tháo lui, chẳng dám cản trở! Do vậy, càng phải nên dạy con gái niệm Phật từ nhỏ ngõ hầu diệt sẵn cái nạn này.

Nếu là người lúc bình thường luôn niệm Phật chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi mắc sự nguy nan này. Dầu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật mà lúc ấy có thể chí tâm niệm thì chắc chắn cũng được dễ sanh! Kẻ ngu chấp lý hẹp hòi, cho là hễ đàn bà trong nhà sanh con thì cả nhà đều chẳng được cúng Phật, cũng chẳng được niệm Phật; nếu không, sẽ mắc tội! Đây là chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chứng, chỉ biết lẽ thường, chẳng biết quyền biến, đáng thương vậy thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Tự Giác*)

6. Dạy Cách Tránh Khỏi Tai Nạn Do Sanh Nở

* Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, nếu mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gập, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng “*nam-mô Quán*

Thế Âm Bồ Tát”. Chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm tâm lực nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đưa con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đưa con mắc các chứng kinh phong v.v...

Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự đẽ luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư?

Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lỏa lồ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những niệm Quán Âm khi ấy không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ước đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thệ nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng

danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khấp*)

* Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói “trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng!” Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến sáu bảy ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ bê việc tu trì ư?

Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp thì pháp nào cũng viên thông, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khấp*)

* Ông ta lại từng thương xót siêu độ những cô hồn chết vì băng huyết khi sanh nở. Nhưng đối với hết thầy nữ nhân cũng nên lập cách sao cho họ vĩnh viễn không bị băng huyết khi sanh nở, khiến cho họ được lìa khổ hưởng vui ngay trong đời này. Cách đó ra sao? Phàm là con gái thì từ bé hãy nên niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để cầu tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ. Nếu bình thời thường niệm sẽ tự có thể tiêu diệt được tai nạn trong khi sanh nở này. Như đang lúc sanh nở, vẫn nên chí thành khẩn thiết niệm “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” chắc chắn sẽ dễ sanh, chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc bình thường hoàn toàn chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm, nhưng lúc sanh nở chịu niệm thì cũng nhất định được sanh nở bình an. Nếu có ai khó sanh, hãy dạy kẻ ấy niệm và những người săn sóc chung quanh cùng nhau niệm cho người ấy, cũng quyết định liền được sanh nở bình an.

Chớ nói “đang khi sanh nở lỏa lồ, ô uế, niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ bị tội!” Phải biết: Đây là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể dùng đạo lý lúc bình thường để luận định được. Lúc bình thường, phàm là người niệm Phật nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc ngủ nghỉ, tắm giặt, đại tiểu tiện v.v... chỉ nên niệm thầm trong tâm, chẳng nên niệm ra tiếng rõ ràng. Còn khi sanh sản, chớ nên niệm thầm trong tâm, mà phải niệm ra tiếng rõ ràng, bởi niệm thầm sức yếu, nếu trong tâm gắng sức sẽ

rất có thể bị bệnh. Niệm rõ tiếng thì hơi thở thông suốt, hết sức hữu ích, chớ nên nói “niệm sẽ mắc tội!” Phải biết: Bồ Tát xem hết thấy chúng sanh đều giống như con ruột. Nếu con cái ngã vào nước - lửa, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ nghe thấy liền cứu ngay, quyết chẳng vì lý do áo mũ không chỉnh tề, thân thể không sạch sẽ mà chẳng cứu! Nếu lúc bình thường cũng niệm giống như khi vì chẳng đặng đừng mà phải lỏa lồ ấy thì tội chẳng nhỏ. Cần phải luận theo sự, đừng chấp chết cứng!

Có kẻ chẳng hiểu lý, hễ trong nhà có người sanh nở, họ bèn lánh đi nơi khác hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng hễ bị huyết tanh xông nhằm thì những kinh, chú, Phật hiệu đã niệm từ trước đều trở thành không có công đức gì! Những kẻ ngu ấy đáng thương xót tội bậc! Hãy nên đem lời Quang bảo với khắp mọi người, ắt sẽ chẳng còn ai bị chết vì sanh sản nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương - 1*)

7. Dạy Về Những Chương Ngại Do Lý Học Gây Nên

* Thiện căn của người đọc sách bị những vị tiên sinh bên Lý Học đoạn dứt, nhưng các tiên sinh bên Lý Học đều trộm lấy những nghĩa lý của Phật pháp để tự xưng hùng, lại sợ người đời sau học Phật bèn ra sức bài xích hòng ngăn lấp hàng hậu học để họ chẳng biết đến

Phật pháp; nhưng làm sao ngăn trở được người có chút tấc căn! Chẳng qua là dùng mảnh khốe ấy để người căn tánh trung hạ không cách nào đích thân được gọi nhuần pháp trách vậy!

Nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người trong bọn họ, xin hãy chia thư ra giao cho họ, hoặc đem những ý chánh yếu trong thư này viết lại gửi đi để mỗi người tự sao lấy. Không có hình chụp của tôi gửi kèm theo, chỉ mong những người xin quy y hãy lễ Phật, niệm Phật, dùng hình tôi nào có ích chi? Cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa không lúc nào nhiều hơn lúc này. Trong thời thế này, mọi người đều phải phát tâm cảm kích, ai nấy phải nỗ lực tu đạo làm người trong luân thường và ứng xử hằng ngày, kiêm tu pháp môn Tịnh Độ. Đây gọi là “*tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, Phật pháp lẫn thế pháp đều cùng hành*”.

Nếu trong những kiếp xưa chẳng gieo căn lành, danh hiệu Phật còn khó được nghe! Nếu chẳng tích cực tu trì sẽ trở thành lên núi báu trở về tay không, cô phụ ân Phật và tánh linh của chính mình quá lắm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam - 2*)

* Bỏ nhân quả mà bàn về sự bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da! Nếu là tâm bệnh

thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được! Những người nói giọng cao xa, cứ bảo “nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật” chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn Hoặc chứng Chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả! Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu!

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả, luân hồi, chẳng biết “chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân!” Đã không có nhân quả, luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân?

Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn được! Họ vẫn tự kiêu là “đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành”, đến nỗi xuất hiện những cảnh phê kinh điển, phê luân thường, phê hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v... đều là do sự

bài xích nhân quả luân hồi ấy uơm thành!

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm! Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khản yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Bội Độ Trai Văn Tập*)

8. Dạy Lễ Trọng Yếu Trong Việc BỐ THÍ

* Tôi muốn cho các vị đều cùng phát tâm, tùy phận tùy sức cứu tế. Có sức ra sức, không có sức thì dùng lời nói khuyên người có sức, đây cũng là chuyện tốt lành.

Lại nữa, nữ nhân hiện thời, đồ trang sức trên đầu, xuyên đeo tay, hoa tai, nhẫn đều chớ nên đeo, hễ đeo sẽ chuốc họa. Nếu để lại cho con cái sẽ gieo họa cho con cái. Nếu chết đi chôn theo ắt sẽ gặp nông nổi đào mồ lộ thây, nhục lắm! Nếu chịu đem những món trang sức ấy cứu trợ tai nạn thì chính là “đưa họa đi, đón phước tới” vậy. Xin hãy bày tỏ ý nghĩa này với hết thảy mọi người. Nếu hàng phụ nữ chịu bố thí như vậy thì khoản tiền ấy lớn lắm! Đừng cho lời tôi là viễn vông, mà đây là lời chí lý chí tình! Những người giàu có ở Cao Bưu,

Thiệu Bá⁶⁹ trước kia có lúc nào chẳng nghĩ đến con cháu, chẳng chịu bỏ thí cứu tế chút nào, nước lũ dâng lên, nhà cửa, đồ đạc, người nhà đều tan đàn xẻ nghé, mười phần chẳng còn được một! Mỗi thôn mấy chục nhà tìm một cái nồi, một cái lò cũng không ra!

Ông Tào Tung Kiều ở Dương Châu mua nồi, bếp, gạo, củi, cứ mấy chục nhà biếu một cái nồi, dùng thuyền to chở đến. Trong mỗi thôn dùng thuyền nhỏ để đưa tới. Nói đến chuyện này khiến người ta rơi nước mắt. Có nhà chưa sập thì rần lẩn rết đều cuộn đầy bên trên, người ta có muốn vào nhà cũng chẳng dám vào. Trên cây cũng vậy, đáng thương vô cùng! Nếu những phụ nữ vẫn muốn giữ những vật chuốc họa, chẳng chịu dùng để cứu tế, e rằng đời sau họ cũng gặp phải tai họa này, không có ai chịu cứu vớt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương*)

* Gần đây, có những phụ nữ tuy có những chiếc nhẫn đeo tay hay xuyên vàng đã chê là lỗi thời, nhưng bảo họ đem đóng góp cứu trợ, nhìn vào tình hình thì thấy họ vẫn không chịu bỏ ra. Ngày hôm qua, Đương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân đến nơi, toàn thể đại chúng trong chùa giảm bớt tiền chi dụng, góp

69. Cao Bru, Thiệu Bá đều là những thành phố nằm ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử), thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

lại được hai trăm hai mươi tám đồng, hôm nay đã gửi đến Tào Phủ để cứu trợ miền Giang Bắc.

Lần trước, sau khi Hán Khâu mắc nạn lụt, Linh Nham đã đóng góp hơn một trăm hai mươi đồng, gửi lên Thượng Hải giao cho hội Cứu Trợ Thiên Tai Hán Khâu. Sự bố thí của các sư có thể nói là trọn hết tấm lòng không thiếu sót vậy. Những người có tiền trong cõi đời vẫn chẳng chịu nghĩ thương những người dân bị tai nạn, đáng gọi là những kẻ si, uổng công tích cóp tiền tài cho con cháu tiêu xài phí phạm! Đấy gọi là “vứt bỏ công đức để chuốc lấy tội lỗi”, khiến người mắt sáng xót thương. Sợ rằng người ấy đời sau nếu gặp phải tai nạn sẽ trọn chẳng gặp được người khác cứu giúp, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng xót ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều*)

9. Dạy Hãy Giữ Lòng Trung Hậu, Khoan Dung

* Cổ đức nói: “*Chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi*” bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để mong được gia chủ tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn,

nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được! Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiên khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng Thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Dem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp của Quang chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước. (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù*)

10. Dạy Phương Thức Vận Dụng Luân Thường Một Cách Quyền Biến

* Chuyện của vị tên X... nọ cố nhiên nên dùng tình để luận, chớ nên cố chấp vào lẽ thường để đoán định. Sự việc xảy ra đã năm năm rồi, cũng không sợ người ta thấy nghe. Người ấy đã cùng với người tên Y... sống yên, chỉ nên để mặc. Nếu thật sự có lòng hiếu thảo, ắt sẽ thay cho người ấy lễ Phật sám hối, cầu cho người ấy giác ngộ. Lúc đến thăm hỏi nên khuyên người ấy niệm Phật, đây là dùng tình cảm. Nếu người ấy gặp khốn khó thì chẳng ngại gì châu cấp. Buôn bán trái lẽ để sống, không thể khuyên can được thì chuyện này lấy tình mẹ

con làm chuẩn, chẳng thể luận theo lẽ thường!

Còn đối với ông Y... ấy cũng chẳng được coi như kẻ oán cừ, phải “kính nhi viễn chi” mới là hợp lẽ. Nam nữ tuy khác, tâm niệm vốn đồng. Trong đời, có những gã đàn ông trong nhà đã có thê thiếp, vẫn còn lang chạ với phụ nữ của người khác ở bên ngoài, con cái người ấy chẳng thể vì chuyện đó mà không coi ông ta là cha. Đối với người được cha thương yêu, tuy chẳng thể coi như là mẹ, nhưng cũng chớ nên xem như kẻ oán cừ. Coi như kẻ oán cừ tức là oán cừ cha! Sau này có thể dẫn đến những cử chỉ báo oán, hành hung, vì thế hãy nên kính nhi viễn chi!

Sách Lễ Ký nói: “*Phụ mẫu chi sở ái diệc ái chi. Phụ mẫu chi sở kính diệc kính chi*” (Cha mẹ yêu mến gì thì ta cũng yêu mến nấy. Cha mẹ kính trọng gì thì ta cũng kính trọng nấy). Đối với chó, ngựa mà đều còn như thế huống gì là con người? Chỉ cần chẳng sanh phân biệt, tận hết lòng hiếu thảo của chính mình thì đối với thiên lý, tình người, lẫn Phật pháp đều có thể chẳng trái nghịch. Mong hãy đem ý này nói với người ấy. Người ấy sẽ trọn được lòng hiếu đôi bề, có thể khiến cho cha mẹ sanh lòng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, lấy niệm Phật làm chuyện chánh. Chỉ nên quên đi chuyện cũ thì tình cảm mỗi ngày một thân thiết, lời nói sẽ nghe lọt tai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 3*)

X - NÊU RÕ NHỮNG ĐIỀU CHÁNH ĐÁNG, BIỆN ĐỊNH NHỮNG ĐIỂM SAI LẦM

* Trả lời đại lược câu hỏi, chẳng thể trình bày chi tiết.

1) Đã có Phật đường thì cần gì phải thờ Phật trong liêu phòng nữa? Con người hiện thời quá nửa là vô ý, hời hợt, nơi điện đường còn phóng túng không kiêng dè, ngay đang trong lúc niệm tụng lễ bái còn dám phóng trung tiện thì trong liêu phòng sẽ càng phóng túng chẳng thể nói được! Nếu thờ Phật trong liêu phòng hãy tưởng như Đại Hùng bảo điện, may ra mới đỡ chuốc lấy tội lỗi! Nếu không, công rất ít, tội lỗi vô lượng! Thường thấy bậc pháp sư ở vào địa vị cao trọng mà vẫn chẳng nghĩ đánh trung tiện là phạm tội, trong lúc niệm tụng vẫn dám phạm, hướng chi hàng học nhân hờ hững, hời hợt ư? Lời nói của tọa hạ chính là do không có cách nào khác được bèn tạo phương tiện cho ông ta; hãy bảo ông ta lễ bái trong chánh điện chính là phương pháp bậc nhất để khỏi chuốc lấy tội lỗi đây!

2) Pháp Quán Tượng cũng chẳng hoàn toàn dựa vào tượng bên ngoài. Nếu chú trọng vào tượng bên ngoài thì Báo Thân và Hóa Thân vốn là một thể, sao lại có vướng mắc nơi Báo Thân và Hóa Thân? Ví như đưa con thấy cha mẹ mặc quần áo trịnh trọng và thấy cha

mẹ mặc thường phục trọn chẳng nghĩ lúc này là đúng, lúc kia là sai, hoặc lúc kia là đúng, lúc này là sai! Người ấy quán Phật mà có cái Thấy chấp tướng như vậy, nếu chẳng phải là tự khoe công phu, ắt là có chấp chẳng thông suốt! Hạng người ấy lâu ngày chắc sẽ bị ma dựa, chứ không phải là bậc tu hành chân thật đâu!

3) Hình tượng nếu có thể để thờ hoặc cất giữ thì hãy thờ hoặc cất giữ. Nếu chẳng thể thờ hoặc chẳng giữ được nữa thì hãy thiêu hóa đi. “*Hủy tượng đốt kinh tội cực sâu nặng*” là nói về những thứ kinh tượng có thể để thờ hoặc cất giữ được. Nếu chẳng thể để thờ hoặc để giữ được mà vẫn cứ chấp vào nghĩa này sẽ trở thành khinh nhờn! Ví như đưa con trong lúc cha mẹ còn sống, ắt phải tìm cách sao cho cha mẹ được an toàn. Cha mẹ mất rồi, ắt phải tính cách mai táng. Nếu là kẻ ngu chẳng hiểu lý, thấy người khác mai táng cha mẹ được coi là thực hiện lòng hiếu bèn muốn đem cha mẹ còn đang sống sờ sờ chôn đi cho trọn hiếu, hoặc thấy người khác phụng dưỡng cha mẹ là hiếu, bèn đối với cha mẹ đã chết vẫn theo quy cách phụng dưỡng thường nhật mà phụng dưỡng. Hai loại người này đều chẳng phải là chân hiếu!

Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho

tro bay sang chỗ khác. Đem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hễ bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nổi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. Người làm được như vậy là làm đúng pháp. Nếu chẳng bỏ thêm cát, đá, chắc chắn sẽ bị trôi giạt vào hai bờ, vẫn trở thành tội khinh nhờn. Tội ấy chẳng nhỏ đâu, nhưng chớ nên dùng đá dơ, gói dơ!

4) Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ Tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương? Người niệm Phật lâm chung thấy Phật và thánh chúng đích thân đến tiếp dẫn, há nên chấp chết cứng như thế? Nếu đúng là như vậy thì Phật cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ Tát cũng chẳng đáng gọi là Bồ Tát! Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. ***Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A Di Đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát.*** Những điều [cảm ứng như vậy được] sách cổ ghi chép càng khó tính kể. Nay trong trần lao thì chuyện gì cũng viên thông, nhưng trong tu trì thì chuyện gì cũng chấp chết cứng, chẳng đáng viên thông mà lại lâm lạc viên thông, chẳng đáng chấp trước mà cứ chấp trước chết cứng! Do điều này

mà biển khổ sóng dậy liên tục, luân hồi không ngừng nghỉ vậy. Người có kiến giải như vậy khác nào trẻ nít, con người như vậy nào đáng để cùng bàn luận nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên quyển 1, Thư trả lời sư Như Sấm hỏi thay cho bạn*)

* Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo là đèn đuốc cho đêm dài vô minh, là thuyền bè trong biển khổ sanh tử, không riêng gì người có chí mong đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử phải nên nương tựa, mà ngay cả những ai chuyên tâm nơi “minh đức, thân dân, trị quốc, an bang” cũng phải lấy việc “sáng tỏ diệu lý tâm tánh, nêu rõ sự thực nhân quả” làm một trợ duyên lớn lao cho việc xoay chuyển lòng người, phụ trợ nền bình trị của nước nhà vậy.

Vì thế, xưa kia, những bậc lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng trung lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều do học Phật đắc lực mà ra, không ai chẳng dốc sức nơi trang nghiêm tượng Phật, lưu thông kinh Phật, hộ trì Tăng chúng tu hành, mong cho hết thảy nhân dân đều cùng do **Trụ Trì Tam Bảo** mà ngộ nhập **Nhất Thể Tam Bảo**, đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh sẵn có nơi tâm này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký ghi công đức xây dựng lâu Tàng Kinh chùa Đại Phật Lăng Vân thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Tứ Xuyên*)

(Chú thích:

Trụ Trì Tam Bảo là một trong ba loại Tam Bảo, hiện diện trong thế gian để duy trì Phật pháp, gồm tượng Phật, hình Phật là Phật Bảo, kinh sách là Pháp Bảo, Tăng chúng xuất gia là Tăng Bảo.

Nhất Thể Tam Bảo, còn gọi là Đồng Thể Tam Bảo, Đồng Tướng Tam Bảo. Tuy phân thành ba ngôi, nhưng vốn cùng một thể nên gọi là Nhất Thể. Nếu giải thích chi tiết hơn thì:

1) Luận trên mặt Sự, Phật thể mang ý nghĩa giác chiếu là Phật Bảo. Phật đức mang tác dụng làm khuôn mẫu (quỹ pháp) nên là Pháp Bảo, đã dứt hết những sự tranh cãi, trái nghịch nên là Tăng Bảo. Ba nghĩa này tuy khác, nhưng xét về mặt bản thể của mỗi đức lại chẳng khác nên gọi là Nhất Thể. Đây là giáo nghĩa được tuyên dương bởi các bộ luận Thành Thật, A Tỳ Đàm cũng như các kinh luận Đại Thừa.

2) Luận trên phương diện phá tướng và “bản thể vốn là không” thì Sự tuy có sai khác, nhưng Thể đều không, nên gọi là Nhất Thể. Giáo nghĩa này chỉ hạn cuộc trong giáo pháp Đại Thừa.

3) Luận trên thực tế, tuy Tam Bảo khác biệt nhưng đều lấy thực tánh làm Thể nên gọi là Nhất Thể. Đây cũng là một giáo nghĩa chuyên biệt của Đại Thừa. Hoa Nghiêm Kinh Không Mục Chương, quyển hai, giảng: “*Đồng Tướng Tam Bảo nghĩa là đồng một pháp tánh*

Chân Như, có ba nghĩa khác biệt là giác nghĩa, quỹ pháp nghĩa (khuôn phép), hòa hợp nghĩa, nên gọi là Tam Bảo”).

* Đại Tạng Kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư?

Pháp được nói trong Đại Tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh, Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diệu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo; vì thế, vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn!

Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy cơ lập giáo,

đổi bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại Thừa) bèn nói thẳng đại pháp Nhất Thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô Sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu Thừa) bèn trước hết dạy nương theo những pháp môn Quyền - Tiệm để tu trì hồng vun bồi nền tảng bước vào Đại Thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lối Phật dạy trong cả một đời được chia thành 5 thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới⁷⁰. Trời, người, Nhị Thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.

2. Thời A Hàm: Nói pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Quyền, Tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành⁷¹.

3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo¹²² thích hợp khắp ba căn.

4. Thời Bát Nhã: Dùng diệu trí Bát Nhã để trừ sạch

70. Giới ở đây là pháp giới. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm đã vượt ra ngoài mười pháp giới nên gọi là “*nằm ngoài các giới*”.

71. Hóa thành: Cái thành được biến hóa ra. Đây là một thí dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa: Một người dẫn đường (đạo sư) dẫn mọi người đến chỗ có kho báu (bảo sở), đường xa gian nan, nguy hiểm, mọi người ngã lòng, muốn quay về, người dẫn đường bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn lao, tốt đẹp để mọi người vào đó, nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe rồi mới bảo cho mọi người biết đây chỉ là hóa thành, chỗ có kho báu rất gần, hãy mạnh mẽ lên đường. Cũng vậy, các quả vị thuộc Tiểu Thừa giống như hóa thành do Phật phương tiện bày ra để người tu chứng đắc hồng làm cơ sở tấn tu đạo Nhất Thừa.

tình kiến⁷² của phàm lẫn thánh.

5. Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Khai Quyền hiển Thật, khai Tịch hiển Bôn⁷³, thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong nhà sẵn có. Niết Bàn “*phù luật đàm thường*”⁷⁴, là giáo huấn tối hậu để ba nghiệp thân - khẩu - ý đều cùng thanh tịnh như Phật, Tam Học Giới - Định - Huệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiên, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các

72. Tình là những cảm xúc, ý niệm chấp trước, phân biệt, yêu - ghét, lợi - hại v.v... của chúng sanh, đôi khi còn gọi là “tình thức”. Tình kiến là những sự hiểu biết, nhận định dựa theo những cảm xúc, ý nghĩ, ý niệm phân biệt chấp trước ấy.

73. Khai Quyền hiển Thật: Chỉ ra những pháp đã lập trước kia là quyền biến, chưa thật sự là Nhất Thừa, dạy rõ pháp Nhất Thừa “*hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, không có ba thừa, ba thừa chỉ là giả lập tùy theo căn cơ để cuối cùng dẫn dắt chúng sanh về một Phật thừa*”. Khai Tịch hiển Bôn: Chỉ rõ đâu là những sự thị hiện, chỉ rõ sự thật nơi quả địa. Chẳng hạn, Phật Thích Ca thị hiện thành tám tướng thành đạo trong cõi Sa Bà, thọ mạng tám mươi năm, nhằm khích lệ chúng sanh căn cơ hạ liệt tấn tu, hướng về Phật quả, đó là Tịch. Theo như phẩm Thọ Lượng đã dạy: Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ rất lâu, thị hiện thành Phật trong các thế giới khác, trong mỗi cõi thị hiện dưới danh hiệu khác, thọ mạng khác biệt, dùng những Phật sự khác biệt để thành tựu chúng sanh. Đó là Bôn.

74. “*Phù luật đàm thường*”, còn gọi là “*phù luật thuyết thường*” là một dụng ngữ của tông Thiên Thai nhằm mô tả giáo thuyết của kinh Niết Bàn. Theo đó, đức Phật thương xót kẻ độn căn đòi Mật để khởi lên tri kiến đoạn diệt, hủy phá giới pháp, quên mất giáo thừa, cho Như Lai là vô thường, ham thích đọc tụng sách vở, kinh điển của ngoại đạo, nên đánh mất cả giáo pháp lẫn giới luật. Vì thế, trong kinh Niết Bàn, đức Phật giảng giải căn cứ giới luật để phù trợ giới môn (phù luật), cũng như nói đến lý Phật tánh thường trụ (đàm thường) nhằm phụ trợ giáo thừa.

môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, những tông ấy mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được!

Chú thích: Tứ Giáo: Bốn loại lớn trong cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai, tức Tạng, Thông, Biệt, Viên. Trong ấy, Luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo; dù đạt đến viên mãn Bồ Đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dẫn cho đã chứng Đăng Giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời Mạt nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được ! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hể siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho Đại Tạng Kinh bản Tích Sa*⁷⁵ đời Tống được in

75. Tích Sa Bán hay còn gọi là Tích Sa Tạng, gọi đầy đủ là Tích Sa Diên Thánh Viện Bản, là một trong năm loại bản in Đại Tạng Kinh thuộc đời Tống (Đại Tạng Kinh được tập thành và tu chỉnh trong nhiều đời. Hiện thời, tuy bản Càn Long Đại Tạng Kinh được coi là bản hoàn chỉnh nhất của Đại Tạng Kinh Trung Hoa, nhưng đa phần các bản in Đại Tạng Kinh đều căn cứ vào bản đời Tống. Ngay cả Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh - bản được coi là tiêu chuẩn của Đại Tạng Kinh Hán truyền hiện thời - cũng chủ yếu dựa vào bản đời Tống). Vào Đoan Bình nguyên niên (1234) đời Tống Lý Tông nhà Nam Tống, có thuyết nói là vào năm Bảo Khánh thứ nhất (1225), Triệu An Quốc, Pháp Âm, Hoảng Đạo v.v... đứng ra quyên mộ, khắc in Đại Tạng Kinh tại chùa Diên Thánh Viện ở phủ Bình Giang (thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô). Diên Thánh Viện về sau đổi tên thành Tích Sa Thiên Viện, nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng hay

theo lối ảnh ấn⁷⁶)

* Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm “đề cao điều chánh, quở trách thói tà”, người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sừng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật. Lý luận về đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiên sư Đại Điền khơi gợi, hướng dẫn, Hàn Dũ mới không báng Phật nữa.

Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ để ông ta báng Phật là “do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập”. Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi mà lập như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như

Tích Sa Bản. Cho mãi đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên Anh Tông mới in xong, gồm 1.532 bản kinh, được chia thành 6.362 quyển.

76. Ảnh Ấn: Không rõ đây là kỹ thuật in như thế nào. Thông thường, chữ Ảnh Ấn dùng để dịch nghĩa chữ photocopy, nhưng mãi đến năm 1948, máy photocopy mới được sáng chế bởi Haloid Corporation dựa trên phát minh của Chester Carlson. Do vậy, Ảnh Ấn không thể là kỹ thuật photocopy như hiện thời. Từ điển Từ Hải chỉ giải thích sơ lược: “Ảnh ấn: Phương pháp in bằng cách chụp hình nguyên bản để chế bản in”.

thế, kẻ học đạo Nho coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy.

Đại sư Minh Giáo muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế Tống Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy Công⁷⁷ xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: “Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!” Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đấy họ Âu chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ của Âu Dương Tu tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiên Tông, biết được những nghĩa “toàn Sự chính là Lý” trong kinh và “pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm” của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp Lý phế Sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy. Lại còn nói:

77. Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yên là những văn quan thống lĩnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tế Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

“Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, dầu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?” Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức làm lành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có huệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diệu tâm sẵn có Phật tánh trở thành căn bản để khởi Hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, lúc mới thành Chánh Giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thảy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ Tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ Đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyên dạy cặn kẽ cả Sự lẫn Lý, văn từ rõ ràng, thoáng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh*” và “*tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp,*

tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm” v.v... Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là “người dẫn đường nơi lối hiểm, đuốc huệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém” khiến cho hết thấy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thấy những đứa con hiếu thuận có được sư thừa⁷⁸. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuê! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản)

* Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ ông cho rằng dịch kinh trọn chẳng phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi! Nếu chỉ là một dịch giả thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc, bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc! Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí huệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị

78. Sư thừa: Quan hệ truyền thừa giữa thầy và trò.

sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được!⁷⁹

Do một người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp. Ông hoàn toàn tưởng rằng dịch kinh giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, như vậy thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao! Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa!

Quang một mực chẳng vì muốn làm sượng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đừng ai nấy đi, chẳng sao cả! Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 4 - Ấn*

79. Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán - Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê Hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết

Bàn, Điều Đạt là cách gọi rút gọn tên Đề Bà Đạt Đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành “khéo đi” v.v...

Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập - 1)

* Bốn câu “*Sắc Tức Thị Không...*” trong Tâm Kinh chính là Đại Sĩ đem “tướng của Ngũ Uẩn Đều Không” do chính Ngài đã thấy thấu suốt (chiếu kiến) để dạy người. Sắc đứng đầu Ngũ Uẩn, vì thế giảng tường tận trước.

Nói “*Sắc bất dị Không*” (Sắc chẳng khác Không) là vì Sắc tuy có hình tướng có thể thấy được, nhưng đó là tướng huyễn vọng. Dùng trí Bát Nhã sâu xa để quán chiếu thì bản thể của Sắc là “bất khả đắc” (trọn chẳng thể được), tuy có mà giống như hư không. Chẳng riêng gì bản thể của Sắc là “trọn chẳng thể được”, mà Không cũng “trọn chẳng thể được!” Do vậy, lại nói “*Không bất dị Sắc*” (Không chẳng khác Sắc).

Ở đây, lại sợ người ta hiểu lầm Thế Gian Không chính là tướng của Sắc Không, nên nói: “Không cũng chẳng có thực tế để được, cũng như Sắc trọn chẳng thể được!” Ấy là vì Không cũng là pháp thế gian, tuy không có hình tướng, rỗng rang, trống lỗng, nhưng vẫn có tướng Không. Trong Ngũ Uẩn, cái Không của Sắc Uẩn chẳng phải là cái Không của hư không. Do vậy, liền nói tiếp: “*Không bất dị Sắc*” (Không chẳng khác Sắc). Vì lià trọn vẹn cái Không của tướng Không nên nói: “*Không bất dị Sắc*” (Không chẳng khác Sắc).

Nói đến cái Không của Không này cũng giống như Sắc “trợn chẳng thể được”, chẳng thể hiểu là cái Không trống lỗng, rỗng rang. Vẫn sợ người nghe chưa hiểu nên lại nói: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc tức là Không, Không tức là Sắc), nghĩa là: “*Sắc tức thị Không*” chẳng thể được, “*Không tức thị Sắc*” chẳng thể được! Sắc - Không này tịch chiếu cùng hiển lộ, cùng diệt mất. Sắc - Không “cùng chính là” và “cùng là” Sắc Không. Nếu thấy được điều này sẽ đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh.

Sắc Uẩn đã như thế thì bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức cứ theo đó mà biết; cho nên không cần nói nữa, chỉ nói “*diệt phục như thị*” (cũng giống như thế). Ngũ Uẩn đã như thế thì hết thảy pháp cũng như thế. Cho nên lại nói: Năm Uẩn này đều là tướng Không, là tướng Không của hết thảy các pháp, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm, bản thể của chúng là như thế, chẳng cần phải ước theo thánh - phàm, chúng sanh - Phật để nói nữa! Do nó vốn chẳng sanh, do đâu mà có diệt, cũng như có nhơ, sạch, tăng, giảm nữa ư?

Vì thế, trong tướng Không của các pháp, không có năm uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, không có sáu căn “mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý”, không có sáu trần “Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp”, không có sáu thức là Nhãn giới (dưới chữ Nhãn lược bỏ chữ Thức),

cho đến không có Ý Thức giới. Đây là không có lục phạm pháp giới.

“*Vô vô minh, nãi chí vô lão tử*” (Không vô minh cho đến không lão tử) là mười hai nhân duyên thuộc Lưu Chuyển Môn. “*Diệc vô vô minh tận, nãi chí diệc vô lão tử tận*” (Cũng không có hết vô minh cho đến không có hết già chết): Đây chính là mười hai nhân duyên thuộc Hoàn Diệt Môn. Đây là không có Duyên Giác pháp giới. “*Vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo*”, là không có Thanh Văn pháp giới. “*Vô Trí*”: Trí là độ cuối cùng trong Lục Độ, cho nên Vô Trí là không có Bồ Tát pháp giới. “*Diệc vô đắc*” (Cũng không có đắc): “*Đắc*” chính là Bồ Đề, Niết Bàn, tức là không có tức là không có Phật pháp giới.

Có kẻ hiểu chữ Không trong câu “*Sắc bất dị Không*” là Thật Tướng của Chân Không. Thoạt nhìn có vẻ hợp lý, nhưng xét kỹ hình như không trọn vẹn. Vì sao vậy? Đã là không có Ngũ Uẩn, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, tức lục phạm pháp giới của thế gian; lại không có Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Trí, Đắc, đó chính là bốn thánh pháp giới xuất thế gian. Hết thấy các pháp thánh - phạm đều không, lẽ đâu cái Không của thế gian lại chẳng không? Do phạm tình lẫn thánh kiến đều không, cho nên có thể viên mãn Bồ Đề, trở về cái “*không có gì để được*” (vô sở đắc). Do “*không có gì để được*” nên “*tâm vô quái ngại, khủng bố, viễn ly*”

điên đảo, mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn” (tâm không vương mắc, sợ hãi, xa lìa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn).

Pháp này chính là pháp rốt ráo thành Phật của tam thể chư Phật, do trong tướng Không của các pháp chẳng có những pháp thánh - phàm, chúng sanh - Phật v.v... cho nên có thể từ phàm đến thánh tu nhân chứng quả, chứng trọn vẹn pháp này. Ví như dựng nhà phải có chỗ trống thì người mới ở được. Nếu nhà chẳng có chỗ trống, người ta làm sao ở được? Do Không, nên mới có thể chân tu thực chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này. Do trong trí Bát Nhã sâu chẳng thấy tướng của những thứ tình kiến này nên là Vô, chớ hiểu lầm chẳng tu là Vô. Nếu hiểu chẳng tu là Vô sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, chắc chắn bị đọa mãi trong A Tỳ địa ngục, hãy nên suy nghĩ cẩn kỹ! (*Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Châu Mạnh Do hỏi về bốn câu “Sắc bất dị Không” trong Tâm Kinh*)

* Kinh Phạm Võng là đại pháp đề đức Như Lai nung luyện hết thảy dù thánh hay phàm, ngộ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba Hoặc, đích thân chứng được ba đức, khôi phục Phật Tánh sẵn có, thành Phật Quả vô thượng. Ấy là vì đối với Chân Như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng

tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được! Đức Như Lai thương xót hết thấy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thở ra! Dù có người đoạn được những Hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật quá xa! Bởi thế, khi mới thành Chánh Giác, đức Phật liền lập tức vì hết thấy thánh - phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là Phật tâm, nên mới nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành”*. Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình!

Cho nên mới nói: *“Thường tin tưởng như thế thì giới phàm đã đầy đủ!”* Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đứng chùng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tỳ vết thì hai thứ đại thể, đại dụng “tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha” đều đầy đủ.

Giữ tâm lòng thanh khiết xông tận trời thăm, khác nào hư không mênh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì! Xử sự chánh đại quang minh như mặt trời chói lợi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, Tứ Nhiếp cùng được thực hiện, Tứ Hoằng⁸⁰ phổ độ, đáng gọi là “*tiên dĩ dục cầu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết dùng dục⁸¹ để lôi kéo, sau làm cho nhập Phật trí); hư không đâu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng. Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta - người, đúng - sai, tự tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai, phạm giới và tổn người, lợi mình, lật đổ, tàn hại lẫn nhau nữa ư?

Do vậy biết: Kinh này đều thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế, hết thầy quốc vương, đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quý thân đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc Kiếp Trược này, muốn vẫn hồi mà bỏ pháp này, làm

80. Tứ Hoằng chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

81. Dục ở đây là lòng ham muốn, ý nói chư Phật, Bồ Tát dùng lợi để dẫn dụ con người do lòng ham lợi sẽ thực hành Phật pháp, rồi dần dần dẫn họ nhập đạo, thể ngộ Phật trí. Chẳng hạn, các kinh Đại Thừa thường nói rất nhiều đến những phước báo hiện tiền do trì tụng, thọ trì kinh, chú, lễ bái, cúng dường, tùy hỷ v.v...

sao yên được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Tập Chứng*)

* Giới là căn bản của hết thầy thiện pháp, hãy nên xem sách Tại Gia Luật Yếu, nhưng kinh văn của giới luật khá nhiều, e khó thể đọc tường tận, nhớ cần kỹ được! Chỉ cần trong tâm thường giữ tám lòng “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”. Phạm khởi tâm động niệm chẳng để cho một niệm bất thiện nảy mầm, như thế thì các giới đều giữ trọn vẹn được. Nếu chỉ tìm tòi, suy xét trên mặt sự tướng, dù chẳng phạm một giới nào nhưng vẫn chưa thể gọi là người trì tịnh giới được, bởi trong tâm vẫn có tướng phạm giới, khó khăn như thế đó!

Ông Cừ Bá Ngọc đến năm 20 tuổi biết 19 năm trước là sai, đến năm 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái, muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể được! Khổng Tử tuổi đã bảy mươi còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Những vị này đều là vì tâm chưa thể hoàn toàn phù hợp khít khao với lẽ trời nên coi là lỗi, chứ không phải việc làm, hành vi của họ còn phạm lỗi. “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*” là nghĩa trọng yếu trong giới kinh của Phật pháp. Người độn căn đời sau phải nên dốc sức nơi đây thì mới có thể khế lý khế cơ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Tống*)

Huệ Trạm ở Dịch Huyện)

* Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Bạc Đăng Địa Bồ Tát vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tận nguồn tận đáy được, huống là phạm phu sát đất đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu trong giáo pháp nhà Phật thì chỉ là mong sao chúng sanh hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng Giới để trói buộc cái thân, dùng Định để dứt vọng, dùng Huệ để đoạn Hoặc, ngõ hầu có thể tự thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, chứng Niết Bàn chân thường. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyền Lục*)

Chú thích: Đăng Địa Bồ Tát: Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.

* Con người ông Hà có hào khí sâu đậm, nhưng chưa từng nghe pháp của thánh nhân Nho - Thích tu thân trị tâm, nên gặp phải cảnh ngộ ấy. Tình cảnh đó khá giống với tình cảnh của ông Du Tịnh Ý¹⁶⁰, nhưng họ Du vẫn chưa biết sâu xa về pháp môn Tịnh Độ. Nếu ông Hà chịu nghĩ “đã chết đi sống lại”, đem hào khí trước đây sửa đổi thành khiêm nhường, tự kiềm chế, thì sự thành tựu sau này còn cao siêu hơn ông Du! Ông

ta do thoát đầu thấy Tăng phần nhiều hủ bại, nên chẳng chịu quy y. Nay Quang cũng là ông Tăng hủ bại, mà vẫn muốn quy y, quả thật chẳng biết Tăng là người như thế nào? So với hạng Tăng ăn thịt uống rượu, Quang còn có chút điểm tốt. Các vị đại Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v.. và những Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân, đã đoạn Hoặc nghiệp trong tam giới và Nhị Thừa thánh nhân đã chứng quả Duyên Giác, chứng quả A La Hán đều thuộc về Tăng. Như Quang đây, kém xa các vị tăng A La Hán khác nào sự cách biệt vời vợi giữa trời với đất, huống hồ đem sánh với bậc Duyên Giác và các bậc Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân! Huống hồ lại đem sánh với các vị Tăng như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ư? Ông ta chỉ biết các ông Tăng uống rượu ăn thịt trong nhân gian thì ngay cả những vị Tăng giữ Thanh Quy cẩn thận (do chẳng chú ý nên cũng sanh ý tưởng kém hèn không thể kham nổi này) trong nhân gian cũng chưa được thấy nghe, huống gì là các vị Tăng đại thánh nhân khác! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh - 2*)

* Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp. Trong Phật pháp, pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiên, Giáo, Mật v.v... đều cần phải đoạn Hoặc chứng

Chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn Hoặc chứng Chân há nói dễ dàng ư? Mật Tông tuy có nghĩa “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được! Huống chi Mật Tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần thông thật thiết tha, thật tột bậc, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết! Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời. Vì thế, phải vớt sạch hết thầy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền, liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng! Ví như khẩu lệnh trong quân đội, người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ để giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao? (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy*)

* Thật Tế lý địa chẳng lập mảy trần, phàm - thánh, chúng sanh - Phật đều khó thể xưng nói. Về phương

diện tu trì, cần phải đầy đủ các đức. Nếu thiếu một pháp, chẳng thể chứng Pháp Thân được! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ta trong trần điểm kiếp⁸² trước đã sớm thành Chánh Giác, vì độ chúng sanh bèn thị hiện giáng sanh trong thế gian, ẩn giấu thánh đức, thị hiện chưa ngộ giống như chúng sanh để làm gương cho muôn loài. Xuất gia, tu đạo, đến lúc sao Mai vừa ló dạng, hoát nhiên đại ngộ, than rằng:

Lạ thay, hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí⁸³ đều được hiện tiền.

82. Số kiếp như số bụi vi trần.

83. Nhất Thiết Trí (Sarvajña) còn được phiên âm là Tát Bà Nhã Trí, tức trí đúng như thật hiểu rõ hết thấy các pháp tướng bên trong lẫn bên ngoài. Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa, quyển Hạ giải thích: “Trọn đủ vô lậu giới, thường tịnh giải thoát thân, tịch diệt chẳng nghĩ bàn, gọi là Nhất Thiết Trí”. Du Già Sư Địa Luận, quyển 38 giảng: “Trong hết thấy cõi, hết thấy sự, hết thấy phẩm, hết thấy thời trí vô ngại nên gọi là Nhất Thiết Trí”. Đại Trí Độ Luận giảng: “Về tổng tướng thì là Nhất Thiết Trí, biệt tướng là Nhất Thiết Chứng Trí, nhân là Nhất Thiết Trí, quả là Nhất Thiết Chứng Trí, nói lược là Nhất Thiết Trí, nói rộng là Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là phá hết thấy sự vô minh tối tăm trong hết thấy các pháp, Nhất Thiết Chứng Trí là quán các pháp môn, phá các vô minh... Nhất Thiết Trí là chuyện của Thanh Văn, Duyên Giác, Đạo Trí là chuyện của Bồ Tát, Nhất Thiết Chứng Trí là chuyện của Phật”. Vô Sư Trí (Anupadista-jñāna), tức trí thành tựu không nhờ vào sức của người khác, không đợi người khác dạy mà tự nhiên thành tựu. Trí huệ do tự mình chứng ngộ, như trí huệ do đức Phật tự chứng chẳng hạn, hoặc như bậc Duyên Giác, quán các pháp nhân duyên sanh diệt bèn chứng trí giác.

Tự Nhiên Trí (Svayambhū-jñāna), chư Phật không cần dụng công, tự nhiên sanh ra Nhất Thiết Chứng Trí. Trong Pháp Hoa Kinh Huyền Tán, quyển năm, pháp sư Khuy Cơ đời Đường đã viết: “Phật do giác ngộ mà sanh ra hai trí Quán Không Trí và Quán Hữu Sự Trí, [hai trí ấy] được gọi là Tự Nhiên Trí”. Đại Nhật Kinh Sớ, quyển sáu chép: “Tự Nhiên Trí là trí do đức Như Lai tự giác tự chứng, chứ không do tu học mà có, cũng không có cách nào truyền dạy cho

Do vậy, trong hội rộng lớn như biển, những vị tụ họp như mây nhóm về thế giới Hoa Tạng đều là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, tức các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị. **Trong Bồ Đề Tràng và sáu nơi khác**, nói Nhất Chân pháp giới **tịch** chiếu viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai, lý tánh chẳng thể gọi là có hay không, và sự tu nhân chứng quả của các giai đoạn từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác cho đến Diệu Giác Phật Quả.

Vì thế, biết: Lý do Sự hiển, Sự do Lý thành, Lý - Sự viên dung mới hợp Phật đạo. Đòi có kẻ cuồng chuyên trọng lý tánh, chẳng chuyên chú sự tu, trên là trái nghịch lời Phật dạy, dưới là phụ bạc tự tâm, tự làm, làm người, thật đáng thương xót! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh được viết bằng lối chữ Khải*)

Chú thích: Kinh Hoa Nghiêm được giảng tại bảy chỗ là Tịch Diệt Đạo Tràng (tức Bồ Đề Tràng), điện Phổ Quang Minh, Đạo Lợi Thiên Cung, Dạ Ma Thiên Cung, Đâu Suất Thiên Cung, Tha Hóa Tự Tại Thiên Cung và rừng Thệ Đa.

Tịch: Vắng lặng, không xao động. Đây là thuật ngữ

người khác được". Tổng hợp hai cách giải nghĩa này thì Tự Nhiên Trí chính là tác dụng của sự giác ngộ hoàn toàn, tức nói đến mặt lực dụng của Nhất Thiết Chủng Trí sau khi đã viên mãn Phật quả.

mô tả Phật tánh thường hằng bất biến, không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, biến đổi, thường được diễn tả bằng câu nói “*bất sanh, bất diệt, bất nhất, bất nhị, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh*”. Giải thích một cách nông cạn thì Chiêu là khả năng nhận biết thông suốt mọi sự. Tuy thông suốt nhưng không chấp trước, không bị ô nhiễm bởi ngoại cảnh nên nói là “tuy chiếu mà thường tịch”, dẫu vắng lặng nhưng không hề mất khả năng thấu hiểu trọn vẹn nên gọi là “tuy tịch nhưng thường chiếu”.

* Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là Đế. Đế có nghĩa là chân thật. Lại có khi coi Lý là Đế, nên gọi là “lý chân thật chẳng dối”.

Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ! Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu Chân Không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham - sân - si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc Lý Tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo Giới - Định - Huệ liền có thể đoạn được tham - sân - si Tập (tham - sân - si nhóm họp), chứng được Lý Tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này.

Bốn điều này đều là nêu “quả trước, nhân sau”: Tập là nhân của Khổ, Khổ là quả của Tập; Đạo là nhân của

Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói như vậy để biết Khô mà đoạn Tập, hâm mộ Diệt mà tu Đạo. (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 5 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sinh Thần*)

* Trước tượng Tây Phương Tam Thánh không cần phải đắp tượng Phật Thích Ca. Phàm những thứ đeo giắt trên thân như chú Lăng Nghiêm v.v... khi nằm nghỉ, lúc đại tiểu tiện nên cởi ra. Chỉ khi gặp cảnh nguy hiểm cùng cực là có thể không cần tháo ra. Nếu lúc bình thường không nguy hiểm vẫn không bỏ ra, sẽ trở thành cái tội khinh nhờn không thể kể xiết được! Nếu trong phòng có kinh tượng thì hãy nên hết sức kính trọng! Hàn Sơn và Thập Đắc⁸⁴ là do Văn Thù và Phổ Hiền hiện ra, vì thế phải thường giữ lòng kiêng sợ, chẳng dám phóng túng mới nên!

Đồ chay nơi những quán cơm không sạch sẽ, người ăn chay nên vĩnh viễn đoạn trừ những thứ ăn uống giao tế ấy. Nếu người ta mời, bèn viện cớ chẳng thanh khiết để từ chối, vừa khỏi bị người ta mời vừa chẳng bị phí tiền oan uổng mời lại người ta! Người ta dùng cái lễ vô lý để mời, không đi đâu có sao! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

84. Thời ấy, người Trung Hoa thường hay tạo hình tượng Hàn Sơn và Thập Đắc gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh trưng bày trong nhà hay trong tiệm như một loại bùa cầu may, nên ở đây Tổ dạy không được khinh nhờn tượng hai vị này.

* Trong thời kỳ này, chỉ nên sốt sắng tu trì, chớ nên nghiên cứu tràn lan bởi “sống - chết, còn - mất” đã ở ngay trước mắt! Nếu chỉ nghiên cứu tràn lan, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi liễu sanh tử thì không. Ngoài niệm Phật ra, hãy niệm kèm thêm thánh hiệu Quán Âm để cầu đình chiến, khỏi nạn. Ất cần phải có lòng Thành như cứu đầu cháy thì mới có cảm ứng được. Dầu vận nước chẳng thể xoay chuyển được ngay, nhưng chính mình chắc chắn được Tam Bảo gia bị, gặp nguy hiểm vẫn bình yên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phi Kham*)

* Trong Phật pháp có trụ trì thế gian pháp và có duy luận lý tánh pháp. Trụ Trì thế gian pháp là nếu người khác chẳng hết sức chí thành, sẽ chẳng vì kẻ đó thuyết pháp. Nay thế đạo suy vi, chẳng thể hoàn toàn hành đúng như vậy. Vì thế, đối với những thư hỏi pháp, mặc lòng người ta viết như thế nào, Quang cũng đều trả lời. Nếu quá ngạo mạn, vẫn chỉ bày, trách móc lỗi ấy để khỏi phụ lòng kẻ đó gửi thư đến. Chỉ có kẻ xin quy y, nếu chẳng dùng những chữ tỏ ý tự nhún mình, chắc chẳng dám chấp thuận. Vì chấp thuận như vậy tức là tự khinh Phật pháp, mà cũng khiến cho kẻ ấy khinh thường Phật pháp. Có thể là vì kẻ ấy chẳng biết lễ nghi, hoặc là do ngã mạn tự đại. Người tự đại thì làm sao

dám nói với họ? Kẻ chẳng biết lễ nghi thì ắt sẽ làm cho họ biết, chứ không phải mong được người khác cung kính, đây chính là chẳng khinh pháp và khinh người vậy! Nếu chẳng duy trì như thế, Phật pháp sẽ chẳng thể lưu truyền.

“Duy luận lý tánh pháp” (Pháp chỉ xét trên mặt tánh, trên lý, không luận trên hình tướng, trên mặt sự) thì phàm Tăng chẳng thể làm được, chỉ có đại Bồ Tát lại không phải là người có trách nhiệm duy trì pháp đạo làm như vậy thì sẽ có lợi ích sâu xa. Phàm phu làm theo sẽ phá hoại chánh pháp của Như Lai, tai hại chẳng cạn! Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát hề trông thấy tứ chúng đều lễ bái, thưa: *“Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!”* Tứ chúng có kẻ dùng roi gậy, ngói, đá đánh ném, bèn chạy ra xa đứng, rồi làm lễ, tán thán rằng: *“Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!”* Tôi sợ ông chẳng biết nghĩa này rồi lầm lạc sanh ra nghi ngờ, bàn bạc, nên mới nói đại lược. Nếu là phàm phu Tăng, trọn chẳng thể nương theo cách hành động ấy! Bạc đại Bồ Tát trụ trì pháp đạo cũng phải y theo cách hành động của phàm tăng.

Như sư Tế Điền chính là bậc cao nhân vượt ngoài khuôn khổ, nhưng vẫn hành động trong chừng mực⁸⁵, ngài Tế Điền chẳng giữ Thanh Quy, nhằm hiển lộ đại thần thông. Nếu giữ Thanh Quy cẩn thận mà hiển lộ thần thông thì chẳng thể sống trong thế gian được! Chỉ có mượn cách điên điên khùng khùng làm cho người ta tin tưởng, nghi ngờ lẫn lộn, hòng ngầm giáo hóa khiến cho người ta biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn hầu sanh tâm chánh tín. Những kẻ vô tri không biết xấu hổ trong cõi đời học đòi theo đó, sao chẳng học “ăn thứ chết vào, ói ra thứ sống”? Sao chẳng học “uống rượu say ngủ vài mấy ngày, nhưng trăm ngàn cội gỗ to từ dưới giếng trôi lên”, và “uống rượu say bét nhè, ói ra vàng để thếp vàng tượng Phật trong cả điện”? Thứ chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ có hạng người ấy thực hiện thì không trở ngại chi, chứ nếu người giữ Thanh Quy cẩn thận mà làm, chắc chắn sẽ phải qua đời ngay! Nếu không, ai nấy đều đến tìm vị ấy, chẳng thể làm hết thảy mọi chuyện được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương -3*)

85. Nguyên văn “*thằng xu xích bộ*”. Đây là một thành ngữ hàm nghĩa cử chỉ, hành động tuân theo mực thước, khuôn khổ. Thằng (繩) tức là dây mực, Xích (尺) là thước đo, tức hai dụng cụ chánh yếu của thợ mộc. “*Thằng xu xích bộ*” hiểu theo nghĩa đen là noi theo dấu dây mực, bước theo thước đã vạch.

* Cư Sĩ Lâm tại thị trấn Đường Áp thuộc thành phố Nam Thông (tỉnh Giang Tô) rất tích cực, năm ngoài một thành viên của Cư Sĩ Lâm rất thông minh, giảng kinh Địa Tạng một lần, từ đấy những kẻ chẳng biết “pháp môn Niệm Phật là pháp môn để phàm phu cậy vào Phật lực hồng liễu sanh tử trong đời này” quá nửa đều chẳng niệm Phật, chuyên chú trọng nghe kinh. Lâm trưởng thỉnh Quang nói với người giảng kinh. Do vậy, bèn dạy vị ấy:

“Phật pháp như biển cả, một giọt có đủ vị của muôn sông. Phật pháp như cái lưới kết bằng những hạt châu của Thiên Đế, mỗi hạt châu có đủ ánh sáng của ngàn hạt châu. Luận về phía bậc đại thông gia thì lời thô lỗ té đều là Nhất Chân. Luận về phía kẻ chưa về đến nhà, hãy nên chỉ đường về nhà cho đỡ tốn sức. Huống chi bậc đã chứng Đẳng Giác muốn viên mãn Phật Quả vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương; kẻ sắp đọa A Tỳ, mười niệm thành công, có thể cao dự hải hội. Như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh; như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, trăm loài cây cỏ sum xuê. Lợi ích mầu nhiệm ấy ngoài trừ đức Phật, chẳng ai có thể biết được! Sao chẳng từ những chỗ ấy phát khởi lòng tín nguyện cho bọn họ, ngõ hầu ai nấy đều được vãng sanh. So với những kẻ giải thích từng chữ, từng câu để tạo thành thiện căn đắc độ trong tương lai, khác biệt như thế một trời, một vực! Hãy noi theo quy củ thường

lệ, đừng tạo ra hai đường lối hành trì trong cùng một lâm!”

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nếu nhóm họp mọi người niệm Phật nhưng chẳng đem nguyên do và phương pháp, lợi ích do tu trì pháp môn này diễn thuyết cho đại chúng thì vì chẳng biết tông chỉ, họ sẽ chỉ được phước báo trời người, cô phụ ơn Phật rất sâu. Tăng hay tục đều diễn giảng được, chứ không riêng gì cư sĩ. Đây là luận trên phương tiện diễn thuyết, chớ nên lấy lẽ lối giảng kinh làm chuẩn mực.

Nếu thỉnh người chuyên giảng một thất, lần đầu nên đánh lễ Hòa Thượng hoặc Lâm Trưởng, Xã Trưởng và thành viên trong cư sĩ lâm, lạy khắp mọi người một lạy. Sau đấy, đối trước pháp tòa, lễ Phật ba lạy, rồi lên tòa giảng. Hoặc giảng trích lược kinh văn, hoặc giảng chung chung về pháp tắc niệm Phật và tâm hạnh suy nghĩ, xử sự phải hợp với Phật. Giảng xong, nói đại lược lời tạ lỗi, xin chư vị rộng lượng dung thứ, liền xuống tòa, lễ Phật ba lạy là xong.

Phía trên pháp tòa nên thờ tượng Phật. Hiện thời mọi thứ quá đắt đỏ, chỉ nên đốt một cây hương, chẳng cần phải thấp nén, đốt Đàn hương⁸⁶. Lên tòa rồi, chẳng

86. Đàn Hương (Sandalwood), tức Chiên Đàn, là một loại thuộc gỗ thơm, còn có tên là Bạch Đàn, vốn phát xuất từ Ấn Độ. Gỗ có sắc vàng, có mùi thơm ngát, dịu dàng nên thường được dùng để chế hương. Các loại Đàn Hương của Trung Quốc đôi khi chế bằng Giáng Đàn Hương, tức là một loài cây khác thuộc họ Đậu, sớ gỗ hơi hồng, có mùi thơm nhẹ hơn.

cho người khác lễ bái để khỏi lâm vào tình cảnh khó xử cho cả đôi bên. Nếu ngẫu nhiên được thỉnh giảng một lần, liền lễ Phật ba lạy, lên tòa diễn thuyết, giảng xong, xuống tòa lễ Phật ba lạy là được rồi.

Mở đầu buổi giảng chẳng cần phải niệm kinh, xưng kệ, đây là phong cách của kẻ diễn thuyết. Nếu cứ theo đúng như lề lối giảng pháp, sẽ trở thành tiếm phạm! (Hiện thời đang là Mật Pháp, tại gia cư sĩ nghiên cứu diễn thuyết cùng đồng đạo, cố nhiên không có gì là chẳng được. Nếu cứ chiếu theo nghi thức giảng kinh, đây chính là chuyện của pháp sư xuất gia, cư sĩ làm theo đó chính là “tiếm việt”). Đúng diễn thuyết cũng không thích hợp, rất mất ý nghĩa kính trọng pháp! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*)

* Cư sĩ diễn giảng, chỉ nên chuyên chú nơi một pháp Tịnh Độ, chớ nên giảng tràn lan. Giảng tràn lan là chuyện của pháp sư giảng kinh, cư sĩ há nên khơi ra đầu mối ấy! Do pháp môn Niệm Phật thích hợp khắp ba căn, bởi mọi người chẳng biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, hãy vì họ nói Tín - Nguyện - Hạnh khiến cho kẻ có trí huệ nhưng không hiểu biết ai nấy đều chú trọng pháp này. Há nên chỉ mong khuếch trương môn đình, chẳng xét xem có khế cơ hành nhân hay không.

Thiền sư Đạo Xước đời Đường cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt, vị này còn là người thân cận hòa thượng Thiện Đạo. Sư thọ ngoài tám mươi, tính trên những khóa giảng thì mỗi năm Sư giảng ba bốn lượt. Hiện thời trong Phật Thất đang đề xướng giảng các kinh thuộc những tông khác. Nếu đại chúng trong pháp hội đối với Tịnh tông đều hiểu biết sâu xa thì còn được, chỉ sợ rằng kẻ thông suốt chưa được dăm ba người trong trăm kẻ, người không thông suốt mười phần hết tám chín. Những vị pháp sư giảng kinh tràn lan kia còn có rất nhiều vị chẳng coi Niệm Phật là đúng!

Nay chẳng chú trọng pháp môn cây vào Phật lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu giảng Bát Nhã cho kẻ chẳng hiểu Tịnh Tông tức là dạy họ chuyên tâm dốc chí nơi phương diện khai ngộ, đâm ra làm cho đại pháp “muốn cho phàm phu sát đất được liễu sanh thoát tử” phát xuất từ lòng đại từ bi của đức Di Đà bị coi rẻ. Người xin nghe giảng đã không hay biết, sao người nhận lời giảng không nói rõ nguyên do cho họ? Nếu họ không nghe, hãy nói: “Tôi không phải là người giảng kinh, xin hãy mời vị chuyên chú trọng giảng kinh đến giảng”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*)

* Nhật Sanh Bồ Xứ là danh xưng chung để gọi những vị phá vô minh, chứng pháp tánh, há có nên giải

thích là số lần sanh vào trong nhân gian? Các vị Bồ Tát ấy chứng Vô Sanh sâu xa, trong khoảng một niệm cũng có thể thị hiện sanh trong khắp các cõi. Tuy bao lượt thị hiện giáng sanh, nhưng thật sự chẳng có tướng sanh nào để đạt được cả; do vậy gọi là Vô Sanh. Nếu chỉ hiểu “chẳng sanh” là Vô Sanh thì có khác gì hành tướng “khôi thân mẫn trí”⁸⁷ của Tiểu Thừa đâu?

Các vị Nhất Sanh Bồ Xứ biến dịch sanh tử⁸⁸, chứ không thật sự sanh tử. Vì tuy đã liễu sanh tử nhưng vẫn còn Vô Minh Hoặc chưa thể nhanh chóng đoạn sạch được, nên phải nhiều lần đoạn Hoặc, nhiều lượt chứng Chân. Ước theo ý nghĩa Sở Đoạn nên gọi là Tử, ước theo ý nghĩa Sở Chứng nên gọi là Sanh. “Địa vị Bồ Xứ Phật” và “đạt đến địa vị Bồ Xứ” ý nghĩa chẳng hai.

87. “Khôi thân mẫn trí” (nói phổ biến hơn là “khôi thân diệt trí”) là một từ ngữ diễn tả cảnh giới tịch diệt vắng lặng của thánh nhân Nhị Thừa, thân không còn bị ngũ dục lay chuyển, vắng lặng, không còn phiền não, dục vọng, giống như tro nguội, trí không còn vọng tưởng lăng xăng, chìm lặng trong cảnh tịch định. Gọi là “mẫn trí” hay “diệt trí” vì trí của các vị thánh nhân Tiểu Thừa vắng lặng, nhưng không có công năng “quán chiếu, thấu hiểu mọi cảnh nhưng không chấp trước vào cảnh” như các vị đại Bồ Tát, tức là “tịch nhưng không chiếu”.

88. Biến dịch sanh tử, còn gọi là “vô vi sanh tử”, là sự sanh tử của hàng A La Hán, Bích Chi Phật cho đến Đại Lực Bồ Tát. Do dùng nghiệp phân biệt vô lậu làm nhân, dùng vô minh trụ địa làm nhân để chiêu cảm báo thân thù thắng, vi tế, màu nhiệm. Do dùng đại nguyện đại bi vô lậu để chuyển biến cái thân sanh tử có hạn lượng (phần đoạn sanh tử) thành cái thân vi diệu thù thắng, thân ấy do nguyện lực cảm thành nên gọi là Biến Dịch (thay đổi). Do thân này vì nguyện lực cảm thành nên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn, vì thế còn gọi là “bất tư nghị thân”. Do nguyện lực cảm thành nên khi thế nguyện đã mãn, hoặc cơ duyên hóa độ đã hết bèn xả thân, chứ không phải vì nghiệp lực quyết định thọ mạng; vì thế, gọi là “biến dịch”, tức thay đổi theo hoàn cảnh và căn cơ của người được hóa độ.

Ông cho rằng “thành Phật chính là đạt đến địa vị Bồ Xứ”, nhưng mỗi vị Phật thành Phật có cơ duyên riêng, há nên chấp chết cứng? Chỉ cần phá vô minh, chứng pháp tánh thì hoặc là thành Phật ngay, hoặc phải trải qua nhiều kiếp dài lâu mới thành Phật, đều tùy thuộc cơ duyên của mỗi vị như thế nào mà thôi!

“*Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí*” (Chúng sanh vãng sanh cõi Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí và Nhất Sanh Bồ Xứ cũng đều thuộc trong số ấy; nhưng để chỉ rõ những vị thuộc vào địa vị sâu xa số lượng rất nhiều nên kinh Di Đà lại nói: “*Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Trong số ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ). Đừng luận định các vị thượng thiện nhân cõi Cực Lạc bằng cách chấp chết cứng vào giáo lý! Há nên dùng câu nói trên đây để kết thúc phần nói về Tam Bất Thoái? Địa vị Bất Thoái thứ ba là Niệm Bất Thoái, chính là những vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trong Viên Giáo, chớ nên giới hạn, đặt Tam Bất Thoái nằm ngoài số những vị Nhất Sanh Bồ Xứ. Hãy nên nghiền ngẫm kỹ chữ “*giai*” (đều) và chữ “*kỳ trung*” (trong số ấy) sẽ chẳng tự lầm lẫn tách rời Tam Bất Thoái khỏi Nhất Sanh Bồ Xứ. Kinh A Di Đà nói giản lược, nhưng công phu, công đức của mỗi người vãng sanh đều sai khác vô lượng, vô biên; phẩm vị vãng sanh cũng khác nhau vô lượng, vô biên! Nói “chín phẩm” bất quá là nêu sơ lược đại cương mà thôi. Nếu đạt đến nhất tâm

bất loạn thì giống với những người vãng sanh thuộc địa vị Thượng Phẩm Thượng Sanh như trong Quán Kinh đã nói. Người chưa đạt nhất tâm và kẻ ác nghiệp nặng nề sắp bị đọa địa ngục cố nhiên giống hệt như những vị vãng sanh thuộc các phẩm Trung và Hạ trong Quán Kinh, chứ không phải là kinh này chuyên tiếp dẫn người nhất tâm bất loạn, những kẻ khác đều chẳng phải là căn cơ được nhiếp thọ bởi kinh này!

Hiểu như vậy thì cố nhiên ba kinh là một kinh! Nếu không, chính là chấp văn trái ý, lỗi chẳng phải nhỏ! Tịnh Độ hoàn hảo có người viên chứng, có kẻ chưa thể viên chứng ngay. Dù chưa thể viên chứng nhưng đã liễu sanh tử, không còn có chuyện luân hồi sanh tử nữa, vẫn ngay trong một đời này được dự vào hàng Bồ Xứ, được thành Bồ Đề. So với những kẻ cậy vào tự lực nhưng chưa viên chứng thì khác nào một trời, một vực! Do vậy, cũng có thể gọi là “viên chứng”. Ông cho rằng: “Nếu sanh vào cõi ấy, chứng Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang có nhanh hay chậm sai khác; vì thế, không một ai hể vãng sanh bèn chứng ngay”. Đọc phần kinh văn trong Quán Kinh dạy về chín phẩm vãng sanh ắt biết liền!

Đối với những điều khác được nêu bày trong phần kinh văn tiếp theo đó, ông hiểu quá sai ý nghĩa! “*Đoạn sạch Kiến - Tư, ra khỏi Đông Cư, vào cõi Phương Tiện, đoạn sạch Trần Sa và phá một phần vô minh bèn ra*

khỏi Phương Tiện, vào Thật Báo. Đoạn sạch vô minh, ra khỏi Thật Báo, chứng cỗi Tịch Quang”: Đây chính là ước theo sở chứng sâu hay cạn, ước theo điều đã đạt được là thô hay diệu mà nói; đọc kỹ phần luận về Bốn Cõi Tịnh Độ trong Di Đà Yêu Giải sẽ tự biết.

Hơn nữa, trong Văn Sao từng nói Thật Báo và Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo lý tánh bèn gọi là Tịch Quang, ước theo quả báo gọi là Thật Báo. Cõi Tịch Quang không có tướng, cõi Thật Báo có đủ các tướng thù thắng trang nghiêm với số lượng nhiều như số vi trần trong một cõi Phật. Phá một phần vô minh bèn phần chứng Thật Báo, mà cũng chứng một phần Tịch Quang. Vô minh phá sạch bèn rớt ráo Thật Báo, rớt ráo Tịch Quang. Để dễ hiểu, những người giảng giải quy kết Phần Chứng vào Thật Báo, quy kết “rớt ráo” vào Tịch Quang. Cần biết rằng:

Thật Báo và Tịch Quang đều có Phần Chứng, đều có Cứu Cảnh (rớt ráo). Ông muốn tỏ rõ lý viên mãn của Tịnh Độ, nhưng đối với ý nghĩa “viên chứng bốn cõi Tịnh Độ” lại nêu lên ý nghĩa “viên xuất cõi này” (thoát khỏi trọn vẹn cõi này - tức cõi Phàm Thánh Đồng Cư) thì đâm ra ăn nói sai quấy mất rồi! Đoạn hết Kiến Tư xong là ra khỏi Đồng Cư. Đoạn Trần Sa, phá vô minh xong, chẳng còn phải đèo bồng Đồng Cư nữa⁸⁹, hướng

89. Do người đã đoạn Trần Sa xong bèn chứng cõi Phương Tiện, đã đạt đến cảnh giới ấy, sẽ không còn thấy có cảnh giới Đồng Cư (sách Di Đà Yêu Giải

hồ là đã đoạn sạch vô minh, cần chi phải thoát khỏi hai cõi Đồng Cư, Phương Tiện nữa ư? Chẳng biết: Do phàm phu được dự vào Bồ Xứ nên tại Đồng Cư đã thấy trọn vẹn cả ba cõi trên! Đây là đã chứng nhập địa vị sâu, há còn nói là “thoát khỏi Đồng Cư, Phương Tiện v.v...” nữa ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

Di Lạc là đấng giáo chủ của thế giới Sa Bà sẽ giảng sanh trong tương lai, Lô Cúc là phòng ốc nơi đức Di Lạc ở khi Thiện Tài đi về phương Nam tham học. Nhà nhiều tầng là Lô, lầu cao là Cúc. Lô Cúc này thù thắng nhiệm mầu khôn sánh! Phàm phu, Nhị Thừa, Quyền Vị Bồ Tát đều chẳng thể thấy được! Đây chính là báo cảnh do công đức thắng diệu thượng cầu hạ hóa của đức Di Lạc từ vô lượng kiếp đến nay cảm thành.

Thiện Tài đã tham học với hai vị thiện tri thức là Đức Sanh và Hữu Đức⁹⁰ xong, họ lại dạy Thiện Tài đi

gọi là “*thoát khỏi Đồng Cư*”), tức là không còn phân biệt nhân - ngã, thánh - phàm, nên gọi là “*thoát khỏi Đồng Cư*”; vì thế, Tổ mới nói “*chẳng cần phải đèo bông Đồng Cư nữa*” (vì không chấp vào cảnh Đồng Cư nữa). Cư sĩ Niệm Phật lại tưởng lầm bốn cõi tách biệt nhau, có cảnh giới để lần lượt vượt thoát, nên mới lập luận rằng những vị đã đoạn Trần Sa sẽ thoát khỏi cõi Đồng Cư trọn vẹn. Thật ra, người đã vãng sanh, liền dự vào địa vị Bất Thoái nên thấy được cả ba cõi trên, tức là lãnh ngộ, phần chứng được cảnh giới thù thắng của ba cõi trên, nhưng chưa hoàn toàn thụ dụng được, mới chỉ Ngộ, nhưng chưa chứng, nên gọi là “*thấy*”, chứ chưa gọi là “*nhập*”.

90. Đức Sanh đồng tử (Śrī-Sambhava) là vị thứ năm mươi một trong số năm mươi ba vị thiện tri thức được Thiện Tài đến tham học. Vị này cùng với Hữu Đức đồng nữ cùng ở tại thành Diệu Ý Hoa Môn, đều đã chứng môn giải thoát của Bồ Tát, do tịnh trí quán sát thấy các thế gian đều là huyền trụ, đều do nhân duyên sanh cho đến các việc biến hóa điều phục của hết thảy các vị Bồ Tát đều

qua Tỳ Lô Giá Na Trang Nghiêm Tạng Đại Lô Các trong vườn Đại Trang Nghiêm ở nước Hải Ngạn tại phương Nam thỉnh giáo Di Lạc Bồ Tát: “*Vị Bồ Tát ấy ắt sẽ có thể vì người nói diệu pháp khế lý khế cơ rốt ráo, khiến cho người được đại lợi ích*”. Do vậy, Thiện Tài cực lực đỗi trị tập khí phiền não, cực lực tu trì đạo Giới - Định - Huệ, đến trước Tỳ Lô Giá Na Đại Lô Các ở nước Hải Ngạn, năm vóc mọp sát đất, nguyện thấy đức Di Lạc, nói kệ tán thán, bèn thấy Di Lạc Bồ Tát từ chỗ khác đi tới.

Thiện Tài đánh lễ, Di Lạc đỗi trước đại chúng cùng đi với Ngài, tán thán Thiện Tài là chân Phật tử, là chân pháp khí. Lại vì Thiện Tài nói đủ mọi công đức của tâm Bồ Đề hòng bồi đắp nền tảng thành Phật, dạy Thiện Tài vào trong Đại Lô Các quan sát trọn khắp sẽ biết rõ cách học Bồ Tát hạnh. Học xong sẽ thành tựu vô lượng công đức. Thiện Tài bạch rằng: “Kính xin Đại Thánh mở cửa lâu các cho con được vào!” Ngài Di Lạc khảy ngón tay ra tiếng, cửa liền mở ra, bảo Thiện Tài vào. Vào xong, cửa đóng lại. Thiện Tài thấy lâu các ấy rộng rãi vô lượng giống như hư không. Mặt đất và cung điện, hết thảy vật cứng đều dùng vô lượng các thứ báu để hợp thành. Lại thấy trong ấy có vô lượng trăm ngàn các thứ lâu các nhiệm màu, mỗi mỗi rộng lớn, nghiêm trang, đẹp đẽ, đều bằng với hư không, chẳng ngăn ngại

là huyền trụ, đều do nguyện và trí hợp lại mà thành vậy.

nhau, cũng chẳng tạp loạn. Nơi mỗi một chỗ thấy hết thấy chỗ, trong hết thấy chỗ đều thấy như thế. Khi đó, Thiện Tài rạp mình lễ kính, vừa mới mọp đầu đã tự thấy thân mình trọn khắp trong hết thấy các lâu các, lễ khắp hết thấy Phật - Pháp - Tăng, thấy đủ các thứ cảnh giới tự tại chẳng thể nghĩ bàn, như là: Hoặc thấy đức Di Lặc vừa mới phát tâm Bồ Đề hành đạo Bồ Tát, thân cận vị thiện tri thức nào, chứng tam-muội nào cho đến đích thân chứng được Pháp Thân, trong mười phương pháp giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật hiện những thân trong tam thừa lục đạo để giáo hóa, mỗi mỗi đều thấy trọn vẹn và hết thấy chư Phật trong mười phương thế giới từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật độ sanh và nhập Niết Bàn, pháp tồn tại lâu - mau, cũng đều thấy trọn vẹn. Thiện Tài ở trong lâu các thượng cầu hạ hóa, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần trong cõi Phật siêu năng, chuyên ròng tu trì đủ mọi diệu hạnh mà chẳng mỏi mệt, nhất tâm tiến thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Khi ấy, Di Lặc Bồ Tát liền thâm hồi thân lực, vào trong lâu các, khảy ngón tay ra tiếng, bảo Thiện Tài: “Thiện nam tử! Hãy dậy đi, pháp tánh như vậy đó. Đây chính là trí biết các pháp của Bồ Tát, biết các pháp là tướng được hiện bởi nhân duyên tu tập. Tự tánh như thế giống như huyền, như mộng!” Do vậy biết Đại Lâu Các ấy chính là pháp giới tạng. Phạm tất cả những sự

vi diệu trong pháp giới không gì chẳng thấy trọn vẹn trong lâu các này. Đó gọi là “mười pháp giới xưa - nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta - người chẳng cách biệt chừng bằng mây lông!” Nếu không có thần thông đạo lực của Di Lặc và Thiện Tài cạn lòng thành tận lòng kính, làm sao đạt được như vậy?

Trong đời gần đây, các nơi không nơi nào chẳng thờ tượng Di Lặc nơi tiền điện, nhưng chẳng gọi là Di Lặc Điện mà lại gọi là Thiên Vương Điện, đúng là coi ngài Di Lặc như khách ăn nhờ ở đậu các vị Thiên Vương, quá mất ý nghĩa tôn kính! Linh Nham tu bổ tiền điện, nhân đây tôi bèn nói nguyên có với giám viện là đại sư Diệu Chân, lại trích lục chương Thiện Tài tham học với ngài Di Lặc từ kinh Hoa Nghiêm để chứng tỏ ngài Di Lặc đức vượt trời Thập Địa, đạo đã chứng Đẳng Giác, từ bi cứu vớt chúng sanh, nếu không phải là Phật sẽ chẳng thể biết được! Do vậy, bèn đặt tên cho tiền điện là Di Lặc Lâu Các để mong sau này ai bước vào đó sẽ đều giống như Thiện Tài hoặc trong đời này hoặc trong đời mai sau, ai nấy đích thân chứng được đạo trong lâu các, để an ủi tâm lòng đại từ bi “luôn dạy cho người đương thời” của ngài Di Lặc.

Hơn nữa, các nơi thờ tượng Di Lặc chính là tượng Bồ Đại hòa thượng do ngài Di Lặc thị hiện vào cuối đời

Đường. Nay đã biết là do Di Lạc thị hiện thì cố nhiên hãy nên thờ bốn tượng vi diệu trang nghiêm. Nhằm tỏ rõ ngài đang sống trên Đâu Suất Thiên nên tạc tượng ngài đội mũ Ngũ Phật để làm tiêu thức⁹¹. Lược thuật duyên khởi để bảo cùng người thông sáng mai sau, hiểu tôi hay trách tội tôi, tôi cũng chẳng màng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký thuật công đức trùng tu Di Lạc Lô Các của Linh Nham Sơn Tự*)

* Tọa hạ phát Bồ Đề tâm, sắm sửa đủ 18 món vật, muốn hành hạnh Đầu Đà, quả thật là hành hạnh khó hành, nhưng Quang trộm chẳng cho như vậy là đúng! Bởi lẽ, thời cuộc nguy hiểm, các nơi tai ương, đói kém, liêu mình du hành vào nơi hoạn nạn, kinh Phạm Võng không chấp nhận đâu! Do vậy, hãy nên tìm một nơi chân thật tu đạo, giữ tâm khiêm hạ, chết sạch những vọng động, tu trì Tịnh nghiệp, so ra có ích hơn hằng ngày du hành, bôn ba nhọc nhằn!

Phong tục ở nước ta chẳng giống như thời đức Phật tại thế, hãy thuận theo thời tiết mà lượng định oai nghi mới là người thông suốt. Nếu ông vẫn nhất quyết chẳng

91. Tiêu thức là những vật dụng nhằm biểu thị hạnh nguyện, phương tiện của một vị Phật hay một vị Bồ Tát, chẳng hạn tiêu thức của ngài Quán Âm là bình cam lộ với nhánh dương liễu, tiêu thức của Địa Tạng Bồ Tát là viên minh châu và tích trượng, tiêu thức của Văn Thù Bồ Tát là thanh kiếm trí huệ v.v... Trong Mật Tông thường tạc tượng Di Lạc Bồ Tát cầm tháp báu (tượng trưng cho Tỳ Lô Giá Na Lô Các), đội mũ Ngũ Phật và mặc y phục cõi trời, ngồi thông hai chân (ngụ ý Ngài vẫn chưa thành Phật).

chịu thay đổi chương trình đã định, Quang cũng không ép! Nhưng sau này chớ nên gởi tới một chữ nào nữa, gởi đến quyết không trả lời! Ông đi đường ông, tôi giữ chí tôi! Huống chi Quang sẽ chết trong sớm - tối, nào còn dám xen vào chuyện người khác! (*Hồng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Ứng Thoát - 2*)

* Đệ tử Phật cúng tổ tiên, lễ đương nhiên nên lấy tụng kinh, trì chú, niệm Phật làm chánh. Đốt giấy vàng bạc cũng chẳng nên bỏ, bởi chẳng biết chắc tổ tiên đã được vãng sanh ngay hay chưa?. Dầu chắc chắn được vãng sanh ngay, cũng chẳng ngại gì giúp cho kẻ chưa được vãng sanh chi dùng.

Người thọ Ngũ Giới nên đắp mạn y là loại y có năm điều thẳng, chứ không phải là loại y năm điều gồm một miếng dài, một miếng ngắn. Nay thì y năm điều một dài một ngắn, y bảy điều hai dài một ngắn, chốt của Thiên Thai Xuất Gia Phái, đối lập với Sơn Ngoại Phái của Ngô Ân, Hồng Mẫn, Nguyên Thanh v.v... Sư bình sinh dốc sức biên soạn sám pháp và giảng các bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa (bảy lần), Pháp Hoa Văn Cú (tám lần), Ma Ha Chỉ Quán (tám lần), Đại Niết Bàn Kinh Sớ (một lần), Kim Quang Minh Huyền Nghĩa Sớ (mười lần), Quán Âm Biệt Hành Huyền Sớ (bảy lần), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ (bảy lần). Sư chuyên tu

Pháp Hoa Sám mỗi kỳ tu tập là hai mươi một ngày đêm hành trì liên tục. Sư còn chuyên tu Di Đà Sám Pháp năm mươi lần. Sư từng đốt ba ngón tay cúng Phật, mỗi năm tổ chức pháp hội niệm Phật thí giới. Sư trước tác rất nhiều, hiện còn giữ được các bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao, Kim Quang Minh Kinh Văn Cú Ký, Giải Báng Thư, Đại Bi Sám Nghi, Tu Sám Yếu Chỉ, Quang Minh Sám Nghi, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Dung Tâm Giải, Quán Âm Biệt Hành Huyền Nghĩa Ký, Quán Âm Biệt Hành Sớ Ký, Thích Thỉnh Quán Âm Sớ Trung Tiêu Phục Tam Dụng, Vấn Mục Nhị Thập Thất Điều Đáp Thích, Nhị Thập Vấn, Biệt Lý Tùy Duyên, Nghĩa Lệ Cảnh Quán v.v...

Chú thích: Mạn y (Patta), dịch âm là Bát Tra, là một trong các loại y của Tăng chúng. “Mạn” nghĩa là y trơn, không có điều, tức là không gồm nhiều mảnh vải nhỏ may ghép lại. Thông thường Mạn Y được mặc bởi những vị Sa Di, Sa Di Ni, do họ chưa thọ Cụ Túc, chưa đủ tư cách làm bậc Ứng Cúng nên y để đắp không cắt thành hình thừa ruộng (phước điền y) như y của chư Tăng. Ở Trung Hoa, cư sĩ cũng đắp y, nhưng y không có điều. Lại nữa, loại mạn y này để nguyên cả khổ vải để may, chỉ viền mép y, còn y của Sa Di thì gồm hai mảnh vải may khâu lại, may thành sọc ở chính giữa để phân biệt với y của chư tỳ-kheo và cư sĩ. Khi xưa, do khổ vải hẹp, đôi khi mạn y cũng gồm nhiều mảnh vải

nhỏ (mỗi miếng ấy được gọi là Điều) ghép lại, như trong lá thư trên, Tổ có nói đến loại Mạn Y gồm năm miếng dành cho cư sĩ, nhưng để phân biệt, năm miếng đó có chiều dài bằng nhau, chứ không cắt thành miếng dài, miếng ngắn may ghép lại như y của người xuất gia. Hiện thời, ngoại trừ trong một số đạo tràng như Phật Quang Sơn chẳng hạn, cư sĩ thọ Ngũ Giới thường đáp y khi tụng niệm, trong các đạo tràng khác, chỉ cư sĩ đã thọ Bồ Tát Giới mới đáp y trong khi làm lễ tụng giới, chứ không đáp y thường xuyên trong các buổi tụng kinh hoặc các buổi lễ khác.

Hàng tại gia đệ tử thường đáp loạn xạ, thật là “tiêm việt” (lạm danh, vượt phạm). So với chuyện tiêm việt này, chẳng thà không đáp y còn tốt hơn! Nếu muốn đáp y thì chỉ nên trong lúc lễ bái mới đáp, chẳng nên thường đáp đến nỗi rối loạn nghi thức, quy củ.

“Cụ” vốn có tên là “tọa cụ”⁹² để dùng trong lúc ngồi,

92. Tọa cụ (Nisīdana), thường được phiên là Ni Sư Đàn, hoặc Ni Sư Đát Na, Nĩnh Sừ Na Năng, dịch nghĩa là phụ cụ, phó cụ, tọa cụ, tọa y, tùy tọa y v.v... đều có nghĩa là đồ trải ra trên mặt đất để ngồi hay nằm với mục đích tránh các loại côn trùng bò lên cắn chích thân thể, và giữ cho ba y khỏi bị lấm dơ. Giống như ba y, tọa cụ chỉ dùng hoại sắc, tức những màu úa. Tọa cụ thường may như một tấm chăn to, dùng vải cũ viền quanh mép, may thành hai ba lớp, hay được chế từ y cũ. Theo luật định, kích thước của tọa dài chừng 4 thước tám tấc, rộng ba thước sáu tấc (thước Tàu). Tuy thế, khi đạo Phật truyền xuống Nam Ấn, chư Tăng thường dùng ngoạ cụ vắt vai, như khi đi khát thực hoặc bố-tát (tụng giới), chư Tăng sĩ Tích Lan, Thái Lan hiện nay vẫn khoác chéo ngoạ cụ lên vai, rồi dùng đai lưng buộc lại. Đến khi truyền sang Trung Hoa, tọa cụ biến thành một dụng cụ để lễ bái, trước khi lễ, vị tăng cầm tọa cụ giơ lên trước Phật, xá một lần, rồi mở tọa cụ ra (gọi là “triển cụ”), đặt xuống bục quỳ, lễ xong, lại xếp tọa cụ, giơ lên xá, rồi vắt lên tay. Bách Trượng Thanh Quy đã quy định rất chặt chẽ

nước ta lại thường dùng trong lúc lễ bái! Hễ theo đại chúng thì không thể chẳng dùng, còn tự hành thì dùng hay không tùy ý ta. Tăng còn như thế huống gì là cư sĩ ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đình ở Hải Môn - 3*)

* Trang Tử nói: “*Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khur dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã*” (Với loài trùng chỉ sống trong mùa Hạ chẳng thể nói đến băng do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng chẳng thể nói đến biển cả vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong queo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo chân chánh vì hấn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên Thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm, rõ gốc, rốt ráo thành Phật! Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu! Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi

về nghi thức “triển cụ” trong khi lễ bái, nhất là khi cử hành các pháp sự lớn như Diệm Khâu, Thủy Lục, Trai Tăng, Truyền Giới. Ở đây, Tổ có ý chê tọa cụ bị dùng sai mục đích, cũng như khuyên ông Thái Tích Đình đừng chấp trước cứ nhất thiết phải đáp y, triển cụ trong khi lễ bái.

mặt, nguy tạo thành kinh của Đạo giáo! Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyên hóa được! Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo. (Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 8 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 3)

* Thời thế Mạt Pháp, tà ma ngoại đạo nhiều vô kể. Gã ma con ấy chẳng cần biết hấn tu trì ra sao, chỉ nội bốn chữ “Ngũ Giáo Đại Đồng” liền biết tận ruột gan hấn rồi! Ngoại đạo đều cậy vào huyền thuật để lừa đời dối người, những kẻ có mắt không trông thấy chúng thần thông rộng lớn bèn dốc thân mạng quy y. Nếu là người thật sự biết đạo lý sẽ tránh xa còn không kịp, huống còn vui thích, hâm mộ, hoài nghi muốn quy y hay sao? Đây chính là mười loại ma thuộc về Tướng Âm trong kinh Lăng Nghiêm vậy.

Kẻ ngu chón quê cho chuyện có thể thấy được thần, thấy được quỷ là hiếm lạ, chẳng biết hấn làm những tà thuật đó để mê hoặc người ta. Ông còn muốn hỏi chuyện đời trước nơi gã ma con ấy, tức là ông bị hấn thu hút rồi. Những gì Hoàng Quan nói cũng là ma nói dối. Ông đã từng theo Hoàng Quan, sao từ đầu chẳng ưa thích chuyện tu luyện của gã?

Ông nên biết yêu ma quỷ quái đều có “thần thông” (tức là yêu thông (thần thông của ma quỷ), chứ không phải là thần thông chân chánh). Kẻ ngu thấy hấn có thần thông, liền cho hấn là Bồ Tát, bèn sa vào lưới rập ma của hấn. Đã là thật sự có thần thông, thì sao người theo học với hấn lại sanh bệnh cuồng như vậy? Huông chi những gì hấn nói và những danh từ do hấn lập ra đều chẳng có trong Phật pháp. Hấn nói pháp của hấn thật sự là Phật pháp, chính là căn cứ chung cho hết thầy ngoại đạo dùng để lừa dối người. Nói lời ấy đủ biết hấn chính là ma!

Đức Phật nói vô lượng pháp môn, pháp nào cũng đều thật. Thiện tri thức tùy theo sở tri sở đắc của chính mình mà đề xướng, chỉ là phù hợp căn cơ hay không. Nếu nói “pháp của ta là thật, các pháp khác đều chẳng thật”, không hỏi cũng biết kẻ ấy là ma! Trong tâm ông quả thật chẳng có chủ ý, may là bọn chúng đã hiện tướng xấu mà trong tâm vẫn còn ngờ vực chẳng quyết đoán được! Nếu kẻ học đạo ấy chẳng hiện tướng xấu xa, há ông chẳng bái kẻ ấy làm thầy, muốn đạt được thần thông diệu đạo của hấn ư?

Thầy X... đã học viên dung, dạy người khác ăn thịt, đánh Phật, cho đó là viên dung, tức là dạy người ta ăn thịt của chính mình, đánh chính mình, cũng là do sức ma phát hiện. Huông chi loài bị giết kia cũng chẳng chịu nói như vậy (ăn thịt ta, đánh ta, đó ư? Phải biết:

Người truyền bá, hoằng dương Phật pháp phải nương theo cấm giới của Phật, đã chẳng trì giới làm sao dạy người khác tu trì? Hẳn thấy Chí Công, Tế Điền đều có chuyện ăn thịt, nhưng Chí Công, Tế Điền chưa từng mang chức trách hoằng dương Phật pháp, chẳng qua gặp cảnh chạm duyên, đặc biệt chỉ dạy, thị hiện sự lý cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, nhưng người giữ nhiệm vụ hoằng dương pháp đạo muôn vàn chớ nên học theo!

Hơn nữa, họ ăn vào thứ chết, ói ra thứ sống, còn bọn X... kia ăn thứ chết vào, ngay cả từng miếng từng khối còn nguyên dạng vẫn chẳng thể ói ra được. Ham học xằng lại còn dạy người khác nữa ư? Người duy trì Phật pháp, nếu chẳng y theo những điều Phật chế định thì chính là loài ma! Huống chi, gã ma con kia là quyền thuộc của ma vương, hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp đó ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi - 4*)

* Nam-mô A Di Đà Phật chính là danh hiệu đức giáo chủ Tây Phương Cực Lạc thế giới. Gã ma con tên X... bèn y theo cách giải thích của gã ma con trước kia để phô trương âm ỉ, muốn cho hết thấy những kẻ mù lòa khen hẳn là bậc đại ngộ, nên mới tạo ra thứ ma thuyết ấy. Người mắt sáng trông thấy biết hẳn bị ma dựa, mắt

trí điên cuồng, chẳng y theo những gì kinh Phật đã dạy, xằng bậy thêm thắt lời ma.

Sao ông chẳng biết A Di Đà kinh đã dạy: “*Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà? Đây Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu mười phương cõi không bị chướng ngại nên hiệu là A Di Đà. Lại đây Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy và nhân dân của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp nên tên là A Di Đà*”. Đây là những lời đức Phật Thích Ca đã nói, gã ma tử X... chẳng noi theo lời Phật mà dựa theo lời gã ma con trước kia đã nói, há chẳng phải là quyền thuộc của ma vương, thật sự là báng pháp ư? Nếu gởi những câu nói ấy cho người khác thì đời sau chẳng đọa địa ngục cũng sẽ mù mắt! Nếu ông chẳng hủy diệt sách ấy thì cũng sẽ mù mắt đấy!

Nay tôi giải thích đại lược cho ông, sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” đều là tiếng Phạn. Nam Mô cũng có khi viết là Nã Mô, trong kinh thường dùng chữ Nam Mô, ở đây dịch là “*cung kính, quy mạng, đánh lễ*” v.v... Hai chữ ấy nhằm biểu thị trực tiếp ý nghĩa cung kính quy y. A Di Đà Phật được cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, còn dịch là Vô Lượng Quang, ý nói đức Phật này quang minh lẫn thọ lượng đều vô lượng. Gã ma con tên X... nọ chẳng dựa theo lời của Phật, Bồ Tát, Tổ sư đã nói, ngược ngạo y theo lời gã ma con kia nói, gã ấy còn

chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huông hồ đáng gọi là thiện tri thức ư?

Hiện tại tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, chỉ nên tự biết, đừng nên tranh biện với chúng nó. Vì sao vậy? Chúng nó muốn nhờ vào đây để được danh văn, lợi dưỡng, chẳng những không chịu thuận theo mà trái lại còn tăng thêm sức ma của chúng nó. Nhẹ là hủy báng cho sượng miệng, nặng là bị hãm hại ngấm ngầm, chẳng thể không biết điều này! Giác Sách Biểu vẫn là tác phẩm khuyên người khác niệm Phật, bài thơ ấy cũng không nêu rõ được ý nghĩa sâu mầu nào! Đọc thơ của ông ta, sao bằng đọc thơ của Trung Phong quốc sư, Sở Thạch đại sư, Tĩnh Am pháp sư? (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 7 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển 1, Thư trả lời đại sư Ứng Thoát - 3*)

* Chúng sanh nghiệp nặng, chướng sâu, phạm là pháp do Phật, Bồ Tát, thiện tri thức đã nói thì phần nhiều chẳng tin phụng, còn những pháp do tà ma ngoại đạo nói thì lại như ruồi bu theo hơi thối, xúm xít như kiến bu, chim đậu ùa nhau hùa theo. Xét đến kết quả, nếu được phước báo nhân thiên nhỏ nhoi đã là muôn vàn may mắn rồi! Phần nhiều coi tà đạo là Phật pháp, chê Phật pháp là tà đạo, dẫu trong đời này chẳng vương phép nước thì chết đi sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, vạn người chẳng sót một ai, chẳng đáng buồn ư? (*Ấn*

Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai - 1)

* Trong đời có kẻ nói giọng cao xa “chán nghe chuyện nhân quả báo ứng và “pháp siêng gắng tu trì”, chỉ lấy “hết thấy đều là không, hết thấy chẳng chấp” làm bùa hộ thân, chẳng biết đã chấp “hết thấy đều là không, hết thấy chẳng chấp” thì đã chẳng phải là ý nghĩa “hết thấy đều là không, hết thấy chẳng chấp” rồi! Huống chi kẻ ấy mượn có đó để lấp liếm dấu vết lười nhác, biếng trễ, chẳng chuyên chú thật tu, chỉ là “bàn suông, tranh cao”, đến khi nghiệp báo đã chín muối, Diêm lão (vua Diêm La) sẽ dâng đồ cúng dường tối thượng cho kẻ “hết thấy chẳng chấp, hết thấy đều là không” ấy. Không biết trong lúc ấy, kẻ đó còn có thể “đều là không, đều chẳng chấp” được hay chẳng? Chúng ta hãy nên kính nhi viễn chi đối với những kẻ ấy, để khỏi phải nhận sự cung kính cúng dường tối thượng của Diêm lão vậy!
(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tú)

* Nếu chẳng tự lượng, đi tham phỏng khắp các bậc cao nhân trong vùng Giang - Chiết, rất có thể là cuối cùng cái tín tâm ấy sẽ bị cao nhân đả phá thì Thiên đã trở thành vô vọng, Tịnh lại chẳng tin, tiền đồ mờ mịt, biết hướng về đâu? Những người muốn thân cận thiện

tri thức hiện nay trước hết phải biết nguyên do của Thiên và Tịnh. Nếu không, mười người hết tám chín kẻ bị thiện tri thức phá hoại thiện căn Tịnh Độ mà vẫn cứ nhơn nhơn đắc ý, cho là đã được chánh pháp, thật đáng đau lòng than thở! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng*)

* Cầu cơ chính là tác dụng của linh quỷ. Chúng xưng là vị Phật này, vị Bồ Tát nọ, vị tiên kia đều là giả mạo danh các ngài. Nếu chân tiên ngẫu nhiên giáng cơ thì sợ rằng trong trăm ngàn trường hợp chẳng được lấy một, huống gì là Phật, Bồ Tát!

Dùng cầu cơ để đề xướng Phật pháp tuy có lợi ích nho nhỏ, nhưng về căn bản đã sai lầm! Người học Phật chân chánh quyết chẳng nhờ vào cách này để đề xướng Phật pháp, vì sao vậy? Vì đây là tác dụng của quỷ thần. Nếu có linh quỷ thông minh thì họa may còn chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện, chứ nếu là một con quỷ hồ đồ giáng cơ, ắt sẽ làm hỏng chuyện lớn! Người ta do lời giáng cơ bị hỏng chuyện lớn liền nói Phật pháp sai lầm, như vậy thì đề xướng kiểu ấy chính là đầu mối để phá diệt Phật pháp! Ông cho là bị mất lợi ích, hỏi có tội hay không tội, thì biết ông hoàn toàn chẳng biết chân nghĩa của Phật pháp, đáng than thở quá đỗi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 1*)

* Cuối đời Minh, ở Tô Châu có một người cầu cơ, có bảy tám môn đồ. Một ngày nọ, cơ giáng nói Phật pháp, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, so với những gì cơ đã nói trước kia hoàn toàn khác hẳn. Sau đấy, lại giáng cơ giống như vậy hơn hai mươi lần nữa, sau cùng mới lại nói “cầu cơ chính là tác dụng của quý thân, ta là vị X... đó, sau này sẽ không đến nữa, các ông chớ nên cầu cơ nữa!” Chuyện ấy được chép trong Tây Phương Xác Chi⁹³.

Năm đầu Dân Quốc (1911), ở Hương Cảng có người cầu cơ, nói là đại tiên Hoàng Xích Tùng giáng cơ xem bệnh cực linh. Có kẻ trọn chẳng còn lẽ sống, cầu vị tiên ấy dạy cho một phương thuốc. Thuốc ấy cũng là tùy tiện nói ra một loại nào chẳng quan trọng lắm, nhưng hễ uống vào liền lành bệnh. Hoàng Tiểu Vỹ hâm mộ đến học, học được cách cầu cơ nhưng hễ vịn cơ, cơ liền không chạy. Người khác hỏi thì cơ dạy niệm kinh Kim Cang bao nhiêu biến đó rồi lại vịn cơ, làm theo thì cũng rất linh. Nhân đó, cơ bút thường khai thị pháp

93. Tây Phương Xác Chi là tập sách ghi chép những lời giáng cơ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, do Thường Nhiếp kết tập. Theo đó, vào cuối đời Minh, bọn ông Tưởng Vô Hủ gồm tám người thích tu Tiên thường tụ tập lại cùng nhau cầu cơ. Một ngày nọ, có một vị tiên giáng xuống, dạy họ niệm Nam Mô Phật, họ bèn xưng Nam Mô Phật, vị ấy bảo niệm Phật không phải chỉ niệm bằng miệng suông như thế, rồi dần dần chỉ dạy họ tu pháp môn Tịnh Độ, trừ bỏ tâm ham muốn trường sanh bất tử, cũng như đả phá những thói hư tật xấu của họ. Tám người này về sau đều thành những hành nhân Tịnh Độ tinh tấn. Những lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát về Tịnh Độ hoàn toàn phù hợp với giáo huấn của chư Tổ Tịnh Độ, đả phá mạnh mẽ tệ nạn cầu cơ nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng. Tây Phương Xác Chi cũng được đưa vào Tục Tạng Kinh.

môn Niệm Phật. Bọn ông Vỹ liền muốn lập đạo tràng Niệm Phật, cơ dạy: “Nên đợi ba năm nữa rồi mới lập”.

Ba năm sau, bốn năm người bọn họ lên Thượng Hải thỉnh kinh sách, năm sau đến quy y, lập ra Đa Đa Phật Học Xã, đem chương trình niệm Phật gửi cho tôi: Niệm Phật xong, niệm Quán Âm, Thế Chí xong, lại niệm thêm một vị tên là Đa Đa Ha Bồ Tát. Quang hỏi: “Làm sao có được danh hiệu ấy?” Bọn họ bèn thuật lai lịch, nói là trước kia cơ xưng là đại tiên Hoàng Xích Tùng⁹⁴, sau dạy tu pháp môn Tịnh Độ, đến cuối cùng mới cho biết rõ gốc gác là Đa Đa Ha Bồ Tát, lại răn vĩnh viễn không được cầu cơ nữa.

Hai chuyện này do một người đệ tử sưu tập những pháp ngữ Tịnh Độ, soạn thành sách đặt tên là Tịnh Độ Tập Yếu¹⁸⁰, Quang bảo đem hai chuyện ấy ghi kèm vào đằng sau. Nay gửi cho ông ba bản, đọc rồi sẽ tự biết (với Đa Đa Ha Bồ Tát, Quang bảo họ lập riêng một điện để thờ phụng, chớ nên kèm thêm vào nghi thức Niệm Phật để khỏi làm cho người khác nghe rồi dị nghị). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 1*)

94. Đại tiên Hoàng Xích Tùng: Trong hệ thống thần thánh của Đạo Giáo không thấy liệt kê tên vị này. Theo truyền thuyết, năm Quang Tự 23 (1897), tại Hoa Nam, dân tình khốn khổ, bệnh dịch lan tràn, nên các đàn cầu cơ cầu tiên cho thuốc chữa bệnh rất thịnh hành. Có một vị giáng cơ tự xưng tên là đại tiên Hoàng Xích Tùng, thường

* Người côi tục trong làng quê vô tri, chỉ muốn chết đi chẳng chịu tội, có tiền xài, đến nỗi có kẻ tục Tăng không hiểu giáo lý, ngụy tạo kinh Thọ Sanh khớp với điều họ ưa chuộng, thành ra những kẻ vốn sẵn lòng hèn kém tham tiền và chỉ cầu tự lợi, bèn chẳng tiếc nhiều tiền bạc để trả nợ tiền Thọ Sanh! Lại còn gởi kho để mong chết đi được thọ dụng, chẳng biết thọ sanh tùy thuộc nghiệp thiện hay ác, há có thể nhờ tiền để chuộc mạng nơi các quan ở âm tào ư? Lúc còn sống chịu tu thiện thì chết đi sẽ tự được thọ dụng. Nếu chẳng tu thiện, dẫu con cháu vì người đã mất ấy đót y phục, tiền tài, cũng chẳng thọ dụng được, sẽ bị kẻ mạnh bạo có sức mạnh cướp đoạt mất. Đây là nói về người bình thường chẳng biết niệm Phật.

Nếu là người niệm Phật, lúc sống nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, sao chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ mong chết đi làm quỷ vậy? Đúng là chẳng biết tự trọng, toan tính làm chuyện thấp kém, muốn vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng muốn thoát lìa, sao mà ngu cùng cực đến như thế?

Lại nữa, hàng nữ nhân thường nghi sanh sản là có tội, hàng Tăng sĩ kém cỏi, vô tri bèn ngụy tạo Huyết Bồn Kinh, Huyết Bồn Sám. Nữ nhân nghe vậy, mừng rỡ quá đỗi, ai nấy đều muốn niệm Huyết Bồn Kinh, lạy

Huyết Bồn Sám, phá huyết hồ. Đúng là lấy trò đùa của trẻ con để làm căn cứ diệt tội, thoát khổ, đáng than quá đỗi! Cái tội của nữ nhân là ở chỗ phạm lỗi “chẳng hiếu với cha mẹ và bố mẹ chồng, chẳng kính trọng chồng, chẳng đối xử nhân hậu với tôi tớ, chẳng dùng thiện đạo để dạy con, và chẳng tắm rửa đúng lúc”. Nếu do chí thành, cung kính niệm Phật để mong tiêu diệt nghiệp xưa, tẩy lòng, rửa ý, chẳng tạo tội khiên về sau nữa, do Sa Bà dấy động lắm tội khiên bèn quyết chí vãng sanh Tây Phương, đấy mới là chánh lý. Sao chẳng sám hối tội lỗi trong tự tâm mà chuyên dựa vào ngụy kinh để sám diệt tội lỗi vậy?

Đã tin Phật là bậc cứu độ, sao chẳng niệm kinh Đại Thừa do đức Phật đã nói như Kim Cang Kinh, Di Đà Kinh, Tâm Kinh, Đại Bi Chú, Vãng Sanh Chú và Pháp Hoa Kinh, Lăng Nghiêm Kinh v.v... để mong diệt tội tăng phước? Diệm Khẩu⁹⁵ là pháp trọng yếu để cứu vớt

95. Đây là một khoa nghi thí thực cho cô hồn nạ quỷ dựa theo lời dạy trong kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Nạ Quỷ Đà La Ni Kinh. Theo kinh đó, ngài A Nan nhập định trong rừng, thấy một nạ quỷ mặt bốc lửa bùng bùng, hình hài khô khốc, đầu tóc rối bù, bụng to như trống, họng bé như kim, nên có tên là Diệm Khẩu. Quỷ cho biết do kiếp trước keo kiệt, tham lam không biết chán đủ nên bị đọa vào loài nạ quỷ. Quỷ cũng báo trước A Nan sau ba ngày nữa sẽ chết, đọa làm nạ quỷ. A Nan kinh sợ vội chạy đến cầu cứu đức Phật. Nhân đó, Phật dạy cách thí thực, vận tâm từ bi, quán tưởng và chú lực để thí khắp hằng hà sa số nạ quỷ và chư tiên, công đức vô lượng, tăng trưởng thọ mạng, thoát báo nạ quỷ. Nguyên tắc chủ yếu là dùng đồ chứa sạch sẽ, đựng nước ăn, chút ít thức ăn dùng tay phải đề lên trên, tụng chú bảy biến, xưng danh hiệu thất Phật (Đa Bảo, Diệu Sắc Thân v.v...) rồi rải khắp bốn phương, khảy ngón tay bảy lần. Dem món ăn ấy đổ xuống chỗ đất sạch để nạ quỷ hưởng dụng. Về sau, khoa nghi nguyên thủy được biên soạn dựa theo Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La

cô hồn, lại ngược ngạo chẳng tin, xúm nhau phá huyết hồ, phá địa ngục, coi đó là những “Phật sự” không thể không làm! Chính mình chẳng được lợi ích chân thật, đâm ra làm cho kẻ hiểu lý thế gian nhưng không biết Phật pháp tưởng đó chính là Phật pháp. Do đó, nảy sanh đủ mọi lời lẽ báng pháp bừa bãi, còn tự cho là đúng. Những kẻ mù quáng đâm ra tuân phụng những ý kiến sai lạc ấy, coi như khuôn thước. Như trong Cổ Văn, qua bài văn “viết sau cuốn Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trụ” của Lưu Bá Ôn⁹⁶, đủ thấy kẻ ngụy tạo Huyết Bồn Kinh tội lớn ngập trời! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai -1*)

Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh (do ngài Bất Không dịch) đã chịu ảnh hưởng nhiều của Mật Tông Tây Tạng nên trở thành dần dần quá phức tạp, rườm rà. Vì thế, để thuận tiện cho việc hành trì, cao tăng các đời đều lưu tâm chỉnh lý. Hiện thời, khoa nghi Diệm Khẩu phổ biến nhất là bản Thiên Cơ Diệm Khẩu (tức Tu Tập Du Già Tập Yếu Thí Thực Đản Nghi do ngài Thiên Cơ đời Minh tu chỉnh các khoa nghi Diệm Khẩu sẵn có từ trước). Bản Thiên Cơ lưu hành hiện thời đã được tổ Liên Trì tu chỉnh tạo thành Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đản Nghi (nhưng vẫn quen gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu). Kế đến là bản Hoa Sơn Diệm Khẩu do ngài Đức Cơ núi Báo Hoa tu chỉnh bản của ngài Liên Trì một lần nữa, đặt tên là Du Già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu.

96. Lưu Bá Ôn (1311-1375), tên thật là Lưu Cơ, tự là Bá Ôn, thụy hiệu Văn Thành, người Nam Điền, huyện Văn Thành, Ôn Châu, là một nhà quân sự và chính trị gia lỗi lạc đồng thời là một thi nhân nổi tiếng cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Ông rất giỏi về binh pháp và sách lược, phù tá Châu Nguyên Chương sáng lập cơ nghiệp nhà Minh. Ông được hậu thế xưng tụng “tài trí vượt hẳn Gia Cát Lượng!” Châu Nguyên Chương từng khen ngợi: “Ông là Tử Phòng (Trương Lương) của ta”. Do ông quá tài giỏi, trong dân gian đã lưu truyền nhiều truyền thuyết tô vẽ Lưu Cơ như một bậc đạo sĩ tu chứng trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, thấu hiểu huyền cơ, có thể thấy trước vận mạng đất nước vài trăm năm!

* Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống! Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lắm lắm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật Tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt lõi: Dùng công phu Tam Mật trì chú để tiêu trừ Phiền Hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được?

Các Lạt Ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì ở những nơi ấy không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật Tông hiện thời phần nhiều ngã măn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là “ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó!” Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa!

Mật Tông đề xướng “tức thân thành Phật” (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi “liễu sanh tử chính là thành Phật!” Những kẻ vô tri liền tưởng hễ liễu sanh tử là đã trở thành đức Phật phước huệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm kèo rường bởi gỗ cây ấy

có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X... đề xướng Mật Tông “một trăm ngày thành Phật”. Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa Hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học sẽ thành Phật trong bốn mươi tám ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc truyền đạo tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng! (*Hoàng Hóa Nguyệt San số thứ 2 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa*)

* Kinh Phật trọng nơi thọ trì, chưa từng nghe dạy đem đốt đi! Dù bảo là đốt đi sẽ có ích cho cô hồn và cho người đã khuất đang được cầu siêu, vẫn là chuyện công chẳng bù được lỗi, hướng hồ là vô ích! Vì sao nói như vậy? Phàm những kẻ thiêu kinh phần nhiều đều thiêu trong dụng cụ để đốt giấy vàng mã, tro ấy lại đem bán lẫn với tro giấy vàng mã. Những kẻ mua tro đó đem về, gạt bỏ sạch hết tro giấy đi, chỉ giữ lại tro vàng mã. Như vậy thì tro kinh chẳng thể không bị quăng vào rác rưởi hay sao?

Có ai chịu phí công lấy riêng một đồ đựng, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kính vào giữa, phía trên lại bịt những tờ giấy thiếc. Đốt giấy thiếc, kính sẽ cháy theo, do phía trên có bọc giấy thiếc nên tro kính chẳng đến nổi bay lung tung ra ngoài. Đợi đến khi cháy hết, đã nguội rồi, hốt tro ấy bỏ vào trong túi vải mới, bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch vào trong, may miệng túi lại. Nếu có thân hữu hết sức đáng tin cậy đem ra biển, hoặc đem ra sông lớn, tới chỗ sâu nhất gieo xuống thì chẳng mắc lỗi khinh nhờn. Nếu chiếu theo cách đốt vàng mã bình thường, rồi lại còn bán tro giấy, tôi sợ rằng mắc tội vô lượng, công chẳng được mấy!

Phàm làm các Phật sự đều phải làm bằng lòng thành kính thì mới có sự cảm thông. Những kẻ thiêu kính kia chỉ biết thiêu mà thôi, có bao giờ nghĩ đến chuyện này? Các kinh Đại Thừa đều khen ngợi công đức biên chép, thọ trì, đọc tụng, chẳng hề nghe khen ngợi thiêu kính có công đức! Nếu thật sự có công đức, vẫn chẳng nên duy trì phong tục này; vì rất có thể là kẻ vô tri hiểu lầm sẽ chú trọng thiêu kính, chẳng chú trọng thọ trì! Kinh Kim Cang đã thiêu được, lẽ nào các kinh Đại Thừa khác chẳng thể thiêu được? Kẻ giàu có nhưng vô tri ắt sẽ tạo nghiệp thiêu kính vô cùng vậy! Chuyện này Bất Huệ hoàn toàn chẳng tán thành, tuy nghe người ta nói có đại cảm ứng, vẫn chẳng thốt ra một tiếng nào tán dương, bởi sợ tạo thành mối tệ vô cùng!

Thế gian thường hay đem chú Vãng Sanh viết thành hình tròn, đem khắc rồi in ra, đặt tên là Vãng Sanh Tiền, lắm kẻ đem thiêu tiền ấy thí cho cô hồn. Năm Quang Tự mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, vào buổi sáng sớm, Quang ra ngoài cửa tam quan, thấy trong đồng tro giấy và tro vàng bạc của lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có một xấp giấy Vãng Sanh Tiền dày hai tấc chỉ cháy một nửa. Nếu tôi không thấy thì người hầu quét dọn, sợ rằng cũng bị quét vào đồng rác luôn! Do vậy, biết được rằng: Cái lỗi thiêu chú ấy không chỗ nào chẳng có!

Có vị Tăng phóng Mông Sơn, dùng ngân phiếu và tiền giấy kẹp tiền Vãng Sanh vào trong, xếp thành hình một đầu to đầu nhỏ, đợi đến khi Xuất Sanh⁹⁷ sẽ đốt. Khi lửa cháy gần tới tay sẽ quăng xuống đất.

Trong ấy thường có chữ chưa cháy hết. Dù cháy hết, tro ấy hoàn toàn bị quăng xuống đất, há không có lỗi

97. Xuất Sanh là một thuật ngữ thường dùng trong Thiên Lâm: Khi chúng tăng đến trai đường dùng bữa, vị Đường Chủ hoặc Trụ Trì sẽ lấy ra một ít cơm (gọi là “sanh phạn”) từ chén của mình bỏ vào một đồ đựng riêng (gọi là Xuất Sanh Đai hay Sanh Đai) để thí cho Đại Bằng Kim Xí Điều, chúng quý thần Khoáng Dã, Ha Lợi Đê Quý Tử Mẫu v.v... Chữ “sanh phạn” ngụ ý cơm này dùng để nuôi mạng sống của chúng quý thần; do vậy, mới có từ ngữ Xuất Sanh. Vị thí giả sẽ mang cơm ấy ra phía ngoài trai đường, đặt nơi đất sạch, trong bóng râm, đọc kệ Xuất Thực. Sở dĩ phải thí thực cho chúng quý thần vì khi đức Phật hàng phục quý Khoáng Dã, Quý Tử Mẫu, đã khuyên các loại quý thần ấy không nên ăn máu thịt chúng sanh nữa, và hứa khi nào Phật pháp còn tồn tại, Tăng chúng sẽ hằng ngày cúng dường thực phẩm cho họ được no đủ. Không hiểu vì lý do gì, Phật giáo Trung Hoa, nhất là tại Hoa Nam, lại thêm vào chuyện đốt giấy tiền vàng bạc mỗi khi Xuất Sanh.

hay sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tống Đức Trung hỏi đốt kinh là công hay tội*)

* Chỉ có cực lực tu trì, cầu Tam Bảo gia bị là thượng sách! Bốn mươi, năm mươi năm trước đây, Đại Bi Viện ở Thiên Tân hoàn toàn lọt vào giữa trại lính, hồ tiên⁹⁸ quây phá, sĩ quan trong trại lính chẳng thể ở được, thỉnh lão Hòa Thượng của Đại Bi Viện đến liền lặng yên vô sự. Sĩ quan rất tôn trọng, những chuyện quét dọn hằng ngày trong Đại Bi Viện đều do các binh lính thuộc doanh trại làm. Buổi tối, Tăng chúng ra ngoài phóng Diệm Khẩu, trở về, kêu cửa, họ liền mở cửa trại. Lại có vị đáp thuyền, thuyền cập bến trong đêm cũng không bị ngăn cấm. Thị trấn Mộc Độc (thuộc tỉnh Giang Tô) có đến một ngàn lính đều đóng trong nhà dân. Nghe nói binh lính gần đây vẫn còn hiền lành, chẳng ngang ngược tàn bạo.

Trong lúc này, một là dùng tu trì để cầu Tam Bảo gia bị, hai là dùng tu trì khiến cho quan lẫn lính đều kính trọng. Hạ viện chùa Linh Nham ở ngoài cửa Tây thành Tô Châu cũng có bốn mươi, năm mươi tên lính ở, chúng còn hiền lành, chẳng nấu đồ mặn trong chùa, đây cũng là chuyện rất khó có vậy! Mong ông hãy nói với vị Đầu Đà Tăng, từ rày chỉ nên cầu Tam Bảo, đừng cầu

98. Hồ tiên: Hồ ly tinh

cạnh người khác. Cầu cạnh người khác chẳng những vô ích, ngược lại còn bị mang tiếng nhục là bản thân thiếu đạo đức! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Con người hiện thời thường cầu các bậc danh nhân soạn các truyện ký cho cha mẹ của chính mình và bản thân để mong lưu danh sau khi chết đi, Quang coi đó là chuyện xấu hổ! Không những Quang chẳng cầu cạnh người khác viết về mình, mà ngay đến cha mẹ Quang, Quang cũng không tự viết, huống là cầu cạnh người khác ư? Dù danh trùm thiên hạ thì có dùng chuyện ấy để liễu sanh tử được hay không? Vì thế, tâm lòng cầu danh của Quang nguội lạnh cùng cực. Hễ thấy những kẻ cầu cạnh người khác soạn văn, lòng liền bức rức, cho nên thường nói: “Người thế gian phần nhiều đều là chuộng danh ghét thật”. Nào có phải là do Quang ghét danh đâu? Mà là vì cái danh mà không có thực chất thì thật là đại nhục, cho nên chẳng muốn có cái danh suông ấy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi*)

* Cổ nhân có sự hàm dưỡng “tuy có mà như không, có thật mà như dối”, sao nhà báo lại quên tuốt, ngược ngạo phô phang thanh thế trống rỗng vậy? Từ rày đừng nên làm như thế nữa! Quang còn chưa lên đến huyện

(huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây) làm sao nhập học ở trường huyện cho được? Vào trường học ở huyện hay không, nói chung chẳng khác gì nhau! Nhưng một đằng thật, một đằng giả, chỉ khiến cho người ta hổ thẹn không nơi lánh mình, có ích chi chẳng? Quang làm người trong cõi thế không lâu nữa đâu, một mai chết đi, muôn vàn chớ nên truyền bậy điều ấy khiến cho người khác nghi ngờ, cười chê! Đối với cha mẹ, sư trưởng, Quang chẳng ghi chép một chữ, vì sợ bị hãm trong vực xoáy tiếng tăm hư vọng của con người hiện thời, chuốc lấy tiếng dị nghị của người khác. Chỉ mong chẳng nhục lây cha mẹ, coi đó là chuyện rạn danh cha mẹ. Huống chi người học Phật há có nên giống như trẻ nít ngoài đường ngoài chợ cầu xin khắp những người có danh vị tán tụng mới coi đó là vẻ vang, hiếu hạnh ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 3*)

* Hàng tôi tớ phần nhiều không biết tốt - xấu, làm lụng trong nhà giàu có hay nhà người khác, chẳng biết quý tiếc gạo thóc, vật dụng, đấy chính là chuyện hao phước, tổn thọ, hằng ngày chẳng biết làm như vậy bao nhiêu lần! Gần đây, nghe ông Tào Tung Kiều nói: “Có một tiên nhân dựa vào thân người khác để chữa bệnh, một bà vú thuộc một nhà giàu có nợ, gần như bán thân bất toại cũng đến xin xem bệnh. Bà ta chưa đến trước

mặt, tiên nhân đã nói: “Người khỏi phải đến! Người phung phí cơm gạo, thức ăn của chủ nhân quá nhiều, chẳng bao lâu nữa toàn thân sẽ điên cuồng, tê liệt mà chết!”

Hãy nên đem lời này kể với hai cô con gái Hữu Trinh và Chiêu Nga của ông để họ biết mền tiếc đồ vật của chủ nhân, vun bồi phước thọ của chính mình, cũng như có thể đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 2*)

* Tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà, một vị sư Phạm Đầu⁹⁹ dù nấu cơm cho một hai trăm người ăn, vẫn nấu cơm không chắt nước. Trong mấy năm, vị ấy đã tiết kiệm củi lửa, mỗi ngày chỉ cần một hai gánh củi, lại nấu được nhiều cơm, cơm còn bồi bổ con người.

Vị Phạm Đầu kế tiếp thường hay chắt cả mấy thùng nước cơm, nước gàn đầy thùng bèn đổ xuống cống ngầm. Nhà kho, khách đường, chấp sự đều chẳng hỏi đến. Đủ biết vị Phạm Đầu ấy mỗi năm đã phí phạm củi lửa, nước cơm của Thường Trụ, tội ấy lớn lắm! Mong hãy đem nghĩa này nói với hết thầy mọi người, đây cũng là chuyện quý tiếc củi lửa, ngũ cốc lớn lao vậy!

99. Phạm Đầu là một vị chức vị thuộc về Thập Vụ trong tông lâm, dưới quyền quản trị của vị Điện Tọa. Vị Phạm Đầu chuyên lo cơm cháo cho Tăng chúng, cũng như chịu trách nhiệm đảm bảo cơm nước, củi lửa đầy đủ, nồi niêu sạch sẽ, bát đũa tinh sạch.

(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 2)

* Cơm Đại Bi chớ nên chắt nước. Nếu không quen nấu cơm ráo không chắt nước, hãy nên lấy nước cơm ấy để luộc rau, hoặc dùng làm nước uống. Phàm những ai nấu cơm chắt nước thì phải dùng nhiều nước, tốn nhiều củi. Chắt cốt của gạo đều nằm trong nước cơm, lại ngược ngạo vất đi, chỉ giữ lại xác gạo, bỏ đi chắt bỏ! Vừa tốn phước, vừa phí tiền, mà sức bồi dưỡng con người cũng ít. Đối với bệnh của mẹ và người em họ thứ hai của ông, đều nên dùng tâm đại Bồ Đề để cung cấp cho họ cơm rau Đại Bi suốt một tháng. Nếu bệnh họ thật sự lành sẽ gieo được đại thiện căn. *(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường - 2)*

* “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*” (Bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn). Đây chính là nói về kẻ chẳng trọn hết phận sự con người vậy. Nếu đã lấy vợ, nhưng không sanh nở được, cố nhiên chẳng phải là “không trọn hết phận sự con người”. Một vị cư sĩ ở quê tôi không con, cầu khẩn nhiều cách đều chẳng thỏa nguyện, bèn cưới một người thiếp, nhưng thiếp bất hòa, nảy sanh xích mích, vẫn không có con. Một người bạn bày kế, tính sang làng xa cưới một người thiếp nữa, chẳng rước về nhà, mỗi năm người ấy

qua lại một đôi lượt để mong sanh con. Dem chuyện ấy thưa với Quang, Quang nghe xong khôn ngăn than thở cảm khái!

Gần đây lòng người bại hoại đến cùng cực, trai gái tự do luyến ái gần như trở thành công khai. Một cô gái tuổi nhỏ, ở một mình ngoài mấy trăm dặm, cô gái ấy chẳng sanh chuyện bên ngoài thì chính là bậc đại hiền, sợ rằng trong trăm ngàn người, cũng khó được mấy kẻ! Huống chi cô gái ấy tự sống thành một nhà, lại cần phải thuê đầy tớ, phí tổn cũng khá. Nếu may mắn sanh được con thì kẻ ưa gièm pha ắt sẽ có kẻ nói xấu miệt thị là làm chuyện ám muội. Nếu chẳng may vẫn không sanh được con thì cô gái ấy suốt đời cô đơn quanh quẽ, người chồng phải chu cấp suốt đời, đúng là tự gieo mình vào lao ngục, làm nô lệ cho cô gái ấy, chẳng đáng buồn ư? Kế hoạch ấy nói chung là vì cái danh mà bày ra, vì cho rằng không con là thiếu đức, có con thì người ta chẳng nói mình thiếu đức. Cái danh gây lụy cho con người đến nỗi như thế đấy! Ta chỉ trọn hết phận ta, hết thấy những chuyện khác không tính đến thì mới là “*biết vui theo mạng trời*”. Số mạng vốn không có con thì phải tích đức mà cầu, cầu không được thì có gì tiếc nuối đâu? Nay những kẻ đả đảo giềng mối “cha - con, vợ - chồng” để tự do luyến ái, nam nữ lỏa lồ ôm nhau khiêu vũ, chẳng phải là những đứa con do cha mẹ sanh ra hay sao? Không có những đứa con như thế thì tốt

hơn! Anh em Quang ba người, Quang bé nhất, hai anh đều không con, dòng họ tuyệt tự. Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi, bởi sau này chẳng còn có con cháu tạo ác nghiệp làm nhục tổ tiên nữa! Chuyện như vậy, đâu phải chỉ riêng quê tôi mới có, có lẽ có người mang cảm giác đồng tình với quê tôi, cũng có thể giải bớt nỗi lo buồn vậy! Huống chi, người tu hành chẳng mong huyết mạch được tiếp tục. Bàn cư sĩ con trai chẳng lấy vợ, con gái chẳng gả chồng. Ông Bành Nhị Lâm suốt đời hoàng pháp tu Tịnh nghiệp, vợ sanh được hai con gái, không có con trai cũng chẳng cưới thiếp, cũng chẳng nuôi cháu nối dòng, do ông chí tại vãng sanh Tây Phương, chẳng muốn tiếp tục dâm dục hồng sanh con đẻ cháu. Chúng ta dù chẳng dám với cao muốn được như Bàn cư sĩ, nhưng gương thom của Bành Nhị Lâm chúng ta nên tự giữ. Cần gì phải lập ra kế hoạch cực nguy hiểm ấy để mong đạt cho được vậy?

Nếu nói: “Ông nói như vậy, quá bất cận nhân tình, nữ để phân mộ tổ tiên không người lễ bái, quét dọn, cúng tế ư?” thì thưa: “Do lấy thiếp mà bị người gièm pha là làm chuyện ám muội, sao bằng đến viện mồ côi, ẵm lấy một đứa bé mũm mĩm, trông có phước phận về làm con thì tốt đẹp đôi bề, không ai nuôi nó, ta nuôi làm con, tức là cứu mạng nó, nó cũng có thể thay thờ phụng tổ tiên, mà cũng làm cho tổ tiên của nó chẳng đến nỗi đau lòng vì con cháu bị vùi lấp nơi khe rãnh vậy. Nghĩa

cử ấy người ta cho là nuôi tò vò, nhưng nuôi tò vò có gì đâu mà thẹn? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hồ Phụng Trần*)

* Lúc lệnh nghiêm còn sống đã tin vào Phật pháp, nay ma chay cho cụ, theo đúng lý, hãy nên thuận theo chí của cụ lúc sinh tiền, nhất loạt đừng dùng đồ mặn. Phàm tế thần, cúng linh, đãi khách đều dùng món chay, điều này đem so với phóng sanh, công đức càng lớn hơn. Nếu chẳng dùng đồ chay thì xong đám tang này, số lượng sanh mạng bị giết quá nhiều. Nỡ nào vì bọn ta thể hiện lòng hiếu mà khiến cho cha mẹ ta phải kết sát nghiệp với vô số sanh mạng ấy?

Năm Dân Quốc 13 (1924), tiên sinh Châu Ngọc Sơn mất (vị này từng làm Tổng Đốc Lưỡng Giang), con ông là Tập Chi quen biết với Quang, gởi cho Quang một tờ cáo phó. Quang khuyên đừng dùng đồ mặn. Do ông ta là quan chức có tiếng tăm rất lớn, nếu dùng đồ mặn sẽ chẳng tránh khỏi “làm cho cha nở mày nở mặt lại hóa thành gây lụy cho cha!” Thư Quang gởi đến, ông Tập Chi chẳng quyết đoán, bảo những người lo việc bàn bạc. Những kẻ lo việc toàn là bọn tham ăn tục uống, đều chẳng tán thành dùng món chay. Thiết lễ điếu tang tại Thiên Tân, khách viếng tang ngồi hơn bốn ngàn bàn. Năm sau, rước linh về đất Hoàn (An Huy): Đến Nam Kinh làm lễ điếu tang, tới Vu Hồ (thuộc tỉnh An

Huy) lại làm lễ điếu tang, về đến nhà lại thiết lễ điếu tang. Con cháu dòng trưởng làm lễ điếu tang tại Dương Châu. Chỉ năm lần thiết lễ điếu tang này, những sanh mạng bị giết đã chẳng thể tính nổi số. Chôn cất xong, trở về Thiên Tân, có kẻ cầu cơ, tiên sinh Ngọc Sơn giáng đàn, đau đớn oán hận người nhà dùng đồ mặn, nói công đức thuở làm quan khi còn sống đã bị tiêu diệt hết mà vẫn chưa đủ để bù đắp cái tội ấy! Tập Chi quá sức hồi hận nhưng không làm sao được, muốn lập một đại tòng lâm tại Thiên Tân để chuộc lỗi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Quách Phụ Đình*)

* Lời nói của nhà Phong Thủy¹⁰⁰ sao đáng lấy làm căn cứ? Nếu đúng như họ nói thì người phú quý sẽ vĩnh viễn phú quý, há có thường thấy con nhà cao sang bị chết đói nữa ư? Người có thể lực nhất trong cõi đời để chọn được cuộc đất tốt, nơi làm nhà tốt, có ai bằng hoàng đế? Có sao hoàng đế phần nhiều thường đoản thọ? Từ đời Hán đến nay, chưa có triều đại nào tồn tại hơn bốn trăm năm!

Người nghèo các nỗi khổ đầy đây, lại muốn được

100. Nguyên văn “Kham Dư”, Kham có nghĩa là khám xét, quan sát, Dư có nghĩa là cỗ xe, hàm ý chuyên chở, đi khắp lãnh thổ. Hiểu theo ý nghĩa hẹp, chữ Dư chỉ là bàn dùng trong Phong Thủy. Do vậy, Kham Dư có nghĩa là quan sát tướng đất, dùng la bàn để trắc định hướng đất. Kham Dư Thuật là tên gọi khác của Phong Thủy.

chỗ ở tốt, huyết mộ tốt nhưng chẳng được, đây là muốn khỏi khổ lại tự lập ra cách để càng bị khổ sâu xa hơn! Ông chỉ giữ tâm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, nhất tâm niệm Phật, lần lượt khuyên người, y theo Một Lá Thư Gửi Khấp để khuyên hóa thì nghiệp chướng ngấm tiêu, thiện căn tăng trưởng. Quang sám hỏi cho ông sao bằng chính ông cạn kiệt lòng thành kính tự sám hỏi có hay hơn không? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh*)

* Người đời chẳng cầu phước điền nơi tâm, cứ cầu phước điền nơi ngoại cảnh, thường chôn vùi thiên lương để mưu đoạt nhà cửa, đất đai tốt đẹp của người khác, đến nỗi nhà tan người chết, con cháu tuyệt diệt đều là vì bị lũ thầy Phong Thủy mê hoặc mà ra! Nếu thầy Phong Thủy biết họa - phước đều do tâm tạo, mà cũng do tâm chuyển, Phong Thủy sẽ trở thành khuôn phép hữu ích cho cuộc đời. Hơn nữa, các nhà Phong Thủy mỗi người một ý kiến khác nhau, phạm với cách nhìn của người xưa, người đời nay chưa chắc đã hoàn toàn tán đồng, do muốn tỏ ra chính mình hiểu biết cao siêu, chứ thật ra quá nửa là dụng tâm của tiểu nhân, muốn nhờ vào đó để dối đời trộm danh vậy! Hãy thử nhìn vào những nhà Phong Thủy xem, có ai đại phát đạt hay không? Họ có thể mưu tính cho người khác, có

sao chẳng mưu tính cho chính mình? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh*)

* Ngồi vị Thành Hoàng chính là do người thông minh chánh trực trong cõi đời đảm nhiệm. Luận theo Phật pháp thì họ vẫn thuộc trong số những kẻ bị đọa lạc, nhưng nhìn theo thế tục, họ đã rất phi thường rồi. Ông buồn vì nghĩ Thành Hoàng chẳng được kể tên vào tể điện¹⁰¹ là điều bất hạnh ư? Hết thấy thánh hiền đạo đức đều bị gã cuồng kia phế bỏ, lẽ nào thánh hiền đều trở thành kẻ khốn cùng không nơi nương tựa hay sao? Cha ông bảm tách rất thật thà, e rằng vẫn chưa hiểu sâu xa nguyên do của pháp Niệm Phật. Nếu biết sâu xa, ắt sẽ chẳng đến nỗi có chuyện trở thành Thành Hoàng! Nếu cụ là Thành Hoàng thì há lẽ nào vì bị kẻ cuồng trong đời phế bỏ mà do đó không có chức vị, trách nhiệm của Thành Hoàng nữa hay sao?

Thành Hoàng có lớn, có nhỏ, giống như các quan địa phương ở tỉnh, phủ, huyện. Do họ hưởng huyết thực¹⁰², nắm quyền thưởng phạt, nên người biết Phật pháp quyết chẳng chịu làm. Nếu huệ lực sâu thì còn có thể tiến tu, nếu huệ lực cạn thì chẳng phải là điều tốt

101. Tể điện: Sách ghi tên các vị thần được triều đình công nhận và quy định cúng tế hằng năm.

102. Huyết thực: Theo lệ xưa, người ta thường giết heo, dê, bò rồi để nguyên con không nấu nướng, dâng lên tế thần. Hiểu theo nghĩa rộng, do thần thánh thường được cúng tế bằng động vật nên gọi là “hưởng của huyết thực”.

lành cho lắm vì phạm phu trọn đủ Hoạch nghiệp, do tâm sân khuể nặng nề nên chẳng thể gọi là chuyện tốt đẹp được!

Nếu ông có thể chí tâm niệm Phật hồi hướng cho cha khiến cho cụ chưa nhận chức Thành Hoàng liền sanh về Tây Phương, còn nếu đã nhận chức Thành Hoàng thì khi mãn chức sẽ vãng sanh, đấy mới là thờ cha mẹ đến mức rốt ráo. Phải biết vãng sanh Tây Phương còn vượt trội chư thiên cõi trời Phi Phi Tướng¹⁰³ bao nhiêu lần chẳng thể tính được, huống gì là Thành Hoàng? Hễ vãng sanh bèn siêu phạm nhập thánh, còn Thành Hoàng chỉ là một chức vụ nắm quyền thưởng phạt trong quỹ thần đạo mà thôi, vẫn ở trong Dục Giới! Chức vụ đã mãn thì hoặc là được thăng chức, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào nhân gian, đều tùy theo nghiệp lực mà thọ các thứ quả báo cao hay thấp vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Quách Vũ Tam*)

103. Phi Phi Tướng Thiên, gọi đầy đủ là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, đôi khi còn dịch là Vô Tư Tướng Diệc Vô Tư Tướng Thiên, Hữu Tướng Vô Tướng Trí Thiên, hay Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Thiên, là tầng trời cao nhất trong Vô Sắc Giới. Tên tầng trời này được gọi theo môn Thiên Định của chư thiên trong tầng trời ấy. Định tâm của họ cực kỳ vi diệu, không còn có thô tướng nữa nên gọi là Phi Tướng, nhưng vẫn còn những Tướng vi tế, nên gọi là Phi Phi Tướng. Do tầng trời này cao nhất trong Tam Giới nên đôi khi còn gọi là Đảnh Thiên.

* Phàm phu chưa từng đích thân chứng được Phật Tánh, tất cả công đức của Tự Tánh hoàn toàn chẳng được phát hiện và thọ dụng, nên hết thấy phải thuận theo nghiệp. Cái sắc thân trong đời hiện tại gọi là Báo Thân, tức là quả báo của những điều thiện hay ác đã tạo trong đời trước. Người niệm Phật tuy không còn tạo nghiệp sanh tử nữa, nhưng túc nghiệp chưa hết, làm sao có thể được vãng sanh ngay lập tức? Nếu tâm nhằm chán thế gian thiết tha, kiệt lòng thành, tận lòng kính, chuyên chí niệm Phật, cầu Phật rủ lòng từ sớm đến tiếp dẫn thì cũng có người sớm được vãng sanh!

Nếu tự hủy hoại mạng sống để mong vãng sanh liền thành uổng tử quý (quý chết oan)! Do người ấy công phu chưa đạt mà tự hủy mạng thì khi đang hủy mạng, tâm đã mất chánh niệm, hướng chi nổi khổ do tự hủy mạng không thể thí dụ được! Tâm mất chánh niệm thì làm sao tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn? Thứ tà kiến này tự làm, làm người, gây hại tội bực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu - 3*)

* “*Thiên định giả thắng nhân, nhân định giả thắng thiên*”. Thật ra, khổ - vui, hên - xui mà người đời gặp phải, quá nửa là do người ấy đã tạo! Có mấy ai một bề giữ nguyên số mạng? Nói chung, người làm ác cuộc đời chẳng thể tốt đẹp đúng như số mạng thì nhiều, người tu

thiện biến đổi số mạng xấu hèn thành tốt đẹp thì ít! Hai loại người này đều là “*nhân định thắng thiên*”.

Người đời mỗi khi có ý niệm thiện liền có thể chuyển được họa thành phước, chuyển dữ thành lành; hưởng gì suốt đời ăn chay, niệm hồng danh vạn đức của Như Lai mà chẳng thể xoay chuyển tạo hóa ư? Chỉ cần dạy họ thường giữ lòng kính sợ, phát tâm Bồ Đề thì những điều ấy còn có thể làm phương tiện dẫn đường để siêu phàm nhập thánh, hưởng hồ những chuyện phước nhỏ nhất khác mà chẳng thể đạt được ư? Phước và họa dựa dẫm lẫn nhau, muốn thuận được phước chẳng mắc họa thì cũng chỉ do chính mình nỗ lực tu trì!

Tu trì là tại ta, mạng tự ta lập! Nếu có thể thường giữ lòng kính sợ, nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm thì không nghiệp nào chẳng tiêu, không phước nào chẳng đưa tới, đây chính là ý nghĩa lớn lao “*nhân định thắng thiên*” vậy! Nếu cô ta lười nhác, biếng trễ, trong tâm không đặt nặng chuyện năm tháng không vừa ý, sẽ thành ra “*thiên định thắng nhân*”. Xin hãy đem ý nghĩa “lập mạng tu thân” lớn lao này nói với cô ta, ắt cô ta sẽ rửa lòng gột ý, dè dặt, chăm chú tu trì, siêu phàm nhập thánh hãy còn dư, hưởng hồ khuyết điểm năm tháng nhỏ nhất ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật*)

* Lệnh chánh¹⁰⁴ đã biết cầu Tăng niệm Phật hầu tăng tuổi thọ, hãy nên tự mình thường niệm Phật để cầu vãng sanh. Nếu chỉ dựa vào người khác để cầu sống lâu, chẳng biết cầu A Di Đà Phật để khi tuổi thọ của chính mình chấm dứt được tiếp dẫn vãng sanh thì chính là “thấy điều nhỏ, đánh mất chuyện lớn”. Nếu chịu chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lúc còn sống và mất đi đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Hôm qua, một nữ đệ tử đến đây, đem giùm những thứ thức ăn của một nữ đệ tử họ Ôn gọi biếu cho Quang, kể: Họ Ôn hai tháng trước đây, một hôm mới vừa xâm tối, đột nhiên hơn hai chục tên cường đạo đều cầm súng đến cướp. Trong căn nhà lầu ấy, tầng trên, tầng dưới có tổng cộng bảy gia đình cư ngụ. Họ Ôn ở trên lầu, do vậy, bèn tắt đèn điện đi, vợ chồng họ quỳ trước Phật cầu nguyện, nhưng đèn tắt trước bàn Phật dường như có ai thổi tắt đi. Bọn cường đạo đập cửa không mở được, bèn không đập nữa. Sáu nhà kia đều bị cướp, chỉ mình họ chẳng mất vật gì. Đủ biết: Người niệm Phật lúc bình thường còn có thể gặp dữ hóa lành, huống gì lúc lâm chung! Lợi ích vãng sanh Tây Phương so với chuyện này còn lớn lao gấp bội lần, chẳng thể nói trọn hình tướng được. Nên khuyên bà ta thường niệm thì may mắn lắm thay! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ*

104. Lệnh chánh: Danh xưng tỏ ý tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.

Lưu Đức Hộ)

* Phật gia hộ cho kẻ nào đáng nên gia hộ; nếu là kẻ chẳng nên gia hộ mà cứ gia hộ ắt kẻ ấy sẽ bị tổn hại¹⁰⁵. Nay chẳng luận trên sự việc là giả hay thật, chỉ luận về chuyện “do sự gia hộ sẽ bị tổn hại hay hữu ích”. Phạm là người có sự hàm dưỡng sâu xa, hể tâm quang vừa phát ra, nhất định càng thêm khiêm tốn tự nấu mình, nhất định sẽ từ ngay nơi sự hiểu được lý. Người như thế được gia hộ sẽ hữu ích. Nếu là kẻ thiếu hàm dưỡng, chẳng chú trọng sự tu, chuyên chú trọng nghiên cứu lý tánh, sẽ trở thành kẻ cuồng huệ tự cao tự đại, tuy tự hào có ích nhưng thật ra đối với hậu học và pháp đạo ắt tổn hại lớn lao. Vì thế, hể được gia hộ bèn thâm liễm thì sẽ lại được gia hộ. Nếu sau này vẫn cứ thường như thế, thì hể một phen được gia hộ bèn được gia hộ mãi mãi. Nếu khi ấy đúng là như thế, sau đây lại y như cũ thì để

105. Sự gia hộ được nói đến ở đây bắt nguồn từ nghi vấn được nhắc đến trong Giáo Quán Toát Yếu Luận: “*Hàng Sơ Tâm thuộc Viên Giáo và Biệt Giáo có được Phật gia hộ để thấy được lý tánh hay không?*” Theo luận ấy, hàng Sơ Cơ Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, nếu chỉ dựa trên tự lực sẽ chẳng thấy được lý tánh, do Phật lực gia hộ nên mới thấy được tánh, mới hiểu được những giáo nghĩa được giảng trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tổ nhấn mạnh người tham cứu tự tánh sẽ được Phật lực gia hộ hay không tùy theo sự hàm dưỡng của người ấy, nhắc lại ý kiến chính của Giáo Quán Toát Yếu Luận là Phật chỉ gia hộ cho những ai do thấy được tánh rồi sẽ càng thêm khiêm nhường, tấn tu, do tấn tu sẽ ngày càng tăng tấn, do tâm càng thêm thanh tịnh nên càng dễ cảm được Phật gia hộ. Tổ dùng những ý này để đả phá kiến chấp của ông Chương Duyên Tịnh cho rằng Niệm Phật phải kèm thêm tham cứu cái tâm để được tăng thêm phần gia hộ của Phật lực, chứ không lo thật hành “tịnh niệm tiếp nối” hồng giữ cho cái tâm được thanh tịnh thì tự nhiên cảm được Phật gia hộ!

phòng ngừa hậu hoan [**Chú thích:** Ý nói: Trong lúc tham cứu, được Phật lực gia hộ nên thấy được tánh (tức ngộ, nhưng chưa chứng), nhưng rồi không chịu khiêm nhượng, tán tu, vẫn giữ nguyên tập khí cũ, sẽ dễ bị ma chướng, nên chẳng thà không tham cứu, cứ chăm chú giữ cho tịnh niệm tiếp nối mà niệm Phật sẽ được lợi lạc hơn], hãy bỏ sự tham cứu đi sẽ càng thêm ích lợi.

Chỉ sợ ông chưa có sự hàm dưỡng thuần túy thâm trầm, có lẽ sau này sẽ coi niệm Phật chẳng cao siêu, mầu nhiệm bằng tham cứu cái tâm. Vì thế, hãy bỏ ngay sự tham cứu đi thì còn có thể giữ nguyên được thiện căn vãng sanh của mình lẫn người. Bởi vậy, chẳng nên thêm sự tham cứu vào pháp Niệm Phật (từ trên đến đây là lời đáp cho điều thứ hai). Hiểu rõ lý tánh đề liễu sanh tử, phải là địa vị Thất Tín trong Viên Giáo mới làm được, đủ biết rằng chẳng chú trọng niệm Phật sẽ bị mất mát lớn lao không gì có thể ví dụ được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*)

* Nhiều lần gặp mộng lành chính là túc nhân được cảm vời bởi lòng khẩn thiết trong hiện tại. Mộng thấy đại tự viện chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do chưa phá được Phiền Hoặc nên chỉ thấy tướng kém cõi, chẳng thấy tướng thù thắng, nhưng cũng chẳng dễ

gì thấy được cảnh giới ấy. Đối với chuyện trường giả lấy nước ban cho uống, ấy chính là Văn Thù Bồ Tát đem cam lộ¹⁰⁶ ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để chẳng phụ ân đức một phen gia bị. Bởi lẽ phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyên, nên Tăng Tử lúc sắp mất mới đọc thơ rằng: “*Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù*” (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện tại, mai sau, ta biết thoát rồi). Chưa đến lúc lâm chung còn sợ có thể bị sa xảy, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Nay những người thích ăn nói lớn lối, đều là những kẻ cuồng trọn chẳng dụng công nơi căn bản vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời ông Lý Thỉnh Đào ở Hải Môn - 7*)

* Bóng đen ông đã nói đó chẳng phải là bóng của Phật hay Bồ Tát mà cũng chẳng phải là bóng của oán gia đối đầu hiện ra. Vì Phật, Bồ Tát nếu đã hiện ắt sẽ sáng

106. Cam Lộ (Amrta): Đôi khi còn được phiên âm là A Mật Lý Đa, A Mật Lật Đa, dịch nghĩa là Bất Tử, Bất Tử Dịch, Thiên Tử, nghĩa đen là thuốc tiên bất tử, rượu thiêng của cõi trời. Theo kinh Vệ Đà, cõi trời có rượu thiêng Tô Ma (Soma) uống vào sẽ sống mãi chẳng già chẳng chết, vị ngọt như mật nên gọi là Cam Lộ (sương ngọt). Phật Giáo dùng chữ “cam lộ” để ví cho pháp vị của Phật pháp có tác dụng mát lạnh nuôi dưỡng Pháp Thân huệ mạng vĩnh viễn cho chúng sanh. Chữ Cam Lộ ở đây là chỉ pháp thủy, trí huệ thủy khiến cho người uống vào phiền não tiêu diệt, trí huệ tăng trưởng chứ không phải là thuốc tiên của cõi trời. Ngoài ra, Cam Lộ chính là một trong ba tên của đức Phật A Di Đà (Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Cam Lộ) nên đôi khi Phật Di Đà còn được gọi bằng danh hiệu là Cam Lộ Vương Như Lai. Vì lẽ đó, chú Vãng Sanh đôi khi còn gọi là Thập Cam Lộ Chú vì có nhắc đến chữ Amrta mười lần.

tỏ, thấy được mặt, mắt v.v... còn oan gia sẽ hiện tướng đáng sợ! Bóng ấy chính là cô hồn đã có duyên với ông trong đời trước mong nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khóa tụng, hãy nên vì họ hồi hướng, lại còn chuyên hồi hướng cho họ, khiến cho họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì có ích cho họ, ngỏ hầu chẳng phụ một phen họ khổ sở hiện bóng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển*)

* Về giấc mộng của ông thì chính là do tâm ông biến hiện, không dính dáng chi đến Quang! Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao hiện trong giấc mộng của người khác cho được? Nghi vấn của Du Hữu Phương và những gì nói trong mộng phù hợp với những gì đã được viết trong thư Quang thì đây là Bồ Tát chỉ dạy ông ta hồng sanh chánh kiến.

Kinh dạy: “*Nên hiện thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp*”, núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng, không gì chẳng tùy cơ mà hiện! Nếu nói đây chẳng phải là Bồ Tát hiện mà chắc là do Quang hiện thì núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng cũng có thể hiện mộng cho người ta, có lý ấy hay chẳng? Ông đừng có si đại tướng là Quang hiện thân trong giấc mộng

của ông. Nếu si đại cho là Quang sẽ thành ra “đem phàm lạm thánh”, thì ông lẫn Quang đều mắc tội chẳng hạn đâu, nhớ kỹ nhé! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng*)

* Nhận được thư khôn ngoan than thở cảm khái. Có sao bà mù quáng đơm đặt, nói Nhiên Đăng Cổ Phật¹⁰⁷ giáng sanh trong nhà bà, chưa đầy năm đã chết non? Chư Phật sanh tử đã xong, quyết chẳng có lẽ nào thị hiện giáng sanh rồi lại chết yểu! Nếu vì độ chúng sanh, đức Phật bèn thừa nguyện thị hiện giáng sanh, quả thật có chuyện ấy, nhưng đã thị hiện giáng sanh, chắc chắn cũng chẳng nói ta là vị Phật nào đó, đến khi độ sanh xong xuôi, sắp thị hiện Niết Bàn, mới tỏ rõ gốc tích. Chắc chắn không có chuyện thị hiện giáng sanh, rồi chẳng làm Phật sự lớn lao đã chết yểu ngay!

Thanh Văn Sơ Quả đã đoạn Kiến Hoặc, vẫn còn Tư Hoặc chưa đoạn nên phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần

107. Nhiên Đăng Phật (Dīpamkara): Đôi khi còn được dịch âm là Đề Hòa Kiệt La, hoặc Đề Hoàn Kiệt. Danh hiệu đức Phật này còn được dịch nghĩa thành Phổ Quang Phật, Định Quang Phật. Ngài là vị Phật trong quá khứ từng thọ ký cho đức Phật Thích Ca. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển thượng, thánh vương nước Đề Hòa

Vệ (Dīpavatī) tên là Đăng Thanh, lúc lâm chung truyền ngôi cho thái tử Định Quang. Thái tử biết cõi đời vô thường bèn truyền ngôi cho em trai rồi xuất gia làm sa-môn, sau thành Phật Quả. Lúc ấy, có đứa hầu trai của một vị Phạm Chí gặp được đức Nhiên Đăng Phật đang đi du hóa, bèn mua hoa cúng Phật, Phật thọ ký cho đứa hầu trai sẽ thành Phật trong tương lai, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật.

sinh vào nhân gian mới đoạn được Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Nhị Quả thì một lần sanh lên trời, một lần sanh trở lại trong nhân gian rồi chứng Tứ Quả. (Bậc Sơ Quả, Nhị Quả sanh trong nhân gian tuổi thọ đều dài, ngắn bất định, hoặc mấy tháng, mấy năm, mấy chục năm, chính là theo nghiệp thọ sanh vậy). Tam Quả tuy đã đoạn sạch Tư Hoặc trong Dục Giới, vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên của Sắc Giới trải qua nhiều kiếp mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Tứ Quả đoạn sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, trọn chẳng còn sanh duyên trong tam giới. Nếu phát hoằng thệ nguyện thì hiện giáng sanh thì có thể giáng sanh trong tam giới, kể theo nghiệp thọ sanh chẳng thể sánh bằng những vị này!

Bà là nghiệp lực phạm phu bia chuyện đôn đại này, vu báng cổ Phật, muốn được những kẻ mù mắt trong thế gian cho rằng bà là cha mẹ của Phật. Nếu nói với kẻ thông hiểu Phật pháp, nhất định họ sẽ quở bà là dùng lời lẽ tà quái lừa dối mọi người! Dầu cho người trong cuộc không rảnh rang hỏi đến, há cũng chẳng sợ thiên lôi giết bà hay sao?

Bà còn đến các nơi tìm người họa thơ của bà. Nếu chẳng phải là ngoại đạo không phân biệt được tà hay chánh và là kẻ si chẳng biết thom hay thối, ai chịu chấp nhận lời nói ấy của bà là đúng? Bà hãy nên thông thiết sửa đổi lỗi trước, phạm đã gởi thư cho những ai đều hãy

nên gửi thư cho họ bày tỏ thẳng thắn cái tội ấy, buồn đau cầu sám hối, ngỏ hầu chẳng đến nỗi đem phàm lạm thánh, vĩnh viễn đọa vào địa ngục A Tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, vĩnh viễn không có ngày ra! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hai vợ chồng ông X.... - 1*)

* Hôm trước nhận được thư, biết bà đã nhận lỗi, xót xa xin sám hối, vốn muốn trả lời ngay, nhưng không rảnh rồi, nên chần chừ đến nay. Con người sống trong thế gian, phải giữ bốn phận. Y phục, đồ vật, danh xưng đều chẳng nên quá tôn quý, chớ vì muốn đẹp mặt mà xưng hô bừa bãi. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc, chẳng đáng sợ ư? Bà đem đứa con chưa đầy năm bị chết yểu, xưng bừa là Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện, muốn được cái mỹ danh là cha mẹ của Phật, chẳng biết cái tội khinh nhờn, miệt thị cổ Phật cho đến hết đời vị lai cũng chẳng có ngày thoát khỏi A Tỳ địa ngục!

Nếu Quang không nói toạc ra, bà vẫn cứ muốn đem bài thơ đã soạn gửi cho khắp mọi người trong nước, ngỏ hầu kẻ vô tri cũng bắt chước dẫm theo vết chân của bà thì những kẻ gian tà “ngư ông đắc lợi” đều coi đứa con chết yểu là Cổ Phật Thị Hiện. Thoạt đầu chỉ mong được kẻ vô tri khen ngợi, kẻ đến là dựng tháp, xây miếu, tom góp của cải để làm giàu. Kẻ đến là những kẻ gian tà

cùng nhau tụ tập, bèn lập giáo môn, lừa dối, gạt gẫm kẻ ngu tục. Lâu ngày dấu vết xấu xa lộ ra khiến cho mọi người cùng chịu phép nước trừng phạt, nhưng trong số những kẻ gian tà đương thời, có những kẻ ẩn nấp giấu mình chưa bị tru diệt, lâu ngày lại dấy lên, giống như bọn Bạch Liên Giáo cứ lây nhây không ngừng, là mối hại cho thế gian.

Kể từ sau đó, bọn giáo đồ chỉ đổi danh xưng, chẳng đổi bản chất. Lũ ngoại đạo ấy đều chuộng bí mật, dấu là cha con, chồng vợ vẫn đều chẳng bảo cho biết. Do điều bí mật ấy cố kết trong tâm kẻ ngu nên bất cứ vị thiện tri thức nào khai thị, chỉ dạy, họ đều chẳng chịu tin theo, như con chó coi phẩn là thơm, không ăn không được! Thường nói với người khác: Thầy ta là vị Phật nọ, vị Tổ sư kia xuất thế, ta là vị Phật nọ, vị Tổ sư kia xuất thế, mù quáng bịa chuyện để mong được danh văn, lợi dưỡng, chẳng tính đến chuyện Phật pháp bị hoại loạn, khiến cho chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, sống chịu phép nước, chết đọa ác đạo từ kiếp này sang kiếp khác, không có lúc thoát ra! Mối tệ ấy lưu truyền chẳng thể kể xiết được!

Hành vi của bà nếu chẳng thống thiết sửa đổi ắt sẽ giống như bọn chúng, chẳng đáng sợ ư? Hãy nên in một tờ thư sửa lỗi sám hối, phàm trước kia đã gửi bài thơ đó cho những ai, nay đều gửi tờ thư ấy ngõ hầu họ biết tường tận.

[**Chú thích: Bạch Liên Giáo** là một tà phái mao danh Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa. Vào năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) đời Tống Cao Tông, Từ Chiêu Tử Nguyên (tức Mao Tử Nguyên) hâm mộ di phong của Sơ Tổ Huệ Viễn Tịnh Độ Tông bèn xướng suất dân chúng kết xã niệm Phật, tự xưng là Bạch Liên Tông. Nhưng rồi bị môn nhân là Tiểu Mao Xà Lê bóp méo giáo nghĩa, pha trộn các giáo thuyết của Minh Giáo (Bái Hỏa Giáo, tức Ma Ni Giáo, thường bị gọi miệt thị là Ma Giáo) và Di Lặc Giáo (thoạt đầu đây là một đoàn thể sùng bái Di Lặc Bồ Tát, nguyện vãng sanh Đâu Suất, nhưng rồi bị các phần tử có dã tâm lợi dụng, biến thành một thứ hội kín nhằm tạo phản). Họ có tổ chức khá quy mô, dự trữ vũ khí, chiêu mộ vũ sĩ. Vào thời Nguyên, giáo phái này tuyên bố Minh Vương Xuất Thế, Di Lặc Phật Hạ Sanh, rất có thể lực tại Hà Nam, Giang Hoài, và các nơi khác thuộc lưu vực Trường Giang. Năm Chí Đại nguyên niên (1308), do bị Nguyên Vũ Tông hạ chiếu truy nã, Bạch Liên Giáo rút vào hoạt động bí mật. Đến năm Chí Chánh 11 (1351), dưới danh xưng Hồng Cân Quân (quân khăn hồng), Bạch Liên Giáo dấy loạn nhiều nơi. Ngay cả Châu Nguyên Chương cũng phải dựa dẫm vào thế lực của Bạch Liên Giáo, nhất là phe Hàn Sơn Đồng, để khởi nghĩa chống Mông Cổ. Do vậy, sau khi đánh đuổi xong quân Mông, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) bèn lập kế hoạch truy

diệt Bạch Liên Giáo, quy định “thủ lãnh bị xử giáo, tín đồ bị đánh một trăm trượng, đày đi ba ngàn dặm”. Tuy thế, Bạch Liên Giáo vẫn tồn tại trong vòng bí mật, đội lốt dưới các tên khác như Niết Bàn Giáo, Hồng Dương Giáo, Hồng Phong Giáo, Lão Tử Giáo, La Tổ Giáo, Nam Mô Giáo, Tịnh Không Giáo, Ngô Minh Giáo, Đại Oai Vô Vi Giáo, Thiên Lý Giáo, Nhất Quán Đạo, Hồng Thương Hội... Đến đời Thanh, Bạch Liên Giáo vẫn còn tồn tại và chia thành nhiều phái nhỏ như Lão Quan Trai, Bát Quái Giáo, Đại Thừa Giáo, Cửu Tiên Hội, Đại Dao Hội, Tiểu Dao Hội, Thiên Môn Hội, Vô Cực Hội, Kim Đan Đạo, Khoái Đạo, Phiến Tử Hội, Thiên Hoàng Hội, Báo Đức Môn, Vô Cực Lão Mẫu Hội, Thập Tổ Môn, Kim Đan Hội, Tọa Công Hội, Hiền Thánh Giáo... Họ lại đề xướng phản Thanh phục Minh, nhằm lôi cuốn những người chống đối Thanh triều. Hai đợt bạo loạn lớn nhất của Bạch Liên Giáo là vào năm Càn Long 39 (1774) và cuộc biến loạn tôn giáo vùng Xuyên Sở (sử gọi là Xuyên Sở giáo loạn) thời Gia Khánh. Theo Lao Nãi Huyền, tác giả cuốn Nghĩa Hòa Quyền Giáo Môn Nguyên Lưu Khảo, đến cuối đời Thanh, Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phi) chính là hậu thân của Bạch Liên Giáo, nhưng thuyết này bị nhiều học giả nghi ngờ, phản bác]. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hai vợ chồng ông X.... - 2*)

* Đưa con gái ấy sanh ra để đòi nợ, chết là xong nợ, không còn ngờ gì! Chỗ có người đã bị chết đuối ấy thường có người chết đuối, chính là chỗ được gọi là “quỷ kiếm người chết thay”. Hãy nên ở nơi ấy lập một cái mốc gỗ, phía trên dùng một tấm sắt Tây trắng thật dày, khắc sáu chữ

Nam Mô A Di Đà Phật. Chữ phải to để thấy được từ xa, phải tồn tại được lâu ngày thì sẽ dứt được cái họa ấy. Do lòng Từ của người khắc những chữ ấy sẽ cảm được từ quang của Phật gia bị. Từ rày bảo đảm chắc chắn không còn cái họa ấy nữa. Do đây có thể thấy được sức từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 4*)

XI. LIỆT KÊ NHỮNG SÁCH VỎ NÊN ĐỌC

* Muốn biết nguyên do của Thiên và Tịnh mà không xem rộng khắp các sách Thiên - Tịnh sẽ không thể nào hiểu được. Dầu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ trở thành dỗi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các trước thuật Tịnh Độ, nhưng các trước thuật về Tịnh Độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. **Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiên và Tịnh, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức thì có lẽ là bộ Ấn Quang Văn Sao chăng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết!** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Nay vì nghĩ cách tạo tiện lợi cho người đọc Văn Sao, tôi trích lục những lời tinh xác nhất, thiết yếu nhất soạn thành tác phẩm Tinh Hoa Lục này. Những vị có chí tu Tịnh nghiệp nếu không rảnh rỗi để đọc kỹ bộ Văn Sao, chỉ lắng lòng nghiên cứu bộ Tinh Hoa Lục này ắt sẽ hiểu rõ văn lẫn nghĩa Tịnh Độ như nhìn vào ngọn lửa vậy!

*** Mở bày rộng lớn nguyện luân, minh thị sâu xa duyên khởi thì chỉ có kinh Vô Lượng Thọ.** Chuyên xiển dương pháp quán, dạy thêm về nhân vãng sanh thì chỉ có Thập Lục Quán Kinh. Hai kinh nói trên pháp môn rộng lớn, để lý tinh vi, kể độn căn đời Mạt thật khó được lợi ích.

Tìm một bản kinh văn tự đơn giản, nghĩa lý phong phú, chữ nghĩa gọn ghẽ, lý dôi dào, thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân phụng, tu tập dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dốc sức tu một hạnh mà viên thành vạn đức, khiến cho cái tâm tu nhân nhanh chóng khế hợp quả giác thì chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh mà thôi!

Ấy là vì vừa nghe “y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm hội” thì lòng tin thật sự sẽ nảy sanh, nguyện thiết tha sẽ phát, ắt sẽ có cái thể cuồn cuộn như sông ngòi không sao ngăn được! Từ đấy, khăng khăng gìn giữ, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai tri kiến Phật, cùng được thụ dụng như Phật.

Do vậy, biết rằng: Một pháp Trì Danh chứa đựng trọn vạn hạnh, toàn sự chính là lý, toàn vọng chính là chân, nhân tốt biến quả, quả thấu nguồn nhân, thật có thể gọi là “*đường tắt để trở về nguồn, là môn trọng yếu*”

để nhập đạo” vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in lại Phật Thuyết A Di Đà Kinh*)

* **Kinh A Di Đà có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn**, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dấu cở Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản sơ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn.

Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần Ngài ước theo sự tướng mà phát huy. Cuối chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài lại phát huy sự hơn kém giữa hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu, khiến người đọc sanh tín tâm kiên cố, chân thật: Dẫu Thích Ca và chư Phật hiện thân bảo hộ pháp Tịnh Độ này, tu những pháp môn khác, cũng chẳng đời ý chí đôi chút. Có thể nói lời ấy chính là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh Độ vậy.

Như Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai để lý cực viên dung, nhưng người trung hạ căn chưa thể được lợi ích. Vì thế chẳng bằng Tứ Thiếp Sớ độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn cùng được lợi ích.

(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

*** Cổ nhân muốn cho cả cõi đời cùng tu nên đem kinh A Di Đà xếp vào khóa tụng hằng ngày.** Do kinh này lời lẽ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hành giản dị mà hiệu quả nhanh chóng, nên bậc hoằng pháp đại sĩ chú sớ, tán dương, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kể! Trong số ấy, tìm lấy bản thật rộng lớn, thật tinh vi thì không gì bằng bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì. Còn bản thẳng chóng, quan trọng, hay khéo thì không gì bằng bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê pháp sư¹⁰⁸ nắm giữ pháp ấn Đệ Quán Bất Nhị của Thiên Thai Giáo Quán, soạn bộ Lục Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng hàng sơ cơ vẫn hiểu được, văn lưu

108. Ngài U Khê là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Sinh vào năm 1554 nhằm đời Gia Tĩnh nhà Minh, là người huyện Tây An, phủ Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, pháp tự Vô Tận, pháp hiệu Hữu Môn. Lúc nhỏ lễ ngài Hiền Ánh Am thiền sư xin thế độ, sau theo ngài Bách Tùng Chân Giác nghe giảng kinh Pháp Hoa, học Thiên Thai Giáo Quán Tông. Năm 1582, nhân hỏi ngài Bách Tùng về yếu chỉ đại định, bị Sư trùng mắt nhìn, đột nhiên khế ngộ. Ngài Bách Tùng bèn truyền cho kim vân tử ca-sa. Năm Vạn Lịch 15 (1587), về trụ tích tại chùa U Khê Cao Minh trong núi Thiên Thai, giảng dạy học trò, nghiên cứu, tu tập Thiền và Tịnh Độ. Thế gian gọi Ngài là U Khê Đại Sư từ đó. Sư thường tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Từ, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v... Mỗi năm cử hành pháp hội tu bốn thứ tam-muội, luôn đem thân làm gương đốc suất đại chúng. Khi Ngài đang giảng pháp, đại chúng chột nghe có tiếng nhạc trời réo rất, Sư biết đã đến lúc, giảng xong, bèn viết năm chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, lớn tiếng xướng tựa đề kinh hai lượt, rồi nghiêng nhiên thị tịch, thọ 75 tuổi. Ngài còn để lại các tác phẩm Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tánh Thiện Ác Luận, A Di Đà Kinh Lục Giải Viên Trung Sao, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú, Tịnh Độ Pháp Ngữ, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Quán Kinh Đồ Tụng.

loát, thông đạt, khiến người tu lâu đều khâm phục. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại cuốn Di Đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì*)

* **Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.** Đọc phẩm này sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương tam thế chư Phật. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ*)

* **Phần cuối quyển 5 kinh Lăng Nghiêm, tức chương Đại Thế Chí Bồ Tát,** chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh Độ thành 5 kinh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4*)

* Thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Tổng Trì để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu vẫn chưa bị thuyết phục, hãy nên thường xem Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi thứ nghi ngờ sẽ tiêu tan, vàng trắng nhất tâm rạng ngời. Văn Sao tuy ngôn từ vụng về, chất phác, nhưng đã nêu tỏ đại lược về

duyên do của Thiên và Tịnh, cũng như những điều có ích cho luân thường trong cuộc sống hằng ngày, cũng có thể giúp cho việc tự lợi, lợi tha. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Minh Quang*)

* Tại núi Linh Thứu¹⁰⁹ thuộc nước Ma Kiệt Đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A Di Đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước huệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thế giới trang nghiêm màu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ Tát và hàng Nhị Thừa hồi Tiểu hướng Đại lần lần phàm phu trọn đủ Hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đây là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma Kiệt Đề, nói ra ba phước Tịnh nghiệp, mười sáu phép quán màu nhiệm để hết thấy chúng sanh đều biết nghĩa lý “*Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biến Chánh Biến Tri*¹¹⁰ của chư Phật

109. Linh Thứu (Grdhakūta) dịch âm là Kỳ Xà Quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Nhạc, hoặc Thứu Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi có hình giống đầu chim Thứu (kên kên), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại Thừa. ²¹⁵ Có hai cách hiểu chữ Chánh Biến Tri:

110. Chánh Biến Tri (Samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam Miệu Tam Phật Đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thấy các pháp.

đều từ tâm tưởng sanh; tâm này là chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biến nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tưởng sanh” đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngộ hầu ai nấy đều tu Thượng Phẩm. Đây là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Tại nước Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh Độ để thính chúng sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều Tín - Nguyện - Hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh Độ. Đây đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm, đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đây là A Di Đà Kinh.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng A Di Đà Kinh thâm nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiên, Giáo, Luật đều cùng vãng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại Thừa nói kèm về Tịnh Độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm quả thật là khai thị mâu nhiệm nhất về pháp Niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong

hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng Viên Thông, xa là thành Phật đạo ư?

Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh; nối theo sau Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh Độ khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hồng liễu sanh tử thì sự khó - dễ khác xa một trời, một vực!

Do vậy, chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh*)

* **Sách Tịnh Độ Thập Yếu** là do Ngẫu Ích đại sư dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh Độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tốt không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đốn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu! Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy! (Đây là nói ví von pháp môn mâu nhiệm, chẳng được hiểu lầm là thành tiên!). (*Án Quang Pháp*

Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền)

* **Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng** đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng qua những sách ấy những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn?

Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi! (*Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 3 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần*)

* **Văn Sao** là sách nhập môn Tịnh Độ, Thập Yếu là sách hết sức sâu xa, thiết thực, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục là gương sáng của cổ nhân đã nêu. Có được những sách ấy thì còn thiếu thốn gì mà phải dùng một lá thư để hỏi pháp nữa đây? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Triệu Phụng Chi*)

* **Xem Gia Ngôn Lục** thì tất cả lợi ích của pháp môn, pháp tắc tu trì sẽ đều biết rõ từng điều. Thêm nữa, Một Lá Thư Gửi Khấp chính là nghi thức, quy cách giản tiện để tu trì hằng ngày. Bài văn ấy văn từ tuy thiển cận, nhưng lý thật thâm sâu, hãy nên dùng làm của báu gia truyền vĩnh viễn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn*

Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân - 2)

* Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem

Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh Độ. Nhưng cần phải tự lợi, lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. *(Ấn Quang Pháp Sư Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo)*

* Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh Độ. Đọc Văn Sao thông suốt rồi đọc các kinh luận Tịnh Độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy! Hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bên! *(Hoằng Hóa Nguyệt San số thứ 6 - Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu)*

* **Sách Pháp Uyển Châu Lâm** (100 quyển. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành ba mươi tập) bàn luận chi tiết về nhân quả, Lý - Sự cùng nêu, rành

mạch phân minh. Đọc đến khiến người không lạnh mà rét buốt; dầu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng trung hạ căn đều được lợi ích, trọn chẳng đến nỗi lầm lẫn đường nẻo, chấp lý phê sự, rớt vào thói tệ thiên lệch, tà vạy, cuồng vọng (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Bá Thành - 1*)

* **Long Thư Tịnh Độ Văn** đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều cặn kẽ, là cuốn sách kỳ diệu bậc nhất để dẫn dụ sơ cơ. Nếu muốn lợi khắp hết thảy, chẳng thể không khởi đầu từ sách này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* **Cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính¹¹¹ (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt)** tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiến thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh Độ. Sách này có lợi ích rất lớn cho kẻ sơ cơ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng*

111. Kính Trung Kính Hựu Kính: là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chủ, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tinh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng, không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự lấy hiệu là Nhất Tây Cư Sĩ. Cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính của ông được đưa vào Vạn Tục Tạng kinh, tập 62, đánh số 1185.

Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Trương Văn Lôi - 2)

* Tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức. Đọc đến tâm sẽ tự vui sướng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mất mát lớn lao.

Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kéo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* **An Sĩ Toàn Thư giác thế**, mở mang trí óc cho dân, tận thiện, tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim; ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu

truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng.

Lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy....

An Sĩ tiên sinh họ Châu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách Tam Giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn Niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào trường, bèn chán khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không làm lỗi, rồi do đấy bèn thoát khỏi biển sanh tử.

Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết, đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hồi Cuồng. **Bởi lẽ, chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là nhiều nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất.**

Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa trực tiếp đem cái tâm rử lòng giáo huấn của Văn Xương Đế Quân triệt để mở toang ra, giải bày trọn vẹn, khiến cho

ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuôi gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật, Tổ, thánh hiền, để kẻ nhã, người tục cùng xem, trí - ngu cùng hiểu.

Ông lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ Tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Thật đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; **nếu bảo ông ta không phải là Bồ Tát tái lai, tôi không tin!** (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên*)

*** Ngài Mộng Đông nói: “Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật”.** Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ.

Mộng Đông Ngữ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều châu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm câu cao hơn thì có bộ Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân,

quả thật là hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị.

Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thầy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh Độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, Tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dầu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, cẩn thận, kiên dè, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông nhân¹¹² trong thế gian gần đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không kiên dè. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Ta Bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử của Phật A Di Đà, làm bạn lành của Đại Sĩ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vụ Hoằng Như*)

* **Sách Lịch Sử Thống Kỷ** bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dầu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thầy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự. Tiếc cho con

112. Thông nhân: Những người tự xưng là thông đạt, “thâm nhập Bát Nhã”, trọn chẳng giữ thanh quy giới luật, phóng túng mà vẫn tự coi mình mới là người tu hạnh Đại Thừa, chê trách những người giữ giới luật là Tiểu Thừa, thiên chấp!

người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* **Thường xem Thọ Khang Bảo Giám** thì chẳng đến nỗi phạm tà dâm và thủ dâm v.v... tự hại cuộc đời, tự hao phước thọ, chẳng bị tàn phế và chết chóc. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* **Cuốn sách Chánh Tín Lục** chuyên vì những Nho sĩ câu nệ mà viết ra, nay cũng gởi đến, mong hãy đọc kỹ. Chịu tin sâu, tận lực làm thì sẽ chẳng thẹn với trời đất quỷ thần, làm người hoàn toàn trong thế gian.

Công danh phú quý vốn chẳng mong mà trời thường vì người lành, chắc cũng chẳng đến nỗi trắc trở, khốn khó. Các con hãy khéo suy nghĩ thì chẳng uổng cuộc đời này, uổng dịp gặp gỡ này! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục*)

* Đại sư Liễu Nhiên từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Sau đấy, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh Độ quả thật là biện pháp rất sâu để chư Phật, chư Tổ tự lợi, lợi người rất ráo, liền sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiên và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người

khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiên Tịnh Song Úc (Thiên và Tịnh cùng ra công gắng sức). Tuy đề xướng Thiên Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngộ hầu người tham Thiên chưa ngộ chứng có được đạo để liễu thoát ngay trong đời này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời tựa cho cuốn Thiên Tịnh Song Úc*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Gầy đây, Liễu Công Thượng Nhân trước tác hai cuốn sách Nhập Hương Quang Thất và Bát Nhã Tịnh Độ Trung Đạo Thật Tướng Bồ Đề Luận, dùng diệu pháp sư lý viên dung để làm sáng tỏ triệt để diệu nghĩa Tịnh Độ. Vì thế cảm được đức Phật chứng minh, xá-lợi nhiều lần giáng xuống.

* **Kinh Kim Cang** chính là quy củ chuẩn mực cho con người hành khắp lục độ vạn hạnh, phổ độ hết thảy chúng sanh, chính là cương yếu của khắp hết thảy các pháp môn trong cả một đời giáo hóa. Ấy chính là ngay nơi tướng mà lìa tướng, sao lại nói không thể dung thông với Tịnh Độ cho được?

Pháp độ sanh, chỉ có mỗi Tịnh Độ thật là bậc nhất. Muốn sanh về Tịnh Độ thì phải tịnh cái tâm. Hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Dùng tâm thanh tịnh chẳng trụ vào tướng để niệm Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật, vãng sanh Tây Phương, chứng Vô Sanh Nhân, chính là lý sự quyết định chẳng thay đổi vậy, nào còn ngờ gì nữa? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng*)

Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho bản đúc kềm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyền Thuyết) GNL hk có

* Nên lấy Niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh Độ, dẫu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì! Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh Độ, dẫu thâm nhập Kinh Tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy! Thuốc A Già Đà (Phạn ngữ A Già Đà, Hán dịch là Phổ Trì (trị khắp tất cả), trị được hết thảy bệnh tật) trị được vạn bệnh. Không biết điều này, đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Về Tịnh Độ thì chọn lấy sách như Di Đà Sớ Sao, ngôn từ giản dị nhưng tinh vi, lý sâu xa nhưng dễ nhận, thật là cuốn sách trọng yếu trong Tịnh Độ, là người hướng dẫn tốt cho kẻ sơ cơ.

Phẩm Hạnh Nguyện nghĩa lý bao la, văn tự vi diệu. Tụng đến khiến cho chấp trước ta - người - chúng sanh

của con người biến mất nào còn có nữa, thiện căn vãng sanh Tịnh Độ ngày càng thấy tăng trưởng, ắt sẽ tự hành dạy người; nhưng chẳng được nghĩ rằng “chưa trì kinh này, dù có tu Tịnh Độ cũng là bạc phước, thiên lệch!”

Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích v.v... cũng đều cực lực tán dương kinh Di Đà. Trong Di Đà Yếu Giải có câu: *“Trong giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói về một đời viên mãn, nhưng cái nhân để viên mãn chỉ trong một đời là ở phần cuối kinh: ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt hướng về Cực Lạc để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Nghiêm hải chúng.*

Ôi! Điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy lại nằm trọn trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin thì ít, nghi lại nhiều, nói càng nhiều nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vậy máu mà thôi!”

Vì thế, ngài Vô Ấn nói: *“Hoa Nghiêm là quảng bản Di Đà (bản kinh Di Đà nói rộng), kinh Di Đà là lược bản Hoa Nghiêm (bản kinh Hoa Nghiêm nói giản lược)”*. Xem lời của hai vị đại sư ắt biết rằng xem kinh mà thiếu con mắt viên đốn chính là cô phụ ân Phật nhiều lắm!

Sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tỉ mỉ các hạnh nguyện khi tu nhân và công đức khi đã đắc quả của Phật Di Đà, và các việc tự hành dạy người của các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã

Minh, Long Thọ... Kế đến là các sự tích vãng sanh của từ Viễn Công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả cho đến các đại tổ sư, thiện tri thức đầu đời Thanh; rồi đến sự tích niệm Phật vãng sanh của tỳ kheo ni, vua quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh. Lại còn chọn chép cả những ngôn luận thiết yếu ngõ hầu người đọc có căn cứ để chọn lấy pháp, không cách nào nghi ngờ được nữa, bèn noi gương cổ nhân tận lực tu Tịnh nghiệp. So với việc tham phỏng thiện tri thức, đọc sách này lại càng thật sự quan yếu hơn.

Văn bút lẫn nghĩa luận của sách **Cảm Ứng Thiên Vựng Biên** thật đều siêu tuyệt, nhưng chẳng được quán thông Phật pháp như **An Sĩ Toàn Thư**. Ngoại trừ sách **An Sĩ Toàn Thư** ra, tôi cho rằng cuốn này là hay nhất.

Sách Cảm Ứng Thiên giảng thẳng vào vấn đề, là sách do bậc đại thông gia soạn, lời chú giải thuần dùng văn bạch thoại, chỉ đọc qua một lượt, sẽ tự hiểu rõ ý nghĩa. Lúc con cái còn nhỏ, rất nên bảo chúng đọc sách này để nhờ sách này răn dạy con cái mình, tương lai chúng ắt sẽ được thọ dụng chân thật hòng gỡ bỏ mối lo cho mình.

* **Thái Thượng Cảm Ứng Thiên** thu tóm những lý lẽ tốt cùng “*thuận theo chánh đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện, họa dâm*”, thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc

thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?” đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa, nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư tự lợi xui khiến như thế. Nay biết: Kẻ tự tư tự lợi đâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy, bèn nói rằng: Sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc Đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngâm tu tập theo sách này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng*)

Sách Cư Sĩ Truyện do tiền sĩ Bành Thiệu Thăng ở Tô Châu soạn vào thời Càn Long. Ông xem khắp các sách vở, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh cao, chánh trực, liêm khiết, hữu công danh giáo, hiểu sâu Phật pháp từ đời Hán đến nay, ghi chép những sự nhập đạo, tu chứng của họ, và chép cả những câu văn phát huy Phật pháp. Số người được chép lên đến mấy trăm người, chép thành sáu quyển.

Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn. Trước hết, sách chỉ rõ tam giáo đều khuyên người dứt ác tu lành, chẳng nên phế một giáo nào. Tiếp đó, sách luận rõ công dụng cùng cực của từng giáo sâu cạn bất đồng. Cuối cùng sách đả phá sạch những thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương, Trình, Chu.

Thích Thị Kê Cổ Lực chép theo năm tháng các

đời, ghi sự tích của Thích Nho thành từng mục. Từ Phục Hy cho đến cuối đời Minh, quốc gia thái bình hay loạn lạc, Phật pháp hưng thịnh hay suy vong, tội do hủy báng, phước do tin tưởng, lợi ích do tu trì, pháp ngữ của tổ sư, hạnh chân thật của chư Tăng, và những kẻ trung thứ lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép tỉ mỉ cả khiến cho ai nấy giờ xem liền biết pháp giới, ngồi ngay ngắn xem khắp cổ kim, há phải đâu chỉ có ích cho riêng người tu đạo, mà còn là của báu kỳ lạ trong tay áo của những ai đọc sách để luận cổ suy kim nữa!

Nếu đã có tín tâm, hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì chọn lấy cuốn sách dễ hiểu, nghĩa lý rộng rãi nhất như cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính (trong các con đường tắt nhất, lại là con đường tắt hơn nữa). Cuốn sách này thâm thập yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia loại, khiến người xem đến chẳng phí sức nghiên cứu, tìm đọc mà ngộ thẳng vào chỗ yếu diệu, cốt tủy của Tịnh Độ. Đối với kẻ sơ cơ, sách này có lợi ích rất lớn.

Sách Mộng Đông Ngữ Lục do cư sĩ Tiên Y Am trích tuyển những câu nói chuyên dạy về Tịnh Độ trong Mộng Đông Di Tập soạn thành, lưu truyền ở phương Nam ngỏ hầu đáp ứng nỗi hận đã lâu của những người vô duyên hội ngộ. Toàn tập thì có ở Bắc kinh, nhưng ở phương Nam chỉ có lược bản này. Sách này văn từ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác đáng xếp hạng nhất sau

sách của các vị Ngẫu Ích, Tĩnh Am. (*Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục*)

*** Vì Hàng Tại Gia Đệ Tử Lược Giảng Ý Nghĩa Của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện: - *Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục***

Thương thay, từ vô thủy đến nay chúng sanh luân hồi sáu nẻo, không được cứu, không chỗ về nương, không nơi gởi gắm, như con cô gái mất cha, đường kẻ cùng quẫn nhà tan cửa nát, toàn là do phiền não ác nghiệp cảm thành quả khổ sanh tử ấy, mù lòa không huệ nhật, chẳng thể tự thoát khỏi. Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, vì chúng sanh thuyết pháp, dạy họ thọ Tam Quy để làm cái gốc bỏ tà về chánh, dạy họ trì Ngũ Giới hồng làm cái gốc đoạn ác tu thiện, dạy họ hành Thập Thiện để làm gốc rễ thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý.

Từ đây, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tam nghiệp đã được tịnh rồi mới hồng tuân tu đạo phẩm, ngỏ hầu trái giác hợp trần, chuyên phàm thành thánh, đoạn gốc tham - sân - si, thành đại đạo Bồ Đề giới - định - huệ. Bởi thế, đức Phật giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... vô lượng pháp môn. Lại muốn cho chúng sanh mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, đức Phật bèn

dạy pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến họ chẳng phí nhiều sức, hoàn tất được ngay trong đời này. Ôi! Ông đức Thế Tôn thật là cùng cực, dù là cha mẹ hay trời đất cũng chẳng thể sánh ví được.

Bất Huệ (Tổ Ân Quang tự xưng) thọ ân thật sâu, nhưng không cách nào báo được ân sâu. Nay các vị làm nghe lời người, chẳng ngại xa xôi ngàn dặm đến đây, toan bái tôi làm thầy, nhưng tôi tự xét mình vô đức, ba bốn lượt khước từ, quý vị vẫn chẳng chịu nghe. Nay bắt đắc dĩ, đem ý xuất thế thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai bàn đại khái cùng quý vị, cũng như giải thích sơ lược về ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu tất cả quý vị lãnh hội được, tất cả quý vị tuân thủ được, còn như từ Tứ Đế cho đến Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo v.v... chẳng phải là những điều quý vị có thể hiểu thấu nên tôi lược đi không nhắc đến. Nếu quý vị y giáo phụng hành, chính là thờ Phật làm thầy, sá gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành là đã phụ ân Bất Huệ, hưởng chi là Phật ân!

Tam Quy là:

- Một là quy y Phật.
- Hai là quy y Pháp.
- Ba là quy y Tăng.

Quy là quay theo, **Y** là nương tựa. Như người rớt

xuống biển, chợt có thuyền đi đến, liền hướng về đó. Đây là ý nghĩa “quay theo”; ngồi yên ổn trên thuyền là ý nghĩa “nuơng tựa”. Sanh tử là biển, Tam Bảo là thuyền; chúng sanh quy y liền lên bờ kia.

Đã quy y Phật bèn thờ Phật làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy Pháp bèn thờ Pháp làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y kinh sách ngoại đạo. Đã quy y Tăng bèn thờ Tăng làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.

Ngũ Giới:

- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng uống rượu.

1) Sát sanh:

Loài vật cũng giống như ta, ham sống sợ chết. Ta đã ưa sống, há vật lại muốn chết! Do đó hãy nghĩ: Có nên giết hại loài vật chẳng? Hết thấy chúng sanh luân hồi sáu nẻo, tùy nghiệp thiện - ác, thăng - giáng, siêu - trầm, ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ nhau, lần lượt làm con cái nhau, phải nghĩ cách

cứu vớt, nữ nào giết hại? Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, trong đời tương lai sẽ đều thành Phật. Nếu ta đọa lạc còn mong được cứu vớt.

Thêm nữa, ta đã tạo sát nghiệp, ắt phải đọa ác đạo đền bồi nợ cũ, xoay vần giết hại lẫn nhau chẳng khi nào xong. Suy nghĩ như thế nào còn dám giết? Nhưng nguyên nhân sát sanh là do ăn thịt. Nếu biết được những nhân duyên như trên vừa nói sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu lại cho thịt là ngon, chẳng biết thịt vốn do tinh huyết tạo thành; trong chứa phân tiểu, ngoài lẫn bần thỉu, tanh tươi, hôi thối, ngon lành chỗ nào? Thường quán bất tịnh, ắt ăn vào sẽ ói ra.

Thêm nữa, sanh vật là người, cầm thú, giò, bọ, cá, tép, muỗi, mòng, rận, rệp, tất cả những loài có sanh mạng; đừng bảo con vật lớn chẳng được giết, con vật nhỏ thì giết được! Trong kinh Phật có rộng nói công đức kiêng giết, phóng sanh. Tục nhân chẳng thể đọc đến thì hãy xem sách Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh ắt sẽ biết được đại khái!

2) Chẳng trộm cắp:

Thấy nghĩ được cái gì, chẳng cho bèn chẳng lấy. Người biết liêm sỉ chẳng phạm lỗi này, nhưng nếu luận tỉ mỉ thì chẳng phải là bậc đại thánh đại hiền sẽ rất khó chẳng phạm. Vì sao? Lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế lấy của, dùng mưu kế đoạt vật, ghen ghét

vì người khác phú quý, mong họ bần tiện; làm lành để phô trương; đối với các việc lành tâm chẳng hiểu đúng, chẳng hạn như lập trường miễn phí, chẳng chọn thầy nghiêm, khiến con em người khác bị lầm lạc; thí thuốc chữa bệnh chẳng phân biệt thật giả khiến người dùng bị nguy tánh mạng; thấy người bị tai nạn gấp vẫn xem thường chẳng cứu, lè mề hờ hững đến nỗi lỡ việc; làm tắc trách cho xong việc, mặc kệ tiền tài người khác bị lãng phí, trong lòng không coi đó là chuyện khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp. Vì các vị đều ở chốn tốt lành nên tôi chỉ chọn ra những điều tệ hại nhất để nói đại lược mà thôi!

3) Chăng tà dâm:

Tục nhân nam nữ lập gia đình sanh con đẻ cái, trên là liên quan đến phong hóa, dưới là liên quan đến việc cúng giỗ. Dù vợ chồng ăn nằm với nhau chẳng bị cấm, nhưng phải kính nhau như khách, cốt để có con cháu giỗ quải tổ tiên, chẳng được lấy đó làm điều khoái lạc, ham dục đến nỗi mất mạng. Dù là vợ mình, tham vui quá cũng là phạm tội, nhưng tội ấy còn nhỏ nhất. Nếu chẳng phải là vợ mình mà ăn nằm bừa bãi thì gọi là “tà dâm”, tội ấy cực nặng!

Hành tà dâm là đem thân người làm chuyện súc sanh, khi báo hết mạng tận trước là đọa vào địa ngục, nga quỷ, sau là đọa trong đường súc sanh ngàn vạn ức

kiếp chẳng thể thoát khỏi. Hết thấy chúng sanh từ dâm dục sanh nên giới này khó giữ, dễ phạm. Dầu là bậc hiền đạt, cũng có lúc còn vi phạm, huống chi kẻ ngu?

Nếu lập chí tu trì thì trước hết phải biết rõ lợi - hại (lợi là chẳng phạm giới này sẽ được lợi lạc gì; hại là những họa hại do phạm giới này) cũng như phương pháp đối trị thời sẽ như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, kinh sợ, hoảng hốt, dục tâm sẽ tự dứt. Cách đối trị chép rộng trong kinh Phật. Tục nhân không duyên xem đến hãy đọc sách Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh sẽ biết được đại khái.

4) **Chẳng vọng ngữ:**

Lời nói đáng tin, chẳng thốt lời hư dối. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, biến có thành không, phạm điều gì tâm chẳng xứng với miệng, toan khinh dối người khác đều là vọng ngữ cả. Lại nếu như chưa đoạn Hoặc bảo là đã đoạn Hoặc, chưa đắc đạo bảo là đắc đạo thì gọi là đại vọng ngữ. Tội ấy rất nặng, sau khi mạng chung nhất định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Nay người tu hành chẳng biết giáo lý Phật pháp, đa phần như thế cả, cho nên phải đau đầu răn đe. Điều này thật thiết yếu.

Bôn điều trên chẳng luận là xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không thọ giới hễ phạm liền vướng tội

lỗi, bởi thể tánh của chúng là ác.

+ Nhưng người chưa thọ giới thì mắc tội một tầng.

+ Người đã thọ giới mắc tội gấp đôi bởi ngoài chuyện làm điều ác ra, còn thêm cái tội phạm giới.

Nếu giữ được chẳng phạm thì công đức vô biên; hết thấy phải nên gắng sức.

5) Chẳng uống rượu:

Rượu làm cho tâm người mê loạn, hoại giống trí huệ. Uống vào sẽ bị điên đảo, hôn cuồng, làm chuyện càn quấy, nên Phật chế định người tu hành trọn chẳng được uống rượu. Lại như hành, hạ, kiêu, tởi, nén, năm thứ thực vật nồng gắt, mùi vị hôi hám, bản chất chẳng thanh khiết, ăn chín sanh dâm, ăn sống tăng lòng nóng giận, người tu hành đều chẳng được ăn. Với giới này, người chưa thọ giới ăn uống chúng chẳng bị tội gì; người thọ giới mà dùng hay ăn chúng liền phạm một tầng giới của Phật. Phật đã cấm chế, các vị vẫn phạm nên mắc tội vậy.

Thập Thiện là:

- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng nói thêu dệt.

- Sáu là chẳng nói đôi chiều.
- Bảy là chẳng ác khẩu.
- Tám là chẳng tham.
- Chín là chẳng sân.
- Mười là chẳng si.

Ba điều đầu gọi là thân nghiệp, bốn điều giữa là khẩu nghiệp, ba điều cuối là ý nghiệp. Nghiệp nghĩa là “sự”. Nếu trì chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện, nếu phạm chẳng trì thì gọi là Thập Ác.

Thập Ác chia làm thượng, trung, hạ, cảm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Thập Thiện chia thành thượng, trung, hạ cảm ba thiện đạo trời, người, a-tu-la.

Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định chẳng nghi, chẳng sai mảy may. Trong phần nói về Ngũ Giới đã giảng giết - trộm - dâm - dối rồi.

Ý ngữ (nói thêu dệt) là những lời lẽ phù phiếm, vô ích, chải chuốt, bóng bẩy bàn nói chuyện dâm dục khiến người khác nghĩ bậy.

Lưỡng thiệt (nói đôi chiều) là đến người này nói người kia, đến người kia nói người này, dâm thọc thị phi, đòn xóc hai đầu v.v...

Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như dao, như kiếm, vạch trần lỗi kín của người, chẳng kiêng dè. Nếu lại còn khiến cho cha mẹ người bị xấu lây, thì gọi là “đại ác khẩu”, tương lai mắc phải quả báo súc sanh. Đã thọ

giới nhà Phật, chớ nên phạm giới này.

Tham keo là tiền tài của mình chẳng chịu thí cho người thì gọi là “keo”, chỉ mong vợ của cái của người về mình thì gọi là “tham”.

Sân khuê là giận dữ, thấy người được gì bèn sầu lo, phần nộ, thấy người bị mất gì bèn mừng rỡ, sung sướng, lại còn cậy thế, cậy oai khinh người rẻ vật.

Tà kiến là chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội, nói không nhân quả, chẳng có đời sau, khinh chê thánh ngôn, hủy báng kinh giáo của Phật...

Mười điều thiện này bao hàm hết thảy. Nếu có thể tuân hành thì không điều ác nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Chỉ sợ quý vị chẳng thể lãnh hội nên tôi nay chỉ nêu đại lược một hai việc: hiếu thuận cha mẹ, chẳng trái, chẳng nghịch, khúc nôi uyển chuyển khuyên cha mẹ nhập đạo, dứt mặn ăn chay, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu cha mẹ tin theo thì chẳng còn gì tốt hơn.

Với anh em liền tận sức nhường nhịn, với vợ chồng thời hết sức kính trọng, với con cái thời tận sức giáo huấn khiến chúng trở thành người tốt, người hiền, chớ để chúng mắc tình quen thói kiêu căng, đến nổi thành hạng người chẳng ra gì. Với xóm giềng làng nước, phải hòa mục, nhường nhịn, giảng cho họ nghe nhân quả thiện ác, khiến họ sửa lỗi hướng thiện. Với bằng hữu tận lực giữ chữ tín. Với tôi tớ phải từ ái. Với việc công

bền tận tâm kiệt lực như khi làm chuyện tu.

Hễ gặp người quen biết, họ hàng, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu. Còn như kinh doanh cố nhiên là để kiếm lời, nhưng chẳng được bán hàng giả, lừa dối người khác. Nếu như đem phong tục này giáo hóa cho cả một ấp, một làng thì sẽ khiến cho họa loạn chưa nảy mầm đã tiêu, các hình phạt trở thành vô dụng; có thể nói là ra ngoài tận trung, trong nhà tận chính vậy!

PHỤ LỤC

❖ Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

...Vãng sanh Tịnh Độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu, nhưng chỗ đáng trọng chính là chí nguyện quyết định chẳng đổi dời! Nếu suốt đời niệm Phật nhưng tâm thường mong mỗi phước báo nhân thiên, dù có tinh tấn, nhưng tâm nguyện vẫn tham luyện cõi Sa Bà này, còn mong chi được vãng sanh Cực Lạc? Vì thế biết: Tín Nguyện quả thật là căn cứ lớn lao để chúng ta sanh về Tây Phương.

Cảnh tượng lúc lâm chung của ông Trương Đức Du rất tốt, một là vì chính mình quyết chí, hai là được mọi người trợ niệm, may mắn không có kẻ phá hoại. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại sẽ chẳng có hy vọng gì được vãng sanh. Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng lúc bình thường vẫn nên đem sự lợi ích do trợ niệm trong lúc

lâm chung, nổi họa hại do bị kẻ khác phá hoại chánh niệm nói với hết thầy mọi người khiến cho con cháu, quyến thuộc đều giúp đỡ, chẳng đến nổi phá hoại. Mời người khác trợ niệm thì có khi người ta không thể làm được; nếu quyến thuộc biết rõ, lợi ích sẽ to lớn lắm!
(*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2*)

❖ Câu chuyện vãng sanh cực lạc - Trích dẫn *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, 6. Bài ký về chuyện sanh Tây của thiện nữ nhân Vương Thánh Duyên nhà họ Hà*

Đức Phật dạy: “*Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật*”. Phật tánh tuy đồng, nhưng tâm tướng của chúng sanh lại vắn muôn sai khác: Hoặc có kẻ tin nhận, hoặc có kẻ trái nghịch. Vì sao vậy? Hãy nên biết rằng: Chúng sanh tuy đều đang mê nhưng do nhân trong quá khứ và duyên trong hiện tại không giống nhau đến nỗi phát sanh hai thứ hiện tượng nghịch hay thuận. Phật tánh như hạt giống, nhân trong quá khứ như gieo trồng, duyên trong hiện tại như mưa đúng thời. Hạt giống đã gieo xuống đất hễ gặp được mưa đúng thời sẽ chẳng nảy mầm được ư? Nhưng hết thầy chúng sanh ai mà chẳng có Phật tánh? Luân hồi trong kiếp số dài lâu, quyết chẳng thể trọn không có túc nhân. Điều quan yếu nhất là được thiện tri thức chỉ dạy, hướng dẫn, và chính mình có phát tâm quyết liệt hay không. Vì thế, kinh

Pháp Hoa dạy: *“Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật”* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn vì có thể chỉ dạy khiến cho được thấy Phật). Kinh Lăng Nghiêm chép: *“Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, như nhiễm hương nhân, thân hữu hương khí. Thử tác danh vi Hương Quang Trang Nghiêm”* (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, chắc chắn thấy Phật, cách Phật chẳng xa, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm).

Như bà Vương nhà họ Hà¹¹³ ở Thượng Hải vốn là một phụ nữ vô tri vô thức, từ năm hai mươi chín tuổi được nghe pháp môn Tịnh Độ bèn quy y Tam Bảo, ăn chay, niệm Phật, nhằm chán sâu xa sự trược ác cõi Sa Bà, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Ba mươi năm qua tinh tấn không lười biếng, đến năm Dân Quốc 17 (1928), bà được năm mươi chín tuổi. Đến ngày 19 tháng Sáu biết trước lúc mất, dặn dò gia quyến: *“12 giờ đêm hôm nay ta sẽ về Tây, tới lúc ấy các người hãy đồng thanh niệm Phật để giúp sức. Đừng nên bi ai khóc lóc đến nỗi phá hoại chánh niệm của ta”*. Do vậy, bà liền tự tắm gội, mặc áo thọ¹¹⁴ mới may, trước hết niệm chú Đại Bi bao

113. Bà này họ Vương, pháp danh là Thánh Duyên, chồng họ Hà nên được gọi là Hà Thị Vương Thánh Duyên.

114. Thọ y: Chỉ chung những thứ quần áo, giày vớ may sẵn để mặc cho người chết khi tâm liệt.

nhieu đó biến, tiếp đây chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. Đến mười một giờ, cả nhà lớn - bé đồng thanh trợ niệm “*Nam-Mô A Di Đà Phật*”. Tới 12 giờ, bà bèn ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời. Ôi! Bản lãnh như thế, dẫu kẻ có học vấn, công nghiệp trù lấp cõi đời xưa nay cũng chẳng thấy mấy, huống là hạng kém cõi hơn ư?

Bà Vương nhà họ Hà là một phụ nữ chẳng hiểu biết gì, chỉ do 30 năm tinh tấn tu trì nên đến lúc lâm chung hiện được tướng trạng như thế, đủ thấy hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật và pháp môn Tịnh Độ quả thật là pháp môn bậc nhất để chuyển phàm thành thánh. Nguyên kẻ thấy nghe đều cùng dốc sức tu trì, ngỏ hầu chẳng phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bậc tánh linh của chính mình.

LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN

Vị tổ thứ 13 của Liên tông là Linh Nham Ấn Quang Đại Sư nương đại nguyện luân, làm sứ giả của đức Như Lai, dũng mãnh hiện thân trong đời Mạt pháp mịt mờ, mênh mông, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngộ trọn vẹn chân thừa. Do sự giải thoát theo đường lối tu tập trong các môn khác khó khăn, chỉ có nương theo pháp Niệm Phật mới thoát được sanh tử, Sư bèn chuyên dốc đề xướng một tông Tịnh Độ, nhiếp khắp các căn cơ. Pháp

ngữ của Ngài được lưu truyền trọn khắp trong ngoài nước. Những người tôn sùng, kính ngưỡng, xin quy y nào phải chỉ có mấy chục vạn người. Bình sinh, Sư tu trì dững mãnh, giáo hóa người khác tha thiết, hàng Tăng Già cận đại hiếm mấy ai mong sánh bằng Ngài! Đến cuối cùng, Ngài buông tay liền đi, điềm lành chiếu rạng, trọn không chướng ngại gì, khiến cho những kẻ thấy nghe đều cùng cảm thán, lòng tin tưởng càng thêm kiên cố. Quả thật là bậc hiếm thấy kể từ sau thời Triệt Ngô lão nhân.

Tịnh Thông then được liệt vào hàng đệ tử của Ngài, nhưng chưa được thân cận! Sư đã thị tịch, hận chưa báo được ân sâu, xót không cách gì thưa hỏi để đạt lợi ích, liền thâm thập những di trước của thầy, sớm tối giờ xem, đọc kỹ, nghĩ chín, cảm thấy mỗi một chữ, mỗi một câu, đều là đuốc huệ trong đường tối, là bè từ trong biển khổ. Như cái trống bỏi thuốc độc, tiếng nào cũng đều vang khắp. Như gương tròn lớn, ánh sáng nào cũng chiếu xen. Có điều các di trước của Sư từ nhiều, nghĩa rộng, chưa dễ suy lường, thấu hiểu; do vậy, tôi bèn trích lấy những lời tinh túy nhất, hoặc những câu có cùng ý nghĩa, nhưng được diễn đạt thù thắng, vi diệu, chọn lọc những điểm trọng yếu, lựa lấy những nghĩa u huyền, biên soạn thành một cuốn sách; nhưng những phần đã chọn lọc chỉ hạn cuộc trong hai bộ Chánh Biên và Tục Biên.

Bạn tôi là cư sĩ Đường Huệ Tuấn vẫn hiềm chưa đầy đủ, bèn thương lượng với pháp sư Diệu Chân, trích lấy những đoạn trong bộ Văn Sao Tam Biên chưa được ấn hành, đưa cho tôi chọn lọc, ngõ hầu chỉ đọc những phần tinh hoa trong toàn tập lại đạt được hiệu quả to lớn. Tổng hợp ba bộ Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Tam biên, soạn ra 330 đoạn, lại dựa theo thứ tự trong tác phẩm Chánh Biên Gia Ngôn Lục để chia thành 10 phần, dựa theo ý nghĩa của từng câu văn để chấm câu tường tận cho dễ đọc, đặt tên là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục, xếp vào loại tài liệu quý, để giúp mình tìm tòi, lần gỡ đầu mối, hòng khích lệ chính mình tinh tấn mà thôi, chưa vội trình cho người khác biết. Dần dần, sách được các vị đại đức ở Thượng Hải, Tô Châu nghe biết, lấy về xem.

Do tác phẩm này chưa bằng được một phần mười nguyên tác, nhưng tâm truyền của Phật, Tổ, đạo mạch của thánh hiền, ý chỉ huyền áo của Tịnh Độ, công huân kỳ diệu của pháp Trì Danh, phạm những lời bàn xúng tánh nói đúng như sự thật của thầy tôi đã đều được chọn lọc không còn sót, nếm một giọt nước biển ắt biết được trọn vị của biển cả; họ bèn cùng đề nghị ấn hành hòng tạo lợi ích cho những người cùng hàng. Lại được hai vị pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm chiếu theo nguyên tác, giám định cặn kẽ, nên tác phẩm mới được hoàn thiện.

Xưa kia, trong bức thư trả lời ông Ly Ân Tẩu, đại sư

đã từng dạy: “Văn của tôi tuy không nêu tỏ được điều gì lớn lao, nhưng kẻ sơ cơ đọc đến sẽ hiểu rõ ràng giới hạn giữa Thiên và Tịnh, lợi ích lớn nhỏ giữa Phật lực và tự lực, rành rành như nhìn vào ngọn lửa, sẽ tự chẳng đến nỗi muốn liễu sanh tử mà chẳng biết đường nẻo! Cũng như trong hết thầy các pháp sẽ thấy pháp nào cũng viên diệu, nhưng chẳng đến nỗi không có pháp nào thích hợp để hành theo”. Thêm nữa, trong thư gửi cho cư sĩ X... ở Vĩnh Gia, Sư dạy: **“Khuyên một người sanh về Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Phàm một người thành Phật sẽ độ vô lượng chúng sanh, nhưng công ấy do ta khởi xướng, công đức lợi ích ấy há thể nghĩ bàn được sao?”**

Tâm độ sanh của đại sư đến tột cùng đời vị lai vẫn vô cùng tận. Chỉ mong những ai đọc cuốn sách này sẽ y giáo phụng hành, rộng vì người khác diễn thuyết, hoặc bỏ tiền của lưu thông, tự lợi lẫn lợi tha, chẳng những đạt được được vô lượng vô biên phước đức, mà còn sẽ chẳng khác gì có cùng lời ăn tiếng nói với đại sư, tiếp nhận pháp do ngài trao truyền, như đã nắm chắc bằng khoán sanh về Tịnh Độ. Tịnh Thông trí huệ hẹp hòi, kém cỏi, đối với di huấn rộng lớn tinh vi của thầy, chỉ hơi hiểu biết được ngoài rìa, chưa thể thấu hiểu cùng tột, thật khó thể nào tránh khỏi lỗi lầm bỏ sót châu ngọc, vẫn mong những vị đại đức trong cõi đời dạy bảo cho.

Đầu Thu năm Giáp Ngọ, tức năm 1954, Bò Tát Giới

đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm, pháp danh Tông Kính, viết tại Văn Tánh Lu ở Thượng Hải vào năm 77 tuổi.

PHỤ LỤC

Công Đức In Tạc Kinh Tượng Pháp Sư Hoằng Nhất Giảng, Cư Sĩ Vưu Tích Âm Bút Ký

Chúng sanh trầm luân trong biển khổ, ắt phải nhờ vào thuyền Từ cứu giáo hóa, hướng dẫn thế gian hoàn toàn cậy vào kinh - tượng để duy trì hầu truyền đăng cho vô tận đời sau. Do bởi lẽ ấy, phàm những ai có thể phát tâm đối với kinh Phật, tượng Phật, hoặc khắc, hoặc chép, hoặc tạc, hoặc đắp, hoặc thếp vàng, hoặc vẽ vôi; đối với các cách in tạc như thế hoặc cạn kiệt tâm mình, một mình ra sức lo liệu, hoặc vì sức mình chẳng đủ bèn khuyến bảo rộng rãi mọi người, hoặc lưu thông những kinh tượng người khác đã in tạc để cúng dường, hoặc thấy người khác vừa in tạc bèn tán trợ hoặc hoan hỷ thì công đức của những người ấy đều thật rộng, thật lớn, chẳng thể dùng toán số tầm thường để tính toán được. Vì sao vậy? Phật lực vô biên khéo dẹp các khổ; chúng sanh vô lượng nghe pháp khó lắm! Nay những người gây công đức in tạc ấy khai thông cầu pháp, hoằng dương sự giáo hóa rộng lớn, thí rộng khắp bè bấu, giúp khắp những ai hữu duyên. Tâm lượng ấy rộng lớn quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, công đức ấy cũng rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Nay kính cẩn đem những lời vốn do kinh dạy, nêu đại lược mười điều lợi ích to lớn,

kính cần dùng lời văn nông cạn để lần lượt trình bày như sau:

1) Các thứ tội lỗi đã tạo trước đây hễ nhẹ bèn lập tức tiêu diệt, nặng thì cũng chuyển thành nhẹ: Tham - sân - si là chủng tử tạo thành oan nghiệt, thân - khẩu - ý là cơ quan để làm ác. Đem thanh tự kiểm điểm, đời này đã phạm nhiều tội chẳng thể tính được. Nếu gộp những tội đã phạm trong nhiều đời thì tội nghiệp đã tạo nhiều như núi băng nơi xứ lạnh, chẳng thể không sợ hãi! Tuy nhiên, tội tánh vốn không, nếu dấy động tâm cơ chuộc tội, thệ nguyện lưu thông thánh kinh (kinh điển nhà Phật), trang nghiêm tượng Phật, thì núi băng tội ác một khi gặp phải huệ nhật lẽ nào chẳng tiêu giảm không dấu vết ư?

2) Thường được cát thần (thiện thần) ủng hộ, hết thủy tai nạn ôn dịch, nước, lửa, giặc cướp, đao binh, lao ngục đều chẳng bị húng chịu: Những thứ ác báo trong nhân gian không gì chẳng phải là do ác nghiệp đã tạo trong nhiều đời cảm thành. Thiện lực trong một niệm có thể xoay chuyển được lòng trời. Tu hành thiện nghiệp phải bắt đầu thực hiện từ công đức thù thắng nhưng thuận tiện, dễ làm nhất là in tạo kinh tượng, công đức ấy sẽ cảm động những vị thần tốt lành nên sẽ được họ hộ vệ. Điều này quả thật có mối quan hệ lợi ích lẫn nhau. Bởi lẽ dù là thần đạo hay thiên đạo, nói theo Phật pháp, đều bị túc nghiệp sai sử, chưa thoát

khỏi cái nhân khổ luân chuyển bao kiếp. Do vậy, khi đức Như Lai thuyết pháp thường có vô số thiên thần cung kính ủng hộ. Khi ngài A Nan kết tập kinh, tứ đại thiên vương nâng án. In tạo kinh tượng là chuyện chư thiên long thần hoan hỷ phi thường. Do công đức này, cảm được những vị thần tốt lành thường ủng hộ cho. Hết báo thân này, lia các tai ách. Đây là chuyện phải như vậy chứ không phải nhờ may mắn mà được cát thần ủng hộ đâu nhé!

3) Oán đối đời trước đều được lợi ích nơi pháp, được giải thoát, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ tầm cù báo phục: Hết thấy các thứ hành vi ngang ngược kết oán như tranh giành, ghen ghét, dối trá, vu hãm, cướp đoạt, tàn sát... trong nhân gian không gì chẳng bắt nguồn từ ý niệm tự tư tự lợi. Phật pháp lấy phá trừ Ngã Chấp làm công trình bậc nhất để cứu khổ, gột sạch nạn. In tạo kinh tượng lợi ích khắp nhân gian, là công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn, ảnh hưởng rất rộng. Một giọt mưa pháp thừa sức dập tắt lửa sân oán đối nhiều đời, hóa thù thành ân, chuyển họa thành phước, quyền ấy có bao giờ chẳng do chính ta thực hiện?

4) Dạ-xoa, ác quỷ chẳng thể xâm phạm. Rắn độc, cạp đói chẳng làm hại được: Hạnh xấu keo tham là cái nhân sâu xa khiến đọa lạc trong quỷ đạo. Lửa sân vô minh là điềm gây nên tai ương độc trùng. Kết oán nhiều đời, tầm thù trăm kiếp. Ác duyên chưa chín muồi,

mặc ý tiêu dao; đến khi cơ hội đã tới, nhờ ai giải cứu? Quỷ mị xâm hại, cọp rắn bức bách. Oan nghiệt do mình tự gây, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Người tu kinh sợ, in tạo kinh tượng, hành sã chuyện sám hối tội. Do vậy, dù có ác duyên cũng đều tiêu trừ được. Nếu lâm vào hiểm địa liền hóa thành đường bằng phẳng.

5) Tâm được an ủi, ngày không hiểm sự, đêm không ác mộng, vẻ mặt tươi sáng, khí lực sung mãn, việc làm tốt lành, thuận lợi: Trần thế đông người, mười phần có đến bảy tám phần gặp cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Trong một đời chúng ta, trong mười phần có đến bảy tám phần lâm vào cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Ấy là vì chấp ngã, những gì ở ngoài ta đều đứng vào vị trí đối lập, một mình kháng cự mọi người, còn gì nguy hơn? Huống chi dục tâm khó thỏa giống như hang sâu. Vô sự lại tự khuấy rộn mình, không gió cũng nổi sóng. Đây chính là lý do *“hình là đằm tội, thân là gốc khổ”* vậy. Phật pháp khéo diệt các gốc khổ, những người in tạo kinh tượng sẽ được đượm pháp vị nên thông sáng, hoặc ngầm được gia bị nên trở thành thông suốt, nhanh lẹ, các chướng tiêu sạch, tâm yên, thần khỏe, thân sắc tươi nhuận là chuyện chắc chắn vậy!

6) Chí tâm phụng sự pháp, dẫu không mong cầu, tự nhiên cơm áo dư dật, gia đình hòa thuận, phước thọ dài lâu: Cư xử với người, thấy biết chỉ một niềm chân thật, hễ có cơ hội bèn vội làm ngay, không suy tính, không mong cầu. Phát tâm thật chân thành, thiết tha, vận dụng hết sức lực, tự nhiên thành tựu thật cao vời. Đối với việc in tạo kinh tượng, chí thành ngút trời, người chí tâm phụng sự pháp, thực hiện bằng lòng chân thiết khẩn khoản như thế, dẫu chẳng tính đến công đức mà công đức đạt được quả thật không hạn lượng. Ở đây chỉ nói lên một phần phước thế gian người ấy đạt được mà thôi, tự nhiên mỗi một điều đều đạt đầy đủ, không chút khiếm khuyết. Nếu lại có người tâm ôm hy vọng rồi mới làm điều thiện, do phát tâm không chân thật, thiết tha, kết quả liền nhỏ nhoi, mỏng manh, ấy là điều có thể đoan chắc. Tuy nhiên, một niệm lành, một đồng nhỏ nhặt đều chẳng luống uổng, đều có vô lượng quả thù thắng. Ví như một hạt thóc gieo xuống đất màu mỡ, một biến thành trăm, sau năm lần biến đổi, bèn hóa thành trăm vạn triệu. Người tạo công đức hoằng pháp há chẳng thể có kế sách lớn lao, không có quyết tâm như vậy hay sao?

7) Lời nói việc làm khiến trời người hoan hỷ, đến bất cứ đâu thường được nhiều người dốc lòng thành yêu mến hâm mộ, cung kính lễ bái: Đời trước mang lòng ganh ghét, thốt lời phỉ báng, nêu chuyện ác của

người, bộc lộ chỗ dở của người, thỏa ý một chốc, chết đi trăm luân trăm kiếp, thảm khổ muôn bề, chịu đủ hết thảy ác báo. Một mai sanh trong nhân gian, nhân duyên xấu hèn, đi đến bất cứ đâu đều bị chán ghét, làm bất cứ chuyện gì đều không kết quả. Nhưng người hoằng dương Phật pháp đã gieo nhân lành từ đời trước, giữ tấm lòng báo ân, mang tâm niệm lợi lạc mọi người, hoặc tịnh tam nghiệp tạo công đức chép kinh, vẽ tượng, hoặc bỏ ra nhiều tiền để làm công đức in kinh, tạo tượng, sẽ đạt được phước thù thắng chẳng thể tính lường. Hiện tại, hết thảy mọi người kính yêu người ấy, vốn là do công đức hoằng pháp trong đời trước mà ra. Sau này, hết thảy những người khiến cho đại chúng vui mừng, kính trọng, quả thật cũng là do công đức hoằng pháp trong hiện tại mà ra. Trồng cây gai được gai góc, trồng sen được ngó sen, mỗi một hậu quả đều do mình gieo trồng vậy.

8) Ngu chuyển thành trí, bệnh tật thành khỏe mạnh, khôn đốn chuyển thành hanh thông. Làm thân phụ nữ thì đến khi báo hết, nhanh chóng chuyển thành thân nam:

Đời trước keo lặn trong việc dạy dỗ, cũng như phóng túng buông lời báng pháp, mặc sức hủy báng người có đức thì tội nặng trăm luân ắt phải chịu về sau. Lại còn bị quả báo nhiều kiếp ngu xuẩn, vô tri.

Đời trước vì bụng miệng tham lam nên mặc sức giết

hại muông thú, chim chóc, cũng như từng làm phùng chà, đồ tể, thợ săn, đầu bếp, cũng như từng nắm quyền chế tạo hung khí, hỏa khí, độc dược v.v... giúp cho sát nghiệp hung ác của người khác được thành tựu thì sau khi tội nặng trầm luân đã trả hết, lại còn phải bị quả báo nhiều kiếp tàn phế, bệnh ngặt.

Đời trước tham dục không nhàm, chỉ biết bóc lột người để béo thân mình, keo kiệt, tàn tệ, chẳng chịu mở túi tiền châu cấp thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn bị quả báo nhiều kiếp bần cùng khốn khổ, tai ách.

Đời trước tri kiến hẹp hòi, mang tâm dua vạy, xảo ngôn bóng bẩy, giấu diếm, thù dật dối trá, lựa dịp đưa đẩy, đo lường thiếu hụt, chần chừ, lừa nhác, dựa dẫm thành tánh, phiền não cấu nặng nề, oán hận, phẫn nộ dễ phát, tâm đồ kỹ sâu dày, tình dục lòng lẫy thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn phải nhiều kiếp mắc báo làm thân nữ. Chỉ có Phật pháp khéo cởi gỡ các ràng buộc. Biển khổ vô biên, quay đầu lại là bờ, núi tội muôn nhận¹¹⁵, dứt niệm liền thành không. Do vậy, nhờ công đức vô thượng của việc kiên thành lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật, tội tích lũy từ quá khứ tự nhiên giảm trừ, phước thù thắng trong vị lai ngầm được viên mãn thành tựu.

115. Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một Nhận bằng khoảng chừng tám thước Tàu.

9) Vĩnh viễn lìa ác đạo, thọ sanh trong thiện đạo. Tướng mạo đoan chánh, thiên tư siêu việt, phước lộc thù thắng:

Hết thấy hàm linh xả thân, thọ thân, qua lại trong sáu đường như bánh xe quay. Ngàn đời vạn kiếp thường trong cảnh mộng, làm thiện không ngừng, tội hết ắt thăng lên.

Kiều căng, phóng túng quên gốc, gieo nhân đọa lạc. Làm ác lắm nổi, phước hụt, thọ tổn trăm ngàn vạn lần, ác báo thật đáng kinh hãi! Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh đọa trong ba đường ác, muôn kiếp trầm luân. Khó được dễ mất, thân người như vậy đó! Tạo nghiệp Thập Thiện, tu hành Ngũ Giới, sanh trong trời người, túc phước chẳng nhẹ! Chư Phật Như Lai thương lẫn xót đều sâu, rộng thuyết pháp cho, đầu tiên chú trọng nhiếp tâm, chánh niệm vô tác, lìa cầu vượt trần. Vì thế, in tạo kinh tượng thì khế hợp tâm Phật; chỉ mang ý nguyện nhỏ nhặt này đã gieo nhân phước. Từ đây về sau, làm bậc tái lai, các phước trọn đủ, lỗi lạc siêu quần.

10) Có thể làm các thứ thiện căn cho hết thấy chúng sanh, dùng tâm chúng sanh làm đại phước điền, đạt vô lượng quả thù thắng. Sanh ở nơi đâu cũng thường được thấy Phật nghe pháp, mãi cho đến khi Tam Huệ rộng mở, tự chứng Lục Thông, mau được thành Phật.

Trong thời đức Phật có những người ở trong một

thành khó thể nhiếp hóa. Phật nói những người ấy có duyên với ngài Mục Liên. Do đó bèn sai ngài Mục Liên qua đây. Dân chúng toàn thành quả nhiên đều dốc lòng nhận lãnh sự giáo hóa. Các đệ tử hỏi Phật về nhân duyên, Phật dạy: “Trong kiếp xưa, Mục Liên từng làm tiểu phu, một ngày nọ lên non đốn củi, kinh động vô số ong bay tán loạn, thế thật hung hăng, toan đến xâm phạm. Mục Liên răn chúng đừng hành hung, lại còn khuyên nhủ: ‘Các người đều có Phật tánh, mai này nếu ta thành đạo, sẽ độ các người’. Nay dân chúng trong thành ấy chính là hậu thân của bầy ong khi đó. Do Mục Liên từng phát một niệm độ hết thảy, nên có duyên với họ”. Gieo nhân trong nhiều kiếp trước, một mai cơ duyên chín muồi, thâu được quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này.

Do đây mà thấy, chúng ta trong nhiều đời trải qua nhiều thời đại, nơi nơi từng tiếp xúc vạn loại, mỗi mỗi đều có duyên với ta. Tâm địa hết sức linh diệu của mỗi một chúng sanh đều có thể làm phước điền vô thượng cho ta và người cùng được lợi. Ta đã gieo rắc hạt giống phước đức trong tâm điền của mỗi một chúng sanh thì mỗi một chúng sanh đều có đại duyên với ta. Trong tâm điền của hết thảy chúng sanh đã kết vô lượng quả phước to lớn. Tuy nói là thành tựu quả phước lớn lao vô lượng đời không hết, nhưng nói đó chính là gieo nhân cho phẩm vị diệu trang nghiêm trong thời kỳ đạo

quả thành thực cũng không phải là không đúng.

Vả nữa, chúng ta trước hết phải đối trị sao cho tâm điền của chính mình thanh khiết để tiếp nhận vô thượng pháp bảo của mười phương tam thế chư Phật Như Lai, tạo thành chủng tử để thoát thai đòì cốt, chuyển phàm thành thánh. Thân ta có đại nhân duyên với mười phương tam thế chư Phật Như Lai. Mỗi một công đức thù thắng nơi biển nguyện của chư Phật đều nhiếp trong tâm ta, nguyện của ta và nguyện của Phật không sai biệt. Từ nguyện (nguyện lực từ bi) của chư Phật cùng nhiếp thọ, nhân trùm biển quả, quả thâu nguồn nhân, vô biên phước thù thắng được kết tạo trong chân tâm in tạo kinh tượng hoằng pháp lợi sanh ngày hôm nay. Phổ nguyện hết thảy những kẻ hữu duyên trong hiện tại và vị lai hãy khéo tìm phước điền, khéo kết thắng duyên, chớ mặc cho quang âm tốt đẹp nhất có diệu dụng trong hiện tiền như nước cuộn cuộn trôi qua trước mắt, chảy qua dưới chân!

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho hết thảy phụ mẫu, tổ tiên, sư trưởng, quyến thuộc, các tịnh lữ, những người hữu duyên, hoan hỷ, tán thán, tu trì pháp môn Tịnh Độ, hoặc những ai chề gièm pháp môn Niệm Phật đều cùng được vãng sanh Cực Lạc, cùng chứng đại Bồ Đề.

CÁCH LƯU THÔNG KINH SÁCH HỮU ÍCH CHO THẾ ĐẠO NHÂN TÂM

(Trích Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh
Biên Quyển 4)

1) Toàn thí lưu thông (lưu thông bằng cách bố thí hoàn toàn): Khẳng khái bỏ ra khoản tiền lớn để in ra nhiều bộ, hoàn toàn thí tặng, chẳng lấy đồng nào, công đức rất lớn. Chuyện này chỉ người có sức mới làm được. Nếu không có sức thì in ké vài phần hoặc thay người ta giáo duyệt chữ, hoặc thay người ta quyên mộ, hoặc hoan hỷ tán thán khiến tâm bố thí của người ta vững vàng thì cũng có công đức không gì lớn hơn.

2) Bán thí lưu thông (Lưu thông bằng cách cúng thí một phần): Hoặc giúp tiền mua giấy, hoặc giúp tiền in, hoặc giúp trình bày, sửa chữa, hoặc đăng quảng cáo, hoặc giúp chuyên chở, tùy tiện phát tâm, dùng nguyện nhỏ nhoi của mình để giúp cho hành vi thù thắng này được thành tựu, đều gọi là thí, còn gọi là “bán thí”. Tuy gọi là bán thí, nhưng nếu xuất phát từ lòng chí thành hoan hỷ, làm chuyện này không kiêu căng, không khiếp sợ, thệ nguyện trọn vẹn, công đức sẽ thù thắng.

3) Kỳ phước lưu thông (Lưu thông do cầu phước): Cầu danh, cầu lợi, cầu con, cầu thọ, nếu có thể tùy sức ấn thí thì sở nguyện ắt trọn. Nếu do cha mẹ mắc bệnh

cầu mau được lành, hứa nguyện in thí, lòng chí thành cảm động thiên địa. Nguyện này vừa phát liền thấy linh ứng.

4) Sám hối lưu thông: Con người chẳng phải là Thánh Hiền, ai mà không lỗi! Nhưng thiên đạo họa dân chẳng phạt tội người hối lỗi. Con người phải biết sửa lỗi và sớm sám hối tội bèn lưu thông Kinh Điển để chuộc tội. Tận lực kiên quyết hành như thế thì tức chướng tự tiêu.

5) Báo ân lưu thông: Con cái chịu ân sâu của cha mẹ, cây muốn lặng nhưng gió chẳng ngừng, sức con phụng dưỡng được nhưng cha mẹ chẳng còn. Đau buồn nhưng biết làm như thế nào? Chỉ nên ấn tống Kinh Điển đã có thể tạo phước ngầm cho người khuất, tận hết lòng hiếu thuận. Thật mong con cái trong khắp cõi đời đang ôm mối hận suốt đời hãy đều tận lực thực hành.

6) Mẫn thương lưu thông (thương kẻ chết non mà lưu thông): Không duyên không oán chẳng thành cha con. Duyên tận bèn lìa, oán tiêu sẽ đi. Đứa con đỉnh ngộ khác lạ tuổi trẻ chết yểu, ở đâu cũng có chuyện như thế. So với chuyện lãng phí tiền bạc để làm chuyện vô vị thì chẳng bằng in Kinh tạo tượng để giúp cầu siêu, cứu bạt. Phàm những bậc cha anh hiền thiện rất nên khởi xướng phong khí này.

7) Cát khánh lưu thông (lưu thông Kinh Điển khi gặp dịp vui mừng, may mắn): Gặp những chuyện

như thành danh được lợi, dựng nghiệp, xây cất, nhậm chức, thăng cấp, cưới hỏi, sanh con, tiệc thọ v.v... đều nên kiêng giết để khỏi tạo oan nghiệt. Hãy nên in Kinh Điển để kéo dài phước trạch.

8) Quĩ tổng lưu thông (lưu thông bằng cách biểu tặng): Lễ mừng, lễ tiễn, lễ gặp mặt... những thứ qua lại để thể hiện tình cảm phải dùng đến lễ vật đều có thể thay bằng Kinh sách. Phổ nguyện những bậc hiền đạt trong nước nêu gương. Tương lai sẽ có hiệu quả thay đổi phong tục không ai hay biết.

9) Tuyên giảng lưu thông: Phàm những ngày mồng Một, Rằm hay ngày nghỉ, ở nhà thì tập hợp người nhà, trong làng thì tụ họp người làng, tùy theo trình độ mỗi người mà dẫn Kinh Điển làm chứng cứ để phương tiện tuyên nói, khiến người thất học cũng được thâm pháp, khiến cho sự giáo hóa lớn lao của bậc tiên Thánh được phổ cập trong dân chúng, hiện tướng lưỡi rộng dài, phát vô ngại biện tài. Đây cũng là thiên chức phải nên thực hiện trọn vẹn của bậc tiên giác vậy.

10) Hàm độc lưu thông (lưu thông qua thư từ, bút thiếp): Bận bề thân thiết qua lại nên giảm trừ những loại hư văn vô ích. Trước hết nên dẫn những lời vàng ngọc lập thân xử thế của bậc tiên triết để khuyến khích lẫn nhau, tận hết lòng thành “*mượn đá nơi núi khác để làm hòn đá mài*”. Tùy trình độ, tùy nhược điểm của mỗi người mà khuyên cho được lợi ích. Cuối thư liệt kê

những Kinh sách hữu ích cho người ấy gồm bao nhiêu loại để người ấy lấy đó làm chuẩn mực để xử thế

11) Thiện tả lưu thông (lưu thông Kinh Điển bằng cách viết chữ đẹp): Người viết chữ đẹp hẳn có ai cầu xin thư pháp bèn tuyên những câu chí lý, mẫu mực trong Kinh sách để viết. Nhờ đó để sửa ngay lòng người, duy trì thế đạo, công đức ấy rất lớn. Chép được trọn thiên sách hoặc toàn bộ, cho lưu hành trong đời thì công đức ấy càng vô lượng.

12) Phiên ấn lưu thông (lưu thông bằng cách in lại, in thêm cho nhiều những Kinh Điển, tranh tượng đã được in): Kinh Điển có lợi cho thế đạo nhân tâm, nếu không có bản quyền thì hãy tom góp tiền bạc in lại để rộng lưu truyền khiến cho cả cõi đời thực hành nhân nghĩa, chẳng đến nỗi bị bỏ phế, lao ngục trong thiên hạ trống rỗng, ấy chẳng phải là nền móng trăm năm muôn kiếp đó ư?

13) Mậu dịch lưu thông (lưu thông Kinh Điển, tranh tượng bằng cách buôn bán): Đối với những thiện thư do các nhà xuất bản hoặc do các hàn sĩ buôn bán bèn lưu hành rộng rãi để mở rộng mậu dịch, hoặc phát hành trong các nơi cử hành pháp hội thù thắng, hoặc bán trong các đô hội lớn nhằm tạo thuận tiện cho độc giả thì chẳng những là tạo phước mà còn được thêm tiền tài.

14) Lữ hành lưu thông: Gần đây, đường tàu thủy

phát triển, đường xe lửa giao thông ngày càng thuận tiện. Xa xôi ngàn dặm sớm chiều đã đến nơi. Lữ hành đã thuận tiện, lữ khách ngày càng đông. Người truyền đạo hoặc lựa dịp truyền bá trên đường đi, hoặc mang những truyền đơn lưu thông Kinh Điển phát theo đường đi để mọi người được nhiều lợi ích bởi mưa pháp.

15) Quảng cáo lưu thông: Buôn bán lợi dụng quảng cáo thì sự mậu dịch ngày càng phát đạt. Bậc Đại Sĩ nên dùng cách thức tuyên truyền pháp mới mẻ này để giúp cho việc lưu thông đại pháp. Tùy thời nghiên cứu ngành quảng cáo học, ngõ hầu việc lưu truyền rộng rãi đạt được hiệu quả rộng lớn.

16) Công duyệt lưu thông (lưu thông bằng cách lưu hành nơi công cộng cho mọi người cùng đọc): Được Kinh Điển mà cất trên gác cao sẽ mắc tội; để sưng trên bàn chảng để cho đại chúng biết đến thì cũng mắc tội. Những kẻ có căn cứ học vấn, dùng vô ngại biện tài, thích vì nhiều người tuyên nói những khuyết điểm của Kinh Điển thì dầu chảng thể nói là có tội, nhưng cũng chảng thể bảo là không lỗi. Hoảng dương đại pháp, giáo hóa chỉ dạy rộng rãi thì không gì hay bằng lập những thư viện Kinh sách công cộng tại các nơi.

Mười sáu cách lưu thông trên đây dựa theo những nguyên tắc do các bậc tiên hiền đã định, hãy chăm

chước theo thời đại mà thực hiện.

ĐẠI SƯ' AN QUANG KHAI THỊ VỀ CUNG KÍNH

Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu: “Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần”. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm.

Ấn Quang Đại Sư

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT	4
TỔ SƯ ÁN QUANG DẠY PHẢI CHÚ TRỌNG CHÍ THÀNH CUNG KÍNH	8
TỔ SƯ ÁN QUANG DẠY	9
MƯỜI ĐIỀU CUNG KÍNH KHI ĐỌC SÁCH.....	9
KỆ TU TRÌ.....	11
NHỮNG CÂU ĐỐI DO ĐẠI SƯ VIẾT ĐỀ TỰ KHÍCH LÊ	12
KỆ VIẾT TRÊN VÁCH QUAN PHÒNG CHÙA BÁO QUỐC Ở TÔ CHÂU	13
VI. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ	14
1. Giảng Rõ Lý Nhân Quả	14
2. Dạy Về Tánh Chất Trọng Yếu Của Việc Kiêng Giết Chóc	53
3. Giảng Nhân Quả Về Mặt Sự - Trích dẫn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	97
4. Giải Thích Về Nguyên Do Của Kiếp Vận (Trích dẫn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục).....	123
VII. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH	150
VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG NGỜ VỰC THÔNG THƯỜNG.....	179
1. Luận Về Sự Lý	179
2. Luận Về Tâm Tánh	197
3. Luận Về Ngộ Chứng	211
4. Luận Về Tông Giáo.....	222

5. Luận Về Trì Chú	229
6. Luận Về Xuất Gia	232
7. Luận Về Báng Phật	236
8. Luận Về Giới Luật	254
9. Luận Về Trung Âm	257
10. Luận Về Bốn Cõi Tịnh Độ	262
11. Luận Về Xá-Lợi	264
12. Luận Về Chuyện Đốt Hương Trên Cánh Tay	267
13. Luận Về Cảnh Giới	270
14. Luận Về Thần Thông	277
15. Luận Về Ngoại Đạo	282
16. Luận Về Duyên Thù Thắng	285
17. Luận Về Đạo Thầy Trò – Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	286
18. Luận Về Kinh Điển - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	287
19. Luận Về Bí Truyền - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	291
20. Luận Về Cầu Cơ - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	292
21. Luận Về Luyện Đan - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	294
22. Luận Về Tu Hành, Xử Sự Phải Phù Hợp, Thích Nghi - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	295

23. Luận Về Phú Cường - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	302
24. Luận Về Cách Dự Phòng Tai Họa - Trích dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục.....	304
IX. KHUYÊN NHỮ CÁC THIÊN TÍN TẠI	
GIA	305
1. Giảng Về Đại Giáo Luân Thường	305
2. Khuyên Nên Sống Trong Cõi Trần Học Đạo	329
3. Luận Về Giáo Dục Gia Đình.....	363
3.1. Trích Dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	363
3.2. Trích Dẫn Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao	377
4. Khuyên Nên Tại Gia Hoằng Pháp.....	399
4.1. Trích Dẫn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục	399
4.2. Trích Dẫn Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao	408
5. Luận Chung Sự Tu Trì	415
6. Dạy Cách Tránh Khỏi Tai Nạn Do Sanh Nở	422
7. Dạy Về Những Chương Ngại Do Lý Học Gây Nên	426
8. Dạy Lễ Trọng Yếu Trong Việc Bồ Thí	429
9. Dạy Hãy Giữ Lòng Trung Hậu, Khoan Dung....	431
10. Dạy Phương Thức Vận Dụng Luân Thường Một Cách Quyển Biến	432
X. NÊU RÕ NHỮNG ĐIỀU CHÁNH ĐÁNG, BIỆN ĐỊNH NHỮNG ĐIỂM SAI LẦM	
	434

XI. LIỆT KÊ NHỮNG SÁCH VỎ NÊN ĐỌC.....	524
LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN.....	558
PHỤ LỤC	563
Công Đức In Tạo Kinh Tượng.....	563
Pháp Sư Hoằng Nhất Giảng, Cư Sĩ Vưu Tích Âm Bút Ký.....	563
CÁCH LƯU THÔNG KINH SÁCH HỮU ÍCH CHO THẾ ĐẠO NHÂN TÂM	573

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyên thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sanh trồng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

10 CÔNG ĐỨC LẠY PHẬT

Trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có phân tích đến 10 sự lợi ích của sự lay Phật:

1. Được sắc thân tốt đẹp.
2. Nói ra điều gì ai cũng tin dùng.
3. Không sợ sệt giữa đông người.
4. Được chư Phật giúp đỡ.
5. Đầy đủ oai nghi lớn lao.
6. Mọi người đều nương theo mình.
7. Chư thiên cung kính.
8. Đủ phước đức lớn.
9. Lúc lâm chung được vãng sanh.
10. Mau chứng quả Niết Bàn.

Lễ Phật 1 lễ thì từ đầu gối trở lên đến đầu, đều có ngôi chuyên Luân Thánh Vương hiển hiện phù trì và cũng thấu hoạch được 10 thứ công đức.

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT

Trong kinh nói: “ Người nào chí tâm niệm Phật”, được 10 món công đức như sau:

1. Thường được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ.

2. Thường được các vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm thủ hộ.

3. Ngày đêm thường được chư Thiên cùng Đại lực Thần tướng ẩn hình ủng hộ.

4. Tất cả Dạ-xoa, ác quỷ, rắn độc, thuốc độc đều không thể làm hại.

5. Không bị những tai nạn: nước, lửa, đao, tên, gông, xiềng, lao ngục, giặc cướp, oan gia, cùng các thứ chết dữ.

6. Những tội đã làm thấy đều tiêu diệt, những kẻ chết oan vì mình đều được giải thoát, không còn kết oán ràng buộc.

7. Ban đêm nằm ngủ thường thấy điềm lành, hoặc thấy sắc thân trắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường vui vẻ, sắc thường tươi nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt

đẹp lợi ích.

9. Mọi người trông thấy đều vui mừng, cung kính hoặc lễ bái cũng như kính Phật.

10. Khi mạng chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được Tây phương Tam Thánh tiếp dẫn sanh về Tịnh Độ hưởng sự an vui không cùng!



10 CÔNG ĐỨC PHÓNG SANH

1. Không có nạn đao binh, tránh được tai họa chiến tranh tàn sát.
2. Sống lâu, mạnh khỏe, ít bệnh.
3. Tránh được thiên tai, dịch họa, không gặp các tai nạn.
4. Con cháu đông đúc, đời đời hưng thịnh nối dõi không ngừng.
5. Chỗ mong cầu được toại nguyện.
6. Công việc làm ăn phát triển hưng thịnh, gặp nhiều thuận lợi.
7. Hợp lòng trời, thuận tánh Phật, loài vật cảm ơn, chư Phật hoan hỷ.
8. Giải trừ oán hận, các điều ác tiêu diệt, không có lo buồn sầu não.
9. Vui hưởng an lành, quanh năm đều được an ổn.
10. Tái sinh về cõi trời hưởng phước vô cùng, nếu có tu Tịnh Độ thì được vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc

10 CÔNG ĐỨC NIỆM PHẬT LỚN TIẾNG

1. Đánh tan cái tâm hôn trầm, mê ngủ.
2. Thiên ma kinh sợ.
3. Tiếng vang xa khắp 10 phương.
4. Ba đường ác được nhờ vào đó mà dứt khổ.
5. Tiếng động chung quanh không xâm nhập vào làm loạn tâm mình được.
6. Niệm tâm không tán loạn.
7. Mạnh mẽ tinh tấn.
8. Chư Phật vui mừng.
9. Tam muội hiện tiền.
10. Được vãng sanh Cực lạc.

THEO KINH “Nghệp Báo Sai Biệt” và Kinh “Đại Tập Nguyệt Tạng” dạy:

ẤN QUANG TÔ SƯ DẠY

Ấn tống kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ấn tống, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Tất cả Kinh Sách của Tịnh Thất Quan Thế Âm đều cúng dường không bán. Quý vị muốn thỉnh Kinh Sách, xin liên hệ:

Địa chỉ: Tịnh Thất Quan Thế Âm, tổ 15, thôn Trung Hiệp, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: Thầy Nhật Đạo: 0965.549.299

Thầy Nhuận Phiên: 0121.234.4948

Website: voluongtho.vn

Quý vị muốn ấn tống kinh sách tượng Phật và phóng sanh, tùy hỷ cúng dường, gửi vào tài khoản ngân hàng:

TTK: Trần Văn Hơn (Thích Giác Nhàn)

STK: 0561.000.747474

Ngân hàng Vietcombank Chi Nhánh Đức Trọng - Lâm Đồng.



**HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

**ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO
TINH HOA LỤC - QUYỂN 2**

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: **BÙI VIỆT BẮC**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: **LÝ BÁ TOÀN**

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Pháp Hội Niệm Phật A Di Đà - Tịnh Thất Quan Âm

Trình bày & Bìa: Tịnh Thất Quan Âm

Đối tác liên kết:

PHÁP HỘI NIỆM PHẬT A DI ĐÀ - TỊNH THẮT QUAN ÂM

In lần thứ nhất. Số lượng: 10.000 bản, khổ 16 x 24 cm.

Tại: **Công ty Cổ phần In Khuyến học phía Nam.**

Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, xã Tân

Phú Trung, Củ Chi - TP.HCM

Số XNĐKXB: 1364 - 2019/CXBIPH/42 - 22/HĐ

Quyết định xuất bản số: 238/QĐ-NXBHĐ ngày 02/05/2019.

ISBN: 978-604-89-8648-3. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.